

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGHĨA TÔN-QUÂN ĐỐI VỚI THỜI-THỂ MỚI

Ngày nay mà nói đến Vua là Thiên-tử, con Trời, thay Trời mà trị-vì thiên-hạ, phái tân-tiến cho là cái thuyết hoang-đường. Tuy đứng về phương-diện tôn-giáo, phương-diện triết-học mà xét, thuyết ấy vị-tất đã là không có nghĩa-lý sâu xa, nhưng nay hằng tạm không bàn đến cái nghĩa huyền bí cao-siêu ấy, chỉ đem cái lý-tưởng quân-chủ mà đối-chiếu với sự-thực hiện-thời, xét theo về phương-pháp khoa-học, xem có thích-hợp với đời này không.

Mới xét ra thì thấy thế-giới đời nay rõ-ràng là khuynh-hướng hẳn về đường dân-chủ, nước nào còn giữ quân-chủ cũng không phải là quân-chủ hoàn-toàn tuyệt-đối nữa, tất phải là quân-dân cộng-chủ, hay là chỉ có cái danh-biêu là quân-chủ, chứ thực-sự là dân-chủ vậy. Đảng binh-dân trong các nước đâu đâu cũng nổi lên bởi-bởi, yêu-cầu được tham-dự vào việc nước. Cái thuyết binh-dân đã thành như một cái thuyết thần-bí, cho dân là toàn-đức toàn-năng, coi dân như thần-minh thánh-triết. Có kẻ thờ Dân cũng mê-tin như thờ Đạo vậy. Nhưng đã thành ra mê-tin thì tiện-thị là không có ý-thức nữa, không thể lấy lẽ phải lẽ trái mà bàn được nữa. Cho nên trông thấy cái trào-lưu thế-giới đổ xô hẳn về phía binh-dân, tưởng-tượng như một cái sức mạnh thiên-nhiên, nhân-lực không tài nào địch nổi. Ấy hiện nay các nước trong hoàn-cầu đương như bị cuốn

trong cái sóng cuồng đó cả, nó cuốn cuộn tự dưới đáy bề lên, có cái sức phá đồ hết thấy. Nhưng sức đó là sức vô-ý-thức, chỉ quay cuồng xuẩn-động, rút lại không có kết-quả gì. Sức đó cũng như các sức mạnh thiên-nhiên khác, phải biết chế-ngự, biết sai-khiến, nếu không thì chỉ là cái sức phá-hoại mà thôi.

Bởi thế nên xét bề ngoài thì dường như nước nào cũng theo về chế-độ dân-chủ cả, nhưng nhận kỹ ra thì những nước thật có tư-cách dân-chủ ít lắm, còn phần nhiều thời có cái hình-thức dân-chủ mà tựa-trung là quân-chủ giả-danh cả, chính-quyền là lũng-đoạn ở trong tay một người hay một đảng vậy. Mà những nước thật có tư-cách dân-chủ đó là những nước dân đã khôn-gioan lão-luyện lắm, có một cái lịch-sử tự-trị đã lâu đời, hay là có một cái khuynh-hướng bình-đẳng thâm-trầm vậy. Không kể những nước nhỏ như nước Thụy-sĩ (*Suisse*) xử vào một cái tinh-thế đặc-biệt, trong các cường-quốc Âu Mỹ ngày nay, những nước thật là dân-chủ chỉ có nước Anh, nước Pháp và nước Mỹ mà thôi. Mà nói một cách tuyệt-đối, có lẽ chỉ có nước Anh, mà nước Anh lại chính là một nước vẫn còn Vua. Dân Anh-cát-lợi có cái lịch-sử tự-trị lâu đời nhất, kể tự thế-kỷ thứ 16, 17 đến giờ, cho nên tuy vẫn giữ vua, mà vua không khác gì một chức tổng-thống thế-tập, dân về đường chính-trị được hưởng quyền tự-do rất rộng.

Nước Pháp thời cải lịch-sử dân-quyền mới bắt đầu tự cuộc cách-mệnh năm 1789, nhưng trong bao lâu cũng còn là thuộc về lý-trưởng mà thôi, cách-mệnh chỉ hậu còn qua mấy hồi Đế-chính (Nã-phá-luân đệ-nhất LOUIS-PHILIPPE, Nã-phá-luân đệ-tam), mãi đến năm 1871 mới công-nhiên lập Dân-quốc; ngày nay thời tuy là nước dân-chủ hẳn-hoi, nhưng những cái nền-nếp cũ của xã-hội quân-chủ chưa phải đã mất hẳn, và những phái bảo-thủ vẫn có cái thế-lực ngấm-ngấm rất mạnh. Đến như nước Mỹ thời là một nước rất tự-do bình-dẳng, nhưng sự tự-do bình-dẳng là ở trong cách cư-xử của cá-nhân nhiều hơn là đối với việc nước. Quốc-sự là gồm cả ở trong tay tổng-thống, bốn năm một lần bầu, nhưng khi bầu rồi thời nghiêm-nhiên là chúa-tể trong nước, quyền to hơn Vua, muốn khai chiến, muốn giảng-hòa, muốn làm gì cũng được, dường như quốc-dân không ngó tới. Cho nên nói tóm lại, hoàn-toàn thuần-túy là nước dân-chủ duy có nước Anh, vì có cái tập-quán về dân-chủ đã lâu đời, nhưng vẫn cứ nghiêm-nhiên giữ Vua. Còn những nước bỏ Vua thời phần nhiều lại chỉ có cái hình-thức là dân-chủ, kỳ-thực là theo về chính-thể chuyên-chế mà không biết. Không nói nước Nga là do một đảng chuyên-chế một cách rất khốc-liệt, đến như nước Ý thời công-nhiên là ở dưới quyền độc-tài của MUSSOLINI, nước Thổ cũng công-nhiên ở dưới quyền độc-tài của MUSTAPHA-KEMAL, nước Đức thời ám-nhiên chịu quyền chi-phối của đảng HITLER, bấy nhiêu nước vẫn có Nghị-viện hẳn-hoi, bề ngoài vẫn là dân-chủ, mà bề trong thật là quyền dân vận nước phó-thác cả ở tay một người hay một đảng vậy.

Xem như thế thì những tiếng bình-dẳng, tự-do, dân-chủ không có nghĩa tuyệt-đối gì, và đời này gọi là đời dân-chủ không phải là nước nào dân cũng

được làm chủ trong nước đâu, chỉ có nghĩa là cái phong-trào bình-dân mạnh hơn các đời trước, nhưng phong-trào ấy vốn là một sức mạnh vô-ý-thức, bao giờ cũng bị có kẻ chế-ngự lung-lạc, mượn tiếng dân mà làm những chính-sách tự-chuyên hay thủ-đoạn độc-tài vậy.

Cho nên xét chính-trị trong U-ô-nhà, không nên câu-nệ ở danh-từ mà hiểu lầm, không nên tưởng rằng đời này nước nào cũng phải theo về chính-thể dân-chủ mới hợp-thời, còn chính-thể quân-chủ là quá cũ cả phải bỏ đi hết.

Xem như danh-hiệu của các hình-dạng ở nước Pháp thì đủ biết. Bên Pháp bây giờ không có đảng nào là không tự-xưng là thuộc về bên tả hết, cứ lấy tên mà xét thì tưởng như nước Pháp nánh hẳn về tả, và người Pháp chỉ ham bạo-động cấp-tiến, không còn biết ôn-hòa bảo-thủ là gì nữa. Kỳ-thực có phải thế đâu, nước Pháp chính là một nước có tinh-cách bảo-thủ nhất ở Âu-châu. Nhưng như trên kia đã nói, cái thuyết thần-bi về dân-chủ hiện nay đương thịnh-hành trong thế-giới, nó có cái sức truyền-nhiễm rất mạnh, nước nào cũng là bị cuốn trong phong-trào cả. Nước Pháp chính là nơi ươm cái thuyết ấy tự cuộc Cách-mệnh năm 1789, rồi truyền-bá ra khắp mọi nơi, nên về lý-thuyết vẫn lấy thiên về bên tả làm tự-cao và tự-hào, lâu dần thành như một cái «mốt» lưu-hành trong nước, nhất là trong các phái chính-trị. Phái nào cũng tự-xưng là tả hết, dù những phái ôn-hòa bảo-thủ cũng vậy, chẳng qua là theo «mốt» đó mà thôi. Thành ra cứ lấy tên mà xét thì không khỏi xét lầm vậy.

Nay cái «mốt» ấy đã thấy bắt đầu truyền sang bên ta, các phái tân-tiến đã thấy thiên-trọng về phần bình-dân mà có ý khinh-miệt những kẻ quyền-quí. Dân là gốc nước, tọng dân là phải làm, nhưng tọng dân không tất-nhiên phải khinh quan. Thứ nhất là

không nên tưởng lầm rằng nước mình đã đến cái trình-độ dân-chủ rồi, không cần đến quân-chủ nữa. Như trên kia đã nói, ngay các nước Âu Mỹ đã tập quen cái thời tự-trị lâu đời rồi, mà cái thuyết dân-chủ vẫn còn chưa thi-hành được hẳn, huống nước Nam ta chưa thoát khỏi cái chế-độ gia-trưởng, đã nói d^u dân-chủ làm sao được.

Cho nên cái « mới » của Âu-tây, ta cũng chớ nên a-dua mà quá theo. Ta nên thuận phong-trào của thế-giới, nhưng ta cũng phải biết tình-thế của nước ta. Phong-trào của thế-giới là cái luồng sóng luồng gió nó ồn-ào rộn-rịp ở bên ngoài, nó rung-chuyển lay-dộng, nhưng không làm cho bền-chặt vững-vàng được. Tình-thế trong nước là thiết cận hơn, phạm muốn gây-dựng cho vững bền, phải chằm-chước theo tình-thế trong nước, theo trình-độ quốc-dân, không thể cứ hóng gió bên ngoài mà băng không lý-thuyết vậy.

Cứ tình-thế trong nước bây giờ, cứ trình-độ quốc-dân ngày nay, thì quân-chủ ở nước ta vẫn còn là cần.

Quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, cả nền gốc của gia-đình, xã-hội, quốc-gia ở nước ta, là gồm trong ba cái giòng-mỗi lớn đó. Một dân-tộc không thể sớm trưa bỏ ngay cái nền luân-lý cũ đi được. Nếu một ngày không có luân-lý thời đoàn-thể lia tan ngay. Xem như gần đây phong-hóa có vẻ suy-đồi, chính là bởi cái luân-lý cổ-hữu trong nước, cái luân-lý gốc tự tam-cương ngũ-thường của thánh-hiền đời xưa truyền lại, mỗi ngày một thấy bạc-nhược đi vậy.

Muốn văn-hồi phong-hóa, tất phải chấn-chỉnh luân-lý; muốn chấn-chỉnh luân-lý tất phải căn-cứ ở ba cái nghĩa lớn quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, là nền-tảng của luân-lý Đông-phương, ba nghĩa ấy có thể suy-diễn cho rộng ra, tham-bác cùng các tư-tưởng mới, cho thích-hợp với thời-đại bây giờ, nhưng

không thể phá-hoại cho mất đi được. Nếu cái nền-tảng ấy mà để cho xiêu-đổ mất, thì không thể một sớm một mai gây-dựng được cái khác để thế vào, trật-tự trong xã-hội sẽ điên-đảo hết, nước nhà sẽ như chiếc bách giữa dòng, tùy cái phong-trào ở bên ngoài mà lênh-đênh trôi-giạt, không biết đâu là bờ bến nữa. Xã-hội ta ngày nay đã hơi bày ra cái cảnh-tượng như vậy, kẻ thức-giả trông thấy không khỏi lấy làm lo.

Nay trong ba mối ấy hãy xét riêng về một mối quân-thần.

Quân-thần là vua với tôi, là vị quốc-trưởng cùng với nhất-ban quốc-dân. Trong khoảng vua với tôi có một cái quan-hệ rất mật-thiết, nhưng không phải là cái quan hệ cá-nhân đối với cá-nhân, chính là cái quan-hệ của cá-nhân đối với một cái nghĩa cả lớn-lao, siêu-việt ra ngoài cá-nhân mà bao gồm hết thầy cá-nhân. Bởi thế nên theo cái lý-tưởng thần-bí đời xưa thì cho ông Vua không phải là người nữa, tức là một vị siêu-nhân-loại, theo mệnh Trời để trị-vi người. Lý-tưởng ấy không phải riêng gì một nước ta, các nước quân-chủ ở Âu-Tây đời xưa cũng vậy, và ngay ngày nay vua Nhật-bản vẫn tự-xưng là « Thiên-hoàng », dòng-đối bà thiên-thần Mặt-trời, tự mấy nghìn năm nay truyền mãi đến giờ liền một thống-hệ không đứt. Vẫn biết rằng những cái thuyết ấy là huyền-bí, không thể tin được, nhưng sở-dĩ phải đặt ra những thuyết như vậy là đối với công-chúng để cho rõ tỏ rằng Vua không phải là một người như người khác, Vua là tiêu-biểu cho một cái nghĩa lớn, là nghĩa quan-hệ của người ta với nước nhà nòi giống mình, Vua tức là biểu-hiệu của quốc-gia của chủng-tộc vậy.

Người ta ai cũng có nước nhà, ai cũng có nòi giống; trước khi thương đến người giống khác, phải yêu lấy người giống mình đã, trước khi quý đến nước

người ta phải trọng đến nước mình đã. Đó là lẽ tự-nhiên, dù người thượng-tri, kẻ hạ-ngu cũng cùng một lòng dạ ấy.

Nhưng cái nghĩa quốc-gia, nghĩa chung-lộc, vốn nó là những lý-tưởng vô-hình, nó phảng-phất mơ-màng, nếu không kết-tinh vào một nơi nào để làm cái biểu-hiệu rõ-ràng thì dễ tiêu-tan phai-nhạt đi mất. Vì nước nào cũng vậy, người tri-thức ít, kẻ bình-thường nhiều, người tri-thức mới hiểu được những cái lý-tưởng trừu-tượng xa-xôi, kẻ bình-thường thì phải có cái hiện-tượng hiển-nhiên trước mắt mới động được đến mỗi cảm-tình, gọi được đến tri-tưởng-tượng. Như một tiếng «Nước», nó bao gồm biết bao nhiêu ý-nghĩa sâu-xa, bao nhiêu cảm-tình thâm-thiết, nhưng rút lại chẳng qua là một cái lý-tưởng vô-hình, nói lên nhiều người không tưởng-tượng ra được ngay là vật gì, người học-thức còn có thể phân-tích mà lý-hội được đến người bình-thường thì chỉ phảng-phất biết vậy mà thôi, không hiểu rõ là gì. Nay khuyên thiên-hạ phải yêu nước thương nước, mà thiên-hạ phần nhiều người không có cái quan-niệm phân-minh về nước là thế nào, vì không biết hình-dung tưởng-tượng nước ra vật gì, thì cái lòng thương nước yêu nước ấy tất không bao giờ cho đậm-dà thiết tha được. Nếu có một cái hình-ảnh gì dễ làm biểu-tượng cho nước, thì lòng thương yêu kia sẽ có chỗ qui-tập mà dễ trở nên mạnh-mẽ. Hình-ảnh ấy không gì bằng một người. Người ấy không gì bằng ông Vua.

Nước đã tiêu-biểu ở Vua, thì dân có chỗ ngưỡng vọng, và tôn-quân tức là ái-quốc vậy. Vua là hình-ảnh của tổ-quốc, thì tổ-quốc không phải là một vật phảng-phất mơ-màng nữa, tổ-quốc là chung đúc cả vào một người, một người rất đáng tôn đáng trọng, vì là

cái hiệu cờ của cả một dân một nước vậy.

Ở nước ta ngày nay, người nào không có cái tư-tưởng quốc-gia thì chớ, người nào đã có cái tư-tưởng quốc-gia, thì tất cũng muốn cho cái tư-tưởng ấy nó thành-hình, nghĩa là muốn cho nó kết-tinh lại mà trở nên một cái động-lực mạnh. Nhưng muốn cho cái tư-tưởng đó chung-đúc lại thì chung-đúc vào đâu? Chung-đúc vào người nào, đảng nào, vào chế-độ hay chính-thể nào? Có thể chung-đúc vào quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ, vào Chính-phủ Bảo-hộ, Chính-phủ Thuộc-địa, hay vào ông lãnh-tụ đảng nọ hay đảng kia được không? Khởi ra câu hỏi đó cũng đủ biết là vô-lý rồi, không cần phải trả lời nữa. Nhưng nói với một người nhà quê mà nói đến Vua thì ai cũng hiểu ngay; không những người nhà quê Trung-kỳ, hay người nhà quê Bắc-kỳ, dầu người nhà quê lục-tỉnh bảy-mươi năm nay không thuộc quyền vua quan nữa, cũng hiểu ngay Vua là gì, và âm-nhận Vua là người tiêu-biểu cho nước nhà, cho nòi giống. Tôi còn nhớ hơn mười năm trước đi du-lịch trong lục-lĩch, thường nghiệm thấy dân quê trong ấy vẫn có cái tư-tưởng tôn-quân, các bậc cổ-lão thời còn nhớ đến ơn-trạch của đức Cao-hoàng cùng các Tiên-Đế đời xưa, còn trong dân-gian thời nghe đến chuyện vua quan, vẫn dường như có lòng hoài-vọng. Một cái tư-tưởng cố-hữu, đã như in sâu trong óc, tiềm-nhiệm trong bao nhiêu đời đến giờ, không bao giờ gột rửa đi hẳn được. Quốc-dân đã sẵn có cái tư-tưởng như thế, há lại không nên lợi-dụng dư? Không nên khoáng-trương mà phát-siêu nó ra dư? Ta đương muốn tìm lấy một nơi nào để chung-đúc lấy cái tư-tưởng quốc-gia cho nó thành-hình: nơi ấy đã sẵn-sàng rồi đó, nơi ấy là ngôi quân-chủ, nơi ấy là ông Vua vậy.

Lấy Vua làm tiêu-biểu cho nước thì cử-quốc ai cũng phải chịu, vì là sẵn một cái nếp cũ từ xưa đến giờ, không phải là một sự mới lạ chi.

Vậy thời phạm ai đã cho cái chủ-nghĩa quốc-gia ngày nay là cần, — người thức-giả tưởng ai cũng cùng một ý đó, — tất sẵn lòng đem chủ-nghĩa ấy mà ký-thác vào nơi quân-chủ, coi quân-vương là cái hình-ảnh chân-chính của tổ-quốc, để cho cái lòng ái-quốc ái-chúng bàng-bạc trong dân-gian có chỗ qui-y, có nơi tập-hợp, kết-tinh lại mà thành một sức mạnh, không đến nỗi bị phong-trào bên ngoài hay tình-thế bên trong làm tiêu-tán đi vậy.

Cả nước công-nhiên coi Vua là nước, nước là Vua, thời Vua tức-khắc có giá-trị, mà nước tự-nhiên có trụ-cốt. Nước có trụ-cốt thời nước không phải là một cái lý-tưởng phảng-phất xa-xôi nữa, mà sẽ là một cái hình-ảnh hiển-nhiên trước mắt, quốc-dân có chỗ ngưỡng-vọng mà thờ. Vua có giá-trị thời Vua sẽ đủ thế-lực dùng cái địa-vị cao-qui của mình để mưu sự hạnh-phúc cho cả dân cả nước.

Nay nói nôm-na như sau này cho dễ hiểu. Một dân-tộc cũng ví như một đám đông người. Nếu đám đông người ấy mà không có kẻ nào làm đàn-anh, làm trùm, làm trưởng, thì là một quần-chúng ô-hợp, không có kỷ-luật thống-hệ gì. Lại phạm đám đông người, phạm quần-chúng đều có một cái «hồn» chung phảng-phất mơ-màng; nếu có người cai-quản, nhưng người cai-quản ấy không phải là người cùng giống cùng nòi, thì dù cai-quản khôn-khéo đến thế nào mặc lòng. cái hồn chung kia cũng không có chỗ nào để ký-thác, và vẫn như băng-khuáng không định vậy. Ấy tình-trạng nước ta bây giờ chính như vậy: nước ta thuộc quyền Đại-Pháp cai-trị, cách cai-trị vẫn là chính-đốn lắm, nhưng người Pháp là người Pháp, mà người Nam là

người Nam, cái quốc-hồn Nam-Việt không thể ký-thác ở tay Đại-Pháp được, tất phải tìm một người đàn-anh cùng nòi cùng giống làm trùm làm trưởng, để tiêu-biểu cho cái hồn chung của chúng-tộc, người ấy không thể là người nào khác được, người ấy tất phải là ông Vua vậy.

Hoặc-giả nói: — Thế ông Giám-quốc hay ông Tổng-thống An-Nam làm tiêu-biểu cho nước Nam không được hay sao? Hà-tất cứ phải ông Vua? Vua là quân-chủ, quân-chủ hay chuyên-chế; đời này là đời dân-chủ, quân-chủ không thích-hợp nữa. Nên quả-quyết khuyh-hướng về đường dân-chủ, không nên mất công tài-bồi củng-cố cho quyền quân-chủ làm gì nữa.

Xin trả lời: — Muốn có Giám-quốc, có Tổng-thống để tiêu-biểu cho nước, thì trước phải đổi chính-thể quân-chủ làm chính-thể dân-chủ đã. Sự thay đổi đó quyết-nhiên không thể làm được rồi. Như vậy thời quân-chủ sẵn-sàng đó, sao lại không dùng ông Vua để làm tiêu-biểu cho nước? Vả lại tưng-sử có thể thay đổi được chính-thể nữa, sự thay đổi đó vi-tất đã là một sự hay. Ông Vua cũng là vị quốc-trưởng như chức tổng-thống hay chức giám-quốc, nhưng có tư-cách tiêu-biểu cho nước hơn là chức giám-quốc hay chức tổng-thống, vì là ông quốc-trưởng thế-tập, đời đời kế-nghiệp, coi vận-mệnh nước là vận-mệnh mình, vận-mệnh cả nhà cả họ mình, đối với nước vẫn có một cái tình-nghĩa thiết-tha thâm-trâm hơn. Lẽ đó, phạm người nào chịu suy-xét về lịch-sử, suy-xét về hiện-tình trong thiên-hạ, cũng phải chịu cho là phải. Cái thuyết dân-chủ, cứ lý-thuyết thì hay lắm, cứ thực-sự thì dân chẳng bao giờ là tự-chủ được, chẳng qua chỉ quay-cuồng xuân-động để đổi chủ nợ lấy chủ kia, mà chủ mới vị-tất đã bằng chủ cũ. Chính một nhà cách-mệnh trừ-

đanh nước Pháp, đã khởi lên cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789, khuyh-đảo chính-thề quân-chủ để lập nền Dân-quốc, tên là MARAT, ai đọc qua sử nước Pháp cũng biết tiếng là một người rất tàn-bạo, giết hại bọn quý-phái không biết bao nhiêu mà kể. lúc tỉnh-ngộ đã phải than rằng: «Nào kẻ cùng-dân kia, nó có được lợi gì không? Trước kia thì cúi rạp trước mặt một người kế-thừa cái đại-danh của một họ, nay thì cúi rạp trước mặt một kẻ bạch-đỉnh đột-khởi, lại còn trăm lần không xứng-đáng bằng người kia. Thôi thì cái nghiệp dân là phải chịu khuất-nhục, thà rằng chịu khuất-nhục một vị quận-công thống-chế có giáo-dục, còn hơn là chịu khuất-nhục một kẻ tiêu-nhân kiêu-lận, chỉ hơn người có cái mảnh tam-tài đeo ngực mà thôi!» (*Qu'y a gagné le pauvre peuple? Il n'a cessé de ramper devant l'héritier d'un grand nom que pour ramper devant un nouveau parvenu cent fois plus indigne. Oh! puisqu'il est né pour l'humiliation, mieux valait l'aboïsser devant un maréchal de France qui avait reçu de l'éducation que devant un grippe-sous paré de son écharpe tricolore.*) Ấy thế đấy, cái thuyết dân-chủ nó hão-huyền như thế đấy. Câu đó nói về dân nước Pháp vào hồi thế-kỷ thứ 18, chứ nói về dân nước Nam ngày nay cũng đúng lắm: cái nghiệp dân là phải phục-tòng thì thà phục-tòng ông vua là « người kế-thừa cái đại-danh của một họ », tiêu-biểu cho cái thề-thống đã di-truyền mấy mươi đời, còn hơn là phục-tòng bác thầy-khoán nợ hay chủ lái buôn kia, có nhiều tiền mua nhiều phiếu, được bầu lên chức nợ vị kia! Ở các nước khai-hóa hơn mình họ còn chưa thi-hành được cái thuyết dân-chủ cho khỏi tệ, huống-chi là ở nước mình. Cho nên ta cũng chớ nên a-dua theo người mà yên-trí rằng quân-chủ tất là chuyên-chế, mà dân-chủ tất là khai-

phóng đầu. Ta chỉ nên biết rằng hiện nay nước ta còn có quân-chủ, thời phải nên lợi-dụng cái ngôi quân-chủ đó để làm trụ-cốt cho quốc-gia, khiến cho cái lòng ngưỡng-vọng của quốc-dân có chỗ mà qui-y kết-tập vậy. Việc cần nhất cho ta bây giờ là phải gây lấy cái tư-tướng quốc-gia; muốn gây lấy cái tư-tướng quốc-gia thì phải có nơi trung-tâm-điểm để cho tư-tướng ấy kết-tinh lại, ngõ-hầu mới thành được sức mạnh. Nơi trung-tâm-điểm ấy là Vua. Bởi thế nên phải tôn-quân. Tôn-quân không phải là thờ riêng một người, tôn-quân là thờ nước, là phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia đó, vì Vua là cái biểu-tượng của quốc-gia, là hình-ảnh của Tờ-quốc

Hoặc-giả lại có kẻ bác rằng: — Muốn cho Vua tiêu-biểu được cho nước, đáng thờ như một cái hình-ảnh sống của Tờ-quốc, thì vua phải có oai-linh thế nào mới được. Thần có thiêng thiên-hạ mới thờ; nếu không thiêng thì còn ai ngó tới nữa. Vua ta ngày nay thế nào, bất-tất phải nói ai cũng biết. Vậy mà còn có kẻ sợ Vua quan nhiều quyền quá, yêu-cầu với Đại-Pháp làm cách trực-trị đi cho xong. Trực-trị đến thế này, lại còn muốn trực-trị hơn nữa, thì thôi còn có gì nữa mà tiêu-biểu. . .

Lại trả lời rằng: — Những kẻ yêu-cầu như vậy, là những kẻ nghĩ cạn trông gần, chỉ biết cái lợi trước mắt, không thấy cái hại sau lưng. Cái lợi trước mắt chữa chắc đã thiết-thực gì, mà cái hại sau lưng có thể đoán trước được: là cái hại quốc-hồn li-tán, vì không có chỗ trước-lạc quy-y. Nay đã biết rằng quốc-hồn phải có chỗ ký-thác, mà chỗ ký-thác ấy không đâu bằng nơi quốc-quân, thời phải làm thế nào cho quốc-quân có oai-quyền, có thế-lực, có giá-trị có tư-cách. Ấy cái thuyết lập-hiến chính là bởi đó mà xướng ra. Lập-hiến không phải có mục-đích gì khác: lập-

hiến chính là sắp đặt chính-trị làm sao cho Vua với dân có cách hiệp-lực cộng-tác với nhau để mưu giữ-gìn bồi-bổ cho cái hồn nước ngày một sáng-sủa, tinh-tảo, vững-vàng, mạnh-mẽ thêm lên. Câu chuyện lập-hiến không phải là câu chuyện hoang-đường, chính là câu chuyện thiết thực, vì là cái kế-hoạch thích-đáng để biểu-dương cho nghĩa tôn-quân, tức là nghĩa ái-quốc vậy.

Cái tôn-chỉ của thuyết lập-hiến là cầu cho Vua đồng-tâm hiệp-tác với dân để mưu cái tiền-đồ tốt-đẹp cho nước. Nhưng muốn cho Vua chia quyền với dân, thì Vua phải có quyền Vua trước đã. Cho nên trong thuyết lập-hiến chính là có hai phần: một phần khôi-phục quân quyền, thực-hành bảo-hộ, một phần ban-hành hiến-pháp, cho dân tham-chính, hai phần ấy là làm lẫn lút cho nhau, thiếu một phần nào không được. Nếu quyền Vua không phục, theo đúng điều-ước, thời Vua đã không đủ quyền, còn lấy gì hiệp-tác với dân; nhưng nếu quyền Vua đã phục mà không ban-hành hiến-pháp, cho dân tham-chính, thì Vua với dân vẫn cách-biệt nhau, không có cách gì để cùng mưu tiền-đồ cho nước được.

Chương-trình lập-hiến phải có hai thời-kỳ như vậy, mà hai thời-kỳ ấy là liên-tiếp với nhau: thời-kỳ thứ nhất là quan-hệ ở giữa chỗ quốc-quân với Bảo-hộ, thời-kỳ thứ nhì là quan-hệ ở giữa chỗ quốc-quân với quốc-dân. Trong thời-kỳ thứ nhất thì Bảo-hộ sẽ tuyên-bố rằng nay quốc-quân đã trưởng-thành, cái hiệp-ước tạm-thời ký ngày 6 *Novembre* 1925 khi Tiên-đế thăng-hà, thủ-tiêu từ nay, và tự-hậu lại thi-hành đúng như điều-ước Bảo-hộ ngày 6 *Juin* 1884, nghĩa là trao trả lại quyền nội-trị cho Vua, Bảo-hộ chỉ giữ cái chức-trách kiểm-sát cố-vấn mà thôi; quyền nội-trị ấy, Bảo-hộ sẽ giúp cho Vua tổ-chức và chỉnh-đốn lại; — đến

thời-kỳ thứ hai thì quốc-quân đã thu-hồi được quyền nội-trị rồi, liền tổ-chức lên một chính-phủ quốc-gia có tư-cách tân thời, rồi sắc-dụ công-nhận hai viện Dân-biểu của Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ, là những cơ-quan tư-vấn của Bảo-hộ đặt ra để dùng riêng từ trước đến nay, bây giờ sẽ thành cơ-quan kiểm-sát của Nam-triều, và là nền-tảng của một cái quốc-hội chân-chính về sau này.

Ấy cái thủ-tục lập-hiến phải như vậy, và cái mục-đích lập-hiến trước là để cho quốc-gia có thể-thống, quốc-gia có thể-thống thì người trong nước mới biết nước ở đâu mà nhìn-nhận, mà phụng-thờ, sau là để cho Vua với dân không phải cách-trở nhau nữa, có chỗ đồng-tâm hiệp-lực với nhau để mưu tiền-đồ cùng hạnh-phúc cho nước.

Nói tóm lại thời nếu sự cải-cách đó mà thành được, Vua với dân từ trước đến nay vẫn cách-trở nhau vì chính-quyền ở tay Bảo-hộ hết cả, từ nay về sau sẽ có một mối tương-quan rất mật-thiết, dân nấp dưới bóng Vua như dưới hiệu cờ, Vua tựa vào lòng dân như nơi thành-quách, bánh-bao vô-cùng, vững-chãi vô-cùng, dù thiên-ma bách-chiết cũng không còn sợ gì nữa.

Ấy cái nghĩa tôn-quân đối với thời-thể mới phải như vậy.

Tôn-quân không phải là tán-dương siểm-mị ởng Vua để cầu lấy công-danh phú-quí cho một người đâu. Tôn-quân là phục-tòng một cái hiệu cờ làm tiêu-biểu cho nước, là mượn cái địa-vị tôn-nghiêm của quốc-quân làm nơi ký-thác cho quốc-hồn.

Tôn-quân không phải là lay thụy dưới sân rồng, đập đầu trên thêm đá, lấm-lét sợ-hãi, không dám nhìn đến mặt Vua đâu. Tôn-quân là yêu-trọng quý-báu một người đàn-anh của giống-nòi, một người làm trùm làm trưởng cho cả dân cả nước, để đại-diện cho nước, đối-phó với ngoài.

Tôn-quân không phải là thờ một ông thần ông thánh ngồi trên ngai rồng, « thâm-nghiêm kin công cao tường », kẻ phàm-dân không được bèn-mắng đầu. Tôn-quân là coi Vua như người An-Nam đệ-nhất trong nước Nam, khác nào như người con trưởng của giống Lạc-Hồng, bao nhiêu con em trong nước còn có bụng với đất nước tổ-tiên, cũng phải một lòng qui-phụ về đó.

Tôn-quân cũng không phải là vận-động mảnh - khỏe, mưu - tính những chuyện đầu đầu, không ích gì cho nước mà lỡ ra có hại đến ngôi Vua. Tôn-quân là cứ trung-thành với Bảo-hộ, mà xin Bảo-hộ cũng thành-thực đổi lại, vì quốc-quân cũng như quốc-dân, quyết không thể dờn Bảo-hộ mà thành-lập được. Ngày nay không phải là cái thời-kỳ úp-mở như xưa nữa. Nhất-thiết cứ nên giữ cái thái-độ rất phân-minh, rất đờng-hoàng, Bảo-hộ không có cấm người An-Nam yêu nước Nam. Trái lại, Bảo-hộ có lẽ lại khinh những kẻ không biết trọng cái thể-thống của nước mình, không biết lấy nhiều điều mà phủ lấy giá gương, lại cam-tâm vứt bỏ cả cái cốt-cách của mình đi để đồng-hóa theo người. Như vậy thời

Bảo-hộ tất vui lòng cho ta tôn-quân, cho ta coi Vua ta như cái biểu-hiệu, cái hình-ảnh của nước, lấy Vua làm cái nền, cái trụ đề cõ-động lòng ái-quốc trong dân-gian.

Theo ý tôi, nghĩa tôn-quân bây giờ phải như thế, mà có như thế mới hợp với thời-thế, mới thuận với phong-trào. Vì phong-trào ngày nay không phải là cái phong-trào dân-chủ muốn phản-đối với quân-chủ, như có người tưởng lầm đâu; phong-trào ngày nay chính là cái phong-trào quốc-gia, muốn cõ-võ cho quốc-hồn được mạnh-mẽ tỉnh-tao lên.

Nếu Vua ta mà tiêu-biểu được cái quốc-hồn đó cho xứng-đáng, thì Vua ta sẽ là tay lãnh-tụ đệ-nhất của cả quốc-dân Nam-Việt, một lời nói một việc làm là thay mặt cho cả mười-lăm triệu đồng-bao, sẽ có giá-trị tôn-nghiêm biết bao nhiêu.

Vậy thời ai là người thành-thực yêu nước phải cố làm sao cho Vua có cái giá-trị cao-qui đó. Muốn cho Vua có giá-trị thì trước hết phải tôn-quân; tôn-quân tức là ái-quốc vậy.

PHẠM QUỲNH





**Bức họa « Gia-từ cận-tượng »
của họa-sĩ Nam-son vẽ năm 1930**

(Vẽ bằng sơn theo kiểu Á-đông. Bày ở Đấu-xảo Thuộc-địa Vincennes năm 1931, ở hội các họa-sĩ Pháp thành Paris năm 1932. Được thưởng mền dạy bạc)



Ông Nguyễn Nam-Sơn

*Nhà họa-sĩ có tiếng,
Giáo-sư ở trường Mỹ-thuật Đông-dương*

THĂM LĂNG SĨ-VƯƠNG

Lăng Sĩ-vương ở xã Tam-sá, phủ Thuận-thành, Bắc-ninh. Ngày 6 tháng 8 tây năm 1932, ông Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến, ông Hương-sơn Nguyễn Hữu-Khanh cùng tôi từ Hà-nội đi xe hỏa buổi sớm đến ga Lạc-đạo, rồi đi xe tay rẽ vào làng Đề-kiều thuộc phủ Thuận-thành đón ông Trần Văn-Minh (thông-phần thượng-hạng về hưu) cùng đi cho vui, vì ông đã có hẹn với ông Đông-châu từ trước.

Làng Đề-kiều giáp-giới làng Cầu-nôm, hai làng chính là nơi chế-tạo đồ đồng để cung cấp cho nước ta. Làng Cầu-nôm thì đúc các đồ đồng và nồi mâm. Ngạn-ngữ có câu : « *Nồi nát thì về Cầu-nôm* » là ở đó. Còn làng Đề-kiều thì chỉ đúc những lư-dỉnh nển lọ và các đồ chơi. Làng này cũng nhỏ và nghèo, cũng như các làng làm ruộng thường khác. Chỉ thỉnh-thoảng gặp người đàn bà xách một vài cái đồ đồng mới đúc chưa rửa là cái dấu riêng mà thôi. Quanh làng có mấy cái vật kiến-trúc mới như cổng làng cổng xóm, giếng nước ăn xây, cầu khuyến-nông bằng gỗ lim, hỏi ra đều là công-cán của ban hương-hội mà do một tay ông Trần Văn-Minh đề-tạo nên. Những người đi mở cửa hàng các tỉnh giàu có cũng nhiều, nhưng ít khi về làng.

Vào tới cố-viên, cũng nhà ngói, sân gạch, tường hoa bề cạn, cũng câu đối hoành-phi, đồ thờ đồ chơi, nhưng cái gì cũng chất-phác thanh-khiết theo lối cũ cả, y-nhiên một cái phong-vị nhà nho xứ quê, không có chi là tây tầu quan-cách cả. Chủ-nhân đã 63 tuổi mà còn khỏe-mạnh, nói-nâng thực-thà bộc-bạch, không biết kiêu-tinh. Ông Đông-châu giới-thiệu, chủ-nhân vui lòng ra xe đi chơi với chúng tôi ngay.

Hôm ấy trời dầm gió mát, hai con xe giông-ruổi trên đường phủ Thuận. Ba cụ hơn tuổi thì lại hăng-hái, vui-vẻ trò-chuyện, mà tôi thì không bao giờ chừa được cái chứng buồn, ngồi dăm-dăm trông ra tứ-phía. Đồng lúa xanh-xanh, tre làng tùm-bum, thì ra Thuận-thành cũng như Nam-sách, Nam-định cũng chẳng khác gì Sơn-tây, sao mà khéo đập nhau một kiểu. Người tây cho rằng : « *Con mắt người An-Nam không ra khỏi dặng tre làng* ». Câu ấy thật là đúng lắm. Tôi thì nói chơi thêm một câu nữa là những dặng tre bao-bọc chung-quanh làng kia, không những để giữ trộm cướp mà còn để che cái xấu nữa. Các làng gần đây đâu đấy đều ngày càng hủ-bại tời-tàn, nếu không có những bụi tre nó che khuất đi, khách qua đường nhiều khi đến phải động lòng rui mắt.

Xe đi độ mươi hai cây số nữa thì đến quán Tranh chỗ rẽ vào lăng họ Sĩ, xem đồng-hồ đúng 12 giờ trưa, vào quán uống nước rồi đi bộ thẳng vào, cách độ hơn cây số nữa thì tới nơi. Đứng ở quán Tranh mà trông vào đầu làng Tam-sá đã thấy một áng nào cổng xây cao-cao trắng-trắng, nào cây cối tùm-bum như mướt như rừng, có chiều u-uất, biểu-tượng ra một cái khí thiêng, một nơi cô-lăng cổ-miếu mấy nghìn năm. Thực là một bức họa-đồ giữa bình-nguyên mà có lâu-dài lâm-tầu, ngấm không chán mắt.

Trước khi vào viếng cảnh, tôi xin ngừng lại ôn câu chuyện sinh-bình của chủ-nhân trong ấy, xem đối với người đời sau như chúng ta có chút tình gì đáng nên kỷ-niệm.

Chủ-nhân hiệu là Sĩ-vương 士王, tên là Nhiếp, sinh ở làng Quảng-tín,

tỉnh Quảng-dông. Bấy giờ Quảng-dông còn là đất bản-bộ của ta, tiền-tổ người nước Lỗ vì tránh loạn Vương-Mãng mà sang ở đây, nên sử nói là « tránh loạn sang ở nước Việt ta. » Đến vương là sáu đời. Thế thì vương tức là người nước ta vậy. Đối với nước ta, Vương có hai cái lịch-sử vẻ-vang là lịch-sử chính-trị với lịch-sử giáo-hóa. Nay lược giải bàn như sau này :

Về lịch-sử chính-trị. Bấy giờ nước Việt ta đang thuộc Tàu cuối đời nhà Hán. Sĩ-vương vào học kinh-dó Hán, đỗ Hiếu-liêm, cử làm Thái-thủ bản-châu, bên Tàu bị loạn Tam-quốc nhiều-nhuong, Vương bèn giữ lấy bản-châu tự-trị, 40 năm dân giàu nước thịnh, văn-hóa phát-đạt. Viên-Vy là người Tàu sang ở đây đưa thư về nói với Tuân-Quốc lúc ấy có câu : « Anh em hùng-trưởng toàn-bộ, uy-phục được cả các rợ mường. Triệu-Đà cũng không hơn ». Thì biết bấy giờ tiếng là ngoại-phiên mà trong thực là độc-lập. Cho nên dân ta tôn mà gọi là « vương ». Hán mất Ngô lên gần với ta, Vương lại chịu phong chức của vua Ngô, đó cũng là cách ngoại-giao của nước nhỏ. Sau vương mất, con là Sĩ-Huy chống với Ngô bị thua, ta lại làm quận-huyện Ngô.

Tôi lấy rằng hiệu « vương » đó, Tàu không phong, ngài không tự-xưng, mà chỉ là cái hiệu của miệng dân ta tặng cho. Như thế lại càng quý. Chỉ có một điều là thừa-cơ lúc ấy mà không dám tuyên-bố quốc-hiệu xưng độc-lập, để nổi lấy vương-nghiệp đức bà Trưng, thực cũng đáng tiếc. Ý-giả cũng là không thoát cái bệnh nhân-tuần của nhà Nho chẳng.

Về lịch-sử giáo-hóa. Nước ta bấy giờ thuộc Hán đã ba bốn trăm năm, phong-tục cũ thì tiêu-ma hồ hết mà văn-hóa mới cũng mới nhiệm được những cái bị phụ, chữ Hán mới học về văn-tự âm thoại mà thôi. Đến vương mới đem

kinh-sách Nho truyền dạy phổ-cập đến dân-gian, gây nên cái văn-hiến biệt-lập cho đất Việt, nên dân ta mới tôn mà gọi là « Nam-giao học tổ 南郊學祖. » Vương lại chú-giải kinh sách Nho thì cũng lại có công với học-phái nữa.

Wương đóng kinh-dò ở Luy-lũ 廩婁, nay là vùng Thuận-thành. Sử nói : « Danh-sĩ Tàu tránh loạn Tam-quốc sang ở Luy-lũ đến hàng trăm người. » Truyện Cao-lăng Tàu thì nói : « Lúc Phật-giáo ở Tàu chưa thịnh, mà ở Luy-lũ đã có các sư Ấu-độ vào truyền giáo, xây tháp, mở trường, dịch kinh nhiều lắm. » Người nước ta như bọn Lý Tiến ngang vai với nhân-tài Tàu cũng hồi đó. Coi đó đủ biết thủ-dò Luy-lũ bấy giờ thực là nơi lâm-lầu của hai văn-hóa Nho Phật, thế mà sau đó bị cái lòng ghen-ghét của người Tàu phác-diệt đi hết, đến nay thủ-trách của tiền-nhân đều như khói tiêu mây tán, thử hỏi cô làm cỏ dưới ruộng kia cùng lão vác cuốc đi thăm đồng nọ, có cùng ta mang một khối u-hoại mơ-tiếc hão-huyền ấy không.

Thôi, xin đi kéo thần-thờ mãi mất cả thì-giờ. Chúng tôi bước xuống con đường nhỏ mà đi, đường chỗ to chỗ nhỏ, chỗ cao chỗ thấp, chỗ đứt chỗ nối, hỏi người lạng thì họ gọi là đường đê. Nhưng xem kỹ thì nó chạy thẳng giữa cánh đồng chứ không theo rìa sông thì sao phải là đê. Đất thì là đất núi sỏi đỏ khác hẳn với đất hai bên ruộng, chúng tôi đoán là cái chân cò-thành, lấy đất núi về đắp, không biết có đúng không. Đi một quãng dài thì lại rẽ vào cái lối nhỏ bờ ruộng mà vào lạng.

Toàn bộ nơi đó, rộng ước hơn một mẫu, trước là miếu sau là rừng, lạng ở giữa rừng. Chúng tôi vào miếu trước, có hai tầng cửa : Tầng ngoài là hai bức tường gạch và hai cột đồng-trụ; tầng trong là cái cửa khải-hoàn-môn cao lớn, xây đắp trông cũng nhẽ, hai cánh cửa lim, thượng sơ hạ mật, trạm chénh

bong rất kỹ, mưa nắng đã ỉu màu gỗ. Hỏi ra là cái vật trùng-tu trong mười năm nay. Hai mặt cổng khải-hoàn-môn có nhiều câu đối, chúng tôi muốn biên một vài câu làm kỷ-niệm mà không thể kham được một câu nào. Qua cửa ấy thì đến một cái sân gạch rộng, tả hữu mỗi bên có một cái giải-vũ nhỏ rồi đến một cái giải-vũ to thì tới cái điện chính năm gian. Trước cửa điện xây bít đê ba cửa tò-vò, trên đê ba cái khung bằng, nhưng xem làm đã lâu mà sao lại mới trát vôi từ đường gờ trở xuống, còn ba khung bằng thì vẫn trơ gạch, vào trong điện thì cũng như cái đình tế thường của các làng, có hương-án, đồ thờ và bức hoành bốn chữ « Nam-giao học-tổ ». Có mấy đôi câu đối gỗ đề thờ đã lâu, nhưng chữ nghĩa cũng thường cả. Lại vào hậu-cung. Bấy giờ chỉ có bốn chúng tôi là khách lạ không có ai đề hỏi. Cửa cung đóng chặt coi ra cần-nghiêm lắm. Ở đây có một đôi câu đối gỗ đã lâu, nghĩa xuất-sắc hơn cả. Chúng tôi bèn biên lấy:

Hương vị tự tích thi-thư giáo,
 向 微 自 昔 詩 書 教
An hữu như kim văn-hiến truyền.
 安 有 如 今 文 獻 傳

Bấy giờ thấy cửa cung có cái khóa khóa hờ, chúng tôi tự mở mà vào, đánh diêm đốt đóm soi xem, thì trong chuỗi vò có cái khám thờ bài vị Sĩ-vương, giữa cung thì có 12 pho tượng văn-quan vũ-tướng đứng thị-lập. Tượng to bằng người thật, phục-phịch kỳ-cổ. Có một cái lọ độc bình Bát-tràng cỡ đẹp lắm, trạm một con rồng cực khéo. Lại những nét vẽ lam ở chung quanh, xem ra những cái « guột » đã vẽ ở mấy cái đồ Bát-tràng mà tôi được trông thấy ở nơi khác thì cùng một kiểu hoạt-bát như thế này. Thì biết đồ sành Bát-tràng có một thời-kỳ đã phát-đạt thành mẫu-mực. Cái lọ này vỡ miệng, người ta đề xuống đất đựng than vàng.

Nền cung ăm thấp, những cột sơn sơn bong ra như rộp cây. Xem xong chúng tôi trở ra tìm sang bên lăng. Cụ phán Minh quen lối đi trước. Nơi này cây cỏ mọc rậm lối nhỏ, đi trong bóng rợp như trong rừng già. Tới một chỗ giữa rừng thấy một vùng tròn rộng bằng sáu bảy cái chiếu giải không có cây cỏ, vây một lần tường hoa bát-giác, cao ngang mặt người, trên gắn trần-song si-măng đúc, lại gắn ngược, mới trông ngỡ là cái giếng nước ăn mà các hương-hội mới dây hay xây tường hoa pha « mốt tây » ! Cụ phán Minh bèn trở vào trong và nói: « Đây là mộ-địa của Ngài, tường này là quan Đoàn-Triền hồi làm Tổng-đốc Bắc-ninh mới sức xây ». Coi gần vào thì mặt trước bỏ thoảng không xây tường, trong thuận một thứ cát vàng to hạt, bằng-phẳng như ngoài, không cao hơn chút nào, không có một cái cỏ nào.

Cụ Phán lại ngửa mặt trở lên mà rằng: « Chỗ kia bao giờ lá cây cũng hờ đề ánh sáng soi vào như thế ». Chúng tôi nhận ra thì những cây cao lớn xung-quanh, đều chỉ cành lá vào che cho nơi mộ-địa, giữa thì hở ra bằng cái nông trông thấy trời, ánh nắng soi vào. Xưa nay người ta cho rằng dưới không mọc cỏ, trên hở đề nắng soi vào, là cái dấu linh-dị đó. Song lấy lý mà đoán, tưởng cũng là sự ngẫu-nhiên, dưới hoặc vì thuận cát không có màu, nên cỏ không mọc được; trên hoặc vì cái tầm của sức các cành cây xung quanh chỉ tới được có thế mà thôi chẳng

Sử nói sau khi vương tạ-thế hơn 160 năm, ngang cuối đời Tấn bên Tàu, giặc Chiêm-thành vào phá nước ta, xâm phạm tới đây, chúng nó thấy diện-mạo ngài vẫn y-nhiên như còn sống, chúng nó sợ-hãi lại phải để lại như cũ. Dân làng lấy thế làm thiêng mới lập đền thờ gọi là: « Sĩ-vương tiên ». Nay xem ra việc di-bài lâu đời không tiêu là

cách ướp thuốc đề táng của các vương-hầu ngày xưa, chứ cũng không lấy gì làm lạ. Nhưng coi đó thì trước khi ấy ở đây chỉ có một khu rừng mộ-địa chứ chưa có cái miếu này. Miếu này là sau khi thấy thiêng mới lập. Ấy cái tâm-lý thờ cúng qui-thần của người mình, ở đâu cũng vậy, là khiếp-sợ uy-linh chứ không phải kỷ-niệm công-đức. Suy ra cách tôn-sùng kẻ sống cũng thế.

Nhìn nhận xong chúng tôi đều đứng trước mộ-địa cúi đầu làm lễ rồi lui ra. Ngay trước mộ-địa về tay hữu có một cái tượng con dê bằng đá cuội, năm châu, to bằng con bò nhỡ, râu trắng phủ đầy lông-đốm như lông thật. Cách trạm phục-phịch vụng-về, không có cái mỡm với hai cái sừng thì không ai nhận ra được là con gì. Coi con dê đá này tôi đoán là cái vật có ngay lúc táng, và xem chung quanh không có đá vỡ gạch vỡ thì biết vốn không phong-phần mà dùng con dê đá này làm tiêu-chí, quyết không phải người đời sau mới làm ra vậy.

Lại xem đến cây cỏ ở rừng này có nhiều thứ lạ, nhiều cây cao lớn, râu mọc dây leo, bám kín cả cành và thân cây. Không biết có cây nào trồng từ lúc đương-thời không, mình không phải nhà thực-vật-học không biết được. Có hai thứ cây lạ nhất, hỏi thì một thứ cây tên là cây hoa «bà chúa», cao lớn như cây gạo, hoa bốn cánh to hơn hoa đại mà dây như mo, sắc đỏ tươi chon-chót như thứ nhung tây, nên cũng gọi là hoa «nỉ». Coi ra đẹp một cách nồng-nàn lắm, gọi là hoa «bà chúa» cũng xứng-dáng. Có một cây hoa «bà chúa» mọc ngay bên mộ-địa, cành lá che vào, đang ra hoa. Lại một thứ cây gọi là cây «trời mới». Cây cao độ mười thước, lá như lá mẫu-đơn, quả nhỏ như cúc áo mà từng chùm, sai chi-chít đầy cây, sắc quả trắng xanh đỏ đủ cả, thôn-nhân nói ăn được, vị nó hơi chua-chua.

Tôi biên lấy tên để giúp sự khảo-cứu về bác-vật-học.

Đoạn rồi giả cảnh ra về, lại vào sân miếu ngắm lại một lượt. Gặp một người làng, y nói: «Miếu đây mới trùng-tu độ rằm bảy năm nay, có các quan tỉnh về chứng-kiến lễ khánh-thành vui lắm.» Chúng tôi mới hiểu ra cái khéo của người «hưng-công», hai cái cảnh cổng gỗ đầu mưa dãi nắng kia mà trạm kỹ là cốt để đón quan trên khi mới bước chân vào tất các ngài phải đề ý đến mà ban khen; còn những cái khung bảng trên hiên nọ mà chưa trát là họ xin để khánh-thành rồi sẽ làm xong. Nhưng khánh-thành rồi thì tiền hết, đành phải bỏ. Vả các quan đã chứng kiến rồi, đã khen rồi, bỏ cũng chẳng hề chi!

Ấy những sự trùng-tu ở các nơi danh-tích gần nay, phần nhiều là những cách cầu danh cầu lợi, che mắt thế-gian như thế cả.

Bảo-tồn lối cổ-phong kiến-trúc để làm hưng khởi lòng ái-quốc cho quốc-dân là trách-nhiệm của địa-phương. Cái lối kiến-trúc cổ của ta tuy không hùng-vĩ nhưng nó cũng chất-thực nghiêm-chỉnh, không lảo-lếu kiêu-bạc, lỗ-lãng đại-dột như những kiểu «ba giọi» dùng vào đền miếu mới đây. Vậy ai có trách-nhiệm với địa-phương xin lưu-ý về những việc trùng-tu này.

Xem chiều trời đã muộn, chúng tôi bèn ra xe về thẳng. Đến quán Tranh thấy có một người đón xe nói với cụ phán Minh, mới biết cụ đã mật cho người lên làng Dầu và làng Khanh-tương là đất sản danh-ca của phủ Thuận đón cô đào, nhất-dịnh đặt tiệc giữ chúng tôi lại tối hôm ấy để nghe hát. Nhưng bọn cô đào đi hát xa vắng cả. Cụ lấy làm ân-hận vô-cùng. Đông-châu tiên-sinh bèn mời luôn cụ ra ga về Bắc-ninh nơi nhà ở của tiên-sinh cho tiện thưởng chơi một chiều. Xem

cụ gặp chúng tôi lấy làm tri-ân không nỡ dời, mà chúng tôi thì vội về có việc không thể ở lại nhà cụ được. Cụ bèn đành bỏ bữa chén mà người nhà đã sửa dề thiết chúng tôi, cùng sang Bắc với chúng tôi.

Ở Bắc đêm ấy lại có người bà con can rằng: «Đang lúc kinh-tế khủng-hoảng, các cụ đi hát, e mang tiếng.» Thành thử lại thôi.

Thực tình thì có cụ phán Trần với Hương-sơn tiên-sinh xem ra chơi đã vào «nhòng», ca ngâm xênh-phách đều sành, còn Đông-châu tiên-sinh với tôi thì thực chưa từng vọng vào làng chơi.

Đêm hôm ấy, các cụ không khiến cô đào nữa mà tự hát lấy, nào thơ nào phú, nào miếu nào ca, thì nhau ngâm đọc, rồi lại giở đến chuyện cổ chuyện kim, nhân-tình thế-biến, thuật lại một lượt, thâu đêm không ngủ. Mai thông-thả cùng về Hà-nội. Tôi về đến nhà, hồi-tưởng lại cuộc phóng-cổ tầm-phương của bọn chúng tôi hôm ấy, toàn là câu chuyện trăng dưới nước, hoa trong gương cả, mà lại càng thêm thú-vị. Bèn cất bút viết bài ký.

Lại lạm thảo một thiên Hàn-luật kính đề lăng Sĩ-vương như sau này :

Một áng tùng thu (1) dưới bóng lá,
 Khi thiêng u-uất năm hoàng-sa;
 Con dê đá phục loang-khoang mốc,
 Bà chúa cây châu chùm chím hoa;
 Nghi-ngút khói hương hồn lễ nhạc,
 Phất-phơ cổ lũy vết sơn hà;
 Tàn ngô (2) vạc Hán (3) tan mây nước,
 Văn-hiến trời Nam dấu chẳng nhòa.

Bài ca-trù: Cuộc chơi Thuận-thành

Nhớ một cuộc đồng-du hôm nọ,
 Phủ Thuận-thành tao-ngộ bạn kỳ-anh;
 Chỉ ngàn dâu (4) len lõi quán Tranh (5),
 Vi lạc-đạo (6) dỗi tìm nơi lạc-thủ.

Tam-á nghênh trông rừng học-tổ,
 Như-quỳnh (7) qua viếng đất danh-hoa;
 Góp phong-lưu đặc-đức bốn bờ già,
 Lấy phóng-cổ tầm-phương làm vận-
 sự.

Còn bức vẽ, câu thơ, nét chữ (8),
 Mất còn tinh, người còn khỏe còn chơi;
 Ta còn đóng góp với đời!

NG. TR. THUẬT

(1) Tùng thu 松楸 là những thứ cây thông trồng ở mộ địa.

(2) Ngan lá có câu: Vua Ngô ba mươi sáu tàn vào.

(3) Vạc tức là ngôi vua.

(4, 5, 6) Phủ Thuận có len, Dâu gào làng Tam-á, quán Tranh chõ đượm cái rẽ vào lăng Sĩ-vương, đây lấy tiếng để tả phong cảnh; ngàn dâu là dâu trồng từng ngàn, quán tranh là quán lợp tranh (gianh). Làng Lạc-đạo ở ga Lạc-đạo; đây lấy tiếng nói lạc-đạo là vai đao.

(7) Làng Như-quỳnh cũng gọi Như-kinh, có họ Trương sào ra vương, -phí, cung-tần đời họ Trịnh.

(8) Vẽ, thơ và viết chữ, bốn người làm được cả.



CÂU CHUYỆN CÂY BẰNG BÚT

Người ta cày ở ruộng, hạng ấy cày ở nơi đài-các (1) hoặc chốn danh-sơn (2). Người ta cày kẻo sào kẻo mâu, đi sớm về trưa, hạng ấy cày cuộc cõ-kim, cày bầu vũ-trụ. Người ta đòi bát mồ-hôi lấy hạt thóc, hạng ấy đòi bát mồ-hôi lấy chữ danh, hoặc đòi bát mồ-hôi lấy chức hàn-lâm chức lễ-tướng; hoặc có khi đòi bát mồ-hôi lấy chén rượu đồng tiền. Người ta cày mùa đông mùa hạ, hạng ấy cày cả bốn mùa. Người ta sai-khiến bằng con trâu, hạng ấy sai-khiến bằng thần-tri tư-tướng. Người ta cày bằng chân tay, hạng ấy cày bằng lâm-hồn. Người ta cày bằng cày, hạng ấy cày bằng bút. Gọi là hạng người « bút-canh », nghĩa là lấy cái bút thay cái cày để làm sự-nghiệp ở đời.

Hạng người ấy thường đứng ngoài vánh thế-tục, ngoài đám cạnh-tranh, cách sinh-hoạt rất là thanh-giản, chỉ cầu lấy văn-chương hay, áp-đảo được một đời, hay hoặc tiến lên bậc nữa, áp-đảo được nghìn đời thì thôi. Cũng như kẻ nông-phu kia, quạt lá áo toi cũng đủ mát, rửa cơm bầu nước cũng đủ no thỏa, gổi đầu vào bờ ruộng cũng đủ ngáy o-o, một vài con chim sáo đậu trên mình trâu cũng đủ bẻ-bạn, năm ba di thợ cấy hát mấy câu ca-dao tục-ngữ, cũng đủ vui tai; chỉ cầu lấy thóc-lúa nhiều chứa đầy được hàng vừa, hoặc tiến hơn nữa mà chứa đầy được nghìn vạn vừa thì thôi.

Try vậy, tu được đến xứng-dáng là con nhà bút-canh cũng lắm công-phu, chữa hồ để đáu. Tất phải xem đọc hết

sách hay của cõ-kim, giao-du khắp bạn hiền trong thiên-hạ, ném đủ mọi mùi đặng cày vui-sướng trong xã-hội. lịch-lãm nhiều sơn-thủy lạ trong thế gian, sẽ gọi là con nhà bút-canh.

Nhà bút-canh tuy là con nhà văn-chương, nhưng bao giờ cũng phải bao-hàm có bốn cái tính-cách: một là tính-cách triết-học; hai là tính-cách nho nhâ; ba là tính-cách hào-hùng; bốn là tính-cách phong-lưu. Đủ bốn cái tính-cách ấy mới cầm nổi cái bút, cũng như người nông-phu thuộc đủ lối cày mới cầm nổi cái cày.

Việc bút cày là một việc thiên-chức của nhà văn-chương. Ông Cao Dao cày ở nhà Ngu, ông Y-Doãn cày ở nhà Thương, ông Khổng-tử cày ở nhà Chu, nước Nam ta thì ông Hàn Thuyên, ông Sĩ-Cổ cày ở nhà Trần, đều là các vai « thánh cày » cả. Dạy các ông cày một cách giản-dị thuận-lúy, mà đời cũng báo-đền các ông một cách xứng-dáng, trời cũng đãi các ông một cách tuyệt-đối thanh-cao.

Hեն như thầy Giá Nghị ở đời Hán-văn, thầy Đổng Trọng-Thư ở đời Hán-Vũ, thầy Dương Hùng ở đời Vương-Mãng, thầy Đỗ Phủ, thầy Lý Bạch, thầy Hàn Dũ, thầy Liễu Tôn-Nguyên, ở đời Đường, thầy Tô Thức ở đời Tống, nước Nam ta thì thầy Nguyễn Du ở đời Lê-mạt Nguyễn-sơ, há chẳng phải là những vai cày tài cày khỏe, mà đời dường như báo-đền các thầy một cách khinh bạc, trời lại dường như đãi đặng

(1) Đài-các = Đài-các văn-chương là nói văn-chương người quý-hiền, như là quan Nội-các ngày xưa, hay là quan hàn-lâm ngày nay, chuyên giữ về việc hàn-mặc trong nước.

(2) Danh-sơn = Núi có tiếng. Phạm những nơi danh-sơn hay có kẻ danh-nho ở đấy trước-thuật, cho nên đời gọi sách là danh-sơn.

các thầy một cách éo-le, là cơ sao? Há chẳng nên vì con nhà bút-canh mà thuật rõ ra đây, để làm gương cho vạn-thế!

Nói cho đáng, những bậc thánh-hiền trong ngũ-kinh như ông Cao Dao, ông Y-Doãn, ông Chu-công, ông Khổng-tử, tuy có văn-chương, nhưng thuần-túy là phương-diện triết-học, chữa phải là nhà bút-canh. Cho đến ông Lão-tử làm kinh Đạo-đức, ông Trang Chu làm kinh Nam-hoa, ông Tả Khâu-Minh làm sách Tả-truyện, ông Khuất Nguyên làm lời Ly-tao, cũng chữa phải là nhà bút-canh. Đến như hạng người lấy cái bút thay cái cây mà cây mãi chẳng chán, đem văn-chương tinh-huyết phô ra với đời mà phô mãi chẳng cùng, mới gọi là nhà bút-canh. Có chăng hạng người ấy thì bắt đầu tự thầy Giả Nghị nhà Hán.

Thầy Giả Nghị là một kẻ thiếu-niên anh-tuấn, học rộng văn hay, gặp-gỡ vua Hán-văn, dâng bài sách trị-an, nói về chính-trị phong tục, cực-kỳ thông-thiết, một lời một thở dài, một chữ một chảy nước mắt, tỏ ra lời vì nhà Hán thương khóc, muốn một phen cải-cách, khiến nhà Hán vượt qua nhà Tần mà vì với nhà Chu. Vua Văn-đế yê là văn hay, trong một năm thầy đã trải qua các chức mà lên chức Thái-trung đại-phu, thế là tuổi trẻ mà quan-chức đã ngất-ngưỡng ở trong triều. Khi ấy có lắm kẻ ngấm-nguyệt diêm-pha là lũ họ Dảng họ Quán, lũ ấy đều là hạng công-thần vua Cao-đế không học-thức. Gia-di vua Văn-đế là kẻ nhún-nhường, chỉ thưởng-thức câu văn mà chẳng thi-hành lời nói, thành ra cuốn văn-chương của thầy chỉ là một cuốn xếp xó ở trong nhà Tuyên-thất. Chữa bao lâu thầy đã bị trích ra làm chức Thái-phó cho một vị thân-vương ở đất Trảng-sa; tự kinh-thành Trảng-an đến đất Trảng-sa, xa-

xôi kẻ có mấy nghìn dặm. Chức Thái-phó ấy kỳ-danh là chức thầy dạy học, kỳ-thực là chức vú em giữ con thơ cho chủ nhà, kẻ hiền-giả kham làm sao nổi.

Lại chữa bao lâu thầy đi qua sông Mich-la, làm bài phú khóc một vị hiền-đại phu nước Sở là Khuất Nguyên, vì Khuất Nguyên ngày xưa cũng bị gièm mà gieo mình xuống sông ấy, nửa phần thương cho Khuất Nguyên, lại nửa phần thương mình, cho nên bài phú rất là khích-thiết bi-thảm.

Lại chữa bao lâu, vị Trảng-sa thân-vương vô-cổ ngã ngựa chết. Thầy khi ấy trên trông trời, dưới trông đất, giữa ngấm vào thân, làm sự-nghiệp ông Y-Doãn, ông Chu-công đã chẳng được, làm chức vú em cũng lại chẳng xong; thương thân-vương bao nhiêu thì lại thương mình bấy nhiêu, cho nên hàng ngày thầy chỉ ra ôm nả thân vương mà khóc.

Lại chữa bao lâu, thầy thấy con chim Phục-diều ở đàn bay vào trong nhà đậu lên bức thera-trần, thầy biết là cái diêm chẳng hay, tức-khắc làm bài phú Phục-diều đề ngụ ý viếng mình. Quả-nhiên chẳng được mấy ngày thì thấy đặc-bệnh chết ở Trảng-sa, mà vua Hán-văn dưng như chẳng nghe biết đến. Cho nên ông Lưu Trảng-Khanh nhà Đường có thơ trách vua Hán văn là kẻ bạc-tình. Than ôi! thầy Giả hiện ra đời, bắt đầu khóc nhà Hán, kể đến khóc Khuất Nguyên, lại kể đến khóc Hoài-vương, rồi cuối cùng khóc con Phục-diều, sao thầy hay khóc mấy? Lịch-sử thầy chẳng phải là lịch-sử khóc đây dư!

Cách thầy Giả 30 năm lại có thầy Đồng. Thầy Đồng Trọng-Thư là người rất hiểu-học, vậy mà đọc sách, ba năm không ngó cổ ra vườn, gặp vua Hán Vũ-đế là người rất yêu mến kẻ sĩ văn-học, vua lâm-hiền sách-sĩ (1),

(1) Lâm-hiền sách-sĩ = Ra ngự chỗ điện-tiền, phát đầu bài văn-sách đề thi kẻ sĩ.

thầy đối sách ba bài, nói về cái đạo trời với người, khuyên vua chính-tâm để chính triều-đình bách-quan, lời vẫn rộng-rãi như bể, chan-chứa như nguồn, kẻ có vận lời nói. Vua cất lên bậc nhất mà lấy đồ đầu. Tưởng rằng đã đồ đầu như thế, thì tất được làm một chức trọng-yếu mà ở gần vua thì phải, ngờ đâu buổi sớm có chiếu đồ đầu, đến chiều đã có lệnh tống xuống quận Giang-đô làm chức tiều-tướng. Tự kinh Tráng-an đến quận Giang-đô, xa-cách cũng kẻ có vài nghìn dặm. Chức tiều-tướng là chức dưới quyền quân Thái-thú, nhưng còn là chức đèn trời nho-nhỏ cai-trị dân, không phải là chức vú em như thầy Giả Nghị. Từ đấy văn-chương thầy đã dường như pháo tịt ngòi, không thấy xuất-hiện bài gì nữa, vì có thi-thố ở kinh Tráng-an thì mới dùng đến nghìn vạn lời nói, chứ cai-trị một xứ Giang-đô thì dùng gì đến nghìn vạn lời nói.

Đồng-thời với thầy lại có một người già-hiệu nhà Nho, mạo-danh văn-học là Công-Tôn Hoảng. Khi ấy Hoảng đối sách nói về cái hòa-khí của trời đất muôn vật, bài văn chẳng đầy vài trăm chữ, mà lời nói chẳng khích-thiết động chạm đến ai, vua cũng khen, nhắc lên bậc nhất lấy đồ đầu. Chẳng mấy ngày mà Hoảng đã lĩnh chức Tề-tướng, ở ngòi Tam-công, và phong-hầu nữa.

Thầy Lòng ơi thầy Đồng! Thầy đối sách người ta cũng đối sách, thầy đồ đầu người ta cũng đồ đầu, sao người ta tưng-bừng mà thầy buồn lẻ? sao người ta chễm-chện ngồi trên Đông-các, mà thầy lui-thui về đất Giang-đô? ở trong tất có nguyên-nhân, chắc là vì người ta nghinh-hợp thời đời, mà thầy thì sẵn-sóc uốn đời cứu đời; người ta thì ngoắt-ngoéo a-dua, mà thầy thì khăng-khăng chính-nghĩa minh-đạo. Cho nên văn-chương thầy dấu hiện ra như mặt trời mặt trăng, mà sự-nghiệp thầy trên giúp việc quan Thái-thú, dưới võ-về

đàn tiều-dân, thế đã là to lắm rồi. Chứ thầy là người đạo-học quân-lử, tướng cũng chẳng thêm gì cái miếng lễ-tướng và phong-hầu.

Cách thầy Đồng 50 năm lại có thầy Dương Hùng

Văn-chương nhà Tây-Hán thì hay nhất là văn-chương thầy Dương Hùng. Khi thầy chữa gặp thời, người đời chê thầy không tài-dức gì để đáng phó với đời, thầy từng làm một bài văn gọi là bài « Giải-trào » để giải ra rằng thầy giữ đạo huyền-mặc, chủ đức thanh-linh, chứ không phải là thua gì đức kém gì tài. Thầy lại từng làm sách Thái-huyền, nói về ý-lý triết-học, tự ví sách ấy với kinh Dịch, tự ví mình với ông Phục-Hi, ông Văn-vương, ông Chu-công, ông Khổng-tử; thầy thực là một kẻ nhà Nho có khí-phách hơn người. Song-le số phận thầy xấu lắm, thanh-danh thầy chìm lắm. Thầy chẳng gặp những ông vua hiếu-hiền như Văn-đế Vũ-đế, mà thầy chỉ gặp ông vua hiếu-sắc như Thành-đế, nay tuyền gái Tiệp-Dư, mai cầu gái Phi-Yến, còn lúc nào làm-hiền sách-sĩ, hỏi đến kẻ hiền. Đến đời Bình-đế, lại là ông vua ấu-tri, cho nên suốt đời thầy chẳng có ai là tri-kỷ cả. Về sau đạo đã cùng, tuổi đã lão, mới gặp được một người tri-kỷ, thì lại là một người sắp-sửa cướp nhà Hán là Vương Mãng. Họ Vương đổi quốc-hiệu là nhà Tân, dùng thầy làm chấp-chính đại-phu. Thầy cũng cải-cách được nhiều phép mới để làm lợi cho dân, còn hơn là văn-chương thầy Giả thầy Đồng chỉ đem xếp xó. Thầy từng làm ra bài văn trách pháp-thuật nhà Tần mà khen công-đức nhà Tần, ấy thiên-hạ đời sau chẻ trách thầy vì chồn đó. Kịp khi quân nhà Hán vào đối cung điện nhà Tần, Vương Mãng chết cháy, thầy nghe Vương Mãng chết, cũng tự trên gác cao gieo mình xuống đất mà chết, thế là kẻ sĩ chết về nghĩa tri-kỷ. Lịch-sử

thầy đáng khen mà cũng đáng trách, lại đáng thương.

Nhà Đường có bốn tay đại-gia là Lý, Đỗ, Hàn, Liễu.

Thầy Lý Bạch đời gọi là thi-thánh lại gọi là thi-bá. Rượu một chén thơ trăm thiên; ngủ trên hàng rượu chợ Tràng-an; thiên-tử gọi lại chẳng lên thuyền, tự-xưng tột ấy «tửa-trung tiên».

Thầy Đỗ Phủ thì chẳng như thế, binh-sinh học đạo, tự ví mình với ông Cao, ông Qui, ông Tắc, ông Tiết ra giúp đời Đường đời Ngu. Triều Túc-tôn, thầy làm chức Công-bộ tả-thập-di, tiến người bạn là Phòng Quán làm tể-tướng. Kịp khi Phòng Quán đắc-tội, thầy vì cứu bạn đắc-tội lây, bị đuổi vào Ba-thục.

Thầy tự khi vào Thục, đã không có chi gì ra đời nữa, mua một miếng đất ở ngoài Cẩm-thành, làm nếp nhà lợp bằng cỏ mao trắng để ở. Người ta ví nhà thầy với nhà Dương Hùng, thầy bảo rằng thầy không có chi gì giải-trào, chỉ hàng ngày xem con yến ở trên lương nó tự-văng tự-lai, và tương-thân tương-cận với con âu ở trên nước. Vợ thì vẽ giấy làm bàn cờ, con thì uốn kim làm lưới câu. Thầy hàng ngày chỉ có bốn việc: đánh cờ, câu cá, uống rượu, làm thơ. Thơ của thầy thanh-cao trầm-uất, lão-luyện tinh-nghiêm, đủ mọi vẻ hay, tề-danh với thầy Lý Bạch, đời gọi là Lý Đỗ.

Thầy Hàn Dũ, thầy Liễu Tôn-Nguyên làm bạn với nhau rất thân-thiết, phàm văn-chương thầy Liễu gửi đến thầy Hàn, thì thầy Hàn tất đội mũ mặc áo rửa tay đổi hương, rồi mới giở ra xem, coi như một đạo chiếu-thư của vua ban xuống. Thầy Hàn từng nói rằng: «Phàm xem văn của bậc đại-nhã tất nên như vậy». Duy có một điều lạ là

thầy Hàn thì rất ghét đạo Phật, thầy Liễu thì rất mộ đạo Phật mà vẫn chơi với nhau được thân. Kịp khi thầy Hàn đương làm chức Kinh-doãn, vì bài biểu công-kích Phật-cổl, đắc-tội bị truất ra Trào-châu, xa cách Tràng-an tám nghìn dặm.

Thầy Liễu đương làm chức Trung-thư xá-nhân, vì phe-đảng với Vương-Thúc-Văn, đắc-tội bị truất ra Liễu-châu, xa cách Tràng-an sáu nghìn dặm. Khi ấy thầy Hàn lại giao du với làng tểng, mà trân-trọng tểng nhau áo, thầy Liễu thì thưởng-thức những hòn đá lạ mà ghi chép ra câu văn, đó là một cách yên-ủi của khách hiền-giả mà bị nhục.

Đến đời Tống lại có thầy Tô Thức, văn-chương thầy như mây đi như nước chảy. Thầy có cha là Tô Tuấn, và có em là Tô Triệt, đều là văn-chương tài-học tuyệt-phẩm, đời gọi là Tam-Tô; lại có em gái cũng hay chữ là Tô-liều-muội, đời gọi là phái Mi-son.

Thầy làm quan lịch-duyệt ba triều. Triều Nhân-tôn bảo-thủ mọi sự hủ-bại, thì thầy chủ-trương thuyết cải-cách; đời Thần-lôn cải-cách, pháp-độ biến-loạn, thì thầy chủ-trương thuyết bảo-thủ. Vì thầy chỉ ở cứu đời, không chỉ ở theo đời, một điều ấy đủ làm gương cho vạn-thế, đời gọi thầy là con ngựa câu đi ngược gió, con chim học đứng giữa dòng. Đảng tiều-nhân rất ghét thầy, thiên-phương bách-kế làm cho thầy ra khỏi triều-đình, để đừng sảng-sắc nói việc nữa. Lần thứ nhất thầy bị truất ra Quỳnh-châu. Quỳnh-châu là một cái đảo ngoài bể, tự đây thầy mới được hưởng cái phong-vị đất Hải-nam. Thậm-chí muốn chơi không có bạn, muốn làm vui không có rượu, muốn viết không có giấy, ốm không có thuốc, chỉ hàng ngày súc-tiếp người giao-

khách cảnh thận-lâu (1). Được 11 lâu, vua Thần-tôn lại nhớ đến thầy, chăm-chước đem thầy về Hoàng-châu. là có ý lại muốn dùng. Đấng tiều-nhân lấy làm lo ngại, mà muốn cho thầy chết đi, mới chỉ-trích những câu thơ của thầy làm ra lúc bình-nhật, mà vu cho thầy cái tội phi-báng bề trên. Thầy xuyết chết. May được vua Thần-tôn khoan-dung, thầy mới khỏi chết. Đến triều Tuyên-nhân thái-hậu, gặp-gỡ một vị nữ-trung Nghiêu Thuấn, thầy được làm chức Hàn-lâm học-sĩ, đê-huê với ông Tư-Mã Quang, vì thiên-hạ cứu vớt cái vạ tán-pháp. Chẳng bao lâu bà Tuyên-nhân mất, đấng tiều-nhân lại tiến, đấng quân-tử lại lui. Thầy từ đấy tiêu-dao sơn-thủy, vui thú giang-hồ : « Năm năm-luật mùa thu tháng bảy, ông Tô-công cùng với người quen ; lênh-dênh thả một con thuyền, qua chơi Xích-bích thuậ n miền xuôi sông ». Chừng là thuở đó.

Đến như lịch-sử thầy Nguyễn Du nước ta, thì người nước ta ai ai cũng biết, không phải kể nữa. Chỉ liết rằng thầy là vai khéo cây.

Trái qua một cuộc bề dàu,
 Nững điều trông thấy mà đau đờn
 [lòng.

Ấy là thầy cây đến chữ biến trong
 cuộc đời.

Chém cha cái số hoa đào,
 Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.

Ấy là thầy cây đến chữ số của loài
 người.

Trên vì nước dưới vì nhà,
 Một là đặc-hiểu hai là đặc-trung.

Ấy là thầy cây đến gan óc kẻ trung-
 thân người hiếu-tử.

Thiện-căn ở tại lòng ta,
 Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Ấy là thầy cây đến chữ tâm của
 thánh-hiền.

*
 * *

Nhớ hồi bắt đầu nhà Hồ-nguyên, Hồ-nguyên vốn là giống Mông-cổ, khi ấy dùng võ-lực gồm nuốt nhà Nam-Tống, thống-nhất đất Giang-nam, mới chia nhân vật đất Giang-nam ra là mười hạng, những hạng gì thì chẳng nhớ, chỉ nhớ rằng hạng thứ tám là hạng phùng chèo con hát, hạng thứ chín là hạng nhà Nho, hạng thứ mười là hạng lữ ăn mày. Khi ấy nào là phái học-trò thầy Chu Hi hay bút cây về môn nghĩa-lý, nào là phái học-trò thầy Trần Thục, hay bút cây về môn vương-bá, nào là phái học-trò thầy Lục Du, hay bút cây về môn thơ-văn ; nào là phái bạn-bè thầy Tạ Phong-Phắc, hay bút cây về môn lễ-nghĩa liêm-sĩ, nhất-luật bị xếp cả vào hạng nhân-vật thứ chín. Thế là con nhà bút-canh đã phải ở dưới hạng phùng chèo con hát, mà chỉ được ở trên một hạng cuối cùng nữa, là hạng ăn mày mà thôi !

Khi ấy con nhà bút-canh cũng có lắm người đối với cuộc đời tỏ ra ý hờn-giận bì-quan, cho rằng con nhà bút-canh sĩ-nhục đến thế là cùng, vô-dụng đến thế là cực. Duy có bọn môn-đồ thầy Diệp Thích vẫn tỏ ra ý lạc-quan, buông văn khuya sớm thành-thời, đối với cuộc đời không những chẳng lấy làm sĩ-nhục, mà dường như lại cho làm vinh-hạnh. Sau có người hỏi thì đáp rằng : « Đời là đời loạn, kẻ phùng chèo con hát còn có nghề đặc-dụng, chứ nhà Nho thì đặc-dụng gì, nay ở trên hạng ăn mày chẳng đã phải ư ? Tuy vậy tu được lên bậc người ở trên hạng ăn mày, tưởng cũng đã thành-hiền rồi đấy, chưa hồ dễ đâu. Người quân-tử chỉ nên chính lấy tâm, tu lấy thân, rèn-

(1) Giao-khách cảnh thận-lâu = Thứ quang-cảnh kỳ-ảo ở trên mặt bẻ.

tập lấy sự-nghiệp, sửa-sang lấy đức-hạnh, giữ-gìn lấy khí-tiết, miễn sao cho khỏi truy-lạc xuống hạng người ăn-mày, ấy là cái chức-vụ của nhà Nho. Muốn biết cái chân-tướng hạng ăn-mày thế nào, sao chẳng đọc sách Mạnh-tử!

Nay nhân ý ấy mà suy thì sách Mạnh-tử có kể ra người nước Tề có một thế một thiếp, đi ra ngoài thì khúm-núm xin đồ cúng lễ thừa, về nhà thì kiêu-căng với thế-thiếp, ấy là cái chân-tướng hạng người ăn mày. Xem thế thì con nhà bút-canh gặp đời loạn, lại càng chỉ nên tu lấy phẩm-giá, vui về đạo-lý, cũng không nên oán gì cuộc đời.

Các nhà kể ra như tiên, tự thầy Giả Nghị, thầy Đồng Trọng-Thư trở xuống, cho đến bọn học-trò thầy Chu Hi, thầy Diệp Thích trở lên, đều là các nhà đại-bút-canh mà đều gặp năm mất mùa cả. Nhưng phải biết rằng đó là ông trời kia đặc-biệt thành-tựu cho con nhà bút-canh vậy. Con nhà bút-canh có biết hay chẳng? Nếu con nhà bút-canh mà không có kẻ ngấm-nguýt ghét-ghen, thì ai là thầy Giả thầy Đồng. Con nhà bút-canh mà đi đến đâu cũng gặp người tri-kỷ thì ai là thầy Dương Hùng. Con nhà bút-canh mà sẵn nên phú-quí, sẵn miếng công-hầu, thì ai là

thầy Lý Bạch thầy Đỗ Phủ. Con nhà bút-canh mà gặp những buổi bốn phương phẳng-lặng, hai kinh vũng-vàng, thì ai là thầy Nguyễn Du. Con nhà bút-canh mà không có kẻ muốn chìm xuống đến đất đen, thì ai là thầy Hàn, thầy Liễu, thầy Tô. Con nhà bút-canh mà đi đến đâu cũng được người ta tặng-bốc lên như trời, thì ai là thầy Chu Hi thầy Diệp Thích?

Mà lạ thay! Cuộc đời càng khắt-khe bao nhiêu, thì sự-nghiệp con nhà bút-canh lại càng bành-trướng bấy nhiêu, kết-quả của con nhà bút-canh lại chẳng phải là được mùa đầy dư? Duy lại phải biết rằng sự được mùa của con nhà bút-canh, không ở về miếng béo-bở nông-nàn, mà ở miếng chua-cay thú-vị; không ở về chốn trào-lưu nghênh-hợp, mà ở về chốn học-lực thâm-trầm; không ở về nơi chiêu-bài yết-thị, mà ở về nơi kho đụn bảo-tàng; không ở về cái ảnh-hưởng nhất-thời, mà ở về cái ảnh-hưởng vạn-thế. Ấy sự mất mùa là thế, mà sự được mùa là thế. Nay dám khuyên những kẻ mờ-hôi nước mắt, về trưa đi sớm, cứ nên gia-công mà cấy sâu bừa kỹ trong làng bút-canh.

TÙNG-VÂN



Lược-khảo về sự tiến-hóa của quốc-văn trong lời viết tiểu-thuyết

Hiện-thời nếu có một người nào dám công-nhiên hạ lời khinh rẻ chữ quốc-ngữ, dầu là viện lẽ gì mặc lòng, tức-khắc sẽ bị lôi ngay ra giữa tòa-án dư-lận trong toàn-quốc. Ở trên mặt báo-chí, người ấy sẽ học được những bài học khôn là phải biết tôn-trọng quốc-ngữ, sẽ biết giá-trị và công-dụng của quốc-ngữ, sẽ thấy cơ-quan và thế-lực của quốc-ngữ ngày nay mạnh-mẽ là dường nào.

So lại với ngoài mười năm về trước, tình-cảnh đã khác xa lắm. Lúc ấy một phái tân-học bầy còn công-nhiên khinh-rẻ nó, cho là một thứ tiếng nghèo-hèn không đáng để dùng trong sự giao-thiệp hằng ngày cũng như trong sự truyền-bá tư-trởng mới. Nói tiếng Tây xem nó bệ-vệ, mạnh-mẽ, sang-trọng hơn. Một tờ báo quốc-ngữ buổi bấy giờ, dưới mắt phần đông quốc-dân vẫn không giá-trị gì lắm. Đấy, một thời-kỳ nguy-hiểm nhất của quốc-ngữ, dưới cái thế-lực mạnh-bạo của chữ Tây, xem chừng nó rất dễ mà tiêu-trầm mai-một. Trái lại nó vẫn sống. Ban đầu nó sống ở những câu đả-ca chất-thực, hay ở trên lời thơ thâm-trầm lưu truyền trong dân-gian, sau nó sống gửi trên ngọn bút của một ít nhà văn-sĩ đã đem tấm lòng nhiệt-thành mong chấn-chỉnh bồi-bổ nó cho nên một nền văn đứng-dấn. Thế là nó sống. Trải qua cái thời-kỳ ấy, nó lại sống một cách mạnh-mẽ, tươi-tĩnh, vẻ-vang, trông cái vẻ sinh-hoạt hiện-thời, khiến cho người ta càng có hi-vọng về cuộc đời mai-hậu.

Lại từ đây, nó còn tiến-hóa nữa, nhiều hơn, mạnh hơn, chóng hơn, không biết chừng hạn nào lượng được, do ở tấm lòng trung-hậu nhiệt-

thành của những người yêu nó, qui nó thờ nó như yêu, như qui, như thờ thần ái-tình vậy.

Về phương-diện nào, quốc-ngữ cũng có tiến. Số sách xuất-bản bày trên các hàng sách hiện-thời làm chứng cho sự tiến-hóa ấy. Tuy - nhiên, nhiều thì nhiều mà chưa chắc toàn là hay hết cả. Song, số sách xuất-bản nhiều tức là số người đọc nhiều, có người đọc nhiều tất sẽ có người viết nhiều, thì cái cơ thịnh-vượng phong-phú của quốc-ngữ, vẫn có hi-vọng nòng-nàn được.

Trong số sách xuất-bản ấy, quá nửa là sách tiểu-thuyết. Văn tiểu-thuyết là món văn thịnh-hành nhất đời nay, không những sách xuất-bản đã nhiều mà trên các báo-chí, bất-kỳ báo nào, đều có để riêng một phần cho tiểu-thuyết. Trong buổi mới gây-dựng, cầu lấy cái tốt cái hay, vẫn hiếm lắm. Người viết văn cũng mới học viết, người đọc văn cũng chưa chắc đã sành-sõi, phần nhiều cứ có sách là đọc, không cần cân-nhắc câu văn hay dở ra làm sao, miễn hiểu được chuyện là đủ. Bởi thế khó mà nhận ra giá-trị của một bộ tiểu-thuyết.

Nói đến tiểu-thuyết, đại-khái có thể phân-biệt ra hai phần lớn : kết-cấu và phó-diễn.

Kết-cấu là dùng trí tưởng-tượng hay nhân một sự gì đã xảy ra, thu-xếp sửa-soạn cho thành một câu chuyện có đầu đuôi, có manh-mối, trước sau liên-tiếp với nhau, khiến cho người đọc vẫn tin là một chuyện thật có được. Phần kết-cấu vẫn khó, nếu kết-cấu

không khéo dễ làm một-hứng trong khi đọc sách, lại có thể khiến cho người đọc sinh chán.

Kết-cấu nếu đã là phần cốt-yếu thì phần phó-diễn cũng không phải không quan-trọng. Giá-trị của một bộ tiêu-thuyết có lẽ do ở phần phó-diễn nhiều hơn. Phần phó-diễn tức là phần văn-chương dùng để tả cảnh, tả tình, tả người, tả truyện, nếu lời văn hay thì khiến cho độc-giả như chìm-dắm, như mơ-màng, như say-sưa, lắm lúc lại đặt mình vào một địa-vị nào của người trong truyện.

Trong sách *Khảo về tiêu-thuyết*, ông Phạm Quỳnh đã có nói rằng: « Văn tiêu-thuyết phải là cái «văn sinh-hoạt»; phần kết-cấu đã ví như cái bộ xương trong tiêu-thuyết thì phần văn-chương tức là da, là thịt, là máu, là gân; xương là cốt ở trong, mà khí sinh-hoạt chính là ở gân, ở máu, ở thịt, ở da bao-bọc, giàng-buộc, tằm-thấm ở ngoài vậy. Kết-cấu vụng mà phó-diễn khéo có lẽ người không sành không nhận ngay được; nhưng đặt chuyện mà hành-văn vụng thì dẫu người không sành cũng biết được ngay, và bộ tiêu-thuyết nhân đó mất nửa giá-trị vậy ».

Xem đây thì biết phần văn-chương trong tiêu-thuyết quan-trọng là dường nào, thì người đọc văn lắt không thể không kén văn được. Lại theo như lời ông Phạm Quỳnh, «văn tiêu-thuyết phải là cái văn sinh-hoạt », nó bao gồm đủ các lối văn khác. Người ta thường phân-biệt sách nào không phải là giao-khoa, luận-thuyết, khảo-cứu, thơ-ca thì là tiêu-thuyết cả. Nhưng xét kỹ ra thì văn tiêu-thuyết vẫn gồm được các lối văn ấy, là vì những nhân-vật mô-tả trong tiêu-thuyết đều là hình-ảnh của các hạng người trong xã-hội, từ chỗ suy-nghĩ, lời nói việc làm của các nhà giáo-dục, triết-lý, khảo-cứu, thi-nhân, vẫn không thể thiếu sót một vai nào cả.

Văn tiêu-thuyết bởi vậy rộng - rãi lắm. Viết được quyền tiêu-thuyết cho hay đã khó, mà đọc tiêu-thuyết cho sành cũng không dễ. Nhưng đã xem đọc, tất phải tìm-tòi hiểu được câu văn thì mới nhận thấy chân-vị của tiêu-thuyết.

Nghe tiếng đàn, biết phân-biệt điệu cao thấp mới lĩnh-hội lý-thú của đường tơ, thì xem sách cũng phải biết phân-biệt lời hay dở mới lĩnh hội lý-thú của câu văn vậy. Và lại cái hay của văn-chương vẫn là vô-cùng, khó đem bày vẽ trên lời nói, có cái hay ở cách chọi chữ đối câu, đọc lên nghe réo-rất êm-dềm như cung đàn khúc hát, nhưng bấy nhiêu đó đã là thắm gì. Ông Phan Kế-Bình từng kể cái hay của văn-chương trong sách *Việt-Hán văn-khảo*, ông bảo rằng: « Văn-chương không phải gọt từng chữ luyện từng câu la hay, không phải đặt lẩy kén-khieu, đọc lẩy rền-rĩ là hay, cũng không phải chấp-chỉnh câu biền câu ngẫu, kỳ-khu chỗ phượng chạm rồng là hay. Hay là hay ở tư-tưởng cao, hay là hay ở kiến-thức rộng, hay là hay ở lời bàn thấu lý, hay là hay ở câu nói đạt tình. Có cái hay kỳ-cổ, có cái hay hùng-kiệt, có cái hay hồn-hậu, có cái hay thanh-sảng, có cái hay bóng-bẩy như vàng trắng dưới nước, như cành hoa trong gương; có cái hay man-mác như gió phẩy mặt nước, như sao mọc trên trời, có cái hay rục-rỡ như thêu hoa dệt gấm, có cái hay qui-báu, như nhả ngọc phun châu ».

Lời nói ấy đã hình-dung được cái hay của văn-chương nhiều lắm, mà riêng gồm bao nhiêu cái hay đó, duy có tiêu-thuyết mà thôi.

Xét lại trong ngoài mười năm nay, lối văn tiêu-thuyết của ta, kể chung cả đoán-thiên, trường-thiên, hoặc in tản-mác ở các báo-chí hoặc xuất-bản thành sách, đã sản-xuất lắm thiên có thể bảo là hoa thơm quả đẹp trong rừng văn ta vậy. Nay thử đi lần theo cái trào-

lưu tiến-hóa của lối văn ấy từ lúc phát-nguyên đến hiện-thời, lấy sở-kiến riêng trích-lục các đoạn văn hay, tùy theo bút-pháp của các nhà văn, so-sánh những sự thay đổi trong lối viết văn, nếu may mà được biểu-dương *thê-tài* của các vị văn-gia đã gia công gắng sức với chữ nước nhà cho được nhiều người biết thêm nữa, thiết-tưởng cũng là cái công-việc, lại là cái vui-thú của kẻ đọc sách vậy.

* *

Gọi là tiền-thuyết theo nghĩa hiện-thời, thì ở nước ta vừa nhóm lên ngoài mười năm nay.

Vả lại lối viết văn xuôi bằng quốc-ngữ, cũng chỉ bắt đầu trong đôi ba mươi năm nay, một người viết một *thê*, hay dở tùy biệt-tài của từng người, không có *thê-cách* phép-tắc dạy bảo nhau được. Người tân-học câu văn theo lối Tây, người cựu-học ngọn bút giữ lối Tàu, mà lối văn viết theo Tàu lại thịnh-hành hơn, là vì buổi ấy bên cựu-học hầy còn nhiều.

Đại-khái trong cách viết văn theo Tàu thì chọn từng chữ, luyện từng câu cho đối chọi nhau, cầu đọc cho kêu đối cho chỉnh, phảng-phất lối văn *biền-ngẫu*, như trong bài *Cảm xuân* của ông Đàm-xuyên :

Trời đê-nhất tốt là xuân, người đê-nhất vui là tết. Rét đi ấm lại, xuân nọ xuân kia, tháng trọn ngày qua, tết này tết khác. Trăm hoa tươi-lắn mở môi cười đón gió đông, muôn họ vang-lừng réo miệng chúc mừng năm mới. Phong-quang vô-hạn, cảnh - thú xiết bao ! Nhưng mà ác bay thỏ lới, trời kia xuân mãi không già ; ngựa chạy thoi đưa, người nhè tết càng thêm trẻ. Tết không quanh lại ! Xuân có chờ ai ! Vậy nên trông con én trắng, yêu xuân mà lại ngán cho xuân. Ngó cụm hoa hồng, thấy tết mà lại lo vì tết.

Nam-Phong số 19

Bài *Ngày xuân đi chơi núi* của bà Đàm-phương cũng có thể làm mẫu cho lối văn ấy :

Đào sây - sưa thắm, hớn-hở chào xuân, liễu nõn-nà xanh, dịu-dàng trước gió ; oanh chào ngô hạnh, gần xa nô-nức tiếng oanh ; én liệng vườn mai, cao thấp nhõn-nhờ cánh én. Xuân-quang vô-hạn, yêu cảnh biết bao ! Đầy đười ngựa lại xe qua, rục-rở quần điều áo ngải. Chen chân kẻ ngược người xuôi, lố-nhố mũ đen dù trắng...

Nam-Phong số 20

Giọng văn đọc lên kêu lăm. Lại có nhịp-nhàng âm-vận từa-tựa một bài thơ. Nhưng đã là văn xuôi mà viết như thế thì ngòi bút không tự-do, lúc nào cũng bị bó-buộc trong sự đối chọi, thành thử kém về tự-nhiên, không tiêu-biểu được *thê-tài* riêng của từng người, và cũng không thể diễn hết cái tình cảm-xúc ở trong lòng, hay tả cho đúng những cảnh-vật bên ngoài. Lại như đối mà không chan-chát từng chữ một, hay một chữ nào phải dùng ép vào thì câu văn sống-sượng khó nghe như khúc đàn đang thành-thót du-duong mà bỗng ngang cung lồi nhịp. Điều văn ấy, hởi vậy cho vào *tiền-thuyết* không đặc-dụng được. Tất-nhiên phải viết một cách nào khác hơn, vừa tự-do vừa rõ-ràng hơn. Thì mở một lối mới trong làng *tiền-thuyết*, tôi được biết có ngọn bút ông Phạm Duy-Tồn là sớm-sủa nhất.

Ông sở-trường môn đoán - thiên *tiền thuyết*, lại có tài về lối *tả-chân*. Từ cách kết-cấu, từ lời phô-diễn đều mới-mẻ, gọn-gàng sáng-sủa, giống hệt như lối văn *l'háp*. Cứ đọc một bài *Sống chết mặc bay* cũng đủ hiểu qua *thê-tài* của ông.

Bài ấy nguyên đăng báo *Nam-Phong* số 18, sách *Quốc-văn trích-diễm* rút lại làm bài tập đọc ở các cao-đẳng *tiền-học*, nhờ vậy trong học-giới được

nhiều người biết đến. Tác-giả bày ra hai cảnh-tượng tương-phản, một bên là lũ dân-phu hàng trăm ngàn con người đang bị-bôm dưới bùn lầy, cố sức giữ lấy khúc đê làng bị nước lên gần vỡ, một bên là quan phụ-mẫu thì ung-dung bề-vệ ngồi đánh bài với bọn đê-lại trong đình, dường như không hay biết gì đến chuyện xảy ra bên ngoài cách đó chừng bốn năm trăm thước. Cuối cùng đê vỡ, lại vỡ trong lúc ván bài ngài còn dở-dang.

... Thốt-nhiên một người nhà quê, mình-mẩy lấm-láp, lắt-tả chạy xông vào, thở không ra lời :

— Bầm,... quan lớn,... đê vỡ rồi!

Quan-lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng :

— Hé vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cách cỡ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không?... Linh đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xông-xộc vào đây như vậy? Không còn phép-tắc gì nữa à?

-- Dạ, bầm...

— Đuối cỡ nó : a!

(Sống chết mặc bay)

Đấy, cốt-yếu của câu chuyện. Về cách pho-diễn, tác-giả cứ chằm-rải, lần-lượt kể ra bằng lời văn tự-nhiên, gọn-gắt rõ-ràng, như một người thợ vẽ tỉ-mỉ từng nét một :

Gần một giờ đêm, trời mưa tầm-tã, nước sông Nhị-hà lên to quá; khúc đê làng... thuộc phủ... xem chừng núng thế lắm, không khéo thì vỡ mất.

Dân-phu kê hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức gìn-giữ, kẻ thì thò-dụng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bị-bôm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân, người nào người ấy lướt-thướt như chuột lột. Tình-cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên-thanh, ốc thổi vô-hời, tiếng người xao-xác, gọi nhau sang-hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng

mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời mưa vẫn tầm-tã trút xuống, dưới sông thời nước cuồn-cuộn bốc lên. Than ôi! sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất Ngoài kia tuy mưa gió ầm ầm, dân-phu rối-rít; nhưng trong này xem chừng tĩnh-mịch nghiêm-trang lắm, trừ quan phụ-mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất-vả lấm-láp, gọi gió lấm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn-nhã, dường-bệ nguy-nga : nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới; người nhà, lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi-vệ tôn-nghiêm, như thần như thánh. Tỉnh-thoảng nghe tiếng quan phụ-mẫu gọi : « Điều, này! » tiếng tên lính thưa : « Dạ »; tiếng thầy Đê hỏi : « Bầm, bốc? » tiếng quan lớn truyền : « Ủ »-Kẻ này : « Bạt sách... ăn », người kia : « Thất-văn... phỗng », lúc mau, lúc khoan, ung-dung êm-ái, khi cười khi nói, vui-vẻ dịu-dàng. Thật là lớn-kính, xứng-dáng với một vị phúc-tinh...

(Sống chết mặc bay)

Vấn dùng một lối văn tả-chân, câu văn vừa giản-dị vừa gọn-gàng, vẫn đem cái trí sáng-suốt quan-sát những việc xảy ra hàng ngày trong xã-hội, có lẽ người đời đã cho là sự thường, nhưng đối với ông thì là chuyện đáng thương-tâm, ông khéo dùng lời văn pho-diễn ra một cách tài-tình, khiến cho khi đọc xong, tự-nhiên phát-sinh ra một mối cảm-động sâu-xa vô-hạn.

Kể những thiên tiểu-thuyết của ông, có lẽ bài « Nước đời lấm nổi » là thương-tâm nhất. Trong ấy ông tả cái tính bạo-ngược của một người chồng, vì túng tiền chơi-bời mà sinh ra chủi mắng đánh đập một người vợ hiền-lành, thùy-mị, đến nỗi sau trận đòn ấy mà hoa tàn trắng khuyết. Tội giết người, cái tội to

lớn thế mà kẻ thù phạm vào công-nhiên tự-do đối với xã-hội, với pháp-luật, làm chứng cho lẫn thảm-kịch, chỉ có một đứa con trong nhà, một cậu bé không ngoài 14 tuổi, nhân đây mà lòng thơ tan-nát, đến thành một kẻ yếm-thế.

Bỗng một đêm, xảy ra sự góm-ghè, làm cho tôi suốt đời không lúc nào quên được. Đêm hôm ấy, trời mưa rêu-rỉ, gió thổi hắt-hiu, cảnh vật tựa-hồ như xui nhau mà làm cho cái li-kịch càng thêm thê-thảm. Tôi vừa mới thiu-thiu chợp ngủ, thốt-nhiên nghe thấy ở phòng bên cạnh là nơi cha mẹ tôi nằm, có tiếng âm-âm như thể hai người cãi nhau. Tôi bèn vùng quàng trở dậy, sẽ bước xuống đất rón-rén lại gần nghe, thì quả-nhiên thấy tiếng cha tôi quát tháo rằng :

— Tao đã nói tao cần đến tiền, thì mày phải đưa mấy cái văn-tự ấy cho tao. Nhược-bằng mày cứ kháng-khăng một mực không đưa, thì đừng có trách tao là người bội-bạc, nhé !

Mẹ tôi kháng-khái đáp rằng :

— Văn-tự ấy, có phải của thầy đầu, mà thầy đòi tôi chữ ? Chẳng qua là của riêng cha mẹ tôi để lại cho tôi, thì bây giờ tôi lại giữ lấy cho thằng con tôi, để về sau nó khỏi liếm lá đầu chợ. Chữ chắc gì vào thầy nữa bây giờ ? Công-nhiệp thầy đã phá tan-nát cả rồi. Nay còn chút vốn riêng, để về sau mẹ con tôi nuôi nhau, thầy lại toan lột hết, đem cho đi nốt, hay sao ? Khi nào tôi có chịu ! Thầy muốn làm gì thì làm. Tùy ý.

Tôi nghe thấy nói làm vậy, tưởng chừng sét đánh lưng trời. Trong người tôi còn đương bàng-hoàng, như mê chưa tỉnh, phút nghe tiếng « huỳnh-huych » ở phòng bên. Tôi vội vàng mở hé cửa dòm sang, thì thấy cha tôi một tay bóp cổ mẹ tôi ấn xuống giường, còn một tay thì nắm tóc, tôi tắm cả mặt mũi lại.

Đầu tóc mẹ tôi rũ-rượi, hai tay mẹ tôi giờ để đỡ đôn, nhưng mà không lại.

Còn cha tôi thì như người điên cuồng, cứ hàm-hở bọ dâu đánh đấy, mẹ tôi ngã lăn từ trên giường xuống đất, mà không kêu, không khóc, chỉ thấy hai tay bưng lấy mặt, nằm im. Cha tôi lật sấp mẹ tôi xuống đất, rồi thượng cẳng tay, hạ cẳng chân, đấm đá mẹ tôi vô-hồi kỳ-trận, mãi mãi mà vẫn không thôi.

— Anh ơi, anh ơi ! tôi trông thấy thể hốt-hoảng kinh-thần, tưởng chừng trời đất lở. Tôi sợ hãi quá, bèn kêu lên một tiếng to. Cha tôi ngoảnh lại, trông thấy tôi, liền buông mẹ tôi ra. Còn tôi, khiếp đảm kinh-thần, ù té chạy trốn xuống bếp, ngồi cho đến sáng.

Hôm sau, mẹ tôi băng-huyết, thụ bệnh, trùm chăn nằm ở trên giường. Khi tôi vào thăm, chỉ ôm lấy đầu tôi mà nức nở khóc, chẳng nói được câu gì. Còn cha tôi thì lại cứ như thường, không nói-năng gì đến chuyện đó cả.

Cách mấy ngày thì mẹ tôi chết, nghe đầu như có mang được hai ba tháng...

Nước đời lắm nỗi, Nam-Phong số 23

Đồng-thời ông Phạm Duy-Tốn, trên mặt báo Nam-Phong lúc bấy giờ — khoảng năm 1910-1921 — lần lượt thấy đăng những bài tiểu-thuyết ngắn của ông Nguyễn Bá-Học. Ông là một nhà giáo mới, nhưng vốn là bậc túc-nho, lại là nhà đạo-đức.

Tiểu-thuyết của ông đều thuộc về lối cảnh-thế, cho đến những bài văn hoạt-kê, như: *Một nhà bác-học*, *A! chuyện chiêm-bao*, v. v., cũng không ngoài cái ý ấy. Ông viết tiểu-thuyết, cốt-yếu ở lập-ý, dường như ông không chú-trọng về phần văn-chương lắm. Vốn tôn-trọng đạo-đức, ông không cho văn-chương là quý, bảo rằng: « Văn-chương với đạo-đức thường không có quan-hệ với nhau: xưa có người, kẻ trong đạo-đức thì là kẻ có tội, mà văn hay truyền-tụng còn đến bây giờ. Vì chính-trị có luật-phép, mà văn-

chương không có luật-phép, cho nên khen văn chưa hẳn là yêu người mà luận người cũng không ở văn-tự ». Song cứ như câu « văn tức là người », so xem lời nói trên kia, tự-nhiên có thể hiểu ông được. Ngoài « *Lời khuyên học-trò* », toàn là lời vàng tiếng ngọc, nghiêm-trang mà thâm-thúy của một bậc mô-phạm đứng-đầu, thì những bài tiêu-thuyết, chẳng qua ông muốn thay đổi giọng văn cho bớt vẻ xương-nghiêm cồ-kinh, nhưng không bao giờ không ngụ-ý răn đời. *Truyện cô Chiêu Nhi*, truyện một người con gái, thuở bé sinh-trưởng trong nhà danh-vọng, quen thói đài-các, tập tính xa-hoa, hóa ra hư thân mất nết, kết-cục làm kẻ ăn mày, gửi thân với một tên phu-điểm trong làng, ông mở đầu bằng một đoạn luận-lý :

Cồ-nhân có cảnh-ngôn rằng : « Con nhà giàu hay xa-xỉ, con nhà sang hay kiêu-cãnh », thật như vậy. Nhà giàu ăn tất cao-lương, mặc tất gấm vóc, ở tất lâu-đài, đi tất xe ngựa, thị-dục càng ngày càng nhiều, dụng-độ càng ngày càng rộng, như thế muốn cho con em có thói cần-kiệm làm sao được. Thực chưa hề có dạy con xa-xỉ, mà xa-xỉ thành ra cái thói quen. Nhà sang gọi có người dạy, bảo có người vâng, nói đỡ không ai dám chê, làm đỡ không ai dám bẻ, tai chỉ nghe những tiếng phỉnh-nịnh, mắt chỉ trông những người xu-phụ, như thế mà muốn cho con em có thói khiêm nhường làm sao được. Thực không hề dạy con kiêu-cãnh, mà kiêu-cãnh đã thành cái thiên tính.

Than ôi ! xa-xỉ tất là bại-gia, kiêu-cãnh tất là bại-đức. Vậy giàu-sang là cái hạnh-phúc hiện-thời, biết đâu không phải là cái di-hoạn cho con cháu ! Cồ-thi có câu rằng :

Phú-quí bất dâm bần-tiện lạc,
Nam-nhi đáo thứ thị hào-hùng.

Người không hào-hùng mà phú-quí chẳng cũng nguy lắm ru ? Cho nên giáo-dục ở trong nhà nghèo hèn thời dễ, giáo-dục ở trong nhà phú-quí thời khó.

Sau đoạn luận-lý ấy ông khởi đầu câu chuyện :

Kỳ-giả vốn là người kinh-dô, nhân đi thiết-trương và lưu-ngụ lính xa, cứ mỗi ngày hưu-hạ, lại về câu-lưu ít ngày mà hưởng cái cố-viên phong-vị. Mới hơn mười năm nay phong-khí mở-mang, việc đời thay đổi, y-quan đệ-trạch đều không còn cái quang-cảnh cựu-thời, khiến người du-lãm mỗi nơi đều có cái tích-kim quan-cảm...

Đọc văn ông tự-khắc biết ngay là ở ngọn bút của một bậc túc-nho, hay dùng nhiều chữ Tàu, như : « cố-viên phong-vị, y-quan đệ-trạch, tích-kim quan-cảm », những chữ ấy đã có thanh-âm tốt lại ý-nghĩa hay, thường gặp trong các bài danh-văn Tàu, đọc lên có tinh-thần ý-vị lắm. Tuy vậy văn ông vẫn cồ-kinh bình-đạm, ít kiểu-sức hoa-mỹ, vì ông bao giờ cũng chuộng ý hơn chuộng từ, nhưng dầu sao trên lời nói của bậc túc-học, về văn-chương vẫn láng-lai tuôn theo ngọn bút. Dưới đây một đoạn văn trong *Truyện cô Chiêu Nhi* kể cái bước khốn-cùng của cô sau khi đọa-lạc :

Bây giờ có Chiêu như bóng liễu dính đất bùn, hoa thơm đã rơi lỗ hổng. Bao nhiêu người khi trước được biết có là vinh, bây giờ lại lấy quen có là nhục. Thấy bóng có ai cũng lánh mặt, nghe tiếng có ai cũng bĩu mồm. Than ôi ! vừa mới ngày nào thân vàng vóc ngọc, mi-miêu thay một vị tuyết-diệu giai-nhân ; nay đã bẽ-bàng thay lá rụng hou rơi, thành ra một uế-vật trong đường, không ai thèm ngó đến !

Đang lúc đêm đông, mưa phùn gió bắc, đường vắng người đi, trời đen như mực. Có Chiêu mình mặc cái áo lông rách, so-ro như cò bị bão, đứng dưới đầu

*hè nhà người ta, ruột đói như cào, con
nghiện đã đến, đừng không vừng, dựa
mình vào tường mơ-màng trông thấy
mẹ, mặt giận hằm-hằm như thấy con
không nghe lời di-chúc.*

*Than ôi! Lỡ-làng một giọt mưa sa,
đường cùng thân gái biết là về đâu?...*

Cùng trong hồi ấy, sách tiểu-thuyết xuất-bản cũng nhiều. Hầu hết là dịch của Tàu, xét ra phần đặc-sắc vẫn ít.

Cách kết-cấu thường không khéo, về phần pho-diễn đại-khái chia thành từng chương, mở đầu mỗi chương bằng một đoạn văn tả-cảnh lẽ-lối tùy thời-tiết, mùa xuân thì liễu mùa đào cười, mùa thu thì sen tàn cúc nở. Câu văn cho đến văn tả-cảnh cũng đối chọi nhau, thỉnh-thoảng chen vào một vài câu thơ lục-bát, nếu trích ra từng câu một, hoặc cũng thật hay, mà cho vào tiểu-thuyết trước sau mạch văn cứ thế mãi, dễ lấy làm chán. Tả cảnh cũng không diễn hết mọi vẻ phong-quang của non nước, tả tình cũng không hình-dung được mọi nỗi u-ân trong đáy lòng, chính là cái khuyết-diểm chung của lối văn gọt đẽo quá.

Vả lại dịch văn là một sự khó, và dịch những quyển truyện giá-trị đặc-biệt về mặt văn-chương lại là một điều khó nhất. Cần phải có biệt-tài, mà một phần tim-óc riêng của dịch-giả cũng bày lên mặt giấy, bởi thế nên tuy là tiểu-thuyết phiên-dịch ở nước khác mà cũng là của riêng ta vậy.

Kể trong các tiểu-thuyết dịch của Tàu, quyển *Tuyết-hồng lệ-sử* của ông Đoàn Tư-Thuật là đặc-sắc lắm. Lúc mới ra đời về năm 1923, trước nhất đăng báo *Nam-Phong*, sau in thành sách, quyển *Tuyết-hồng* đã trải qua nhiều lần công-kích bởi là một thứ ngôn-tình tiểu-thuyết. Thì cũng như trăm ngàn câu chuyện tình khác, trai tơ gái góa cùng khách văn-chương, vì

bụng liên-tài mà qui mền nhau, nhưng yêu nhau đã đành, lấy nhau không được, chấp nối đường tơ nhờ em thế chị, cũng mong kết-liều một cuộc tình-duyên bẽ-bàng, không ngờ mà máu chảy hoa tàn, một đôi chị em trước sau cùng chết, kể chuyện tình như thế cũng không gì đáng nghiêm-trách lắm. Tuy đắm đuối trong biển tình, nhưng vẫn giữ tấm lòng sương-tuyết, trông hoa đèn khỏi thẹn mình, nhìn gương không hổ bóng, thì dầu chẳng là cái gương tốt cho đời cũng không đến là cái thói xấu. Huống - chi, khởi tình người ta vẫn có nhiều vẻ ly-kỳ u-ân, không thể vạch một đường thẳng buộc ai nấy cùng bước theo một lối. Quyển *Tuyết-hồng* sở dĩ bị công-kích là bởi lời văn hay, khiến cho người xem đọc dễ say-sưa mê-mẩn, mà về sau các nhà dịch truyện tàu xem chừng ảnh-hưởng ở đây nhiều. Cùng một thứ văn phát ra ở ngọn bút nhỏ, cũng đối-đáp cũng nhịp-nhàng, nhưng được hoạt-dộng luôn, vừa mới-mẻ lại vừa gọn-gàng, vừa êm-ái lại vừa nhanh-nhẹn.

Truyện viết theo thể nhật-ký, một phần lớn trong truyện là thơ giấy di về của hai người chủ-động, Mộng-Hà với Lê-Ánh, cứ xem một bức thơ của Lê-Ánh có thể hiểu đại-lược điệu văn toàn-truyện.

Thư rằng :

** Bức thư đưa sang, bóng đèn hoa
mắt. Thắp hương đọc khắp lời văn
châu-báu, dễ xui người thương cảm
lắm. Biển trần mông-mênh, buồng xuân
lạnh-lẽo, hãy còn có người nghĩ đến kẻ
bạc-mệnh này ư? Thế thì Lê-Ánh may
lắm, nhưng chính là sự rất không may
cho Lê-Ánh. Lê-Ánh không ra gì, lọt
khỏi lòng mẹ đã đeo ngay khối sầu ra;
biết chữ chi chung, phô tài cho con Lạo
ghét. Trong gác Thúy-vi, gió khuấy
không tới, trên lầu Yến-tử, trăng soi*

một mình; nghìn xưa cái kiếp má-hồng, ai ai cũng vậy, hễ thừa chữ tài thì thiếu chữ ngộ, đẹp vì sắc thì xấu về duyên, có một mình gì Lê-Ảnh này đâu? Người ta gặp sự không may, phải lùi lại một bước mà nghĩ thì khắc phải đánh lòng. Lê-Ảnh nay tự nghĩ thân mình, chút trộm phần sơn phấn, hơi biết một đôi điều chỉnh, đúng lẽ là người bạc-mệnh, may không đến nỗi lạc bước phong-trần, hương rơi hoa rụng đã là phúc lắm. Bây giờ: buồng hương một bóng năm canh, lĩnh bao nhiêu lại giạt mình bấy nhiêu, non xuân sâu khóa trăm chiều, trộm chần mộng cũng không theo hồn về. Cửa sổ soi gương, con yêng không buồn hỏi chủ; bờ ao ngấm bóng, uyên-ương nó cũng cười mình; những tình-cảnh ấy thật không vui thú gì nữa. Nếu Lê-Ảnh ngu-tối không nghĩ ra, liêu thân hoại thể, tửu phạt hồn duyên, hồi-vấn cố đệ, chốn dạ-đài còn gửi cho ai, giọt lệ chưa khô, sóng biển khổ nước triều dâng mãi. Rồi đến nỗi: đem hồn bồ-liễu làm ma đoan-tràng, thiệt đời tài-sắc, cắt đường ái-ân. Lê-Ảnh nghĩ đến câu ấy thì xót-xa, lại thương nhân câu ấy mà khuyên-giải vậy.

Từ khi được cao-sĩ đến đây, Bằng-Lang may có phúc được nhờ ơn tác-thành. Lê-Ảnh vô-duyên chưa được thừa-nhan lần nào, hồ phận hoa hèn liễu yếu, dám đâu giữ chuyện văn-thơ, nghe tài uyên-lãng tiên-quỳnh, lưỡng trộm say lòng qui-hoặc.

Hôm hôm trước ba canh dưới nguyệt, thăm mả hoa lê, trước bóng ngọn đèn, ngấm câu giai-lúc, xui Lê-Ảnh một tấm tình ngây, như say như tỉnh, nghĩ quân-tử mười phần tài-diện, thêm kính thêm yêu, nghìn thu sau trước, giống đa-tình là khách văn-nhân; một kiếp phong-lưu, nghề cảm-hứng bạn đời danh-sĩ.

Than ôi! nghĩ như chàng tài cao bằng trời, tình sâu như biển, đi đâu mà

không dặt được cái tài, chỗ nào mà không gửi được cái tình, mà đến cái đất đoan-trường này, gặp cái người vô-duyên này, một ngày nên nghĩa trước lạ sau quen, xem trong bức thư hình như không thể sao cắt được mối tình nữa.

Lê-Ảnh đầu ngu-tối cũng xin cảm-tạ, chỉ nghĩ rằng: tình đã muộn, phúc đã bạc, chỉ ngồi đối với cảnh gió xuân mà khóc thầm, phùng the một ngọn đèn tàn, nghĩ đến tình-cảnh lúc trước, cảnh đào mùa hạ, mảnh quạt cuối thu, mấy phen gió hoa như giấc mộng, chín-mươi ngày xuân lại lên mây; thoa gầy, ai chấp cho liền, gương vỡ, lành sao được nữa; tự nghĩ tấm lòng đã như giếng cạn, không nên gợn sóng gió nữa kẻo mà đắm-dưới, vả thân bạc-mệnh này cũng không nên đề lụy đến ai.

Kiếp xưa đã vụng đường tu, Duyên kia đành phải hẹn-hò kiếp sau.

Nếu sẵn lòng với nhau, thời trên mây xanh dưới suối vàng chắc cũng có lúc gặp, như Nguyệt-lão chửa sẵn vào sổ nhân-duyên kiếp sau để dành lòng. Lê-Ảnh không phải là vô-tình, cũng không phải rằng không hiểu bụng người tri-kỹ, chỉ sợ rằng dây tình mắc-miu, gỡ mãi không ra, họa sau này bao nhiêu cái sợ-hãi bao nhiêu cái phiền-não, bao nhiêu cái khổ-nạn, chẳng qua tại má hồng hương nhạt, áo xanh giọt lệ ướt đầm mà thôi, thiệt cũng không thú gì cho Lê-Ảnh và cũng không có thú gì cho chàng nữa.

Còn sự chàng muốn xem cái tập thơ của Lê-Ảnh thì thật què-mùa lắm, không hay-ho gì cả, nếu đã thương nhau cho phép làm học-trò để tập học văn-thơ, thì xin nhập-môn thầy may có lẽ cũng không đến nỗi cảm-ngược-quyền sách.

Khởi tình một mảnh con con,
Viết ra mực hết hây còn lệ rơi.

Lê-Ảnh kính thư »

Truyện *Tuyệt-hồng* lại có nhiều thơ ca rất hay, toàn một giọng ngâm sâu vịnh thắm, hoặc thể lục-bát, hoặc thơ luật, hoặc từ-khúc, đến nay thường thấy đọc lên ở cửa miệng những người có khối óc đa-cảm, thích ngâm ngợi, hay là người hay lấy sự ngâm-ngợi làm cái thú giải buồn. Đại-khái thơ lục-bát như bài :

*Buồn sao buồn mãi thế này,
Nhớ ai nhớ mãi hết ngày sang đêm.*

*Giọt mưa thánh-thốt ngoài thềm,
Đương hè mà rét như đêm thu tàn.*

Thơ luật như bài sau này, hơi thơ êm-ái và man-mác lắm :

*Hổ-mục Thu-nương chữa hết duyên,
Ngọn đèn giọt lệ soạn thơ tiên ;
Thống-minh ngán nỗi cảnh hoa bạc,
Gặp gỡ nhau đây bóng nguyệt tàn ;
Dòng nước xin thề cùng nợ cũ,
Nén vàng khôn chuộc cái thanh-niên ;
Một đời trải mấy lần thương-nhớ,
Vả giận cho trời đã mấy phen !*

Hoặc điệu-từ như bài :

*Bãi cát vẽ tranh có trắng,
Bên sông ánh sáng chiều vàng.
Sườn núi lá rơi,
Chân mây nhận lạc.*

*Nghìn-thu trải mấy là-dương ?
Lịnh đầu hoa ghen cho kiếp.
Kiếp kiếp phù-dung thật đoạn-trường !
Tiếc thu! thu chẳng thương !*

Mà nhiều nhất là thể thơ lục-bát, ngoài cái giọng âu-sầu ra, thì khẳng-khái như câu :

*Bán thân vào cõi linh-trường,
Bao nhiêu luân-lý cương thường đề
[đâu ?*

Hay phong-lưu như câu :

*Nghĩ ra thân-thế buồn cười,
Cả đời uống rượu là đời ngâm thơ.*

Lại một bộ truyện khác, cũng dịch của Tàu, không xuất-bản thành sách

chỉ thấy đăng báo *Nam-Phong* bắt đầu từ số 119 vào giữa năm 1927. Nguyên văn là bộ *Dư-chi-phu* cùng một tác giả với bộ *Tuyệt-hồng lệ-sử* : Từ Trầm-Á.

Truyện ấy đã có vài bản dịch, đây tôi muốn nói bản dịch của ông TÙNG-VÂN, nhan đề là «*Chồng tôi*». Có lẽ tại không in sách, không được phổ-thông, mà ít người biết đến, hay là tại lối văn của ông nó khó hiểu nên người ta không ưa.

Phải, cũng nên công-nhận là văn ông dùng nhiều chữ Tàu thật. Dưới mắt những người quá thiên-trọng về lời văn bình-dị thuần nôm, hay báng-bỏ sự dùng chữ Tàu trong quốc-văn, thì văn ông TÙNG-VÂN lại là cái bung-sung cho những người ấy công-kích. Nhưng cái biệ-t-tài ông là ở chỗ đó.

Tuy dùng nhiều chữ Tàu, mà cũng nhờ dùng một cách tài-tình nên câu văn lại thanh-thoát gọn gàng, mạch văn thì khi mau, khi chậm, hoạt-động luôn, tựa như một khúc đàn khi chim, khi bổng, khi chậm, khi nhanh, có khi đọc xong, dư-âm như còn chưa dứt.

Xét về phương-diện văn-chương thì thật là có giá-trị. Nhưng lối văn đề riêng cho một hạng người đọc mà thôi. Muốn ai nấy cũng đều hiểu, nhất là những người không học chữ Tàu, tất không thể nào hiểu được. Song, không nên vì thế mà vội hạ lời công-kích.

Tám vài bỏ nếu nó rất quan-thiết với sự cần-dùng của mọi người, dù giàu nghèo sang hèn đều không thể không nhờ đến, thì tám lạng, bực gấm cũng không vì thế mà bỏ đi được. So-sánh văn ông TÙNG-VÂN cùng một lẽ ấy. Kể cũng như một lối văn «*phong-lưu phú-qui*», nếu không phải món ăn thường-thức cho trí-não thì cũng là món xa-xỉ-phẩm, tuy xa-xỉ mà không thiệt-hại, hào-phóng mà không tổn kém gì, thì nên cần cho có đề trang-điểm cái lâu-đại mỹ-lệ của văn quốc-

ngữ mà quốc-dân đang xây đắp hiện-thời.

Vả lại, một câu chuyện như chuyện *Chồng tôi* nó không bi-ai, không thăm-thiết, cũng không ly-kỳ gì, chỉ là một quyền phong-lưu diêm-sử tất-nhiên phải có một lối văn đặc-biệt đề mô-tả mọi cái tinh-tinh, cái thể-thái, cái vận-xự tiêu-sái của một bọn phong-lưu hào-nhã đã sáng-tạo trong truyện, có thể thì phần phò-diễn mới xứng được với ý kết-cấu. Nếu không có lời văn đó thì câu chuyện kia không có gì là thú-vị cả.

Như trên đã nói quyền *Chồng tôi* không lạ vì câu chuyện, mà hay về lời văn, thì đọc chuyện ấy là câu thưởng-thức lấy văn-chương mà thôi. Xem đoạn trích như sau, tả tình cảm-súc của một bọn phong-lưu danh-sĩ, sau khi thơ rượu tàn-tàn, đối với chòm hoa rụng ngoài sân, tiếng sáo thổi dưới nguyệt, chợt động đến tình-tử thương xuân mà sinh lòng hoài-cảm:

Lúc ấy đã thuộc về trung-tuần tháng ba chính là :

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều-quang chín chực đã ngoài sáu-mươi.

Trông ra vườn xuân thì cảnh xuân, sự xuân đã dần-dà vào thời-kỳ thay đổi. Tiểu Sơn ở Âu-mộng-hiền, là một người ăn gửi ở nhờ trong đất khách. Tuy được Trúc-sĩ khoản đãi ân-cần, đã tạm quên được mọi mối sầu-khổ. Song đến thời-liết ấy, đối với một chầm hoa rụng vài tiếng chim kêu, không khỏi xúc-dộng đến tình-tự thương-xuân, trong hoài-bảo khởi ra mọi mối ác-liệt. Lại chính là :

Tiểu hoa những ngậm-ngùi xuân,
Lấy câu ngậm-vịnh khuây dần cảm-thương.

Ngày hôm ấy, bữa ngộ-phạn xong,
Tiểu-Sơn ngồi buồn, làm mấy bài thơ

cảm-tình, đương toan lấy bút thảo ra' chợt thấy Trúc-Sĩ mở rèm tiến vào, lại thích-ngộ Mi-quân đến thăm, ba người ở trong hiên, nhàn-đàm một hồi lâu. Trông ra sắc trời đã xế chiều. Trúc-Sĩ nhân lưu Mi-quân lại và thỉnh Tiểu-Sơn ở trong Thích âm-quán tiêu-âm. Ba người uống rượu được chút lâu, chợt thấy khởi lên một trận gió cuồng, thổi vào các cánh hoa tàn ở hàng cây trước sân, làm cho cánh nào cánh ấy bay ra như cánh bướm-bướm, theo gió mà tan-tác đi. Khi ấy, một vầng trăng tỏ đã dần-dần ở trên chỗ đầu mây lộ bóng sáng ra, chiếu dọi xuống những cánh hoa rụng ở đầy sân, làm ra cái sắc thắm-bạch, khả-tích khả-lân. Khi ấy lại gia-tăng mấy độ hàn-lãnh về buổi chiều hôm, khiến cho một loạt hoàng-tụ thanh-xam, người nào người ấy đều không thấy ẩm. May ba người đều đã có tửu-khi hăng-hái, còn có thể chi-tri ngồi được. Khi ấy đối với sắc nguyệt ở trước sân, hồn hoa trên mặt đất, bất-giác khởi lên một đoạn nhàn-sầu, đều đứng lên tựa vào chỗ câu-lơn phất rùng mình.

Trúc-Sĩ than rằng :

— Hảo-cảnh lương-thần, bất-thường biến-dời, ngày tháng là bao, cảnh xuân đã hết. Kiếp nhân-sinh như ngựa câu qua cửa sỏ, đều là một lối bay nhanh. Cỗ-nhân nói rằng cấp-thời hành-lạc, lại nói rằng đánh đuốc chơi đêm. Tôi thì bảo rằng cái sự hành-lạc không biết thế nào mà theo đuổi được cho đến kỳ-cùng, mà ngày tháng nó chẳng chờ đợi ta. Túng-nhiên, chơi đêm chẳng nữa, cũng có ích gì. Vì cuộc tiêu-khiển trước mắt, không thắng lại được sự nghĩ-ngợi lúc xong rồi. Chữ lạc chính là nguồn gốc sinh ra chữ khổ. Nhân-sinh vô-luận là người bạc nào, hễ thuộc về giống hữu-tình thì có con tâm cảm-thời, và có con mắt xúc-cảnh, hai chữ sầu-hận, rút lại không sao thoát khỏi được.

Mi-quân nói rằng :

— Bác Trúc-Sĩ là một người cảnh-ngộ sừng như tiên, còn nói như vậy, nữa là chúng tôi gặp bao nhiêu cảnh-ngộ lằng-đằng, thì lại lấy gì để tự giải

Trúc-Sĩ nói rằng :

— Thiên-hạ tóm lại không có sự gì là thập-toàn mĩ-mãn. Ngay như đêm nay, sắc nguyệt thanh-minh hiệu-khiết dường nào. Nếu gặp thời-kỳ trăm hoa đua nở, thì mở tiệc xem hoa, nghiêng hồ hỏi nguyệt, há chẳng phải là cảnh tốt đêm xinh. Nay lại chiếu xuống cái bóng hoa tàn, lại thấy thê-lương vô-hạn. Chính như tôi đây, người ngoài xem vào, dường như đã hưởng-thụ được hết mọi đường hạnh-phúc cõi nhân-sinh, không hám-hận chút gì cả. Nhưng biết đâu trong bụng tôi lại há không chồn sâu, há không chồn hận, gặp cái thời-tiết thương-tâm đó, lại có bụng nào khoái-lạc, tôi đây há phải là một khối gỗ đá đó thay !

Tiểu-Sơn nói rằng :

— Bác Mi-quân quá nổi bi-quan, mà bác Trúc-Sĩ nói vậy cũng là khách khi, tự tôi xem ra, có cái cảnh-giới mĩ-hảo thời có cái cảnh-giới thê-lương, có cái thời-tiết đặc-ý thì có cái thời-tiết thương-tâm. Đó là cái máy sẵn của âm-dương vần-chuyển, cái lẽ thường của tạo-hóa thừa trừ, có lạ gì mà lạ. Những chồn các bác sở-kiến đều là chồn câu-nệ cả, khư-khư mình buộc lấy mình, chẳng bỏ cho kẻ tri-giả họ cười.

Ba người đương nói chuyện, hốt-nhiên nghe ở mé xa-xa có tiếng sáo, véo-von theo ngọn gió đưa lại.

Tiếng dẫu Hà, Hân thu cao,
Trời long đá lở ào-ào khắp-kinh.

Tiếng dẫu phong-định ba-bình,
Tiêu-tương nước rộng lênh-dênh mái
chèo.

Khúc dẫu chiết-liễu hơi đào,
Đem tình cố-quốc rót vào bên tai.

Khúc dẫu nhón bắt Lạc-mai,
Giang-thành thuở ấy gheo người biệt-ly.

Không biết kẻ thương-tâm nào phở-ra điệu đoan-tràng ấy, khiến cho người tai chột xúc-động mà phải lắng, miệng đương bàn nói mà phải dừng. Ba người khi ấy ngồi im lằng-lặng, không động một tiếng gì. Nghe tiếng sáo thì văng-vẳng dẫu ở mé ngoài tường, chột lên bổng, chột xuống chìm, chột bắt nhanh, chột bắt chậm. Điệu thanh rẻo-rắt, gió đưa lại mà lạnh-lùng. Giọng oán chiền-miên, trăng trông ra mà thảm-nhạt. Phút chốc nghe khúc điệu đã xong, mà dư-âm còn chứa hết. Búng dấy trông ra chỗ làn hea rưng ở trước sân, thì trong khoảng khoảnh-khắc đã chứa đầy lên đến một tấc. Ba người đối-cảnh ấy, đều lằng-lẽ không nói gì, dưng chén không uống rượu nữa. Trong bọn ấy có một Tiểu-Sơn hốt-nhiên nhớ đến tám năm về trước, khi ở đất Duy-dương, cùng với một người danh-kỹ là Tạ-danh-nương tri-thức nhau, sự trước tình sau, ngánh đầu dẫu biển. Danh-nương vốn hát hay, lại thích cầm cái sáo ngọc-địch tự mình thổi lên, thường những khi sau lúc rượu xong người tỉnh, ngồi đón luồng gió thổi lên vài khúc Hiền-phong - tàn-nguyệt phảng-phất có ý-cảnh thiên-tiên. Nay Tiểu-Sơn nghe tiếng sáo này, còn hoảng hốt cái sự tình năm nọ mà chìm yển lạc đàn, mười năm phút chốc, lại chẳng biết chỗ xóm nguyệt lầu hoa nơi cố-lý, lâu nay cảnh-trạng ra thế nào, danh-nương cũng không biết lưu-lạc về nơi nao, minh-nhân góc biển, du-tử phương trời, mọi mối cảm-thương, đều vì mấy tiếng sáo ấy xúc-động khởi lên. Tiểu-Sơn khi ấy muốn điềm mây sâu, hiện ra trước mắt, hai hàng lệ ngọc, thấm xuống dưới khăn, thờ dài một tiếng, rồi lia chỗ ghé ngồi mà đứng dậy..

(Nam-Phong số 123)

* *

Nếu đã dịch tiêu-thuyết thì nên dịch tiêu-thuyết Tây, bởi vì đối với người Tây, viết tiêu-thuyết là môn sở-trường. Kết-cấu và phò-diễn, linh-hồn với thân-thể của một bộ tiêu-thuyết, bèn nào họ cũng khéo, cũng tài cả. Văn-chương thì chải-chuốt, ý-từ thì dồi-dào, mà ý-từ càng dồi-dào bao nhiêu văn-chương càng chải-chuốt bấy nhiêu. Từ những câu chuyện tình, hoặc cái tình cao-thượng hay đê-hèn, trung-hậu hay khinh-bạc, thiết-thực hay viễn-vông, tóm lại mọi cái u-ẩn trong đáy lòng người, cho đến chuyện anh-hùng hào-kiệt, khảng-khái hùng-dũng, hay những truyện truyền-kỳ do trí tưởng-tượng bịa đặt ra, những cảnh tượng lạ thường, họ vẫn có ngọn bút sành-sỏi, viết đến đâu thấu đến đấy, dầu các nhà học-thức cao-thâm thế nào cũng phải lấy làm vui thích.

Viết tiêu-thuyết ở nước mình là cái nghề mới cần phải học-tập sửa-sang nhiều thì nên coi theo cái khuôn-mẫu của người Tây là hơn.

Nói đến sự dịch văn Tây, không mấy ai là không biết ngọn bút đặc-tài; ông Phạm Quỳnh và ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Giờ lại Nam-Phong từ trước đến nay, ông Phạm Quỳnh thỉnh-thoảng dịch những bài đoản-thiên tiêu-thuyết của các phái văn-gia nước Pháp. Lời văn lưu-loát lắm, không thấy vì sự phiên-dịch nó bó-buộc bao giờ. Hầu hết các lối văn, kịch-bản hay tiêu-thuyết, văn hoạt-kê hay văn tình-cảm, ông đều có giới-thiệu mỗi thứ cho ta biết, mà lối nào ông dịch cũng đặc-thể. Từ giọng quan-cách của bọn dài-các, lẳng-lơ của bọn chơi-bời, nỉ-non của bọn tình-tự, bất-cứ là giọng nào ông đều dịch được tự-nhiên thanh-thoát, chỉ đọc bản dịch cũng đủ lấy làm khoái-trí, ý-vị văn-chương dồi-

dào phong-phú lắm. Lời văn ông vẫn chọn lọc, sửa-soạn xếp đặt, thay đổi trước sau trên dưới theo lối văn Tây, nhưng vẫn là tinh-thần quốc-ngữ.

Xem qua một đoạn đầu trong bài *Ôi ! thiếu-niên*, thuật lại lời nói của một khách làng chơi lịch-duyệt, cực-tả cái tình gian-giảo cay-nghiệt của một tay « bợm già lấu-cá », giọng văn linh-hoạt là dường nào nào :

Bạn tôi là bác Cờ-đô, chúng tôi thường gọi đùa là « anh Cờ béo », vì bác ta to lớn phục-phịch, nói to như người tức giận :

— À ! phải, tuổi thiếu-niên đại thật ! Đại thật !... Thiếu-niên mà đã đại thật là đại vô-ngần ! Thật các anh ạ, ngày nay có lúc hồi-tưởng đến thuở trước mà tôi đỏ mặt lên, tức mình, giận mình làm sao mà khờ-dại đến nước ấy, làm sao mà si-ngốc đến bậc ấy, làm sao mà ngờ-nghệch một cảnh thảm-hại đến thế ! Chà, chà ! bây giờ mà lại phải thế nữa...

Bác ta không nói hết, nhách miệng cười, cũng hiểu ý. Lấy tay đập cái nõ diều vào thành đĩa rằm, tàn thuốc lá rơi ra rông-rông, khói xanh-xám bốc lên ngùn-ngụt như đá lửa trong núi lửa phun lên ; rồi nói tiếp :

— Nay hồi-tưởng đến thuở nhỏ, tôi còn nhớ nhất là một chuyện này... Chuyện đem lên bia cũng đáng ! Bấy giờ tôi học gần tốt-nghiệp ban văn-chương ở trường trung-học Công-đô-xê, hồi ấy còn gọi tên là trường Bô-na-bat. Tôi có một người bạn học ngồi gần ghế tên là Lê-cự-yết, người ngoan lắm ; học đụt nhưng tính khá. Cha anh ta là một tay bợm-già lấu-cá, làm chủ nhà « Tân-kỳ hí-viện », ở phố Thánh-đế-ni. Đó là một cái nhà hát nhỏ, chỉ thuần diễn hài-kịch, lại có ca-nhạc. Chắc các bác không biết đâu, các bác còn trẻ tuổi. Tôi nói đây là nói chuyện ba mươi

năm về trước, hồi các bác còn chưa đẻ, lão Lê-cự-yết đã bị tù vì lòng nợ rồi.

Lão Lê-cự-yết thật là thằng keo già xỏ-lá đến nước!

Điền-dào không ai bằng, lòng gặt thật có một, nói dối như vেম, giáo-quyết như ma, cách sinh-nhai của lão thật là lạ quá, thuận-thị những mưu gian chước dối cả; đến cái gian-dối thì lão thật là vô-sở bất-vi, từ cách dùng dao cạo cạo sỏ cái để xoay từng trăm từng chục, cho đến cách thò tay vào bị lão ăn mày để nhặt lấy mấy xu: ó-ừế bị-liện đến lão là cùng-cực, tưởng thóa-mạ đến thế nào cũng chưa đáng. Nhưng lão sở-trường nhất, không ai sánh bằng là ở cái nghề lợi-dụng đàn-bà con-gái.

Thói nghề này thì lão tuyệt-trần.

Lão đi nhặt đi kiếm chỗ này chỗ khác, họp được một đội con gái trông cũng sạch mắt, lão trả công cho mỗi ngày mười một xu mà phạt cũng khôn-nạn, những tiền phạt trừ được đến hai ba trăm quan một tháng; đi ra ngoài mà về chặm phạt năm quan; phải đóng vai mà thiếu mất phạt mười quan, mỉm-cười với bác quân-ca, hay liếc mắt nhìn người khách nào trong rạp, phạt hai-mươi quan. Thật là một nghề buôn thịt bán người. Lại còn đến nước thế này nữa: trong những người làm việc với lão, người nào tìm cách phạt được bọn con hát, mỗi cái phạt lão cho năm phân hoa-hồng! Các bác tưởng tôi nói đùa đấy? Thật thế, không sai, chính anh quân-ca đã thú thật rằng chỉ một khoản hoa-hồng đó mỗi năm anh thu được ngàn rưởi quan. Coi thế thì biết phần lão thu tiền phạt được bao nhiêu. Tiền ấy lão cứ nghiễm-nhiên bỏ túi. Có ai thương-hại bọn kia cất lời trách lão: «Này cụ Lê, cụ làm thế nghiệt quá!...» thì lão trả lời rằng: «Việc gì đến bọn ấy. Đã có nhân-ngãi chúng nó nộp phạt!»

Ấy ông lão già nói thế đấy, mà nói một cách điềm-nhiên, mặt nửa như thật-thà, nửa như xỏ-lá, không biết nên hôn cho hai má hay nhõ vào đây mặt! Thật là đê-mạt đến cùng!...

(Khảo về tiêu-thuyết)

Ồi! thiếu-niên, là một bài hoạt-ké tiêu-thuyết mô-tả cái tình thật-thà khờ-dại của tuổi xanh, lời văn trào-phúng khôi-hài, linh-lợi mà hoạt-bát lắm, duy phải đọc cả toàn-văn mới lĩnh-hội hết lý-thú.

Đến văn tả-cảnh.

Đoạn sau này rút trong bài *Ái-tình*, nguyên văn của GUY DE MAUPASSANT, tả cái cảnh đầm nước là cảnh tác-giả ưa nhất với những câu như: «Cảnh sông con thì thanh-thú thật, nhưng là cái cảnh lưu-thủy hành-vân, đi luôn, chảy luôn, như không cầm lại được», thì thật An-Nam quá, không ngờ là văn dịch nữa.

Tôi bình-sinh vốn ham những cảnh sông nước lắm; cảnh biển thì móng-mệnh quá, hoạt-động luôn, cũng thích, nhưng tựa-hồ như không thuộc quyền sở-hữu của mình; cảnh sông con thì thanh-thú thật, nhưng là cái cảnh lưu-thủy hành-vân, đi luôn, chảy luôn, như không cầm lại được; đến cảnh đầm nước thì tôi ưa thứ nhất, vì nó có cái vẻ lặng-lẽ mà linh-hoạt, thường dung không biết bao nhiêu loài dã-cầm thủy-tộc. Cái đầm nước, là biệt ra hẳn một thế-giới, một thế-giới khác với thế-giới ngoài, có cách sinh-hoạt riêng, có các giống ở riêng, giống thường ở luôn với giống ở các nơi khác qua lại; lại có các thứ tiếng kêu tiếng động đặc-biệt, có như một cái vẻ thần-bí cũng lạ. Cái cảnh đồng sâu nước phủ, tưởng không có cảnh gì rùng mình, chột dạ, ghê sợ, hãi-hùng bằng. Bởi sao vậy? Có phải là lại tiếng lau xào-xạc, lửa trời chấp-chỏi hay là lại cái vẻ lặng-lẽ những khi đêm

khuya tịch-mịch ; hay là tại những đám sương mù thướt-tha trên ngọn lau ống sậy như cái áo phủ người chết ; hay là tại tiếng nước bi-bõm, tiếng nhẹ-nhàng êm-ái mà nghe rộn hơn là tiếng sừng của người, tiếng sấm trên trời ; có phải tại thế mà những nơi đầm nước có cái khi-vị phảng-phất như chốn mơ-màng, ghê sợ như có sự bí-mật gì nguy-hiềm cho người ta vậy ?

Không, không phải thế, cái vẻ bí-mật đây là cái vẻ bí-mật khác, trang-nghiêm trầm-trọng hơn ; có lẽ là cái bí-mật của sự hóa-sinh trong trời đất, mà nó phảng-phất ở trong đám sương mù kia vậy. Cái mầm sinh-hoạt thứ nhất, thuở Tạo-hóa mới gây hình ra các giống vật, há chẳng phải là phát-sinh ra ở trong đám nước tù bùn vẫn, trong cái khí thấp-nhiệt, bởi mặt trời chiếu vào đất bùn mà bốc lên dư?...

(Khảo về tiêu-thuyết)

Cùng trong bài ấy, vẽ ra một cảnh đêm đông lạnh, thứ lạnh như « xé da, như cắt thịt, như châm-chích vào người bằng kim độc, như vắn thịt bằng cái kim, như đốt da bằng lửa cháy », cho đến mặt trăng cũng « như yếu đuối quá không thể nhích đi được nữa », thiết-tưởng văn quốc-ngữ nếu viết được đến độ này là tuyệt-bút vậy :

Vừa bước chân ra ngoài thấy lạnh buốt đến xương. Đêm hôm ấy là một đêm tưởng như quả đất này cũng phải chết vì rét ; không-khí như đông đặc lại, xúc-dộng vào người làm cho đầu đờn ; không có tí gió nào động-dậy ; khi trời như ngưng-trệ lại, không hoạt-dộng được ; khi lạnh như ăn suốt vào đến linh-tủy các cây cỏ mà làm cho héo chết đi ; các giống sâu bọ, các giống chim nhỏ, cũng trên cây rơi xuống đất rắn nà chết cứng cả.

Mặt trăng thì đương vào tuần hạ-huyền, mọc chếch hẳn về một bên, đứng trơ-vơ trong khoảng không, như

yếu-đuối quá không thể nhích đi được nữa, tựa hồ như cũng vì khí trời lạnh quá mà liệt-vị ở trên cao đó. Ánh sáng thì thâm-đạm, thật là cái ánh sáng về cuối tháng, đã sắp đến ngày tàn.

(Khảo về tiêu-thuyết)

Lại một bức tranh khác, trong bài *Thương hã* của PIERRE LOTI, không phải cảnh một đêm đông lạnh-lẽo như trên, mà là một bức tranh sơn-thủy hữu-tình về buổi chiều mùa hạ, vừa có vẻ tráng-lệ sâm-nghiêm của mấy ngọn cao-phong tuần-lĩnh, vừa có vẻ dịu-dàng khả-ái của cảnh lá bụi cây, nước trong bóng mát, như chào mừng như đưa đón :

Nơi ấy gọi là Ngự-bột-quan, ở giữa đám rừng xanh trong dãy núi Biệt-nê, thuộc về địa-phận nước Tây-ban-nha. Bốn bề rất những cao-phong tuần-lĩnh, yên lặng như tờ mà cây che kín đặc, những đỉnh cao đột-ngột chót-vót lên tận giữa trời xanh. Ở dưới có cái lũng con, một con sông nhỏ chảy, phảng như mặt gương, phản-chiếu những cảnh cây bụi lá đương mùa tháng sáu xanh tươi, xứ này ẩm áp, có bóng mát, có nước trong, các thứ hoa đua nở tươi-bời, có cái vẻ sâm-nghiêm tráng-lệ, như muốn đưa đón những kẻ quyền-qui, khách thần-tiên vậy.

Gần xa chung quanh, những rừng cây dễ chồng lên nhau, xanh um tươi-tốt một màu, tự ngọn cao ngất trời cho đến dưới đất, đến những nơi thung-lũng là chốn cỏ xanh, hoa tươi, nước chảy. Dưới chân thì con sông con sáng-sủa, phản-chiếu các ngọn núi, giữa có những cù-lao rải-rác, cù-lao đầy những hoa, khác nào như rờ hoa sặc-sỡ, có bóng đỏ, có bóng tím, có bóng trắng xòe như cái tán. Ngay bên bờ đường, liền đến đất núi, đất này là thứ đất đẹp luyệt, phủ một lượt rêu núi chỉ mọc ở những nơi thâm-sơn cùng-tịch ; đất coi cũ-kỹ như từ khi khai-thiên-

lập-địa đến giờ, trông thấy chạy ngút-ngàn vào tận trong rừng sâu vắng đẽ. Mặt đất như giải thảm bằng rạ, tuyết nhỏ mơn-mơn, tưởng như từ khi có thế-giới đến giờ, chỉ có mấy chú chồn chiền, mấy đàn chiền cừu bước qua lên đấỵ mà thôi, nên trong cảnh-vật xanh tươi, có cái khí-vị êm-đềm bình-tĩnh như đời thượng-cổ vậy.

(Khảo về tiểu-thuyết)

Một nhà văn-sĩ nước Pologne, ông ZALENSKI THADÉE nhất - danh là Boy, «trong buổi nhàn rỗi» dịch luôn một trăm bộ sách cổ-diễn của nước Pháp, riêng về hài-kịch MOLIÈRE và tiểu-thuyết BALZAC, ông dịch tất cả. Thật là cái hân-hạnh đặc-biệt cho dân Pologne vậy. Cái hân-hạnh ấy, dân ta cũng được hưởng vài phần, do một ông Boy thứ hai ở nước ta làm ra. Ông Boy thứ hai, ông ấy, tôi muốn nói ông Nguyễn Văn-Vĩnh.

So với số sách dịch của ZELENSKI THADÉE, ông Nguyễn vẫn chưa bằng, nhưng kể riêng sự-nghiệp dịch-thuật của ông từ trước đến nay cũng đã khá nhiều, lại từ nay về sau, biết đâu cái tương-lai của ông nó chẳng đem cho ta nhiều món quà mới nữa.

Ông không dịch trọn đời của nhà văn nào, chỉ lựa lấy từng truyện, như: chuyện trẻ con, chuyện phiêu-lưu, chuyện truyền-ký ở trong bộ *Livres roses*, tiểu-thuyết của FÉNELON, BALZAC, A. DUMAS PÈRE, ngụ-ngôn của LA FONTAINE, hài-kịch của MOLIÈRE, cho đến cái công-phu bốn-mươi năm của một nhà đại-văn-hào nước Pháp, tức là bộ *Les misérables* của VICTOR HUGO cũng theo ngôi bút của ông mà thành An-Nam.

Vẫn ông dịch vẫn bình-dị tự-nhiên, không trang-diễm kiêu-sức gì, nhưng mà mới-mẻ, nhanh-nhẹn, sáng-sủa. Những *Chuyện trẻ con* của ông dịch ra rõ và gọn đẽ hiểu cho bộ óc ngây-thơ

lắm. Mà đến những tư-tưởng cao-siêu, thâm-trầm đến đâu, ông cũng diễn lại được, vẫn trời chầy rõ-ràng, như đoạn sau này trích ở bộ *Những kẻ khốn-nạn*, thuyết-luận về lẽ cao-thấp giàu nghèo ở đời, kể cái nông-nôi khốn-khở của một người thanh-niên, tuy khốn-khở mà vẫn thư-sướng, thân thể dầu ở trong cảnh cơ-hàn mà linh-hồn vẫn được phần cao-thượng, không hay than trách thân-phận mình, lại «phản-nản cho những kẻ giàu tiền-bạc không được bằng ta giàu kiến-thức giàu tình-cảm.»

Người ta còn ít tuổi mà đã gặp bước cơ-hàn, mà tự thoát được thân ra khỏi, thì hay được một điều là đã luyện được cái chí nhẫn-nại, đã tu-tĩnh được cái lòng biết khát-vọng điều hay. Phàm cảnh nghèo khiến cho ta nom rõ cái bề vật-chất của đời, mà biết coi nó là xấu; cho nên lại biết khao-khát một cuộc đời rất hay rất đẹp theo một tư-tưởng chí-thiện. Con nhà giàu thì có trăm ngàn cách tiêu-khiên lộng-lẫy mà tục, nào đua ngựa, nào săn-bắn, nào chó săn, nào thuốc-lá, nào cờ-bạc, nào cao-lương mĩ-vị, thiếu gì cách vui-thú; toàn là những cách cử-chỉ nó làm cho bận luôn luôn cái phần thô-tục của linh-hồn, mà để cho cái phần cao-thượng lẽ-vi, phải thiệt-thối, không được luyện-tập. Kẻ nam-nhi mà nghèo thì phải khố-nhọc mới kiếm được bữa ăn. Kiếm được thì ăn. Khi ăn xong rồi thì chỉ còn có việc vắn-vơ nghĩ-ngợi. Không tiền đi coi hát thì phải dành thưởng cái lần kịch không mất tiền của Chúa-trời cho xem luôn trước mắt. Đây là cảnh trời xanh, đây là cõi không-trung vô-đề, đây là linh-tú, đây là cỏ-hoa, đây là lũ trẻ chơi vui-vẻ, đây là nhân-quần xã-hội là nơi mình cực-khở, đây là cảnh vũ-trụ là nơi mình nở như hoa, mình sáng như đuốc. Nhìn mãi xã-hội nom thấy cái linh hồn, nhìn mãi tạo-hóa nom thấy đấng Tạo-vật. Thoạt mơ-màng thì thấy mình là lớn, mơ-màng

nữa thì thấy mình bầm-sinh ra đề yêu-thương. Từ cái quan-niệm ích-kỷ của người chịu cực, cậu qua sang cái quan-niệm bác-ái của người biết nghĩ. Sau trong lòng thấy nảy-nở ra một mối cảm-tình cao-thượng, quên mình đi mà thương đến hết thấy mọi người. Cậu nghĩ đến những cuộc khoái-lạc vô-hạn mà Tạo-hóa bày sẵn la-liệt cho những kẻ biết mở tâm-trí ra mà đón lấy, bốc lấy, mà không cho những kẻ linh-hồn như bưng-bít được hưởng thế nào, thì cậu lại phàn-nản cho những kẻ giàu tiền-bạc không được bằng la giàu kiến-thức giàu tình-cảm. Phàm người ta đã biết lấy chân-lý mà soi cho rạng trí-khôn, thì lại biết đuổi cái tình oán-giận ghen-ghét ra ngoài tâm-lý. Và lại chắc đâu cậu là một người nghèo-khổ? Không thì phải. Cái nghèo của một người trai-trẻ không bao giờ có cái vẻ khốn-nạn. Bất-cứ một người thiếu-niên tráng-sĩ nào, dầu là nghèo kiết đến đâu, qui-hồ được cái mạnh-khỏe, cái sức-vóc, cái dáng đi nhanh-nhẩu, hai con mắt sáng, huyết-mạch châu-lưu trong da thịt, tóc đen nhanh nhánh hai má hồng, cặp môi đỏ thắm, hai hàm răng trắng nõn, hơi thở ra mát và nhẹ, thì cũng có thể làm được cho ông hoàng-để già phải thèm. Rồi thì cứ mỗi buổi sáng ngày lại đi làm kiếm cơm, trong khi tay làm nuôi miệng, thì cái xương sống nó tập lấy cứng đờ ngựa mồi với đời, bộ óc cũng nạp thêm kiến-thức. Khi xong cái việc phàm-tục rồi thì lại ngựa mắt ngẩn-ngơ mây gió, chiêm-vọng trời xanh, mà thường biết bao khoái-lạc. Minh sống ở đời thành ra như nhấm chân trong khỗ-hải, xéo lên những nổi long-đong, hiềm-trở, lên đá lát đường lên chông gai bụi rậm, cũng có khi phải lấm-bấm trên đồng bùn lầy, nhưng cái đầu thì vẫn ở trong cảnh quang-minh rục-rỡ Minh hóa ra mạnh-bạo, điềm-tĩnh nhàn-từ, hòa-hảo, chuyên-cần, trang-trọng, biết tự-túc, biết độ-lượng;

rồi lại biết tạ-ân thiên-chúa đã ban cho ta hai cái của báu mà nhiều kẻ giàu không được: Một là cái lao-cần để cho thân được nhàn, hai là cái tư-tướng để cho bụng được về-vang biết tự-trọng. (Những kẻ khốn-nạn, sách dịch quyền 11)

Tả cảnh thì như đoạn này:

Hôm trước trời mưa, mà sáng hôm ấy trời cũng có mưa một chút, nhưng ngày tháng sáu trận mưa không kể vào đâu. Mưa tạnh rồi chừng một tiếng đồng-hồ về sau, trời lại khô-ráo, thì không ai còn nghĩ đến, cái ngày trời tươi-tốt thế này lẽ nào vừa mới hé qua. Mặt đất về mùa hạ cũng chóng ráo như là cái má con nít vậy.

Đương lúc hạ-chỉ, buổi trưa trời nắng dữ. Cái gì mà chẳng phải khô phải cạn. Năng xuống đất như là có sức hút. Tường chừng mặt trời khát nước. Một cơn mưa như là một cốc nước mà thôi. Uống một hơi là cạn. Buổi sáng còn ướt nhẽ-nhại, buổi chiều đã thấy bụi mù. Không còn có cảnh nào ngoạn-mục cho bằng, cỏ cây vừa được cơn mưa như cọ rửa, mà lại được ánh nắng lau chùi. Thật là một thứ mát-mẽ mà mát-mẽ ấm. Các vườn các nội, nhờ có nước thấm rễ cây, hoa nhờ có nắng, thành ra như những lư-hương, bốc lên ngào-ngạt. Cảnh-vật như cười, như hát, như mời, như chào. Ai nấy say-sưa hơn-hở. Mùa xuân khác nào một chỗ cực-lạc tạm-thời. Ánh nắng mặt trời như giúp cho người thêm kiên-nại mà chờ khi thoát được phong-trần.

(Những kẻ khốn-nạn, sách dịch quyền 18)

Lại một bài này, một bài tuyệt-bút, các sách giáo-khoa Tây thường trích ra để làm bài tập đọc ở bậc trung-đẳng, tả cảnh cát trụt, thỉnh-thoảng gặp thấy ở vùng bờ biển xứ Brelague, xứ Ecosse. lời văn dịch đem so theo nguyên-văn thanh-thoát biết bao nhiêu.

Những vùng bờ biển xứ Bretagne, xứ Ecosse, khách bộ-hành và người đi

đánh cá, thừa khi nước triều cạn mà đi ngoài bãi biển, ra xa bờ quá, thì bỗng gặp những nơi khó bước. Bãi cát dưới chân hình như lầy-nhầy, dễ giầy dính xuống; không phải là cát nữa, là nhựa. Bãi cát thì thật khô, nhưng mỗi bước chân, hồ nhắc dễ giầy lên lại thấy dấu giầy hóa ra vũng nước. Mắt nhìn thì không thấy khác cái gì cả; bãi cát rộng vẫn xanh-xát một màu, vẫn im-lặng, không có cái gì báo cho mà biết chỗ nào là đất vũng, chỗ nào là đất không vũng. Những con bọ nước vẫn vui-vẻ mà nhảy vào chân người đi. Người cứ việc đi, cứ thẳng trước mặt mà đi có ý đi lảng dần vào trong bờ. Không lo sợ gì cả. Vả sợ gì? Duy nghe chân bước thấy mỗi ngày một nặng. Rồi thình-lình thụt Thụt xuống chừng hai ba tấc. Quyết là đi lạc mất đường lối rồi. Đứng lại để tìm phương-hướng. Bỗng nhìn xuống chân thì chân đã thụt sâu rồi. Cát trùm kín rồi. Rút chân lên, muốn đi lộn trở lại, quay lưng trở về, thì thấy lại thụt sâu nữa. Cát lên đến mắt cá, cố rút chân lên mà bước sang tay trái, thấy cát lại đến nửa ống chân; lại bước sang tay phải, lại thấy cát lên đến bụng chân. Bấy giờ mới hoảng lên mà nhận ra rằng đã sa chân vào nơi cát trụt, thất-dảm lên mà nhận ra rằng đã lạc vào một chốn người không thể đi, cá không thể lội. Trên mình có mang cái gì cũng ném đi, như một chiếc tàu sắp đắm, họa may có nhẹ bớt chút nào, nhưng cũng đã chạm quá mất rồi, cát đã lên đến khỏi đầu gối.

Kêu ai ra cứu; lấy mũ lấy khăn tay mà vẩy trên đầu, thì cát lại càng lên cao Bãi biển phải khi vắng người, hoặc xa bờ quá, hoặc phải chỗ hung-đồ đã chọn làm nơi đón khách, hoặc quanh miển chẳng có ai là người anh-hùng can-đảm, thôi thì là chết, thật là chịu chết sa lầy. Không có cái chết nào thảm-hại cho bằng cái cuộc chón dần,

mỗi ngày một thụt xuống, không sao cưỡng được, không sao thoát được, muốn chậm lại không được mà muốn cho chóng cũng không được, nó cứ dần dần thụt xuống như vậy trong hàng giờ, mãi không ngập lúm đi cho xong, nó bắt mình giữa khi đang đứng, đương tự-do vũng-vẫy, đương mạnh-khỏe nó kéo chân mình xuống; mình càng gia sức cưỡng lại, càng kêu to, nó lại càng kéo xuống; đã hình như nó thấy mình cưỡng lại với nó mà nó phạt thêm; nó bắt người phải từ-từ mà về đất, nhưng cho phép được nhìn chân trời cho kỹ, được từ-giã với cỏ-cây, với cánh đồng xanh mơn-mởn, với đám khói ở trên làng-xóm đàng xa, với những cánh buồm thấp-thoảng ngoài biển rộng, với lũ chim muông riu-rit trên không, với mặt trời sáng-sủa, với trời xanh, rồi hãy thụt hẳn xuống lỗ. Sa lầy khác nào cái mả mà dùn lên như thủy-triều, nó từ dưới đất mà dâng lên để đón người đương sống. Mỗi phút đồng-hồ là một sừng đất lấp vào. Không ai cầm lại được. Kể khốn-nạn gặp phải thì hết sức cố ngồi, cố nằm xuống, cố bò, nhưng mỗi sự cử-động chân tay là vùi xuống sâu thêm một chút; nhòm đây thì thấy lại càng thụt. Nghe mình thấy sấp chìm-lìm, thì kêu, thì gào, thì van lạy, thì ngàng cõ thét với mây xanh, thì vắn tay, thì thất-vọng. Thảm-thoắt cát đã lên đến bụng, rồi lên đến ngực. Người thành ra chỉ có cái đầu với hai vai. Bấy giờ mới giờ hai tay lên, mà gào thét, mới cào cào bãi cát, cố sức biu lầy đồng tro ở trên mặt bãi, để lôi mình ra khỏi cái vỏ mềm như bún, mới khóc mới la thảm-thiết, mà cát vẫn cứ lên cao. Sau rồi cát lên đến vai, cát lên đến cổ, duy chỉ còn có cái mặt ở ngoài. Miệng há ra kêu nữa thì cát vào đầy miệng; rồi thì thấy im lặng cả. Mắt giương ra nhìn thì cát vào lấp mắt, rồi thì thấy tối như đêm. Kể đến cái trán dần dần lấp nốt, chỉ còn

giã ba sợi tóc phát-phơ ; một bàn tay nhô lên, chọc thủng mặt bãi ra mà vẩy-vùng vài cái, rồi thì cũng thụt đi đâu, Cái cảnh một người tự-dưng vùi lấp đi như thế, thật là thể-thảm.

(Những kẻ khốn-nạn, sách dịch quyền 19)

Có lẽ trong thời-kỳ ấy, người ta thích đọc lối văn đối-dáp kia nhiều, cho nên những tiêu-thuyết dịch của Tàu vẫn thấy xuất-bản luôn. Trái lại, sách viết ra thì ít lắm. Tôi được đọc quyền *Cuộc tang thương*, tác-giả là ông Đặng Trần-Phất, *Cuộc tang-thương*, cứ đọc cái nhan sách ấy đủ hiểu trước câu chuyện hẳn không vui gì. Tác-giả đem con mắt bi-quan xem xét việc đời, trông thấy toàn đảo-diên điên-đảo, những chuyện lừa thầy phản bạn, giả dối điều-ngoa, kết-cuộc, một kẻ thanh-niên có học-thức, có tư-cách, đến nỗi vì một sự phản-phức gian-trá thành ra uất-ức mà chết.

Lời văn trôi chảy gọn-gàng, phần nhiều là văn nghị-luận, kể như một đoạn này luận về cuộc sinh-hoạt ở đời, đã là hay lắm :

Tạo-hóa sinh ra muôn vật ở đời đều phú-thác cho có công-việc cả, như loài cây không hoạt-động mà công-việc cũng là làm cho không-khí trong-sạch, lòng người thư-thái ; nhỏ đến loài sâu như con ong, cái kiến cũng có việc kéo mật làm ổ để ở, huống-chi người ta là một giống có trí-tuệ, có tư-tưởng thẳng-đạo được vũ-trụ lại chỉ ngồi nhìn vũ-trụ xoay-chuyển mà không ra công-tô-điễm cho thêm xuân thêm sắc ư ?

Muôn vật ở đời là phải hoạt-động, tùy theo năng-lực mạnh hay yếu, thấp hay cao, to hay nhỏ, hẹp hay rộng. Đàn ông phải lao-động nhọc-nhẫn, duy-tri lấy xã-hội, thì đàn bà phải đào-tạo lấy gia-đình, thu-vén mọi việc. Đời người sinh-hoạt không dứt, chung quanh mình như một nhà máy ồn-ào những

tiếng đình tiếng búa, thì đàn-bà chính là khúc hát cung đàn an-ủi lòng phiến-nhiệt, phấn-khởi trí-não người đàn ông cho lao-động mà khởi chán-nản.

(Cuộc tang thương)

*Hai mươi năm lẻ hoài cơm áo,
Mà đến bây giờ có thể thôi !*

Đó là câu thơ của ông Nguyễn Khắc-Hiếu mà mười năm về trước, trong sách *Quốc-văn khảo-biên* ông Nguyễn Ứng đã nhắc đến. Tài làm thơ của ông Nguyễn Khắc-Hiếu nổi danh từ lâu, cho nên nói đến ông, người ta thường in tri là một nhà thi-nhân. Không phải riêng một nghề xếp câu lựa vận, ông Tấn-đà còn cái biệt-tài về nghề viết tản-văn nữa.

Có cái chừa sung-túc về hán-học, ông đem dùng trong sự viết văn quốc-ngữ, lời văn ông bởi vậy vẫn lưu-loát thanh-tao lại dồi-dào phong-phú và êm-ái nhịp-nhàng, có thể bảo văn ông là những bài thơ bằng văn xuôi vậy. Ông trước-thuật cũng nhiều, ngoài những tập thi-ca thì là sách giáo-khoa, sách luận-thuyết, dịch sách *Đại-học*, kinh *Thi* cùng những chuyện đàn bà tâu, chẳng mấy khi viết tiêu-thuyết.

Song một bài đoản-thiên tiêu-thuyết in trong quyền *Tản-đà tùng-văn*, đã biểu-lộ cái ngôn văn tiêu-thuyết của ông thanh-thú ý-vị lắm. Nhan đề là *Thề non nước*. Chuyện "một người con gái có nhan-sắc, có tài-hoa, có học-vấn, vì cửa nhà sa sút mà truy-lạc vào xóm Bình-khang". Lại cũng bởi cái cảnh nghèo túng nó che lấp cả sắc-tài, mà một đóa hoa-khô vẫn phải âm-thầm trong hang tối. Bụi hồng mắt xanh, trần-ai tri-kỷ, Vân-Anh, tên người con gái ấy, sau nhờ một người khách qua đường mà dựng nên cơ-nghiệp trên phố Hàng-Giấy, nổi danh tài sắc một thì. Bình-khang mưa nắng,

vừa được hai năm, lại gặp phải tang mẹ "Đau lòng tử-biệt sinh-ly, mà khi cợt nguyệt lúc cười hoa, vì ai vui-thú"; bởi thế nên mỗi hôm chợt tiếp được bức thơ của người khách khi trước, bàng-hoàng cảm-động, rồi thì từ đấy, hạc nội mây ngàn, trong xóm yên-hoa, người ta không biết Văn-Anh đâu nữa.

Cách bố-cục và lối kết-thúc như thế có phần giống tiểu-thuyết tây, còn về phần phò-diễn thì lời văn hoa-mỹ, bóng-bẩy nhịp-nhàng, như đoạn kể chuyện làm thơ, tả cảnh nhà hát, tinh-thần thi-vị dồi-dào, thật là một cái thể-tài đặc-biệt của ông vậy. Nhiều câu đọc lên, thanh-âm réo-rất êm-ái như một bài thơ, như câu này:

*Ôi! Trời tháng chín, mưa mưa gió
gió thu sắp hết, đông gần tới, lạnh
lùng thay giai-nhân!*

Vài đoạn sau này tả tình hoài-cảm của Văn-Anh sau khi mẹ chết, ông lặp đi lặp lại mãi một chữ "mà", mà càng lặp lại chừng nào, câu văn lại càng réo-rất chừng nấy, hơi văn thanh-thoát nhẹ-nhàng, khi mau, khi chậm, khi thấp, khi cao, đọc nghe lấy làm vui tai lắm, có khi dư-âm của từng câu nó còn du-dương mãi sau lúc đọc xong, tựa như một luồng tiếng rung động trên sợi tơ đàn:

*Trăng trong gió mát, kẻ cũng có
nhiều khi nhàn-hạ mà động niềm xa-*

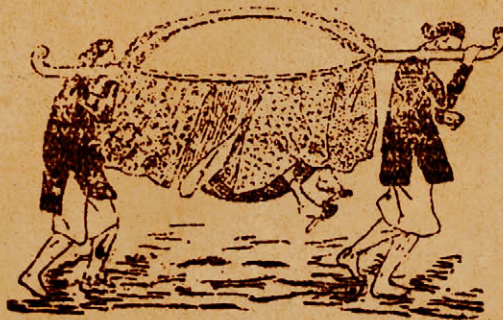
*xôi; rượu tỉnh canh tàn, kẻ cũng có
nhiều lúc thanh-tâm mà đôi cơn ngao-
ngán. Nghĩ từ độ áo đen cầm khó xong,
gà mua chịu không đắt, ba gian nhà
cỏ ai là người hỏi liễu tìm hoa; đến
nay thời đón đưa ai gió lá chim cành,
mà suốt sáng, mà thâu canh, mà đầu
hoa dãi nguyệt. Ba-mươi đồng bạc có
là mấy, nay có thể cầm cho một người
bà con thăm hỏi, mà trước kia mong
tưởng vào ai. Câu thơ bài hát cho đến
văn đăng báo, đến nay biết bao nhiêu
người cho mà trước kia biết cùng ai đề-
vịnh. Ngọn đèn chiếc bóng, cũng lắm
lúc đem gió đến bức tranh sơn-thủy
mà ngậm-ngùi, mà ngơ ngẩn, cảm về
nỗi nước đi đi mãi không về cùng non:
Hàm-tĩnh bất-hương đông-phong tiểu,
Độc bạn thanh-tùng đập tuyết du,*

*Đòi phen nhớ đến câu thơ xưa mà như
đại, mà như ngáy, mà then cùng văn-tự.
Lại từ sau lúc đám ma mẹ đã cất, khăn
buộc áo số mà môi son mặt phấn, nên
hương ngọn sáp mà dịp phách cung
cầm. Đau lòng tử-biệt sinh-ly mà khi
cợt nguyệt lúc cười hoa, vì ai vui-thú?
Than ôi! Văn-Anh, nếu thật quả là một
người không còn có một chút tinh-
tinh..., nếu còn có một chút tinh-tinh,
nỗi hoài-cảm biết là dường bao!*

(Tản-dà tùng-văn)

(Còn nữa)

TRÚC HÀ



QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

II

Văn-chương hay có nhiều lối, mà lối trào-phúng là một lối văn rất có ý-vị, vì có nhiều chỗ ý tại ngôn-ngoại, khiến cho người dễ chú-ý lắm. Năm xưa thành Hà-nội thất-thủ, Hoàng-tông-đốc tuấn-tiết, thành-phố huyên-truyền quan đề-dốc cũng tuấn-tiết theo, nhưng sau mới biết là tin đồn sai, cho nên bài ca *Chính-khi* của ông Ba-Giai có câu rằng:

*Thế mà nghe nói mơ-hồ,
Rằng quan đề-dốc trên hồ cửa tây,
Người rằng treo ở trên cây,
Người rằng hẳn xuống giếng này không
Xét tìm ngày một ngày hai, [sai.
Sắp toan hợp-tàng cùng nơi học-đường.
Hỏi ra sau mới biết tường ..*

Ông lại có bài thơ vịnh quan đề-dốc rằng:

*Nhắc cần thái-lĩnh với hồng-mao,
Nghe nói quan Đề khảng-khái sao !
Thất cổ tay đã vin xuống thấp,
Trăm mình đầu lại ngóc lên cao.
Sờ lưng tìm thuốc rơi đầu mất,
Lấy hốt làm gươm thích chằng vào.
Tư bát-tử rồi ngo-ngần mãi,
Hỏi thăm quan Bô chạy nơi nào ?*

Toàn bài tả ra cái hình-trạng quan Đề muốn chết, mà không chết được, ngo ngoe ngẩn-ngẩn, nghĩ đi nghĩ lại, không biết tự-xử làm sao, hay là mình là một viên võ biền, không biết cách chết chằng, cho nên phải chạy hỏi thăm quan Bô, may quan Bô bảo cho cách chết thế nào chằng, không may quan Bô cũng không biết cách chết, quan Đề không biết thế nào mà chết, thanh phải sống sót lại.

Ông Ba-Giai tên thật là Nguyễn Văn-Giai (阮文階) người làng Hồ-khâu, huyện Vĩnh-thuận (tức huyện Hoàn-long bây giờ), học giỏi văn hay, lại rất sở trường thơ-văn quốc-âm, chỉ vì có tính bướng tợn, ai cũng không chịu được, thường ngày rượu-chè bưng-bình, đến đâu sách-nhiều đó, cho nên ai cũng sợ mà lánh xa. Ông thường đến các nhà quen mượn tiền tiêu hoang, hề ai đối với ông có điều gì bất-bình, thì ông báo-thù ngay. Tục thường ai ai cũng kiêng ngày đầu năm, có một nhà kia, không cho ông mượn tiền, ông rất dễ lòng oán-hận, chiều ngày ba-mươi tết, ông đi đến nhà người buôn áo quan cái xăng) đặt một món tiền con-con, độ một vài quan tiền, bảo sớm ngày mồng một, thì đem đến nhà ở đấy, tên là thế. Khi đến đến, người chủ nhà kia trông thấy hoảng-kinh. người thợ nói ở nhà đây chiều hôm qua có người ra đặt tiền bảo sáng hôm nay đưa đến, chủ nhà ấy mới biết là ông Ba-Giai báo thù, cho nên tục có câu thề-thốt với nhau rằng:

*Hề ai mà nói dối ai,
Tối ba-mươi tết Ba-Giai vào nhà.*

Lại một hôm ông có mấy ông bạn đến chơi, ông định thết rượu, mà ở trong nhà không có đồng tiền nào, ông bảo các ông bạn ở lại nhà chơi, ông đi mua các món ăn để đánh chén, nhưng ông nghĩ mình vay mượn đã khắp mọi nơi, không thể lại mượn đâu được nữa, nhân nghĩ ra một diệu-kế, đi các đường tìm một đứa bé con nhà nào đó, làm cách dầy nó xuống ao nước rồi vớt lên bồng về nhà cho cha mẹ nó, nói nó bị

ngã xuống ao, mà mình cứ lên, cha mẹ đưa bé con ấy, cảm-tạ một cách rất thân-thiết; rồi ông mượn mấy quan tiền, chủ ấy cho ngay, ông liền đi mua rượu và đồ ăn về cùng thấy anh em bạn đánh chén. Cái cách ông bưng-bình đại-dễ như vậy, cho nên ai nghe tiếng ông Ba-Giai cũng phải sợ,

Ông có một người bạn tên là Đàm, nguyên người ở làng Me (tức làng Hương-mặc bây giờ) được làm tri-huyện Thọ-xương ở tỉnh Hà-nội, ông ấy sợ ông Ba-Giai hay đến chơi, thì hoặc có khi làm thất thê-diện quan huyện, khi làm huyện đã được vài ngày, liền bèn đem sai lính đi tìm ông Ba-Giai đến, đưa cho xem một cái trát đỏ, và bảo rằng đây có trát tỉnh sức bắt anh, anh phải đi trốn ngay, chớ không thì phải họa, nói rồi lại đưa lạng cho ông một nén bạc bảo phải đi ngay. Ông Giai nghe nói sợ hãi, vội-vàng đi sang trốn ở tỉnh Bắc hơn một tháng, không nghe tin-tức gì, biết là bị ông huyện Me lừa, lấy làm căm-tức lắm. Khi ấy có quan-quân Tàu đóng tại Hà-nội, tướng Tàu là Phùng Tử-Tai, không biết nhân việc gì đến huyện, có đánh ông huyện ba cái tát, rồi trói giải sang tỉnh Bắc, ông nhân làm một bài thơ để chế ông huyện Me, tiếc còn truyền lại chỉ có mấy câu:

*Dãi giữa công-đường ba cái tát,
Giải sang tỉnh Bắc một giây thờng;
Nguyên-sứ chủ Phùng ngăm sắc-lộ (1),
Đại-thần quan Võ hồi làm răng (2).*

Lại khi quan huyện Me căm dĩ, ông cũng có vịnh một bài rằng:

*Nhà tiệm phen này liệu bảo nhau,
Có tờ yết-thị cấm thanh-lâu;
Lạn-phò (3) lếch thẳng về quê trước,*

(1) « Sắc lộ » nghĩa là giết đi, tiếng Tàu.

(2) Khi ấy ông Võ Trọng-Bình người đương ng trong đương làm tổng-đốc Hà-nội, « làm răng » là tiếng đương trong.

3) Đĩ thổi, tiếng Tàu.

(4) Khách tử-tế, tiếng Tàu.

*Hủ-hạt (4) mau chân lên cửa sau;
Quần của chị em thôi xếp lại,
Lễ đem tổng-lý kip đưa mau;
Khoảng-phu oán-nữ oan thì khiêu,
Tang bực từ xưa có cấm dàu?*

Ông Lê Ngô-Cát (黎吳吉) người đời Tự-đức có mấy câu diễn tích ba Triệu Âu rằng:

*Vũ dài ba thước giắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống, trong rừng kéo ra.
Cũng toan gánh vác sơn-hà,
Cho Ngô biết mặt dân-bà nước Nam.*

Quan Bình-chuẩn Đãng Huy-Thư (鄧輝燿) cũng có câu rằng:

*Cửu-chân có ở Triệu-kiều,
Vũ dài ba thước, tài cao muốn người.
Gặp cơn thảo-muội cơ trời,
Đem thân bỏ-liễu, theo đòi bồng tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn thôn mấy cõi, chiến-trường xông-phu.
Chông gai một cuộc quan-hà,
Đầu khi chiến-tử, còn là hiền-linh.*

Xem hai bài, thì câu ông Ngô Cát lời-lẽ có phần hùng-hồn hơn, khi vua Tự-đức đọc câu của ông Cát, phê rằng như thế thì dân ông nước ta hèn lắm, nhưng cũng thưởng cho một tấm lụa với hai đồng ngân-tiền.

Đời Hồng-đức nhà Lê, có người vịnh bài thơ « Mẹ Vương-Lãng đưa sứ » bằng quốc-âm, mà không biết vì sao thiếu mất một câu luận, bài như sau này:

*Đường trường đằng-dặng ngựa đời chân,
Nỗi mẹ con này gửi sứ-quân;
Nhớ Hán lòng còn son một tấm,
Thương Lãng đầu đã bạc mười phần...
Mệnh mẹ là vòng dù võ võ,
Về thì nhân nghĩa nghĩa quân-thần.*

Sau chùa Trịnh sai ông Nguyễn Qui-Đức (阮貴德) vịnh thêm hai câu ấy cho đủ bài, ông ứng-khẩu đọc rằng :

*Bề trung-hiếu khôn hai vện,
Hội công-danh dễ mấy lần.*

Chỉ có hai câu như vậy, mà tả được đủ ý - tứ, rất là tài-tinh, chúa ban thưởng cho ông hai thoi bạc.

Ông nguyên là người làng Thiên-mỗ (天姥) huyện Từ-liêm, thi đỗ thám-hoa, rất sở-trường thơ quốc-âm, tiếc văn thơ phần nhiều thất-lạc hết.

Phụ chép tích Vương Lăng.

Vương Lăng là người Tàu, đời Hán, ở về huyện Bái (沛); lúc ông còn bé, là một tay hào-phú ở trong huyện, khi vua Cao-tổ còn đương hàn-vi, tôn ông làm vai anh, đến khi Cao-tổ khởi-binh ở huyện Bái ông suất chúng hơn mấy nghìn hưởng-ứng theo, Hạng Vũ (項羽) bắt mẹ ông Lăng, giam tại quân-dinh có ý muốn ông bỏ Hán về Sở, nhân dịp ông có sai tín-sứ về thăm mẹ, bà mẹ khóc mà bảo thăm với người sứ ấy rằng : « Nhờ người khéo nói cho con ta biết, nên thờ chúa Hán cho tử-tế, chúa Hán là người trưởng-giá, thế nào cũng lấy được thiên-hạ, chớ nên vì cái thân già này, mà sinh hai lòng ». Bà liền lên lấy gươm mà tự-sát, có ý muốn con một lòng mà thờ chúa Hán vậy.

Ông Nguyễn Đương-Bao (阮當褒) người làng Tây-mỗ, thi đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức thượng-thor, cùng ông Qui-Đức đồng-thời. Lúc hai ông cùng ngồi, ông Bao thì đương soi gương, ông Đức thì đương cỡi trần ngồi ăn, cùng nhau cười cười nói nói, nhân cùng nhau vịnh một bài thơ, hạn vận là vận « hay ».

Ông Bao xướng : *Cùng nhau nghị-sự đã
ngày ngày.*

Ông Đức xướng : *Ông về kia tôi về ni.*

Ông Bao xướng : *Nhật nguyệt đôi vầng
soi trước mắt,
Ông Đức xướng : Khu-cơ một máy vận
trong tay.*

Ông Bao xướng : *Xét nơi hào-mạc nào
hề nhắc,
Ông Đức xướng : Áp kẻ gian-ngoan đã
dễ ngay.*

Ông Bao xướng : *Con trẻ đàn bà đừng
nhóp-nhép,
Ông Đức xướng : Càng già càng trọng
nhủ cho hay.*

Xem bài thơ này thấy hai ông đều có cái khi-tượng to-lát, đáng bậc đàn anh; mới biết cái nghề làm thơ, trong bụng thế nào, thì câu thơ cũng ra thế ấy cả.

Một hôm tôi đương ngồi tha-thập các tài-liệu về thơ văn. ông Hồ-nam-tử (圖南子) từ Hải-dương lên, cùng nhau bàn đến thơ-văn, ông có đọc cho tôi nghe mấy câu thơ của Vô-Ngự thiềnsư vịnh bài « Vô-trụ tạng » rằng :

*Đất nền trời mái ấy là chùa,
Thế-giới hoa sen nở bốn mùa ;
Phật-tổ nhấp-nhỏ non với nước,
Chúng-sinh nhân-nhân cây hay cưa ;
Cành phan lá sớm cơn mây cuốn,
Dịp trống hồi chuông sóng bề khua...*

Toàn bài ông chỉ nhớ được sáu câu, nhưng cũng thấy chỗ hay, đủ biết thiềnsư kia là một tay thạo thơ, người trong cõi bụt, mà cũng tài-tinh lắm.

Thơ có nhiều câu đọc nghe như trệ, mà kỹ-thực thì có ý-tứ rất hay, như câu thơ của Cụ Yên-đồ mừng một người kia về nhà mới rằng :

*Nhà này ắt hẳn trăm người chết,
Con chết sau cha vợ trước chồng.*

Về trên là nói cái nhà này ở được lâu đời, cho nên trải qua có hàng trăm người chết; về dưới nói con chết sau cha vợ chết trước chồng, là một cái

cảnh thuận lắm, toàn là sự tốt cả, điệu thơ như vậy, cũng là điệu ít ai làm đến vậy.

Ở làng Vân-dình có hai chị em nhà kia, cũng là con nhà dòng-dõi, đã lớn tuổi, nhưng chưa gặp duyên thích-hợp, vẫn giữ chủ-nghĩa độc-thân. Sau cô em ra ở Hà-nội, lấy chồng, người chồng cũng làm việc ở sở nào đó, cô lấy làm mãn-nguyện, có một hôm cô về quê thăm nhà, cô nói với chị, có hơi khoe-khoang, người chị có ý bĩ em là người tầm-thường, mình tự nghĩ rằng tục có câu: «khó không tăng thấy của, mặt mèo vẫn chó xưa luôn đêm», chính là thế vậy. Sau có làm một bài thơ gởi ra thăm em, có câu rằng :

*Sang-trọng thầy thông lo việc nước,
Nghênh-ngang thẳng ở kéo xe nhà.*

Xem trong một câu thơ ấy, đủ thấy được cái ý xuân-thu bi-lý của cô chị, và cũng biết được tư-cách hai cô ấy là người bậc nào vậy.

Ở Bắc-kỳ có hai cụ nghệ Tân ; một cụ người ở huyện Gia-lộc Hải-duong, một cụ người huyện Vũ-giang Bắc-ninh. Cụ nghệ Tân ở Hải-duong, thật tên họ là Nguyễn Đình-Tân (阮廷新) văn-thơ có cách trào-phúng rất thần-tinh, như bài cụ tế sống bà Nghè rằng :

«.. Nhớ bà mày xưa : cái mắt đỏ hoe, cái môi thâm sít. Sừng-sừng đó dựng chi chân, phình-phình tây rành chi dit. Đi chợ bắt-trị chi ăn quả, về nhà tha-hồ chi đánh dit. Xóc-xếch hở lườn chi yếm, vú thông dưa gang ; lòa xòa lá tọa chi quần, rốn lồi quả quít. Trông bà như thể con cà-lồ, dễ chơi vậy lấy thẳng con nít. Nghĩ rằng bách-niên giai-lão sống ở cùng nhau, ai ngờ kinh-nguyệt bất-diều, chết đi thì tiếc.»

Lại bài thơ của cụ vịnh con chim bồ-câu ở nhà quan Tổng-đốc rằng :

*Cu hời cu hời bảo cu hay, !
Cu ở đâu mà cu đến đây ;*

*Đừng cây lòng son cùng ống sủ,
Có ngày thốt nghiêng với dao phay.*

Xem bài thơ này, đủ biết cái khí của cụ lãng-lich vô-cùng. Có sách chép dặt-sử của cụ lúc còn trẻ rằng : Cụ lúc trẻ rất ưa đánh bạc, ông thân-sinh cụ là ông Đường (唐) rất lấy làm ghét, yết bảng ở nơi chợ, xích cho là « diên tự văn-nhân, tâm như tặc-lữ » ; nghĩa là cái mắt giống như mắt người văn-nhân, mà cái lòng thì như cái lòng của tặc giặc. Lúc cụ mười-sáu tuổi, cụ thi đỗ tú-tài, mười-chín tuổi bỏ vào cống-sinh, vua Minh-mệnh thấy cái sức học của cụ còn kém, mà cái lòng muốn phú-quí thì vội lắm, cho nên vua mới hạ-lệnh từ sau phải bốn-mươi tuổi mới được bỏ vào Giám-sinh. Khi cụ ở Kinh có ông Đỗ Tôn-Quang (杜宗琬) người làng Hoa-diêm (花店), cũng là người đồng-huyện với cụ, ông Quang đã tôn-quí, mà cụ xem như người thường, một hôm cụ bận áo xài-xê, ban đêm đến gõ cửa ông Quang, gọi là anh Quang ; ông Quang biết ông là người bướng-bỉnh, bảo mở cửa cho vào, rồi sai thẳng hầu chặn xuống đánh sáu roi, cụ cũng không lấy làm điều, thông-dong nói rằng : Đây là anh muốn cho tôi làm đến quan lục-bộ vậy. Cái cách cụ ngạo-nghe như vậy. Khoa ấy cụ đương thi hội, đến ngày treo bảng, cụ đương say mèm không biết gì cả, ông Quang sai người gọi cụ đến, rồi nghe bảng yết tên cụ thi đỗ tiến-sĩ thứ mười một, khi ấy chính cụ mới 29 tuổi ; sau cụ làm đến tri-phủ.

Còn một cụ nữa, tên là Nguyễn Đình-Tân (阮廷新) người ở Bắc-ninh, thi đỗ phó-bảng, khoa nhâm-tuất đời Tự-đức, làm đến chức tổng-đốc tỉnh Sơn-tây, gặp cuộc Sơn-tây thất-thủ, cụ bỏ trốn sang Tàu, lưu-lạc đến vài năm, sau về nước, lại ra làm quan, do ngự-sử thẳng tham-tri, rồi về hưu, cụ cũng rất sở-trường thơ quốc-âm, có bài thơ qui-hưu rằng :

Đường mây qua lại vô câu giông,
Chán mặt non sông nghĩ then-thùng!
Mùi thể thử chơi từng ấy đủ,
Cuộc đời đã hẳn lúc nào xong;
Thôi-thời xin vài cùng chung-đỉnh,
Kẻo-kẻo còn rày với kiếm-cung;
Lếu-láo diên-viên vui thú nhĩ,
Hoa đào năm ngoái gió đông-phong.

Cụ lại còn có một bài thơ qui-hưu nữa, tiếc tôi chỉ còn nhớ có một câu rằng :

Mặc ai xe ngựa mặc ai hèo...

còn thì quên hết. Nghe nói khi cụ dương đi thi, cũng có một bài gửi về rất hay, tiếc chưa tìm được.

Tục truyền cụ lại có bài thơ tảo-khởi rằng :

*Tai nghe gà gáy tẻ-lè-te,
Bóng ác vừa lên hé-hẻ-hẻ;
Non một chồng cao von-vót-vọi,
Bông năm chùm nở lỏe-lỏe-loe;
Chim tình bầu bạn kia-kia-kìa,
Ông nghĩa vua tôi nhẹ-nhẽ-nhe;
Danh-lợi mặc người ti-ti-ti,
Ngủ nằm trưa dậy khỏe-khỏe-khoe.*

Bài thơ này, có người nói là của cụ huyện Hiệp-hòa là Nguyễn Tử-Mãn làm, không biết ai nói là phải, đề sau này sẽ đính-chính,

Thề thơ này là thề thơ « điệp-vận » rất là khó làm, xưa ông Bì Nhật-Hưu (皮日休) nhà Đường (唐) bên Tàu, bắt đầu bày ra, vua Thiệu-trị ta, cũng có làm một bài bằng chữ Hán rằng :

*Quyên quyên liền tiền xuyên,
Thư thư bĩ chỉ thủy;
Thăng hằng nhưng trủng ngưng,
Tự thử nghĩ mỹ-ý.*

Cụ nghệ Tân Thượng-cốc, lại có bài thơ họa bài qui-hưu của cụ Nguyễn Công-Trứ (阮公著) rằng :

*... Tẩu tình thơ say hồn Lý Thái,
Trúc cười hoa cợt thú Vương-Hy;*

*Giang-sơn tóm lại đòi tay khấu,
Văn-vũ dám ra một khúc tỳ;
Cũng kiếp phù-sinh hay dở vậy,
Nào ai lời thị với lời phi.*

∴

Xưa có câu văn tế vợ rằng :
*Xót-xa vì nguyện giai-lão nữ quèn,
hoa trước xuân tàn quỳn luống khóc;
Hau-đầu nhẽ nợ song-thân chưa trả,
vàng sau xanh rụng thần tuôn sầu.*

Chỉ trong một câu, đã đủ cái ý-tứ thắm-thía, nghe nói câu ấy chính là câu của cụ Đỗ Thế-Giai (杜世佳) làm. Nguyên về đời Cảnh-hưng nhà Lê năm thứ 31, bà chính-phi của chúa Trịnh Minh-dó-vương mất, chúa sai Xuân-quận-công Nguyễn Nghiễm (阮儼) làm bài tế-văn, sau lại sai cụ Đỗ duyệt lại, cụ có làm thêm một câu rày, chúa Trịnh xem khen hay, thưởng cho năm trăm bạc.

∴

Ông Nguyễn Quang-Bật (阮光弼) người làng Bích-ngộ, huyện Gia-bình, xứ Kinh-bắc (nay tỉnh Bắc-ninh) thi đỗ trạng-nguyên đời Hồng-đức nhà Lê, trong khoảng niên-hiệu Cảnh-Thống ông cùng ông Đàm Văn-Lễ (譚文禮) chịu cố-mệnh giúp vua, sau vua Uy-Mục-đế được nối ngôi, giận ông khi trước không lập mình, đày ra đất Nam-ninh (?), ông tự thương mình là người vô-tội, mà phải đi đày, khi đi qua cửa bể, ông ném một hòn đá xuống bể mà thề rằng : « Con cháu họ Nguyễn ta, mà còn đi ứng-thí bản-triều, thì thề như hòn đá này ». Nhân lại ngâm một bài thơ quốc-âm, rồi nhảy xuống bể mà chết.

Thơ rằng :

*Trời trời xanh, đất đất xanh,
Ai xui người ngọc đến Nam-ninh,
Nào chàng Liêu-Nghị đi đâu tá?
Sao chẳng đưa thơ đến Động-đình.*

Sau con cháu ông kiêng lời thề của ông, bèn đổi họ làm họ Đỗ (杜) đời đến

ở làng Đại-mão (大卯), huyện Siêu-loại (超類), dòng-dõi đến nay hãy còn.

Vịnh thơ dùng điển-tích mà dùng cho được chệnh-chện ra một câu thơ lịch-sử, thì kẻ đọc đến, biết có ý-vị vô-cùng ; như mấy câu thơ sau này :

1^o Thơ vịnh « Hán Cao-lỗ »

*Khi vào Hàm-cốc hươu co cổ,
Lúc tới Thành-cao khỉ cụp đuôi ;
Bái-tướng chẳng nề thằng xách rỏ,
Phong-hầu không sót chị cào môi.*

2^o Thơ vịnh « Con trâu già »

*Đuôi cuồng gượng vẫy Điền-dan hỏa,
Tai điếc buồn nghe Tịnh-thích ca ;
Mai xuống Đào-nguyên chân dứng-đĩnh,
Chiều về Mục-dã miệng hê-ha.*

Lại như câu thơ sau này, là câu thơ mượn điển-tích mà dùng, rất có khí-tượng.

Thơ vịnh « Ăn thuốc phiện » rằng :

*Thiên-sơn tóm lại chừng ba phút,
Hàm-cốc lẩn qua thử một viên.*

Câu thơ này không biết của ai làm, trong câu thơ có cái khí-tượng rất to-tát, tưởng cũng là một tay anh-hùng mà phải bệnh nghiện cháng ?

Thông-thường những người có bệnh ăn thuốc phiện, thì cứ nằm co lại, trông không có một chút hùng-khí nào, nhất là đến cơn nghiện mà chữa có thuốc ăn, thì dù trời nghiêng đất đổ, núi lở bể tràn, cũng không nghĩ gì đến, còn gì mà nói những sự địn núi Thiên-sơn, chét cửa Hàm-cốc, mà người vịnh

hai câu thơ này, thì có hùng-khí bùng-bột, làm cho những bạn nằm co, ngám đến bài này cũng được thổ-khí dương-mi một đôi chút, thơ như thế mới là câu thơ phẩn-khởi được nhân-tâm.

Thơ không dùng điển-cổ, không dùng văn-hoa, chỉ dùng lời thường nói ra, mà câu cũng hay, thế ấy gọi là thể thơ khẩu-ngữ, như mấy bài sau này :

Bài thơ tống-biệt của người Bình-thuận ;

*Trái mù-u trên núi,
Chảy xuống cửa Phan-rang ;
Ông đi về ngoài nở,
Trong lòng tôi chẳng an ;
Bao giờ ông trở vô,
Gặp tôi ở giữa đàng ;
Bắt tay nói chuyện chơi,
Uống rượu cười nghênh-ngang !*

Lại như bài thơ của một ông quan tỉnh kia, đưa ông sứ đi tỉnh khác rằng :

*Cái râu ông quắp mũi ông ngay,
Ông ở cùng tôi chẳng mấy ngày.
Ông bỏ ông đi tôi nhớ lắm,
Đưa ông ngàn-ngại nắm hai tay.*

Bài này cũng lưu-loát như bài trên, nhưng câu kết không biết có đúng không, vì tôi nghe bài này đã lâu, nay nhớ ước-chừng như vậy.

(Còn-nữa)

SỞ-CUÔNG



CUỘC TIỀN-ĐỒ MÃN-CHÂU CỦA NƯỚC TÀU

« Trong vũ-trụ việc gì chẳng phải việc nhà nho », làng nho vốn có lời ấy. Vì nhà nho đọc sách thánh-hiền, tai mắt thông-minh, cầm chủ-nghĩa cứu-thế, phàm việc trong vũ-trụ không cứ việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, việc gì chẳng phải là việc nhà nho nên để mắt quan-sát, để ý nghiên-cứu. Pbuơng-ohi gần trăm năm nay, cuộc đời đã mở hội doanh-hoàn, mà nước Tàu nước Nhật kia, cùng với ta cùng chịu cái ảnh-hưởng cò-văn-minh, và cái ảnh-hưởng tân-thời-đại, gần-gũi với ta trong bờ-cõi châu Á, cùng người một hội một thuyền dàu xa. Vả lại việc thế-giới thì người thế-giới đều cùng mắt quan-sát, việc của nhân-loại thì người trong nhân-loại đều có quyền ngôn-luận. Vậy thì người mình đối với vấn-đề Mãn-châu của nước Tàu ngày nay, tuy thuộc về phương-diện khách-quan, song cứ lấy cái tâm-lý nhà nho kẻ như trên, và cái chức-trách làm người trong thế-giới mà suy cho kỹ ra, thì tưởng cũng không phải là khách-quan gì cho lắm. Nếu suy-xét cuộc đời được một cách thiết-thực mà đừng có lòng-bóng, phán-đoán cuộc đời được một cách bình-tĩnh mà không thiên-lệch, há chẳng có ích cho sự học-vấn ư? Cho nên cái vấn-đề Mãn-châu của thế-giới ngày nay, há những là cái vấn-đề có thú-vị của con nhà vẽ voi mà thôi, lại chính là cái vấn-đề có chức-trách của con nhà ngôn-luận vậy.

Cái thể xô-dẩy của thiên-hạ xưa nay bất-ngoại về sáu chữ : « *Nhược chi nhục, cường chi thực* 弱之肉強之食 » (1) Cái thể ấy rất mạnh, đã hầu như cuộc thiên-diễn bày ra, khó ai ngăn-

cản nôi. Người quân-tử cầm quả cân ngôn-luận trong cuộc đời, đối với kẻ yếu không nên chỉ chê hoai, đối với kẻ mạnh không nên cứ trách quá. Cho nên xưa nay các nhà đạo-đức cho đến các nhà ngôn-luận, hễ gặp có việc kẻ mạnh lấn kẻ yếu, thì hết lòng phò-dãi công-lý để duy-tri lấy nhân-đạo, ngăn-ngừa kẻ mạnh để bênh-vực cho kẻ yếu, mà mong cho kẻ mạnh kia bớt cái dã-tâm, kẻ yếu nọ có ngày tự-lập. Nhưng đó cũng là thuộc về lẽ-lối dấy mà thôi, hay là thuộc về lý-tưởng dấy mà thôi. Chỉ bằng cứ bình-tĩnh mà xét về cái tình-thế của sự thực, để liệu-lượng về cuộc tương-lai ít nhiều, mà mong cho người xem tự lấy phương-pháp mà xét đoán, có lẽ là thiết về sự thực hơn. Vậy trước-giả xin đặt ra cái vấn-đề bàn về cuộc tiền-đồ Mãn-châu.

Trước hết nói về lịch-sử Mãn-châu,

Hình thế Mãn-châu ở cõi Đông-Á ngày nay có quan-hệ với thế-giới thế nào, chẳng nói ai cũng đã rõ, nay chỉ chuyên kể về lịch sử mà thôi.

Nguyên đất Mông-cổ cả thầy chia ra có ba bộ : tây-bắc-bộ tức là Ngoại-Mông-cổ, nam-bộ tức là Nội-Mông-cổ, đông-bộ tức là Mãn-châu. Giống Mông-cổ nguyên là một giống gióc tóc quật-cường vô-dịch, hay vào ăn cướp nước Tàu, lịch-dại nước Tàu thường lấy làm lo, vì như năm trên đồng củi có lửa. Cho nên nhà Tần đập bức Tráng-thành, nhà Hán mở đất Liêu-dông, đều là cái chính-sách ngăn-ngừa nạn Mông-cổ của người Tàu cả.

Liêu-dông tức là đất Nam-Mãn ngày nay, nghĩa là tự phía đông sông Liêu-hà, cho đến phía tây sông Áp-lục ;

(1) Thịt của giống yếu tức là đồ ăn của giống mạnh.

tự đất Thâm-dương trở xuống, cho đến đất Lữ-thận cảng Đại-liên trở lên, mà trọng-trấn thì ở đất Liêu-dương. Liêu-dương cách-trở sơn-khê, cũng là một nơi bình-thể tuyệt-đối. Thế là thổ-địa nhà Hán đã từng vượt ra ngoài bức tràng-thành, mà chiếm-lĩnh nam-bộ Mãn-châu để làm đất thực-dân từ đấy.

Từ khi người Tàu ra thực-dân ở đấy thì người giống Túc-thận, tức là giống đông-bộ Mông-cô, lùi lên phía bắc, mà biệt-hiệu là giống Đông-hồ, hoặc có khi gọi là giống Khiết-dan, giống Nữ-chân. Nhưng cái chính-sách phòng-ngữ của người Tàu, thường chỉ như thế mà thôi, lịch-đại chưa từng tiến lên phía bắc nữa.

Đến đời Hán-mạt thì quận Liêu-dông đã dời ra làm quận Bắc-hải, hoặc gọi là quận Bột-hải. Khi ấy có viên thái-thủ là Công-Tôn Độ nhân khi nội-địa nhiều-nhưng, một mình chuyên-chính ở hải-ngoại, oai-quyền lừng-lẫy, một cõi Liêu-dông được bường thái-bình. Những hiền-sĩ trong nội-địa là bọn Quán-Ninh Vương-Liệt đều rủ nhau tránh loạn ra ở Liêu-dông, nương tựa với Công-Tôn, vì Công-Tôn vốn là người hiếu-hiền lễ-sĩ. Từ đấy nhân-vật Liêu-dông lại có vẻ cực-thịnh, chẳng kém gì nội-địa. Đến đời con Công-Tôn Độ là Công-Tôn Uyên, thì Tư-Mã Ý kéo quân sang đánh, Liêu-dông lại thuộc về nhà Tây-Tấn. Khoảng nhà Tùy nhà Đường, giống Triều-tiên bỗng nảy ra một kẻ kiệt-liệt là Cáp-tô-vấn, tiến binh cướp lấy đất Liêu-dông, vua Đường Thái-tôn phải đi thân-chinh mới thu-phục được. Kể tự nhà Hán nhà Tấn nhà Tùy nhà Đường, cho đến nhà Minh, trừ nhà Tống nhà Nguyên ra không kể, trong cái thời-kỳ ngót hai nghìn năm ấy, đất Liêu-dông vẫn thường là đất lĩnh-thò của người Tàu. Người làm quan Liêu-dông cũng như làm quan trong nội-địa; Liêu-dông tuy nguyên là đất của giống Túc-thận,

nhưng người Tàu dường như đã quên đi cả rồi, không ai còn kể là đất của giống Túc-thận nữa. Vì cái nguyên-nhân ấy cho nên người Tàu đối với Mãn-châu, không bao giờ có thể đoạn-tuyệt quan-hệ đi được.

Ấy là kể về cái lịch-sử Nam-Mãn.

Còn như lịch-sử Trung-Mãn, Đông-Mãn, và Bắc-Mãn, thì người rợ Đông-hồ vẫn ở, mà đời đời vẫn hùng-trướng. Vì phía Nam tuy bị người Tàu xâm-lấn đã lâu, nhưng chỉ là một miếng đất Liêu-dông bán-đảo mà thôi, còn thì đông-bắc các bộ vẫn rộng-rãi mông-mênh, thừa ở, thừa ăn, thừa dụng-vũ, không tổn-hại gì đến người rợ Đông-hồ cả.

Người rợ Đông-hồ đã có vũ-lực, lại chịu cái văn-hóa người Tàu, biết tổ-chức thành quốc-gia, cho nên bề cường-thịnh lại càng ngày càng thấy vô-dịch. Trước kia quấy nhiễu nhà Đường là rợ Khiết-dan, trung-gian xâm-lấn đánh phá nhà Tống là nhà Liêu và nhà Kim, sau này thống-nhất thiên-hạ nhà Minh là nhà Thanh.

Mãn-châu là đất cơ-sở của họ Ái-la Giác-dân nhà Thanh. Họ Ái-la khởi tự miền núi Tráng-bạch sông Hắc-long, tiến xuống miền nam, định đô gọi là Thịnh-kinh (tức tỉnh-thành Phụng-thiên ngày nay), lập-quốc xưng-đế, gọi là « Mãn-châu-quốc hoàng-đế ». Cái danh-hiệu Mãn-châu thủy tự đấy.

Đương lúc nhà Thanh còn thịnh-vượng, thì vua Khang-hi phân địa-giới với nước Nga ở Hưng-yên-lĩnh. Đất Mãn-châu còn vượt lên phía bắc sông Hắc-long mà tiếp-giáp núi Hưng-yên, miếng đất ấy mông-mênh kể có mấy nghìn dặm. Kịp lúc nhà Thanh suy-dồi, thì vua Quang-tự đem miếng đất phía Bắc sông Hắc-long, tiếp-giáp núi Hưng-yên ấy, và một dải đất Duyên-hải tự bắc đến nam tiếp-giáp nước Triều-tiên nữa cắt nhường cho

nước Nga. Thế là Đông-bộ Mãn-châu của người Tàu cơ-hồ mất cả, mà người Nga mới được miếng đất Hải-xâm-uy, sáng-lập ra quân-cảng, đề ngó cò ra bề Thái-bình. Thực là một việc lớn của thế-giới ở Viễn-dông vậy. Kịp hồi Dân-quốc khởi lên, trừ miếng đất đã cắt nhường cho người Nga không kể, còn thì Đông-tam-tĩnh hoàn-toàn là lãnh-thổ của người Tàu.

Người Tàu lại vì một cơ nữa, đối với Mãn-châu không bao giờ có thể đoạn-tuyệt quan-hệ được. Là bởi trong một thời-kỳ nhà Thanh thống-nhất ngót 300 năm, dân nội-dịa ngấm-ngấm dời sang ở Đông-tam-tĩnh, đã không biết số bao nhiêu mà kể, lập quê-hương ở đất ấy đã có người đến hai ba bốn đời. Người Mãn khi ấy là quý-tộc, kiêu-cãnh lười biếng; người Hán khi ấy là bình-dân, chịu nhục làm ăn. Người Hán ngày thịnh, người Mãn ngày suy, đã căn-nguyên từ đây. Gia-dĩ hồi Dân-quốc khoảng 20 năm nay, dân nội-dịa mới hiện-nhiên kéo nhau sang Đông-tam-tĩnh làm ăn, hàng năm kể có hàng triệu người, số thực-dân ở Đông-tam-tĩnh của người Tàu kể có gấp mấy trước. Hai mươi năm nay, từ quân-giới cho đến chính-giới, thương-giới, học-giới, ở Đông-tam-tĩnh, nhan-nhãn rất những người Hán, mà người Mãn thì tuyệt-nhiên không thấy tăm-hơi gì cả. Thế thì người Mãn đi đâu? Chừng cũng đã tiêu-diệt đi một cách vô-hình rồi. Xem như người Nhật phen này chiếm-cử Đông-Tam-tĩnh, muốn lập ra cái chính-phủ Mãn-châu, giả-danh bênh-vực cho người Mãn, mà tìm trong số người Mãn thì không có một người nào có thế-lực gì nữa. Thạm-chỉ Chính-phủ Mãn-châu trừ một anh Phò-nghi là người Mãn ra, còn thì cũng nhan-nhãn là người Hán, xem thế thì khắc rõ. Cho nên người Tàu đối với đất Mãn-châu, vô-luận thế nào mặc dầu, cũng phải nhận là miếng

đất tiền-nhân, miếng đất đồng-bào, mà không thể đoạn-tuyệt được.

Người Tàu đối với đất Mãn-châu ngày nay, khác với người Nga đối với Phần-lan, người Đức đối với Ba-lan, người Áo đối với Hung-gia-lợi năm nọ. Ba nước kia tuy có mất ba miếng đất ấy, nhưng là vật hoàn-cố-chủ mà thôi. Đến như Mãn-châu thì thực là miếng đất liên-lạc với huyết-mạch dân-tộc Tàu, sự còn mất lại càng quan-hệ lắm.

Mới đây người Nhật thịnh-linh tiến quân vào Mãn-châu, chẳng khác gì một miếng sét trong thế-giới, quân đông-bắc thì cầm chủ-nghĩa bất-dễ-kháng, tan-tác chạy nạn lui về cửa quan. Trong cái thời-gian chớp mắt, mà phía tây tiếp-giáp bức Tráng-thành, cho đến phía đông sông Áp-lục, phía bắc từ Tề-tề-cáp-nhĩ cho đến phía nam đất Liêu-dông bán-đảo, đã thuộc về đất của người Nhật mới chinh-phục được. Chỉ còn có mấy tay hào-kiệt, mấy đạo cô-quân, xuất-nhập nơi rừng xa núi tuyết ở phía đông-bắc để chống với quân Nhật mà thôi. Ấy cái lịch-sử Mãn-châu ngày nay đã thuộc về cái lịch-sử thống-khò của người Tàu, mà chính là cái lịch-sử chẳng đoái công-luận, miệt-thị thế-giới của người Nhật. Cho nên bàn đến vấn-đề Mãn-châu, không khỏi kể qua đến quốc-thế của người Nhật.

Nhật-bản cũng là một giống da vàng, thuộc về nòi Thái-hòa, ở về ba cái đảo con con bề Đông-hải, thờ đạo vũ-sĩ. Hồi thế-kỷ thứ sáu, bắt đầu giao-thiếp với nhà Đường, thâu-thái được Phật-học. Rồi đến thế-kỷ thứ mười, giao-thiếp với nước Cao-ly, thâu-thái được Khổng-học. Lại khoảng 60 năm gần đây, vua Minh-trị duy-tân thâu-thái được Thái-tây khoa-học. Ấy cái tính-cách người Nhật-bản, đại-khái là như vậy.

Kể từ năm giáp-ngọ chưa đầy 40 năm nay trở về trước, người trong thế-

giới cơ-hồ chẳng ai biết đến nước Nhật là nước chi chi, thế mà ai ngờ thời-thế thay đổi, ngày nay nước Nhật-bản đã chen vai vào với liệt-cường, làm cho người thế-giới ai nấy đều phải chú-nhãn. Người Nhật biết mình là đảo-quốc thế-có, cho nên hết sức khuếch-xung quân-bị, nhất là hải-quân ngày nay đã đứng về hàng thứ ba trong thế-giới.

Ngày xưa nước Nhật vốn là nước nhỏ, nhưng tự hồi Trung-Nhật chiến-tranh năm giáp-ngọ đã thêm được đất Đài-loan ; kịp hồi Nga-Nhật chiến-tranh năm giáp-thìn, lại thêm được nước Cao-ly và miếng đất Hường-thái bán-đảo, tự đấy bình-thế nước Nhật đã thành ra một đại-quốc (1) ở Đông-bái, mà cơ-hồ gấp ba khi xưa, nước Nhật cũng không phải là nước nhỏ nữa. Duy số dân sinh-sản ở nước Nhật tăng-tiến nhiều quá ; hồi Minh-trị duy-tân chỉ có ngót bốn mươi triệu, mới cách sáu mươi năm nay, số dân Nhật-bản tăng tiến đến ngót bảy mươi triệu, cơ-hồ gấp đôi. Ba cái đảo cò con, đất không đủ ở, vật-sản không đủ kiếm ăn, gia-dĩ địa-chấn luôn-luôn, liền năm tai-hại. Người Nhật tuy có lấy được Triều-tiên, nhưng dân-số Triều-tiên lại là dân-số đông-đúc, mà dân-tộc Triều-tiên cũng là dân-tộc có văn-hóa, có sức cần-mẫn, người Nhật không thể giầy-séo chen-chúc mà tranh-cạnh được, tất phải có một nơi thuộc-địa thực-dân rộng-rãi gì đó, để trước hết bãng xua bớt người Triều-tiên đi làm tiên-phong, rồi kế-chi chờ những dân thất-nghiệp ở Nhật-bản đến làm ăn, như vậy thì người với đất sẽ có thể quân-bình được. Cái vấn-đề di-dân ngày nay, tưởng không nước nào cần kịp hơn nước Nhật-bản, mà Ngũ-dại-dương trong thế-giới thì hết cả đất rồi,

không còn di dân được nữa, thế-tất phải tràn sang Mãn-châu.

Mãn-châu là một miếng đất mênh-mông béo tốt ở ngay láng-diềng Nhật-bản, cửa ngõ Nhật-bản, người Nhật đối với Mãn-châu, chẳng khác nào con hồ dơi dơi với con dê non chửa mọc sừng, lại kề gần ngay trước mắt, bấy lâu mài nhai rũa vuốt để làm gì ? Nếu chậm ngày nào thì con hồ thêm phần nguy-cấp ngày ấy ; mà con dê non kia, vốn có sức hùng-hậu, nếu mọc được sừng dài, thì cũng có khi đánh chết được con hồ. Cho nên người Nhật đối với vấn-đề xâm-lược Mãn-châu, dù sống cũng làm, dù chết cũng làm, cũng là thuộc về cái lẽ cường-thực nhược-nhục trong trò thiên-diễn.

Năm giáp-ngọ đánh Tàu cắt lấy bán-đảo Liêu-dông, người Nhật khi ấy đã có chí nuốt Mãn-châu, nhưng khi ấy thế-lực người Nhật còn yếu, sợ uy-lực Nga Pháp Đức ba nước, phải nhả Liêu-dông. Kịp đến hồi thắng Nga, lại được thừa-tập cái quyền-lực của Nga ở Đông-tam-tĩnh, cái sự thực nuốt Mãn-châu của người Nhật mới dần-dà tiến-hành. Bọn chính-khách là bọn Điền-Trung Cầu-Tĩnh thì hết lòng nghiên-cứu, bọn quân-nhân là bọn Hoàng-mộc Bản-trang thì hết sức thừa-cơ, cho được đến ngày nay. Ấy cái cuộc xâm-lược Mãn-châu của người Nhật, dằng-dai gây-nhóm đã có nửa thế-kỷ rồi, không phải là sự một ngày.

Quốc-thế người Nhật như vậy, còn nội-tình người Tàu thế nào ?

Cuộc Cách-mệnh khoảng hai mươi năm nay, danh-từ là dân-quốc, kỹ-thực là các địa-phương của bọn quân-nhân; danh-từ là có hiến-pháp, kỹ-thực ai là người tôn-trọng hiến-pháp ? Thử đem cái gương lịch-sử của người Tàu khi xưa mà xem ra, thì cuộc này giống

(1) → Đại-quốc = Hình nước như một cái giải dài.

như cuộc Xuân-thu hay là cuộc Chiến-quốc chăng? Thực không giống như thế. Cuộc này giống như cuộc Tam-quốc hay là Lục-triều chăng? Thực không giống như thế. Những cuộc ngày xưa kể như trên, tuy là cuộc phong-vũ can-qua, nhưng có khai-diễn, có kết-thúc, có thú-vị. Đến như cuộc dân-quốc thì thật chán quá, nhân-vật thì thấp-thoáng như quâu đèn cù, quốc-sự thì nhiều phen tựa như vô-chính-phủ. Cuộc này đại-khái như cuộc phiêu-trấn cát-cử đời nhà Đường-mạt, trò sát-phạt lẫn nhau đời Ngũ-quí, va-loạn liên-liên, chiến-tranh chẳng thôi. Ấy hai mươi năm nay có lẽ thường vậy như một ngày. Song những sự về trước không kể chi, hãy kể ngay về hồi Trung-Nhật hữu-sự này.

Hiện nay nước Tàu cũng còn có nhiều phe đảng. Có thể-lực đủ chi-phối được nước Tàu ngày nay, thì nhất là phe Nam-kinh. Phe ấy thì Tướng Giới-Thạch làm đầu, mà Hà Ưng-Khâm, Tống Tử-Văn, Uông Tích-Vệ làm phụ. Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, Giang-tô, Hà-nam, An-huy, Chiết-giang, Thiểm-tây, Cam-túc, chín tỉnh đều thuộc về phạm-vi thể-lực họ Tướng cả. Họ Tướng từ-chức hay không từ-chức đều là cái danh-nghĩa bề ngoài mà thôi. Lại còn phe Quảng-tây là bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi. Hiện nay thì phe Quảng-tây hợp-tác với phe Quảng-đông; phe Quảng-đông thì Trần Tế-Đường ra tay mà Hồ Hán-Dân trợ-lực, dễ phản-kháng với Nam-kinh. Lại còn phe Đông-bắc tức là phe quân-phiệt cũ, thì Trương Học-Lương chủ-trì, mà Diên Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường tự khi đã thất-thế rồi, cũng i-a vào đấy. Lại còn phe tự-trị, như Long-Vân ở Vân-nam, Lưu-Tương ở Ba-thục, hẻo-lánh ở góc Tây-nam, bấy lâu vẫn không ảnh-hưởng với thời-cục gì cả. Lại còn phe lừng-lợ, đối với Nam-kinh Bắc-kinh,

đều chưa thực tỏ ra lòng hợp-tác, là phe Hàn Phục-Cử ở Sơn-đông.

Duy có một phe mới xuất-hiện, là phe ở Thượng-hải Tô-châu ngày nay, nguyên là đạo quân thứ mười chín, người lĩnh-tu là Trần Minh-Khu, người quân-trưởng, người chỉ-huy là Thái Đình-Khải với Tướng Quang-Vại. Tự phen đánh đuổi được quân Nhật-bản ở Thượng hải, làm cho nước Tàu hiện ra một cái khí-sắc khởi-tử hồi-sinh, tiếng-tâm lừng-lẫy cả trong thế-giới, người Tàu hết thấy sùng-bái hoan-nghênh, bọn thanh-niên trong nội-địa thì xin vào đầu-quân, bọn Hoa-kiều ở ngoại-dương thì kể-tiếp trợ-lực, thể-lực phe ấy có lẽ một đã lên mười. Phe ấy bấy lâu tuy hợp-tác với Nam-kinh, nhưng đối với Quảng-châu vẫn không tỏ ra ý cụ-tuyệt, thường lấy tình cố-nhân khuyên bảo Trần Tế-Đường. Sau này phe Nam-kinh với phe Quảng-đông may khởi đánh nhau chăng, hoặc cũng nhờ có phe ấy đứng giữa ngăn-cản. Ấy đại-khái phe đảng trong nước Tàu kể ra đã hết như trên. Ngày nay có phải là ngày các phe đảng còn nên tranh-danh nữa hay không? Người Tàu há lại chẳng biết.

Người Nhật kia đối với Mãn-châu dùng cái thủ-đoạn sống chết cũng tất-tranh, thế thì người Tàu đối với Mãn-châu há lại chẳng nên dùng cái lực-lượng sống chết cũng không bỏ.

Hiện nay thì hải-quân lục-quân, không-quân người Tàu đều thua kém người Nhật, nhưng chỉ thua kém về bề quân-hỏa khí-giới mà thôi, chứ nhân-tài thì thực chẳng thua kém gì mấy. Xem gương Thượng-hải mới rồi cũng khá rõ, đó là một điều tru-điểm của người Tàu.

Hải-tuyến nước Tàu rất dài, người Tàu rất nhiều, đất Tàu rất rộng, dịch-quân tuy có thắng-lợi, nhưng cũng không lấy sức nào đàn-áp nổi cho hết.

Xem hiện nay người Nhật còn phải chạt-vật đối với bọn thổ-hào Đông-tam-tĩnh cũng khá rõ, đó là hai điều ưu-điểm của người Tàu.

Nội-địa trong nước Tàu là một cái chợ giao-dịch của thế-giới, người Hoa-kiều ở ngoại-dương là một hạng người khéo vì người ngoại-quốc với người thổ dân mới-giới các đồ hàng-hóa cho thế-giới, nếu người Tàu tuyệt-giao với Nhật-bản về đường kinh-lẽ, thì không những người Nhật-kiều ở nội-địa nước Tàu đều bị thất-nghiệp, mà người Nhật-kiều ở ngoại-dương cũng bị khủng-hoảng, ấy là cái lợi-khí người Tàu chiến-thắng người Nhật; người Nhật bấy lâu rất lấy làm kinh-hãi, cho nên người Nhật hễ làm điều-uớc với người Tàu, vô-luận điều gì, tất phải nói đến điều ấy, đó là ba điều ưu-điểm của người Tàu.

Người Tàu đã có mấy điều ưu-điểm như vậy, nếu cử-quốc đồng-tâm, nội-ngoại nhất-đức để đối-phó với người Nhật một cách cương-ng nghị quả-quyết và nhẫn-nại lâu-dài, chẳng vì được mà kiêu, chẳng vì thua mà nản, thì người Nhật kia đâu mạnh, tất có một ngày binh cùng tài kiệt, sinh ra nội-biến, phần thắng-lợi sẽ về người Tàu, mà cái tính-mệnh Mãn-châu ngày nay, chưa dễ nhất-đán mà đoạn-tổng về tay người Nhật được. Nhưng xem ra phe Quảng-tây với phe Nam-kinh còn coi nhau như cừu-thù, họ Trương với họ Diêm họ Phùng còn dinh nhau như miếng mồi, Vân-nam Ba-thục bao giờ hợp-tác với Sơn-đông, Hồ Hán-Dân bao giờ thân-thiện với Trương Giới-Thạch?

Lại hèn-nhát nhất là quân Đông-bắc. Đất Mãn-châu là đất của quân Đông-bắc, số quân có hai ba mươi vạn, khí-giới lương-thực súc-tích đầy đủ. Nếu cánh quân ấy cũng tỏ gan anh-hùng được như cánh quân Thượng-hải, thì

trận đánh ở Ngô-tùng Hạp-bắc biết đâu chẳng đã diễn ra ở Thâm-dương Lữ-thuận tự bao giờ. Người Nhật tuy thèm Mãn-châu, chưa dễ đã nuốt ngay được. Mà sao lần thứ nhất ở Thâm-dương đã cầm chủ-ngĩa bất-đề-kháng lui về Cầm-châu, bảo rằng tin cậy chút công-lý của hội Vạn-quốc, may ra lấy thủ-đoạn ngoại-giao mà khiến -chế được người Nhật, điều đó đã đành. Nhưng lần thứ hai ở Cầm-châu, thì cái dã-tâm của người Nhật đã bày tỏ ra với thế-giới, phần công-lý của Vạn-quốc không có phần nào còn hi-vọng được nữa, thế mà cũng lại cầm chủ-ngĩa bất-đề-kháng lui về Sơn-hải-quan. Ấy là người Nhật không tiến-binh vào Sơn-hải-quan, nếu người Nhật tiến binh nữa thì quân Đông-bắc lại bất-đề-kháng nữa hay sao? Quân Đông-bắc đã không có cái năng-lực thủ-thò, há lại có cái năng-lực xuất-quan! Thế mà các giới ở mọi phương còn mong Trương Học-Lương tiến-binh xuất-quan để thu-phục lấy Mãn-châu, đuổi người Nhật ra ngoài bờ cõi, đều là thuộc về sự mộng-tưởng cả. Hiện nay thì cánh quân ấy giữ Bắc-kinh với Thiên-tân, hình-thế Thiên-tân của Bắc-kinh cũng như hình-thế Thượng-hải của Nam-kinh. Bấy lâu chẳng biết Trương Học-Lương có thực-lực tiếp-tế cho quân nghĩa-dũng ở đông-bắc gì không, nhưng người Nhật thì vẫn ngờ rằng thế, mà muốn trừ tuyệt đi. Nghe dân người Nhật đã có phen đe-dọa Trương Học-Lương mà muốn sinh-sự ở Thiên-tân, cũng như ngày trước sinh sự ở Thượng-hải, một là trừ tuyệt đường tiếp-tế của quân nghĩa-dũng, hai là để phân cái thị-tuyến của người Tàu đối với Mãn-châu. Đó là một cái chính-sách tất-nhiên của người Nhật, há những là lời dọa-nạt! Duy người Nhật chưa thực-hiện đấy mà thôi. Nếu người Nhật thực-hiện ra cái chính-sách ấy, thì nội-

địa nước Tàu lại có một phen rung-động, chẳng biết khi ấy vai Trương Học-Lương có phải là vai Thái Đình-Khai thứ hai, cánh quân Đông-bắc có phải là cánh quân Thập-cửu-lộ thứ hai nữa đấy hay không? Cái đó thì chưa ai dám chắc.

Lại còn một cỗi đất người Nhật thủy-chung vẫn dòm-nom riết đó, là cỗi đất Nhiệt-hà, vì đất ấy làm bờ rào cho Đông-tam-tĩnh mà vô vào sau lưng Bắc-kinh. Nếu đất ấy mà mất thì bức Tráng-thành sẽ có cơ lay-động, mà Bắc-kinh sẽ cuốn vào trong cái thế-lực phạm-vi người Nhật. Đất ấy bấy lâu vẫn thuộc quyền Trương Học-Lương, người chủ-tĩnh là Thang Ngọc-Lân. Nghe chừng Trương vẫn không tiết-chế được Thang, mà thái-độ Thang thì mờ-ám nhút-nhát, sau này cái vận-mệnh Nhiệt-hà còn chưa biết ra thế nào. Cánh quân Đông-bắc có bảo-toàn được đất ấy hay không? Điều đó thì cũng chưa ai dám chắc.

Lại một việc dờn dờ Lạc-dương thì thật là ấu-trĩ lắm. Nước Pháp hồi Âu-chiến chống nhau với quân Đức năm nọ, vì Paris là chỗ cấp-xung, cho nên dờn chính-phủ xuống Bordeaux, định lấy một cái chính-sách ôn-kiện để chống với quân Đức trong một cái thời-kỳ lâu dài. Địa-thế của Nam-kinh mới rồi cũng như địa-thế Paris của nước Pháp năm nọ. Kỳ-thủy bọn Uông Tường dờn đô lên Lạc-dương cũng tuyên-bố rằng định lấy một cái chính-sách ôn-kiện để chống với quân Nhật một cái thời-kỳ lâu dài, mà bắt-chước như nước Pháp, khi đó ai bảo rằng chẳng phải. Hay đâu điều-ước đình-chiến ở Thượng-hải vừa mới tạm-thời ký xong, bọn yếu-nhân trong chính phủ Lạc-dương đã lóp-ngóp kéo cả về Nam-kinh, dường như trái hẳn cả cái phương-châm đã định trước, mà không đề-khởi đến nữa. Người Tàu ở Lạc-dương chẳng được mấy ngày,

quân Nhật còn đương tung-hoành, đã bỏ Mãn-châu đâu, mà người Tàu đã kéo cả về Nam-kinh. Hay là người Tàu tin cậy về điều-ước đình-chiến ở Thượng-hải đấy chẳng? Than ôi! điều-ước phi chiến của chín nước, điều-ước Thái-bình-dương của bốn nước, còn chẳng đủ tin cậy, nữa là điều-ước Thượng-hải đấy ư? Nếu người Nhật lại đem mấy chiếc binh-hạm do sông Dương-tử tiến vào Hạ-quan để dọa-nạt Nam-kinh, thì chính-phủ Nam-kinh khi ấy lại lập-cập luống-cuống chạy vào Lạc-dương hay sao? Xem một điều ấy thì đủ biết rằng chính-phủ Nam-kinh chỉ cầu-thả tạm yên trong một thời-kỳ ngắn-ngủi mà thôi, chưa tất đã có chi gì quả-quyết khôi-phục lấy Mãn-châu.

Hiện nay thì Nam-kinh đang cần-kip về việc tiêu-cộng. Cái mầm cộng-sản gây nhóm lên ở Quảng-đông năm nọ, rồi ngấm-ngấm ở Quảng-tây. Kịp khi Diêm, Phùng, Tưởng đại-chiến-tranh ở miền bắc, đảng cộng-sản thừa-cơ miền nam nội-địa không-hư, mới hoành-hành diên-man ra ở Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, An-huy, các tỉnh miền Tráng-giang, bao nhiêu thảm-trạng diễn ra, dân-gian tai-hại khôn-khỏi. Các tỉnh có cộng-sản ấy đều thuộc về phạm-vi thế-lực của Tưởng Giới-Thạch, cho nên phe phản-động thường trách Tưởng là dung-túng cộng-sản để làm hại dân. Nhưng kỳ-thực Tưởng cũng không có lòng ấy. Chỉ vì sau khi đại-chiến, thế-tất phải tổ chức lại mọi đường chính-trị trong chín tỉnh, một là để gây dựng nên cái cơ-sở thống-nhất của Nam-kinh, hai là để vỮng-vàng cho cái thế-lực của mình, mà chưa hạ-cấp đến việc tiêu-cộng. Sau vì các giới thúc-giục quá, Tưởng Giới-Thạch cực-chẳng-đã phải đại-cử tổ-chức việc tiêu-cộng, cho là một việc quan-hệ với sự còn mất sống chết của mình, mà cùng nhau tuyên-thệ. Khi ấy

việc tiêu-cộng đã gần có kết-quả mĩ-mãn, chợt xảy ra có việc Mãn-châu, lại kế-tiếp có việc Thượng-hải, việc tiêu-cộng lại trải qua một thời-kỳ đình-dốn, đảng cộng-sản lại thừa-cơ quấy-nhiều, chẳng khác gì ngoài cửa có con hổ dữ, trong nhà có con rắn dài việc bắt rắn lại có phần cần-kip hơn việc chống hổ. Cho nên việc Thượng-hải vừa xong, thì Nam-kinh chủ-trương ngay việc tiêu-cộng, Tưởng Giới-Thạch phải đi Hán-khẩu, tổ-chức lấy một cái công-cuộc khá lớn, quyết-định lấy một thời-kỳ khá lâu, hiện nay thì số tiền chi-phí về việc tiêu-cộng còn chưa đủ, lại có sức nào giúp được Mãn-châu. Nên chỉ bọn hào-kiệt ở Mãn-châu từng sai con làm đại-biểu đến Nam-kinh kêu nài giúp sức cho, mà Nam-kinh khi đó đối với Mãn-châu tuy chẳng đứng về phe khách-quan, nhưng cũng chỉ tỏ lời cảm-động mà thôi. Coi vậy thì Nam-kinh đối với thời-cục cũng khờ-tâm lắm thay! Thời-thế còn đương bó-buộc kẻ anh-hùng, kia những kẻ đối với Nam-kinh mà chỉ chê-trách hoài, thì thực cũng là kẻ chưa hiểu thời-thế. Cứ cái nội-tình ở nội-địa nước Tàu đã kể như trên, thì cái vận-mệnh Mãn-châu có thể nhờ cậy về nội-địa mà khỏi mất được không? Tưởng khó lắm.

Hoặc-giả nhờ cậy về các Hoa-kiều ở ngoại-dương?

Thế-lực Hoa-kiều ở ngoại-dương chẳng phải là chẳng hùng-hậu, tâm-huyết Hoa-kiều ở ngoại-dương chẳng phải là chẳng nhiệt-thành. Song ở nội-địa có tổ-chức được chính-phủ hoàn-toàn, quân-đội thống-nhất, thì ở ngoại-dương mới có thể kế-tiếp giúp sức được. Hiện nay ở nội-địa còn có nhiều phe nọ đảng kia, thì kẻ ở ngoại-dương biết giúp sức ai. Xem như hội hàng-không cứu-quốc của Hoa-kiều ở Mĩ-châu đã mua được một trăm chiếc máy bay, lại e rằng các phe đảng dùng

làm tài-liệu nội-chiến mà không dám vận-trở về nội-địa, phải tạm ký lại ở Mĩ-châu. Xem vậy thì Hoa-kiều ở ngoại-dương đối với các phe đảng trong nội-địa, há chẳng phải là muốn khóc mà chỉ nuốt nước mắt đầy dư? Nghe đâu Hoa-kiều đối với địa-phương Mãn-châu cũng tỏ lòng cứu-giúp, nhưng cứu-giúp chính-phủ thì mới thành-công được to, chứ cứu giúp địa-phương thì kết-quả được mấy. Thế thì cái vận-mệnh Mãn-châu có thể nhờ cậy về Hoa-kiều mà khỏi mất được không? Tưởng cũng khó lắm.

Hoặc-giả nhờ cậy về các hào-kiệt ở Mãn-châu?

Từ phen người Nhật sinh-sự ở Mãn-châu đến nay, ở Mãn-châu hiện ra cũng chẳng thiếu gì các vai hào-kiệt, như là bọn : Đinh Siêu, Lý Đổ, Vương Đức-Lâm, Mã Chiếm Sơn, Cảnh Kế-Chu, Lão Bắc-Phong, Tiểu Bạch-Long các người. Phàm đọc đến tên các người ấy, người trong thế-giới ai là chẳng lấy làm khen, lấy làm kính và lấy làm thương, đó là cái lòng chung của nhân-loại. Khen là khen về cái tài-năng, kính là kính về cái chí-khi, thương là thương về cái thời-thế cảnh-ngộ.

Đương khi quân Nhật thành-linh tiến vào Mãn-châu, Trương Học-Lương lui quân bất-đề-kháng, khiến cho người Nhật chẳng mất một hòn đạn nào, mà danh-thành đại-trấn của Mãn-châu đã bỏ hết vào tay người Nhật. Chẳng khác nào đương khi quân Tào Tháo hội-hợp tiến xuống Kinh-châu, Lưu Tôn bỏ tay nghênh-hàng, khiến cho quân Tháo chẳng mất một mũi tên nào, mà thổ-địa Kinh-châu đã hoàn-toàn về tay quân Tháo. Khi đó kẻ anh-hùng đã không có đất mà dụng-vũ nữa rồi, cho nên bọn họ Đinh họ Mã, kẻ thì gây nhóm đồng tro tàn mà xuất-nhập ở đường Tề-khắc, người thì chiêu-mộ quân nghĩa-dũng mà tập-hợp ở

sông Tùng-hoa. Chẳng khác nào bọn Lưu Kỳ, Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, kể thì bỏ vợ con chạy thoát về Giang-lăng, người thì thu-thập thủy-quân lui giữ miền Giang-hạ. Bọn Lưu Quan Trương năm nọ còn có Đông-ngô giúp sức, đến như bọn hào-kiệt ở Mãn-châu ngày nay thì thật là thế cô, không ai giúp sức; chỉ thi nhau bằng gan, địch nhau bằng máu, đem mấy đạo cô-quân chuyên-chiến miền đông-bắc, lấy non xanh núi đỏ gửi xương thịt, lấy mây đen tuyết trắng làm chăn màn, rỗng-rã ngọt một năm nay, làm cho người Nhật kia tuy nuốt Mãn-châu, nhưng còn vương họng, chưa thật xuống dạ-dầy được. Vì khiến Trương Phi phục-xuất, Quan Vũ tái-sinh cũng khó mà đương được cái cảnh-ngộ ấy.

Nhưng lại nên biết rằng kẻ anh-hùng tuy có khi tạo-tác được thời-thế, mà thời thế hoặc lại có khi bó-buộc kẻ anh-hùng. Vậy chỉ e rằng lấy mấy đạo cô-quân mà chống nhau với một cường-quốc, thì dầu tài giỏi đến đâu, hoặc cũng có lúc cùng. Dù chẳng cùng chẳng nữa, thì cũng khó phần phát-siễn được. Thế thì cái vận-mệnh Mãn-châu có thể nhờ cậy về bọn hào-kiệt ở Mãn-châu mà khỏi mất được không? Tưởng cũng khó lắm.

Hoặc-giả nhờ cậy về liệt-cường trong thế-giới?

Nước Trịnh ở đời Xuân-thu, nhờ cái thế-lực quân-bình của nước Tấn nước Sở, mà nước Trịnh còn. Nước Yên ở đời Chiến-quốc, nhờ cái trí-mưu của năm nước chư-hầu mà quân Tề phải lui. Nước Thổ-nhĩ-kỳ năm xưa, nhờ cái binh-lực tương-đương của nước Anh nước Pháp, mà nước Thổ không mất về nước Nga. Nước Tiêm-la năm nọ cũng nhờ cái thế-lực quân-bình của nước Anh nước Pháp, mà nước Tiêm được hoàn-toàn độc-lập. Ấy bốn nước ngày xưa, cơ-hồ đã mất cả cái năng-lực tự-lập, chỉ nhờ có nước

bạn giúp sức, mà chiếc kim-âu lại được hoàn-toàn, không sút mẻ chút nào. Thế-giới ngày xưa đã có lệ ấy, há Mãn-châu ngày nay lại chẳng thuộc về lệ ấy dư? Lại không có nước bạn dư? Nào nước bạn ở đâu?

Nước láng-diềng với Mãn-châu mà đương đầu với Nhật-bản, thì nước nào bằng nước Nga. Duy nước Nga là một nước phản-đối cả với thế-giới, không cần làm bạn với nước nào, mà các nước trong thế-giới cũng không thể nhận nước Nga là bạn được. Nước Nga đối với thế-giới, chiến-tranh bằng chủ-nghĩa, chiến-tranh bằng kế-hoạch, không chiến-tranh bằng binh-lực; hễ trong thế-giới có nước nào đánh nhau, đôi bên đều binh cùng tài kiệt, thì nước Nga khi ấy sẽ thừa-cơ truyền-bá chủ-nghĩa để thu-công, ấy là điều sở-tràng của nước Nga. Nước Nga bấy lâu tuy hết sức khuếch-xung quân-bị, lục-quân không-quân chẳng kém gì các cường-quốc, có thể lâm-thời chiến-tranh được ngay. Nhưng chỉ đứng về phương-diện tự-vệ, trừ-phi có nước nào xâm-phạm lợi-quyền, như nước Tàu xâm-phạm đến lợi-quyền đường sắt Trung-đông năm nọ, nước Nga sẽ tiêu-thi dụng-binh, cầu khôi-phục lấy lợi-quyền cũ thì thôi. Còn thì vẫn đứng về phương-diện trấn-tĩnh để thừa-cơ. Gia-dĩ cái kế-hoạch năm năm của nước Nga chưa đạt tới mục-dích, dù thế nào nước Nga cũng không muốn gây sự ra ở Viễn-đông. Cho nên người Nhật phen này hoành-hành ở Mãn-châu thế nào mặc dầu, người Nga tuy bề trong hết sức phòng-bị, mà bề ngoài vẫn cố giữ thái-dộ bình-tĩnh. Nếu nước Nhật bớt lòng tham-lam, cùng với nước Nga đôi bên cùng nhượng-bộ nhau, thiết-lập điều-ước, để cùng hưởng lợi-quyền Mãn-châu, người Nhật thì nuốt Mãn-châu một cách ra mặt, người Nga thì nuốt Mãn-châu một cách vô-hình, ấy là cái bản-nguyên

của người Nga. Nếu người Nhật quá lòng tham-lam, người Nga không thể nhịn được mà phải sinh ra sự chiến-tranh, thì thực là sự bất-đắc-dĩ. Nếu nước Nga bại, thì đất Mãn-châu tất sụt xuống bề Phù-tang; nếu nước Nga thắng, thì đất Mãn-châu tất cuốn vào luồng Xích-hóa. Nước Nga bại hay thắng, đều không phải là cái hạnh-phúc của Mãn-châu.

Lại còn một nước khoảng 20 năm nay, lúc nào cũng sẵn-sóc đến mặt bề Thái-bình, nhắc-nhóm đến vấn-đề Mãn-châu, một lời một bềnh-vực người Tàu, một ý một đề phòng người Nhật, thì nhất là nước Mĩ. Vì nước Mĩ với nước Nhật vốn là hai cái chủ-nghĩa đế-quốc gặp nhau. Nếu người Nhật được Mãn-châu, thì cái chủ-nghĩa đại-lục của nước Nhật đã đạt đến cùng, tương-lai phần thế-lực ở Thái-bình-dương tất bị lay động mà khó giữ được quân-bình, người Mĩ há lại chẳng biết. Huống-chi người Nhật phen này cứ đông, coi điều-ước phi chiến dương như tờ giấy lộn, coi hồi Quốc-tế liên-minh dương như trò trẻ con, ấy người trong thế giới cũng biết cả. Há người Mĩ mà lại nhãng quên. Duy người Mĩ đối với Mãn-châu còn muốn duy-trì một cách gián-tiếp, đối với Vạn-quốc còn muốn vận-động một cách thỏa-thiện, đối với người Nhật còn muốn ngăn-ngừa một cách hòa-bình để khỏi sinh ra sự chiến-tranh. Âu cũng là vì mọi đường kinh-tế đương thuộc về thời-dại khủng-hoảng, số dân thất-nghiệp thì nhiều, ngòi lửa cộng sản đâu đâu cũng có, lan ra rất dễ, sự chiến-tranh thế-tất phải nên thận-trọng. Các nước trong thế-giới ngày nay có lẽ đều đã hăm-lạc vào trong cái tình-thế cảnh-ngộ ấy cả, há những nước Mĩ mà thôi. Ngay như nước Nhật-bản cũng khó tránh khỏi được cái nguy-cơ ấy; thế mà ngày nay nói chiến-tranh với nước Mĩ, ngày mai nói chiến-tranh với nước Nga,

một là người Nhật còn chiêm-bao, hai là người Nhật nói lung-lạc bề ngoài mà thôi.

Cho nên thức-giả dám chắc rằng thế-giới tự nay trở đi, hông khi nào có cuộc chiến-tranh dằng-dai bốn năm trời như cuộc Âu-chiến năm nọ nữa. Vì hồi ấy các nước trong thế-giới, chủ-nghĩa quốc-gia đều đã phát-đạt, quốc-dân người nào người ấy chỉ biết thờ có hai chữ ái-quốc mà thôi, đường kinh-tế chưa đến nỗi khủng-hoảng, kẻ giàu người nghèo chưa đến nỗi bất-quân-bình cho lắm, mà chủ-nghĩa cộng-sản là chủ-nghĩa thế-giới chưa có, cho nên thượng-hạ đồng-tâm.ròng-rã bốn năm trời, ra gàu ra sức ở nơi chiến-trường, kỳ cho có kết-quả mỹ-mãn chữa chết chữa thôi, nên chi mới có cuộc đại-chiến-tranh thời-kỳ dằng-dai như vậy. Đến như tình-thế ngày nay vô-luận nước nào, có thể xua đuổi quốc-dân ra chỗ chiến-trường, ròng-rã hàng mấy năm, mà quốc-gia có thể an toàn được không? Xem gương ngay người Nhật tiêu-thí chiến-tranh ở Thượng-hải mới rồi, thời-kỳ chữa được một tháng, mà trong quân-đội Nhật-bản đã gây nhóm lên sự biểu-tình phản-đối chiến-tranh, ấy cái góc chiến-tranh đã lay động rồi đấy. Thế mà nước nào còn cậy rằng có nhiều chiến-hạm, có nhiều phi-cơ, có nhiều súng đại-bác, tàu ngư-lò, xe phá lũy, là nước ấy còn chiêm-bao.

Nước Mĩ vốn là một nước tả-hữu khinh-trọng trong thế-giới, có hờ gì mà chẳng biết. Cho nên đối với vấn-đề Mãn-châu còn quan-vọng một cách sâu xa, vận-động một cách gián-tiếp, cứ chỉ một cách thận-trọng vận-bất-đắc-dĩ mới phải dùng sự chiến-tranh. Nhưng cái chính-sách hòa-bình vận-động của người Mĩ, có đủ ngăn-ngừa được người Nhật hay không? Thế thì cái vận-mệnh Mãn-châu ngày nay có thể trông cậy về các bạn liệt-cường

trong thế-giới mà khỏi mất được không? Tưởng cũng khó lắm.

Tóm lại cái án tiền-đồ Mãn-châu còn treo ở trong hai cái phương-diện của người Nhật. Người Nhật đối với vấn-đề Mãn-châu cũng bất-ngoại có hai phương-diện.

Một là thừa khi người Nga còn đứng về phương-diện bình-tĩnh, thì người Nhật lập điều-ước thỏa-hiệp với người Nga; thừa khi người Mĩ còn đứng về phương-diện quan-vọng, thì người Nhật dùng thủ-đoạn ngoại-giao lãn-khân trong trường quốc-tế; thừa khi người Tàu đương hăm về tình-trạng lúng-túng, thì người Nhật dùng tiểu-binh-lực để khiến-chế người Tàu. Khi ấy người Nga đã được ích thì khúc-khích mà cười, liệt-cường thì trông mãi cũng mỏi mắt, nghe mãi cũng chán tai, bàn mãi cũng mỏi miệng, đi điều-tra mãi cũng mỏi châu, kẻ hào-khiet miền đông-bắc nước Tàu, thì đánh nhau mãi cũng mệt; khiến cho trong

một cái thời-kỳ dùng-dăng chẳng quyết, mà vấn-đề Mãn-châu đã thuộc về vấn-đề tựa có tựa không, thì đất Mãn-châu sau này sẽ là đất Triều-tiên thứ hai của người Nhật.

Hai là máu người Nhật quá tham, trí người Nhật quá mê, cùng với nước Nga gây sự chiến-tranh, bọn hào-khiet Mãn-châu tất hợp-tác với người Nga xưa đánh người Nhật, sự chiến-tranh có lẽ dằng-dai, chưa kết-thúc ngay được. Khi ấy nước Nhật hoặc sinh ra nội-biến mà thất-bại, cái chủ-nghĩa nước Nga lại thắng, thì khi ấy liệt-cường trong thế-giới còn đứng ngoài quan-vọng được nữa không? Mà cái vận-mệnh Mãn-châu khi ấy biến-hóa ra thế nào, cũng không có thể trắc-lượng được, vì trong ấy có nhiều lẽ huyền-bí, nhiều cuộc xoay-vàn, nhiều sự éo-le, đành xin để đợi lòng ông Tạo-vật.

NGUYỄN ĐÔN PHỤC

THƠ ĐƯỜNG ĐIỂN NÔM

Thơ Đường điển nôm, các bậc tiền-bối ta như cụ Phạm Trúc-Đường, Phạm Thiều-Du, đã có điển ra nhiều thể. Nhưng các nguyên-cáo thất-lạc đi nhiều. Nay tìm thấy được tập thơ Đường điển nôm này chữa rõ là nguyên của ai điển, sưu-tập lại hợp-thành một bản, lục-dăng ra đây, để cống-hiến các độc-giả, khi nào có tìm được các nguyên-cáo, sẽ in thêm vào và đính-chỉnh lại.

Tâm Ung-tôn-sư ẩn cư

尋 雍 尊 師 隱 居

Quần tiểu bích ma thiên,

羣 峭 碧 摩 天

Tiêu-dao bất kế niên;

逍 遙 不 計 年

Bát vân tầm cổ-đạo,

撥 雲 尋 古 道

Ý-thụ thính lưu tuyền;

倚 樹 聽 流 泉

Hoa noãn thanh ngưu ngoạ,

花 煖 青 牛 臥

Tùng cao bạch hạc miên;

松 高 白 鶴 眠

Ngũ lai giang sắc mộ,

語 來 江 色 暮

Độc tự hạ hàn yên.

獨 自 下 寒 煙

Chon-von ngọn núi bóng trời dâm,
 Ngày tháng tiêu-dao sá kẻ năm ;
 Vén gọn rèm mây tím lối cũ,
 Lặng ngồi gốc bách tiếng khe reo ;
 Nghìn tầm bạc trắng cây tùng ngủ,
 Chiếc bóng trâu xanh gối nhị nằm ;
 Cười nói trông ra trời đã tối,
 Một mình trở lại khói sương dầm.

Tống hữu-nhân

送友人

Thanh-sơn hoành bắc quách,
 青山橫北郭
 Bạch-thủy nhiễu đông thành ;
 白水繞東城
 Thử địa nhất vi biệt,
 此地一爲別
 Cô-bồng vạn lý chinh ;
 孤蓬萬里征
 Phù-vân du tử ý,
 浮雲遊子意
 Lạc nhật cố-nhân tình ;
 落日故人情
 Huy thủ tự tư khứ,
 揮手自茲去
 Tiêu-tiêu ban mã minh.
 蕭蕭班馬鳴

Núi đá xanh lồng ngang cõi bắc,
 Nước khe trắng lộn dọc thành đông ;
 Tiền đưa chõ ấy vại chung rượu,
 Thủng-thỉnh buồm bay mấy dặm sông ;
 Mây biếc toi-bời người có ý,
 Chiêng vàng chành-chếch kẻ thêm
 [lòng ;
 Ngâm-ngùi thay lúc bán-kỳ đó !
 Sang-sảng nhạc vàng tiếng ngựa giông.

Độ Kinh-môn tống biệt

渡荆門送別

Độ viễn Kinh-môn ngoại,
 渡遠荆門外
 Lai tòng Sở-quốc du ;
 來從楚國遊
 Sơn tùy bình dã tận,
 山隨平野盡

Giang nhập đại-hoang lưu ;

江人大荒流
 Nguyệt hạ phi thiên kính,
 月下飛天鏡
 Vân sinh kết hải lâu ;
 雲生結海樓
 Nhưng liên cố-hương thủy,
 仍連故鄉水
 Vạn-lý tống hành chu.
 萬里送行舟

Thuyền sang từ Thục đến Kinh ngoài,
 Thăm-thẳm tuyệt vời nước Sở chơi ;
 Đồng rộng vẻ xanh lồng sắc núi,
 Sông trôi màu trắng lộn da trời ;
 Trăng trong chầng bọt thâu đêm sáng,
 Mây cuốn nên còn suốt bề khơi ;
 Nước cũ có lòng ai kẻ biết,
 Thuyền đi muôn dặm tiễn đưa người.

Giang-hạ biệt Tống Chi-đề

江夏別宋之悌

Sở thủy thanh nhược không,
 楚水清若空
 Dao tương bích hải thông ;
 遙將碧海通
 Nhân phân thiên-lý ngoại,
 人分千里外
 Hứng tại nhất bôi trung ;
 興在—杯中
 Cốc điều ngâm tình nhật,
 谷鳥吟晴日
 Giang viên khiểu vãn phong ;
 江猿嘯晚風
 Bình-sinh bất hạ lệ,
 平生不下淚
 Ư thử khấp vô cùng.
 於此泣無窮

Mây lồng nước Sở một màu không,
 Dòng biếc nhòm xa suốt bề trong ;
 Một chén tiễn đưa lòng đã thỏa,
 Nghìn tầng non nước ngựa như giông ;
 Oanh kêu buổi sớm cây bên dòng,
 Vượn hót chiều hôm gió cách sông ;
 Nhớ thuở bình-sinh nào có thể,
 Trông chim nghe vượn biết bao cùng.

Tặng Mạnh Hiệu-Nhiên

贈孟浩然

Ngô di Mạnh phu-lữ,
吾愛孟夫子
Phong-lưu thiên-hạ văn ;
風流天下聞
Hồng-nhan khi hiên miện,
紅顏棄軒冕
Bạch-phát ngọa tùng vân ;
白髮臥松雲
Túy nguyệt tần trung thánh,
醉月頻中聖
Mê hoa bất sự quân ;
迷花不事君
Cao-sơn an khả ngưỡng,
高山安可仰
Đồ thử ấi thanh-phân.
徒此挹清芬

Rất mực hồng-trần Mạnh Hiệu-Nhiên,
Dưới trời đồn rậy bậc thiên-tiên ;
Mũi xe thừa trẻ không còn đoái,
Tùng hạc khi già há chẳng yên ;
Nước rượu phong-lưu mùi chưa nhạt,
Màu hoa phú-quí dạ không ghen ;
Danbthơm ngào-ngạt càng thêm trổng,
Cao tốt lòng ai chẳng ngợi khen.

Tặng Tiên-trung-quân

Thiếu-Dương

贈錢徵君少陽

Bạch-ngọc nhất bôi tửu,
白玉一杯酒
Lục-dương tam nguyệt thì ;
綠楊三月時
Xuân-phong dư kỷ nhật,
春風餘幾日
Lưỡng mấn các thành ty ;
兩美各成絲
Bình chùc duy tu ẩm,
秉燭惟筍飲
Đầu can dã vị tri ;
投竿也未遲
Như phòng Vị-xuyên liệp,
如逢涓川獵

Do khả đế vương sư.

猶可帝王師

Rượu đào tiên biệt màu trong vắt,
Chồi liễu xuân thâm vẻ biếc đưa ;
Thấm-thoắt ngày xuân ngoài sáu chục,
Nhật thừa mái tóc đã nên tơ ;
Đêm nay dốt được chơi cho thỏa,
Ngày khác buồn câu ngẫm cũng vừa
Vi gặp được người sẵn bến Vị,
Tám trăm cơ-nghiệp cũng như xưa.

Khẩu-chiếm tặng Trưng-quân

Lư Hồng-công thời bị triệu

口占贈徵君盧鴻公時被召

Đào-lệnh từ Bành-trạch,
陶令辭彭澤
Lương Hồng nhập Cối-kê ;
梁鴻入會稽
Ngã tìm cao-sĩ truyện,
我尋高士傳
Quân dữ cồ-nhân tề ;
君與古人齊
Tuyết ngọa lưu đan hác,
雪臥留丹壑
Thiên-thư giáng tử-nê ;
天書降紫泥
Bất tri Dương Bá khởi,
不知楊伯起
lảo vãn hương Quan-tây.
早晚向關西

Quân Cối kê tìm nơi ẩn-dật,
Huyện Bành người nộ ẩn thân dân ;
Thanh-phong như vẽ lòng cao-sĩ,
Khiết-hạnh thêm trong giá cồ-nhân ;
Núi tuyết hang vàng dành đã lặn,
Chiếu trời chữ tía cũng không gần ;
Quan-tây ai biết thầy Dương Chấn,
Tuổi chẵn năm-mươi gặp tướng-quân,

Kim-lăng

金陵

Lục đại hưng vong quốc,
六代興亡國
Tam bôi vị nhĩ ca ;
三杯爲爾歌

Uyển phương Tần-địa thiếu,

堯方秦地少

Sơn tự Lạc-dương đa ;

山似洛陽多

Cổ-điện Ngô hoa thảo,

古殿吳花草

Thâm-cung Tấn ý-la ;

深宮晉綺羅

Tính tùy nhân sự diệt,

併隨人串滅

Đông thế dữ thương ba.

東逝與滄波

Sáu nước xưa từng lớp thịnh suy,
Ba chuông rượu nhấp bốn câu thi ;
Vườn kia xem với lâu Tần ít,
Núi nọ trông ra đất Lạc lý ;
Hoa cỏ đền Ngô phai thức thắm,
Vàng son cung Tấn nhạt màu phi ;
Xưa nay gồm cả mà xem lại,
Sóng bề tơ sấu cũng đến đi.

Thu-tứ

秋思

Yên-chi hoàng diệp lạc,

燕支黃葉落

Thiếp vọng tự đăng đài ;

妾望自登臺

Hải-thượng bích vân đoạn,

海上碧雲斷

Thuyền-vu thu sắc lai ;

單于秋色來

Hồ-binh sa tái hợp,

胡兵沙塞合

Hán-sứ ngọc-quan hồi ;

漢使玉關回

Chinh-khách vô qui nhật,

征客無歸日

Không bi huệ thảo tồi.

空悲蕙草摧

Lá nhuộm màu thu rục núi Yên,
Lên lầu thơ-thần dạ thuyền-quyên ;
Mây xanh mặt bể mây cao tót,
Trắng trắng đầu non rút lại ven ;
Ngoài ái quán Hồ lấm cát bụi,
Trên quan tường Hán kịp tin truyền ;

Cổ thơm đưa trảy sầu như giục,
Chinh-khách lòng quê nghĩ đã yên.

Cung-trung hành-lạc của

Lý Bạch (ba bài)

宮中行樂三首李白

(其一)

Hàn-tuyết mai-trung tận,

寒雪梅中盡

Xuân phong liễu thượng qui ;

春風柳上歸

Cung oanh kiều dục túy,

宮鶯嬌欲醉

Thiên yến ngữ hoàn phi ;

鶯燕語還飛

Tri nhật minh ca tịch,

遲日明歌席

Tân hoa diễm vũ y ;

新花艷舞衣

Vãn lai di thái trượng,

晚來移綵仗

Hành lạc nê quang huy.

行樂泥光暉

Mai nở màu xuân dướm,

Liêu tơ đủ gió hơi ;

Oanh kêu giọng riu-rit,

Yến liệng dáng lười thối ;

Tiệc ánh chiều trời lộn,

Hoa lồng vẻ áo tươi ;

Đổi thay mà múa hát,

Cho thỏa buổi xuân chơi.

(其二)

Tú hộ hương phong noãn,

繡戶香風暖

Sa song thụ sắc tân ;

紗窗曙色新

Cung hoa tranh tiếu nhật,

宮花爭笑日

Tri thảo âm sinh xuân ;

池草暗生春

Lục thụ văn ca điểu.

綠樹聞歌鳥

Thanh lâu kiến vũ nhân ;

青樓見舞人

Chiêu-dương đào lý nguyệt,

昭 楊 桃 李 月

La ý tự tương thân.

羅 綺 自 相 親

Gió thơm lồng rường gấm,

Nắng sáng lộn nhà vàng ;

Thềm ngọc hoa đua nở,

Hồ trong cỏ dựng hương ;

Lầu cao con gái múa,

Cây biếc tiếng gà vang ;

Đào lý ngày xuân tốt,

Cung tiên nổi nhớ thương.

(其 三)

Liều sắc hoàng-kim nộn,

柳 色 黃 金 嫩

Lê-hoa bạch-tuyết hương ;

梨 花 白 雪 香

Ngọc lâu sào phỉ thúy,

玉 樓 巢 翡 翠

Kim điện tỏa uyên-ương ;

金 殿 鎖 鴛 鴦

Tuyền kỹ tùy điêu liên,

選 妓 隨 雕 鸞

Trung ca xuất động phòng ;

徵 歌 出 洞 房

Cung-trung thù đệ nhất,

宮 中 誰 第 一

Phi yến tại Chiêu-dương.

飛 燕 在 昭 陽

Dặng liễu sắc vàng ủa,

Màu lê tuyết trắng in ;

Lầu son nuôi cái chả,

Thềm ngọc liệng chim uyên ;

Con gái theo xe chắt.

Lời ca cửa phòng rền ;

Chiêu-dương ai thứ nhất,

Phi-yến nước người khen.

Lục Hồn sơn-trang

陸 渾 山 庄

Qui lai vật-ngoại tình,

歸 來 物 外 情

Phụ trượng duyệt nham canh ;

負 杖 閱 岩 耕

Nguyễn thủy khan hoa nhập,

源 水 看 花 入

U lâm thái dược hành ;

幽 林 採 藥 行

Dã-nhân tương vấn tính,

野 人 相 問 姓

Sơn-điều tự hô danh ;

山 鳥 自 呼 名

Khứ-khứ độc ngô lạc,

去 去 獨 吾 樂

Vô năng qui thử sinh.

無 能 愧 此 生

Bôn-xu lòng dã chán,

Chống gậy đứng xem cây ;

Nguồn thắm thơm ngào-ngạt,

Rừng sâu thuốc sẵn bày ;

Người đồng dang hỏi họ,

Chim núi dã thưa thầy ;

Đi lại cùng ai tá ?

Nghĩ tài thẹn chữa hay !

Hồ tụng đăng phong đồ-trung tác

扈 從 登 封 途 中 作

Trương liễm thụ thời-ngôi,

帳 歛 樹 崔 嵬

Tiên du thực tráng tai !

仙 遊 實 壯 哉

Hiền vân liên mạc quyên,

曉 雲 連 幕 捲

Dạ hỏa tạp tinh hồi ;

夜 火 雜 星 回

Cốc ám thiên kỳ xuất,

谷 暗 千 嶽 出

Sơn minh vạn thặng lai ;

山 鳴 萬 壑 來

Hồ du lương khả phú,

扈 遊 良 可 賦

Chung pháp đạm thiên tài.

終 乏 揆 天 才

Cao ngắt lá màn vây,

Tiền chơi lộng-lẫy thay !

Sớm mây liền trướng cuốn,

Đêm lửa lẫn sao bày,

Đông tối bóng cờ kéo.

Xe chen tiếng núi lay ;
Đi đâu nào thiếu kẻ,
Chỉ hiểm bậc thiên-tài.

Trường-an dạ vũ

長安夜雨

Trẻ vũ thông tiêu hựu triệt minh,
滯雨通霄又徹明
Bách ưu như thảo vũ trung sinh ;
百憂如草雨中生
Tâm quan quế-ngọc thiên nan hiều,
心關桂玉天難曉
Vận lạc phong ba mộng diệp kinh ;
運落風波夢亦驚
Áp thụ táo-nha phi bất tán,
壓樹早鶉飛不散
Báo song hàn-cổ thấp vô thanh ;
到窗寒鼓濕無聲
Đương niên chí-khí câu tiêu tận,
當年志氣俱消盡
Bạch phát tân thêm tứ ngũ hành.
白髮新添四五莖
Tâm-lã thân đêm đến sáng mờ,
Trăm lo dường cỏ mọc trong mưa ;
Ôm lòng châu quế quên trời sáng,
Chán bước ba đào lặn giấc mơ ;
Tối vẫn đàn chim quờ ngọn lá,
Lạnh không tiếng trống lọt song thưa ;
Bao nhiêu chí-khí mòn đi hết,
Đầu trắng thêm ra mấy sợi tơ.

Chước tửu dữ Bùi Dịch

酌酒與裴迪

Chước tửu dữ quân quân tự khoan,
酌酒與君君自寬
Nhân tình phản hựu thị ba-lan ;
人情反覆似波瀾
Bạch thủ tương-chi do án kiếm,
白首相知猶按劍
Chu môn tiên-dạt liễu đàn quan ;
朱門先達笑彈冠
Thảo sắc toàn kinh tế vũ thấp,
草色全經細雨濕
Mai chi dục động xuân-phong hàn ;
梅枝欲動春風寒

Thế sự phù vân hà túc vấn,
世事浮雲何足問
Bất như cao ngọa thả gia xan.
不如高臥且加餐

Hãy mời chén rượu chờ bữa khoả,
Sóng gió khôn so dạ cõi trần ;
Đầu bạc biết nhau càng giữ lăm,
Cửa son khả trước lại cười lăm ;
Đầm đìa mặt cỏ cơn mưa bụi,
Lạnh lẽo lòng hoa buổi gió xuân ;
Việc thế mây trôi chi phải hỏi,
Chẳng bằng thông thả ngủ cùng ăn.

Lưu-Thần Nguyễn-Triệu
du thiên-thai

劉晨帆肇遊天台
Thụ nhập Thiên-thai thạch lộ tân,
樹入天台石路新
Vân hòa thảo tĩnh quỳnh vô trần ;
雲和草靜迥無塵
Yên hà bất tỉnh sinh-tiền sự,
烟霞不省生前事
Thủy mộc không nghi mộng-hậu thân ;
水木空疑夢後身
Vãng-vãng kê minh nham hạ nguyệt,
往往鷄鳴巖下月
Thì-thì khuyển phệ động trung xuân ;
時時犬吠洞中春
Bất tri thử địa qui hà xứ,
不知此地歸何處
Tu tựu Đào-nguyên vấn chủ-nhân.
須就桃源問主人

Thiên-thai hang thăm mới len vào,
Trời tạnh cây êm cảnh lạ sao !
Khói dăng mơ màng say kiếp trước,
Nước non bờ ngõ tưởng chiêm-bao ;
Canh gà mắng giục bên non nguyệt,
Tiếng chó nghe ran cửa động đào ;
Hầu biết lấy đâu làm đất trú,
Dò la tiên-chủ ở nơi nao ?

Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên-tử

劉阮洞中遇仙子

Thiên hòa thụ sắc ái thương thương,
天和樹色藹蒼蒼

Hà trọng lam thâm lộ điều-mang ;
 霞重嵐深路渺茫
 Vân-dậu mẫn sơn vô điều-tước,
 雲竇滿山無鳥雀
 Thủy-thanh duyên giản hữu sinh
 [hoàng ;

水聲沿澗有笙簧
 Bích sa động lý kiên-khôn biệt,
 碧沙洞裡乾坤別
 Hồng thụ chi biên nhật nguyệt
 [trường ;

紅樹枝邊日月長
 Nguyên đắc hoa gian hữu nhân xuất,
 願得花間有人出
 Miễn linh tiên khuyển phệ Lưu-lang.
 免令仙犬吠劉郎

Trời lạnh cây phơi biếc biếc màu.
 Dìng mù non quạnh biết vờn đầu ;
 Hang mây thưa thớt đàn chim vắng,
 Cầm suối vo-ve khúc nhạc tàn ;
 Trong động cát xanh trời đất khác,
 Bên cảnh cây thắm thàng ngày lâu ;
 Có ai tuất-thoáng trong hoa ấy,
 Muốn dũ xin đừng để nữ nhau.

Tiên-tử tống Lưu Nguyễn xuất động
 僊子送劉阮出洞

Án-cần tương tống xuất Thiên-thai,
 慇懃相送出天台
 Tiên cảnh na năng khước tái lai ;
 僊境那能却再來
 Vân-dịch ký qui tu cưỡng ẩm,
 雲夜既歸須彊飲
 Ngọc-thư vô sự mạc tần khai ;
 玉書無事莫頻開
 Hoa lưu động-khẩu ưng trường tại,
 花留洞口應長在
 Thủy đạo nhân-gian định bất hồi ;
 水到人間定不回
 Chủ trưởng khê đầu tằng thử biệt,
 惆悵溪頭從此別
 Bích-sơn minh-nguyệt chiếu thương-
 [thai

碧山明月照蒼苔
 Đưa nhau khôn xiết truyện năn-ni,
 Tới cõi tiên này để mấy khi ;

Chén rượu để làm khuấy-khỏa vầy,
 Bức thư chớ có hủ-hang chi ;
 Hoa cài cửa động thơm còn mãi,
 Nước xuống khơi trần chảy thẳng đi ;
 Ngao-ngán từ đây nên cách nhè,
 Trăng soi núi biếc đá xanh rì.

Lưu Nguyễn tái đáo Thiên-thai
 bất phục kiến tiên-tử

劉阮再到天台不復見僊子
 Tái đáo Thiên-thai phỏng Ngọc-chân,
 再到天台訪玉真
 Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần ;
 青苔白石已成塵
 Sinh-ca tịch-mịch nhân thâm động,
 笙歌寂寞閒深洞
 Vân hạc tiêu-diêu tuyết cựu lân ;
 雲鶴蕭條絕舊隣
 Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,
 草樹總非前度色
 Yên hà bất tự văn-niên xuân ;
 烟霞不似往年春
 Đào hoa lưu thủy y-nhiên tại,
 桃花流水依然在
 Bất kiến đương-thời khuyến tửu-
 [nhân.

不見當時勸酒人

Lại nhớ làng tiên tới núi Thai,
 Má xanh đá trắng kém màu tươi ;
 Tiếng tiêu lạnh-lẽo cài hang kín,
 Bóng hạc bơ-vo vắng bạn chơi ;
 Cây cỏ buổi xưa màu đã khác.
 Dáng mây năm ngoái vẻ dường phai ;
 Cũng còn nước chảy hoa trôi đó,
 Tưởng buổi chào mời chẳng thấy ai.

Tiên-tử động trung hữu hoài
 Lưu Nguyễn

僊子洞中有懷劉阮
 Bất tương thanh sắt lý nghê-thường,
 不將聲瑟理霓裳
 Trần mộng na tri hạc mộng trường ;
 塵夢那知鶴夢長
 Động lý hữu thiên xuân tịch-tịch,
 洞裏有天春寂寂

Nhân-gian vô lộ nguyệt mang-mang;

人 間 無 路 月 茫 茫
Ngọc sa dao thảo liên khê bích,

玉 沙 瑤 草 連 溪 碧
Lưu thủy đào hoa mãn giân hương;

流 水 桃 花 滿 澗 香
Hiền lộ phong đăng dị linh lạc,

曉 露 風 燈 易 零 落
Thử sinh vô xứ vấn Lưu-lang.

此 生 無 處 問 劉 郎

Biếng gầy năm dây dóng khúc trò,
Giấc trần nào vững giấc non hồ;
Hang tiên xuân vắng trời còn rộng,
Cõi thế trăng suông nẻo khó dò;
Cát ngọc quanh bờ cây nhật mát,
Hoa đào nổi bến nước thơm-tho;
Sương khi ban sớm đèn khi gió,
Để mấy chàng đầu chuyện nhỏ to.

*Ngọc-nữ Đỗ Lan-Hương hạ
glá Trương-Thạc*

玉 女 杜 蘭 香 下 嫁 張 碩

*Thiên-thượng nhân-gian lưỡng điều
[mang,*

天 上 人 間 兩 渺 茫
Bất tri thù thức Đỗ Lan-Hương;

不 知 誰 識 杜 蘭 香
Lai kinh ngọc thụ tam sơn viễn,

來 經 玉 樹 三 山 遠
Khứ cách Ngân-hà nhất thủy trường;

去 隔 銀 河 一 水 長
Oán nhập thanh trần sâu lục sắt.

怨 入 清 塵 愁 鐵 瑟
Tửu khuynh huyền lộ túy dao

[trường;
酒 傾 玄 露 醉 瑤 觴

Đa tình cánh thuyết hà trân-trọng,
多 情 更 說 何 珍 重

Phách phá vân hoàn kim phượng-
[hoàng.
擊 破 雲 環 金 鳳 凰

Nhà tiên, cõi tục nẻo mệnh-mông,
Tên Đỗ Lan-Hương có biết không?
Thửa lại đường dài qua dãy núi,
Khi về dặm thẳng cách con sông;
Mấy giây rầu rĩ cung đàn lạnh,

Đời chén say sưa cuộc rượu nồng;
Chân-trọng tình riêng còn để lại,
Bể đời trăm phượng giắt đầu chung.

*Trương Thạc trùng ký Đỗ
Lan-Hương*

張 碩 重 寄 杜 蘭 香

Bích lạc hương tiêu lan lộ thu,

碧 落 香 銷 蘭 露 秋

Tình hà vô mộng dạ du-du;

星 河 無 夢 夜 悠 悠

Linh-phi bất giáng tam thanh giá,

靈 妃 不 降 三 清 駕

Tiên-hạc không thành vạn cổ sầu;

仙 鶴 空 成 萬 古 愁

Hạo nguyệt cách hoa trùng thán biệt,

皓 月 隔 花 重 嘆 別

Phi yên lung thụ tỉnh yêm-lưu;

飛 烟 籠 樹 省 淹 留

Nhân gian hà sự kham trừ trường,

人 間 何 事 堪 惆 悵

Hải sắc tây phong thập nhị lâu.

海 色 西 風 十 二 樓

Trời biếc hương bay buổi lộ đào,
Sông Ngân đêm diễn vắng chiêm-bao;
Năm mây xe ngọc chim tin-lức,
Muôn kiếp người tiên luống khát-khao;
Dưới nguyệt nhớ dần khi gắn bó,
Bên cây tưởng lại lúc ra vào;
Việc đời há có chi buồn-bã,
Mặt bể xa trông mây gác cao.

Trương-an xuân vọng

長 安 春 望

Hồng phong xuy vũ quá thanh sơn,

紅 風 吹 雨 過 青 山

Khước vọng thiên môn thảo sắc nhân;

却 望 千 門 草 色 閒

Gia tại mộng trung hà nhật đáo,

家 在 夢 中 何 日 到

Xuân lai giang-thượng kỷ nhân hoàn;

春 來 江 上 幾 人 還

Xuyên nguyên liễu-nhiều phù-vân

[ngoại,
川 原 綠 繞 浮 雲 外

Cung khuyết sâm-si lạc chiếu gian ;
 宮 闕 參 差 落 照 間
Thùy niệm vi nho phùng thế nạn,
 誰 念 爲 儒 逢 世 難
Hộc tương suy mẩu khách Tần-quan.
 獨 將 衰 鬢 客 秦 關
 Sườn núi mưa theo trận gió nổi,
 Nhà nhà trông thấy cỏ xanh om;

Mơ màng bao thuở về vườn cúc,
 Mát mẻ kia ai kéo cánh bướm ;
 Sông bãi quanh co vời dáng mỏng,
 Cung đèn bát ngát bóng chiều hôm ;
 Nghề nho bỗng gặp cơn ngan-ngát,
 Râu tóc tha-phương trắng mấy chòm.

SỞ-CƯỜNG biên-tập

KHẢO VỀ CÁCH-THỨC LÀM BÁO (1)

III

CHƯƠNG THỨ 5

Cách thông tin cho nhà báo

1o Người phóng-viên với thông-tin-viên. — Cái người cóp-nhặt lấy tin và kiêm cả việc biên-tập cho nhà báo, mà chỉ ở trong bản-hạn, thì là người phóng-viên 訪員; còn cái người ở một nơi khác đưa tin về thì gọi là thông-tin-viên 通信員; chức-vụ hai người đều giống nhau, vậy nên cái tư-cách người phóng-viên như trên kia (2) đã nói, thì người thông-tin cũng phải đủ có tư-cách như vậy. Những cách cóp-nhặt tin tức và biên-tập như mấy kỳ trước đã nói, thì người thông tin cũng phải theo như thế mà làm, mà cũng phải biết rõ cái tinh-thái với cái giá-trị của tờ báo. Duy thông-tin-viên khác với phóng-viên có ba điều:

1) *Các việc đều phải làm lấy cả.* — Người phóng-viên hằng ngày đi hỏi tin, đã có tòa biên-tập quyết định trước; thí-dụ như đi hỏi ý-kiến một người nào, thì nhà báo đã giới-thiệu trước cho; hoặc đến lấy tin ở trong một đám hội nào, thì nhà báo đã lấy sẵn vé vào cửa trước cho; vậy nên

khí tiến-hành cũng dễ. Còn như viên thông-tin thì việc gì cũng phải làm lấy cả, phải lập ra một quyền sổ ghi qua lấy các việc; lúc nào nên đi lấy tin việc gì tự mình quyết-định lấy, hoặc đi hỏi ý-kiến người nào, mình cũng phải tự giới-thiệu lấy; vào lấy tin trong đám hội nào, cũng phải tự mình lấy vé vào cửa; vậy trong nhà báo người phóng-viên giao-du không rộng thì còn được, chứ thông-tin-viên mà giao-du không rộng thì không được.

2) *Phải nên kén chọn lấy tin tức.* — Nhà báo cần về người phóng-viên là chỉ cốt hỏi lấy những tin trong bản-hạn; mà cần về thông-tin-viên là cốt lấy cái tin mới ở một nơi nào, mà người xem ai cũng chú-y đến cả. Song cái tin ở nơi ấy, có khi ở nơi ấy thì có giá-trị, nếu đưa tin đến nơi khác thường vì thời-gian chậm-trễ, địa-diểm cách xa, thành ra không còn có giá-trị gì nữa, hoặc cũng kém bớt đi nhiều; cho nên làm thông tin-viên cốt phải lựa lấy những tin tức cho cần thận; thứ nhất là phải xét xem cái việc ấy nếu chỉ là việc ở hạt mình, thì không cần thông tin làm gì nữa; nếu

(1) Dịch Hán-văn của Từ Bảo-Hoàng 徐寶璜. Xem Nam-Phong từ số 172.

(2) Xem Nam-Phong 172 trang 477.

không phải chỉ là việc trong hạt mình mà nên kíp thông tin đi, thì lại phải xét cái giá-trị về việc ấy, khi gửi tin đi nó còn vì cái thời-giờ với nơi cách xa bao nhiêu, mà giảm giá đi mất mấy phần; nếu việc đã lâu mà giá-trị giảm nhiều, thì trong khi thông-tin chỉ nên nói qua mấy câu cốt-tử; nếu giảm giá vừa mà câu chuyện còn thiết, thì mới nên báo-cáo cho tường-tận. Nói tóm lại thông-tin-viên đối với những tài-liệu về tin báo, nên lấy nên bỏ như thế nào phải cho tinh, thà rằng bỏ khuyết còn hơn, chớ không nên gửi tin nhảm quá.

3) *Không cần ngày nào cũng phải gửi cáo báo tin.* — Những viên-chức đi lấy tin cốt phải lựa lấy những tài-liệu về tin tức cho đích-đáng, vậy người làm phóng-viên cái số cáo gửi về báo tin không thể định hẳn được, mà cũng không thể mong rằng ngày nào cũng gửi tin-tức về được, nhưng đã làm phóng-viên thì phải nên hàng ngày đến nhà báo làm việc.

2) *Thông-tin-viên khi trước với ngày nay.* — Nhà báo Trung-hoa hiện bản thông-tin-viên ra làm hai hạng là đặc-ước với phổ-thông. Thông-tin-viên phổ-thông thì chỉ báo-cáo các tin vật mà cứ lệ thì không có ký tên; còn như thông-tin-viên đặc-ước thì xét trong cái việc phát-sinh ấy, sẽ luôn thêm cái ý phán-đoán của mình vào, rồi thông-tin cho nhà báo, mà tự mình phải ký tên. Báo Trung-hoa mà đặt ra có thông-tin-viên là tự năm Mậu-tuất chính-biến trở về sau; lúc buổi đầu người hơn ra chẳng qua chỉ đến các công-nha, sao trích một vài tờ công-văn cốt-tử mà thôi; còn người kém ra thì chỉ cóp nhặt những việc lặt-vặt ở trong chốn công-nha thì chẳng kể chi. Gần đây mới có hạng đặc-ước thông-tin-viên thì cũng nhiều người giỏi, thường hay phát-giác ra được cái màn kín trong

đảng chính-trị và hay suy-lường được cái tiền-đồ chính-trị, lại hay lấy cái văn-chương có thú-vị mà tuyên-bố ra, đề dặt cho được nhiều người chú-ý phải xem. Cái tư-cách của hạng đặc-ước thông-tin-viên đã có phần hơn trước, nếu sau này hay giữ theo cái cách-thức mới, chỉ cốt chú-trọng về công việc xã-hội, mà đừng có tư-ý gì cả thì hay biết chừng nào.

Tin về chính-trị chỉ xôn-xao nhất ở chốn thủ-đô, còn ngoài ra các tỉnh cũng có chừng mà thôi. Nếu thông-tin-viên hay lưu-tâm về các tin-tức trong xã-hội, mà chú-ý nhất về những việc lạ-lùng và những khi cử-động của một cơ-quan hay là một nhân-vật trứ-danh nào, thì biết bao nhiêu là tài-liệu thông-tin.

Việc thông-tin có hai cách là gửi thư với thông-diện. Gần đây các nhà báo lớn ở Thượng-hải, trừ đảng những tin điện tự thông-tin-xã gửi đến, lại còn đảng các tin điện riêng, tự Bắc-kinh gửi đến cũng nhiều; đó là do viên thông-tin đặc-ước ở Bắc-kinh gửi thư, lại gửi cả tin điện nữa. Điện-tín sở-dĩ phát-đạt lên nhiều là vì có hai cái nguyên-nhân:

1) *Tiền phí về thông-diện hạ-giá đặc-biệt.* — Ngày nay các sở điện-báo, tính về tiền phí thông-diện cho các nhà báo, chỉ lấy một phần trong bốn phần, không có như ngày trước cứ chiếu theo như cái giá điện các nhà buôn, sở-dĩ gửi điện cho các nhà báo mới dễ phát-triển vậy.

2) *Cóp nhặt tin-tức cũng dễ.* — Hiện nay Thiên-tân, Bắc-kinh các nhà báo mở ra như rừng, những tin điện hằng ngày, cứ lấy ở trong tờ báo hằng ngày phát-hành ra đó, không lúc nào thiếu tin; so với khi trước phải sai người đi nhặt lấy tin gửi về, mà phải chịu lấy trách-nhiệm, chẳng dễ lắm ư.

CHƯƠNG THỨ 6

Tổ-chức báo-quán

Báo-quán cũng như một xưởng chế-tạo. Những thứ nguyên-liệu phải cần đến là: giấy, mực, và các tin tức mới; thứ xuất-sản ra chính là tờ báo phát-hành trong hàng ngày; nội-bộ tổ-chức phân ra làm ba bộ: 1) Bộ biên-tập thì có người soạn bài xã-thuyết và người biên-tập các tin tức mới đều thuộc vào đó. 2) Bộ doanh nghiệp thì trông coi về việc đăng quảng-cáo, bán báo và thu phát tiền bạc, những công việc trong nhà báo đều thuộc vào đó. 3) Bộ ấn-loát thì coi về công việc in báo. Công việc các nhà báo Trung-hoa chưa được phát-đạt bằng các nhà báo bên Âu Mỹ, vậy nên trong nhà báo phân công coi việc cũng không được tinh-mật bằng các nhà báo tây, các nhà báo Âu Mỹ trong mỗi bộ lại phân ra các công việc kỹ càng, chứ như nhà báo Tàu thì còn lộn-m-thuộm lắm; hiện nay chỉ có các nhà báo ở Thượng-hải là có nhà in; chứ như các nhà báo ở các tỉnh thì công việc in còn phải nhờ đến nhà buôn, không mấy nhà báo đã hay tự mở lấy nhà in mà tự ấn-loát lấy. Vậy cách tổ-chức nhà báo nên bắt chước cái qui-mô như các nhà báo lớn bên Âu Mỹ; sẽ kể rõ những cách tổ-chức như sau.

1) *Bộ doanh-nghiệp.* — Trong bộ doanh-nghiệp có người chủ-nhiệm, tổng-lãm hết mọi việc, trừ-tính đường kinh-tế cho nhà báo được thành công. Dưới dưới thì có người kinh-lý về việc quảng-cáo, chuyên nhận đăng quảng-cáo, và bày tính cách làm quảng-cáo cho mọi người. Lại có người kinh-lý về việc phát-hành, chuyên giữ công việc phát-hành tờ báo. Lại có người kế-toán, chuyên giữ về việc chi thu tiền bạc. Dưới người kinh-lý việc quảng-cáo, lại có người đi chiêu-hàng mời đăng quảng-cáo để giúp việc. Dưới người

kinh-lý về việc phát-hành, lại có người thư-ký, người gửi báo, người phát tống các tờ báo để giúp mọi việc. Dưới người kế-toán lại có người tư-bạ và người thư-ký để giúp mọi việc.

2) *Bộ ấn-loát.* — Bộ này chia ra làm ba phần: a) Phần coi về việc sắp chữ, thì có người thợ sắp chữ, người đóng khuôn, người xét sửa phốt chữ. b) Phần coi về việc in báo thì có người thợ in. c) Phần khắc chữ thì dùng người thợ khắc, để khắc các thứ chữ. Trong ba phần ấy lại có một người chủ-nhiệm trông coi.

3) *Bộ biên-tập.* — Trong tòa báo trọng-yếu nhất là bộ biên-tập; ngoài việc đăng quảng-cáo ra, phần những công việc đăng trên tờ báo, đều do bộ ấy biên-tập ra. Tự-trung chia ra làm bốn phần: a) Phần xã-thuyết chuyên phê-bình về thời-sự và phát-biểu ý-kiến, để dẫn đường cho dư-luận; về phần này có một người tổng chủ-bút và mấy người biên-tập-viên giúp việc. b) Phần tin tức, chỉ chuyên chép nhật và biên chép các tin tức mới, cũng là cách đặt ra các đề-mục, phần này cũng là một cơ quan ngang với phần xã-thuyết, cũng đều có người chủ-nhiệm riêng, tổng hết sự-vụ chia ra làm ba phòng: 1^o Phòng coi về tin tức trong bản-hạt, có một người biên-tập viên để trở bảo các người phóng-viên đi nhật chép lấy những tin trong bản-hạt; lại bảo người xem xét lại các báo-cáo, mà sửa những chỗ sai lầm, và đặt ra những đầu đề mới. 2^o Phòng coi về tin tức các tỉnh, cũng có một người biên-tập, và dùng nhiều người thông-tin-viên để đi lấy tin các tỉnh; ngoài ra lại còn người xét báo-cáo, người thư-ký người tiếp-nhận tin điện, để tiến-hành công việc cho chóng. 3^o Phòng chuyên-môn hoặc chuyên coi về các tin buôn bán, thì nhật lấy những tin buôn bán trong các cửa

hàng và giá cả tiền bạc; hoặc chuyên coi về các môn du-nghe, thì cóp nhặt lấy những tin du-nghe ở các trường thể-dục vận-dộng; hoặc coi về việc hí-kịch, chỉ chuyên bàn về việc diễn kịch; lại có người coi về việc âm-nhạc chỉ chuyên bàn về âm-nhạc; người nào coi về việc nào thì cứ việc lấy tin mà đăng lên báo. c) Môn mỹ-thuật, môn này có người thợ vẽ người thợ làm ảnh, để làm những bức vẽ bức ảnh cần đặt lên tờ báo. d) Lại có số báo in thêm về ngày chủ-nhật, các nhà báo lớn bên nước Mĩ, thường đến ngày chủ nhật in thêm ra một tờ phụ-trương, như thế thì phải có vài tay biên-tập giúp thêm, để chuyên coi về việc ấy.

4) *Quán đồ-thư.* — Các nhà báo lớn bên Âu Mĩ lại thường có một cơ-quan trọng-yếu nữa là đồ-thư-quán. Trong quán thu chứa sách vở để khảo-cứu rất nhiều, lại sưu-la được nhiều những tranh ảnh và lý-lich của các vị danh-nhân; cho nên hoặc có một vị nhân-vật trừ-danh nào mới có tin mất buổi sớm, thì buổi chiều đã thấy lịch-sử về đời ông ấy đăng lên báo rồi. Có đủ như thế thì phần nghiên - cứu của người chủ-bút mới có căn-cứ, chứ không phải chỉ bàn hão nói suông.

CHƯƠNG THỨ 7

Tổ-chức ra tân-văn thông-tin-xã

1) *Cái công-dụng của Tân-văn thông-tin-xã.* — Tân-văn thông-tin-xã cũng là một nhà báo không xuất bản. Nó sinh ra là bởi cái su-thế tự-nhiên; vì những nhà báo ở các nơi đô-thành lớn như (Nữu-ước, Luân-dôn), cần phải đi nhặt lấy tin tức các việc, nếu lấy tin ở trong bản-hạt thì phải cần đến vài mươi người phóng-viên; hoặc ở các đô-thành trọng-yếu các nước thì cũng phải cần dùng đến một người thông-tin-viên, mới không bỏ sót mất những

tin trọng-yếu. Song như thế thì phải tốn mất một món chi-phi to, dẫu nhà báo giàu đến đâu cũng không thể đảm-đương được; từ khi có nhà Tân-văn thông-tin-xã đến giờ, thì nhà ấy cứ lấy các tin tức đồng-loạt thông tin cho các nhà báo, mà các nhà báo phải chịu cái tiền phí tồn đi cóp nhặt lấy tin, từ đấy các nhà báo mới đỡ phần khó-nhọc; đã được nhiều các tin-tức, mà lại không phí-tồn mấy tí, thực là tiện-lợi lắm. Gần đây những nhà Tân-văn thông-tin-xã tổ-chức đã hoàn-bị lắm; những tin mà đăng ở trên các tờ báo các nơi, phần nhiều là do thông-tin-xã cung-cấp cho cả, không cần phải dùng đến phóng-viên và thông-tin-viên nữa. Chẳng qua có việc gì cần phải chú-ý thì mới phải cần đến phóng-viên; hoặc nơi nào cần phải chú-ý hỏi-han tin-tức, thì mới phải dùng đến thông-tin-viên mà thôi.

2) *Tân-văn thông tin-xã phân ra có hai hạng.* — Xét về cái cách thông tin thì Tân-văn thông-tin-xã phân ra có hai hạng: Một là thông-tin-xã chỉ chuyên báo tin trong bản-hạt; hai là thông-tin-xã chuyên lấy tin ở các nơi. Gần đây những nhà thông-tin ở Bắc-kinh như nhà Tân-văn biên-tập-xã, Á-dông thông-tin-xã, Tân-văn giao-thông-xã, đều là những nhà thông tin trong bản-hạt; chỉ chuyên lấy tin tức ở Bắc-kinh cung cho các nhà báo ở Bắc-kinh mà thôi. Đến như Đông-phương thông-tin-xã do người Nhật lập ra và Lô-thấu-xã do người Anh lập ra, đều là lấy tin-tức ở các nước trên thế-giới mà cung cho các nhà báo, đó là những nhà Tân-văn thông-tin-xã ở nước ngoài. Lại xét về cái cách tổ chức ra các nhà thông tin, có nhà Thương-nghiệp thông-tin-xã, và có nhà Hỗ-trợ thông-tin-xã. Thương-nghiệp thông-tin-xã là do người ta tổ-chức lập riêng, không cứ nhà báo nào

nếu bằng lòng chịu một giá tiền nhất định, thì người ta đều gửi tin tức đến cho, mục-dịch chỉ cốt mưu lợi; tức như *Lộ-thấu-xã* là một nhà hoai-bị hơn cả các thông-tin-xã. Còn như *Hỗ-trợ thông-tin-xã* là do các nhà báo vì sự lợi-ích chung, tự họp lại mà tổ-chức nên, trong có các người xã-viên, tự lấy những tin tức mình có nhặt được mà báo-cáo cho bản-xã, lại do trong bản-xã lấy những tin của các xã-viên khác gửi về, lại đem báo cho mọi người biết, tiền phí tồn thì do các xã-viên phải chịu, nếu không phải là xã-viên, thì không cung-cấp tin tức cho; tức như nhà *Liên-hợp thông-tin-xã* ở bên nước *Mĩ*, làm thành qui-mô rất lớn hơn cả các thông-tin-xã. Nhà *Lộ-thấu-xã* và *Liên-hợp thông-tin-xã* đều đã có cái thành-tích rõ ràng trong vài mươi năm, sẽ kể ở sau, đáng làm gương cho các nhà thông-tin khác.

3) *Tổ-chức nên Lộ-thấu-xã*. — Sáng lập nên *Lộ-thấu-xã* là người *Phổ-lô-sĩ*, tên là *JULIUS REUTER*, giao-du rất rộng, trong các chính-phủ và đô-thành các nước bên *Âu-châu*, ông ta đều có bè bạn quen cả, trước kia vốn lấy các tin tức về việc buôn-bán để cung cấp cho các nhà buôn *Hi-lạp*. Đến năm 1858 mới khuếch-trương nghiệp cũ cho rộng ra, lập nên *Lộ-thấu-xã* ở kinh-thành *Luân-đôn* nước *Anh*, chuyên thông tin tức cho các nhà báo bên châu *Âu*. Lúc mới các báo bên *Luân-đôn* vẫn còn hoai-nghi chưa mấy người tin; song khai-biện ít lâu có thanh-tích rõ ràng, trong vài chủ-nhật các báo *Luân-đôn* đều thứ đệ theo nhau cùng *Lộ-thấu-xã* đình ước một kỳ dài hạn, cả đến báo *Thái-ngộ-sĩ* cũng cùng đình hạn lấy tin.

Sự-nghiệp của *Lộ-thấu-xã*, trước chỉ lấy được tin-tức ở các nước *Âu-châu*, sau này tất cả tin tức ở bên *Mĩ-châu*, *Úc-châu*, *Nhật-bản*, *Trung-quốc* đều hay lấy để cung-cấp cho các báo được

cả; đến ngày nay thì khắp trong nước *Anh* chỗ nào có nhà điện-tín, thì đều có người thông-tin-viên của xã ấy cả; lại như những nơi nào có những việc lớn lao (như việc chiến-tranh hoặc mở hội hè điền lễ gì to) thì cũng đều có thông-tin viên của xã ấy cả; xã thông-tin ấy chẳng khác gì nơi họng lưỡi của thế-giới.

Khi xã thông-tin ấy mới sáng-lập rất là khó khăn, vì đường giao-thông chưa được tiện-lợi, truyền đệ tin tức rất là gian-nan. Xã ấy muốn thắng hết cả sự khó khăn, nên chẳng tiếc gì cự-phí, chỗ nào không có nhà điện-tín thì tự đặt lấy nhà điện-tín, nơi nào không có bu-cục thì tự đặt lấy bu-cục, để thông tin cho tiện; trước kia về mặt bể *Đại-tây-dương* chưa có điện-tuyến, thì xã ấy dự-bị sẵn một chiếc tàu thủy ở bờ bể đảo *Ái-nhĩ-lan*, đón chiếc tàu *Mĩ* chạy sang *Anh*, mà nhận lấy những tin tức, do thông-tin-viên ở *Mĩ* gửi tàu ấy đem sang; khi đã tiếp nhận được tin tức rồi, thì chạy ngay vào những nơi đã có điện-tuyến gần đấy, đem những tin ấy thông điện báo ngay về sở sự-vụ của xã ấy ở *Luân-đôn*; làm như thế thì trước khi chiếc tàu *Mĩ* chưa đến *Luân-đôn*, mà những tin tức trọng-yếu ở bên *Mĩ* đã truyền khắp cả nước *Anh* rồi. Đương khi *Tổng-thống* *Mĩ* là *Lâm-Khăng* bị giết chết, chiếc tàu *Mĩ* đã nhỏ neo chạy sang *Anh* rồi, thế mà xã thông-tin ấy liền thuê một chiếc tàu nhỏ chạy nhanh cho kịp chuyển tàu kia, đem những tin trọng-yếu nọ giao cho chiếc tàu kia để kịp báo sang *Anh*, cái khổ tâm nghị-lực của nhà thông-tin ấy thật là khó-nhọc lắm vậy.

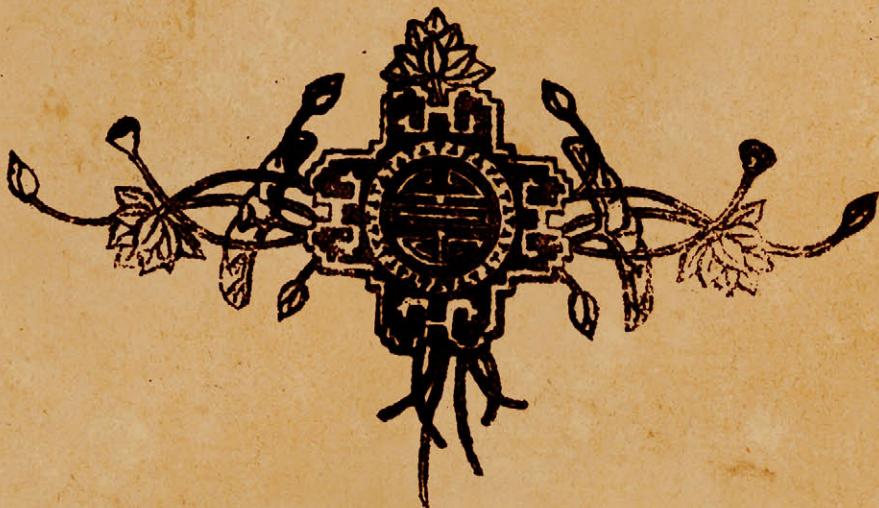
Tổng-sự-vụ-sở của xã thông-tin ấy hiện khai-thiết ở số 24 *Old Jewry, London*. Các tờ báo trên thế-giới đều nhờ về xã ấy thông tin cho, không biết bao nhiêu mà kể.

4) *Tổ-chức nên Liên-hợp thông-tin-xã.* — Năm 1848, mấy nhà báo Nữ-ước muốn cho tiện việc cốp nhặt lấy những tin trong bản-xứ, mới tổ-chức ra một Liên-hợp thông-tin-xã. Về sau phạm-vi càng ngày càng rộng, đến bây giờ các xã-viên mở ra đến hơn chín trăm nhà báo, những tin-tức trong thế-giới đều thân nhặt được cả. Xã Liên-hợp này là cốt giúp đỡ lẫn nhau, mỗi một xã-viên đều có cái nghĩa-vụ đem cái tin-tức ở trong hạt mình báo-cáo cho trong xã biết; đồng-thời ở trong bản-xứ lại được cái quyền-lợi do các xã-viên khác báo cho biết tin ở các nơi. Đại-khái cứ trong mỗi một tỉnh-thành thì có một người xã-viên; chỗ nào không có xã-viên thì trong xã đặt lấy một người làm thông-tin-viên, để nhặt lấy tin-tức ở nơi ấy để báo về cho bản-xã. Những phi-tồn về việc thông tin thì các xã viên chia nhau cùng chịu.

Xã thông-tin này phân cả trong nước Mỹ ra làm mấy khu, mỗi khu lại chia ra làm mấy phân-khu; trong mỗi khu có lập ra một khu sự-vụ-sở, mỗi phân khu cũng có một phân-khu sự-vụ-sở. Khu sự-vụ-sở ở thành Nữ-ước,

gọi là tổng-sự-vụ-sở. Các sở sự-vụ đều có điện tuyến liên-tiếp nhau. Tuy rằng phạm-vi có khu lớn khu nhỏ, nhưng cái chức-trách đều là coi về việc biên-tập tân-văn và thu-phát tin-tức, đều như nhau cả. Đại-khái như tổng-sự-vụ-sở ở Nữ-ước, nhận được những tin mới ở Nữ-ước do xã-viên Nữ-ước báo đến, thì lập-tức xem xét tình hình, thông-diện báo tin cho khu sự-vụ-sở khác và các phân-khu; có khi cứ theo như nguyên-văn của xã-viên Nữ-ước báo về, cũng có khi vì cái giá-trị tin-tức mỗi chỗ một khác, nên phải san bớt những sự không cần-thiết mấy mà sửa-đổi lại, rồi mới thông-diện đi; phần nhiều những tin điện phát đi là có sửa-đổi cả; khu sự-vụ-sở nào mà cách thành Nữ-ước xa lắm, thì lời thông-diện lại rất là giản-lược. Lại như sở tổng-sự-vụ mà nhận được những tin báo-cáo do các khu sự-vụ-sở khác gửi về, thì cũng theo như cách trên thông tin đi, cũng phải xem xét tình hình, rồi thông-diện đi các phân-khu sự-vụ-sở ở trong khu mình.

HÔNG-CHÂU dịch



THỀ-THAO

Cái phong-trào thề-thao ở nước ta mấy năm gần đây đã thịnh lắm. Kể cũng là mới nhóm lên trong khoảng mười mười-lăm năm mà thôi, mà lấn-lội mau lạ. Hiện nay từ Nam chí Bắc, không có một nơi sở-tại nào lớn là không có một hội thề-thao, một sân đánh quần hay một sân đá bóng. Nói riêng một nghề « banh vợt » (tennis), đã sản được những tay có tài như Chim, như Giao, như Dương, như Bình. Lại năm trước đây cũng có mấy tay đánh võ giỏi. Nhưng đáng chú-ý nhất là thanh-niên cô-võ về thề-thao lắm. Thứ năm chủ-nhật, đâu có cuộc thi « banh tròn » (foot-ball) hay « banh vợt » (tennis), thời học-trò các trường, lớn nhỏ kéo nhau đi xem lũ-lượt như ngày hội. Mà trong khi đứng xem, tỏ ra khoái-hoạt lạ-lùng, gặp những « miếng » hay « miếng » tài, thời vỗ tay râm-ran cả một góc trời.

Một dân-tộc có tiếng là văn-nhược như dân ta, kẻ thượng-lưu lấy yêu-điều làm phong-nhã, xưa nay vẫn khinh nghề võ, vậy mà nhất-đán thay đổi mau như thế, nghĩ cũng lạ thay. Thế mới biết cái sức của phong-trào nó mạnh thật, làm át được cả cái tính tự-nhiên của dân-tộc.

Trông thấy người mình đã biết trọng về thề-dục cũng nên mừng, vì tất có ảnh-hưởng tốt đến giống-nòi về sau này. Nhưng cái gì cũng vậy, có tiết-độ mới là hay, nếu a-dua mà thành quá-độ, cô-võ mà đến ham-mê, thời cái hay lại dễ thành ra dở lắm.

Sau đây là lời bàn của một nhà y-sĩ, khuyên trong sự thề-thao nên có tiết-độ, và lại nên cẩn-thận xem xét, người nào cũng phải tùy lượng cái sức mình mà tập-luyện, cốt cho thân-thể được kiện-toàn, chừ đừng cầu lấy cái hãnh-diện giât giải quán-quân nọ hay giải vô-địch kia vậy. Các nhà thề-thao, các bạn thanh-niên nên đọc kỹ mà ngâm-nghĩ.

Quelques réflexions sur le sport

Celui qui écrit ces lignes a eu l'honneur — qui ne le rajeunit pas — d'être parmi les premiers qui voulurent introduire les exercices physiques dans l'éducation des jeunes gens. Ainsi commença le sport en France et l'on sait quel chemin il y a fait. Et cependant, au lieu de nous réjouir de ce succès vraiment extraordinaire, nous sommes beaucoup, survivants de cette époque, à répéter le mot tristement célèbre : « Non, nous n'avons pas voulu cela. »

Mấy lời suy-ngĩ về thề-thao

Người viết bài này đã được cái danh-dự — nó không làm cho trẻ người lại — vào hạng mấy người đầu tiên muốn đem sự tập thề-thao vào chương-trình giáo-dục các thanh-niên. Thề-dục ở nước Pháp bắt đầu như vậy, và từ bấy đến nay tấn-tới thế nào, ai cũng đã biết. Tuy-nhiên, trông thấy cái cảnh-tượng thịnh-hành một cách lạ-lùng như vậy, trong bọn chúng tôi hồi bấy giờ những người còn lại đến nay, không lấy làm mừng mà lại rầu rầu thở dài một câu rằng : « Không, chúng tôi không muốn như thế »

Que voulions-nous? Faire comprendre aux jeunes Français — et à leurs parents — qu'il fallait penser à éduquer le corps comme on faisait pour l'esprit, à lui donner le maximum de force, d'endurance, de souplesse dont il était capable, ce dont ceux qui étaient alors chargés de l'éducation ne se souciaient que fort peu. Nous voulions les amener à cette conception que le *corpus sanum* est une condition de la *mens sana*, que la santé parfaite ne peut résulter que d'une harmonie totale où le physique aurait sa part et que c'est pêcher contre la nature de ne se préoccuper que de l'esprit en négligeant aussi totalement son enveloppe. Nous avons nous-mêmes assez pâti de ce dédain total de la « guenille » pour savoir la nécessité d'une réforme. Nous avons trop senti le vide lamentable de nos récréations pour ne pas souhaiter quelque chose de mieux à ceux qui nous succédaient. Nous comprenions que les jeux et les exercices en plein air auraient un attrait tout autre que les quelques séances maussades de gymnastique qu'on nous consentait, qu'ils exerceraient un peu mieux poumons, cœur et muscles, et, faisant circuler plus vigoureusement dans les organismes un sang plus riche, accroîtraient la vigueur physique sans nuire — bien au contraire — à l'intelligence.

On batailla ferme et ce fut la victoire le jour où le recteur de l'académie de Paris accepta de présider en personne une des séances de l'Union que l'on avait fondée. Sûrs d'avoir fait de bonne besogne, prêchant eux-mêmes d'exemple, les initiateurs attendirent l'avenir.

Evidemment, ils ont réussi en ce sens que le sport s'est introduit dans l'éducation, et il y a même pris une belle place. Ce fut parfois peut-être aux dépens du reste, mais surtout il a revêtu une tout autre figure que celle que nous rêvions. Les fautes se

Thế thời hồi bấy giờ chúng tôi muốn gì? Muốn cho thanh-niên nước Pháp — cùng cả cha mẹ — hiểu rằng thân-thể cũng phải tập-luyện như tinh-thần, cho được hết sức mạnh-mẽ, nhần - nại, mềm-mại, cái đó thì các người có trách-nhiệm về giáo-dục hồi bấy giờ thật không hề tâm đến mấy. Chúng tôi muốn dẫn-dụ cho họ hiểu rằng muốn cho thân-trí được kiện-toàn thì thân-thể phải tráng-khiến, sức mạnh hoàn-toàn là điều-hòa hết thấy, vật - chất cũng có phần ở đó, và nếu chỉ chăm-chút đến tinh-thần mà rẻ-rúng về thân-thể, thì là trái với lẽ thiên-nhiên. Chính chúng tôi cũng đã từng chịu thiệt về sự khinh rẻ cái « xác thịt » đó, nên biết rằng cần phải cải-cách. Thừa đi học, đến giờ ra chơi, thật là buồn quá, chẳng biết chơi đùa gì, nên ước-ao cho kẻ tiếp sau mình được có cái gì hơn mình. Chúng tôi biểu rằng những cách chơi tập vận-động ở nơi không-khoảng còn thú-vị hơn là mấy buổi thể-thao buồn rứt chịu cho học trò tập hồi bấy giờ, hiểu rằng cách tự-do vận-động là tập cho phổi, cho tim, cho gân thịt được mạnh, làm cho khí-huyết lưu-thông, dồi-dào mạnh-mẽ, khiến cho thân-thể được thêm cường-tráng mà không hại gì cho trí-tuệ, lại có lợi cho trí-tuệ vậy.

Bèn ra sức chiến-đấu, đến ngày quan Chánh-đốc Học-khu Paris chịu thân đến chủ-tọa một kỳ hội-đồng của Hội Khuyến-miễn thể-thao của chúng tôi lập ra, ngày hôm ấy cho là thắng trận vậy. Chắc việc mình làm là việc hay, tự mình làm gương cho người theo, các nhà khởi-xương vững lòng đợi tương-lai thế nào.

Cố-nhiên là việc đã thành-công, vì đã đem được thể - thao vào trong chương-trình giáo dục, và khiến cho chiếm được một địa-vị tốt-đẹp. Địa-vị này có lẽ cũng không khỏi xâm-lấn sang địa-vị khác, nhưng nhất là bày ra

à des exagérations néfastes. Celui qui s'y abandonne, au lieu de donner ce qu'il peut, cherche à donner plus encore, c'est-à-dire à dépasser ses propres possibilités. Cela n'est permis qu'à quelques sujets d'élite qui ont des ressources plus grandes que celles des autres. Si la volonté est un excellent atout pour ceux qui disputent un championnat ou s'en prennent à des records, il s'en faut qu'à elle seule elle suffise. Le sport, il faut bien le savoir, peut développer le corps que vous possédez, il est incapable de vous en faire un autre. A courir après cette utopie, on risque des périls graves et nous en voyons trop d'exemples.

De même à moins d'en faire une profession, faut-il garder dans le sport une mesure raisonnable. Ne vivre que pour lui, ne penser qu'à lui, lui consacrer tous ses instants, est aussi maladroit, aussi erroné que de l'ignorer totalement. On court, ce faisant, au-devant d'une fatigue qui passera inaperçue ou incomprise au début, mais qui se dénoncera un jour ou l'autre et parfois quand il sera trop tard.

Or, c'est là une tendance trop commune chez les adolescents d'aujourd'hui. Lorsqu'ils se lancent dans le sport, ils ne songent nullement à ce but normal qui est de développer et d'éduquer leur corps. C'est assez fréquemment l'amour-propre qui les guide. A lire les prouesses des champions en vogue, à voir dans les journaux spéciaux — et même dans les autres — le portrait des triomphateurs, leur imagination s'exalte. Les jeux de plein air dont personne ne songerait à leur refuser l'usage leur semblent enfantins, à moins d'y introduire cette émulation exagérée dont j'ai parlé. Ce qui les tente, c'est de concourir, de l'emporter sur d'autres, de connaître eux aussi les joies de la célébrité, du moins dans le cercle plus ou moins étroit où on la leur consentira.

chơi-đua khác nữa, ganh đua đến cực-điểm, thời thành ra quá-bại. Người ganh đua, không có liệu sức mà làm, lại làm quá hơn lên, nghĩa là ra ngoài giới-hạn của năng-lực mình. Cái đó chỉ mấy kẻ lỗi-lạc khác thường, có dư sức hơn người mới có thể đương được. Những người địch một giải quán-quân hay tranh một cuộc vô-địch, có chí quyết vẫn là tốt lắm, nhưng có chí không cũng không đủ được. Phải biết rằng thể-thao có thể làm cho thân-thể mình mạnh-mẽ được, nhưng không thể tạo cho mình một thân-thể khác được. Đó là một cái ảo-tưởng, cố mà theo đuổi thời có nguy-hiểm to, thường trông thấy nhan-nhân như vậy.

Lại trừ khi lấy thể-thao làm một nghề, còn tập thể-thao phải cho có điều-độ. Chỉ sống về thể-thao, chỉ nghĩ đến thể-thao, đem cả thời-giờ mà cống-hiến về thể-thao, thời cũng dại, cũng lầm như là tuyệt-nhiên không biết đến thể-thao vậy. Làm như thế thời chỉ tỏ nhọc mệt, lúc đầu không biết hay không hiểu, nhưng rồi cũng có ngày nó lộ ra, và có khi đến muộn quá vậy.

Nay chính đó là một cái khuynh-hướng thông-thường quá trong bọn thanh-niên ngày nay. Khi đua tập thể-thao thời không có nghĩ gì đến mục-dích chánh-đáng của thể-thao, là tập-luyện cho thân-thể được mạnh-khỏe. Thường thường là chỉ vì cái bụng hiếu-thắng cả. Đọc thấy những thủ-doan của các tay chiến-tướng thiên-hạ đương hoan-nghênh, trông thấy trong những báo chuyên-môn — và cả những báo không chuyên-môn nữa — in ảnh, những tay chiến-thắng, trí tưởng-tượng bị kích-thích lên. Những cách vận-động nơi không-khoảng, không ai cấm thì họ cho là trò trẻ, không thời lại bày ra cách ganh-đua quá đáng như vừa nói trên kia. Chỉ hừng là cũng ra tranh đua, cũng được thắng hơn kẻ khác, cũng được hưởng cái thú nổi danh

Pour y parvenir, il leur faudra s'élever au-dessus du niveau commun et c'est là que les erreurs commencent.

Pour remporter ces victoires qui satisferont leur vanité, deux choses s'avèrent dès l'abord indispensables : la spécialisation et l'entraînement intensif.

Au point de vue de l'éducation corporelle, la spécialisation est une hérésie. Elle n'est admissible que pour un homme qui a déjà développé toutes ses facultés physiques et qui peut dès lors s'attacher à en éduquer une de façon particulière. Si l'on débute par là, on commet une faute grave, car rien n'est logiquement plus éloigné d'une culture physique normale. La spécialisation, c'est la partie triomphant aux dépens de l'ensemble, c'est une fonction spécialement mise à contribution alors que les autres sont laissées de côté. Ainsi comprise, elle peut aboutir à faire des phénomènes, jamais à un développement harmonieux et complet.

L'entraînement intensif aboutit, lui, trop facilement au surentraînement lorsque le corps, comme nous venons de le voir, n'est pas habitué à l'exercice total depuis un temps suffisant. Si le sujet n'est pas doué de ces prérogatives heureuses qui font justement les champions exceptionnels, sa santé s'en trouvera aussi mal que possible. Or, parmi tant d'aspirants aux lauriers du stade, combien en est-il qui sont ainsi partagés ? Et quel avenir se préparent les autres ?

Au jour du choix de la spécialité où le néophyte a l'intention de briller d'un éclat supérieur, qui donc est intervenu pour l'instruire de ces vérités élémentaires ? Son amour-propre, comme je l'ai dit, l'a guidé, les avis des camarades ont fait le reste. Mais il est quelqu'un à qui personne n'a demandé son avis, c'est le médecin. Qui ne comprend qu'il aurait dû être le premier con-

lèrg-lây, it ra là trong cái phạm-vi nhỏ tặng cho nhau những danh tiếng đó. Muốn cho được thời phải vượt cao hơn cái trình-độ thường, ấy sai-làm là bắt đầu tự đó.

Muốn được chiến-thắng cho thỏa cái lòng hiếu-danh, thời trước hết phải cần hai điều : một là phải chuyên-chủ một môn nào, hai là phải đoàn-luyện cho cực-lực.

Về phương-diện tập-luyện cho thân-thể, thời chuyên-môn là vô-nghĩa-lý. Chỉ có người nào đã tập-luyện được hoàn-toàn cả các năng-lực trong thân-thể rồi, bấy giờ hoặc mới có thể tập riêng về một phần nào. Chứ nếu bắt đầu đã chuyên-trị ngay, thời là lầm-lỗi to, vì không gì trái với phép thể-dục bình-thường. Chuyên-trị là cho một bộ-phận được thắng, hại đến cả toàn-thể, là chỉ dùng riêng một chức-vụ mà bỏ mặc các chức-vụ khác. Làm như vậy thời kết-quả có thể thành ra những kỳ-vật, chứ không bao giờ khiến cho thân-thể được hoàn-toàn phát-đạt.

Còn như đoàn-luyện cực-lực thời cũng dễ thành ra đoàn-luyện quá sức, khi thân-thể không quen tập-luyện hoàn-toàn đã lâu, như trên vừa nói. Nếu không có những tư-cách lỗi-lạc như các tay chiến-tướng đặc-biệt, thời phương-hại đến sức khỏe không phải là ít vậy. Nay biết bao nhiêu kẻ tập-tành ra tranh khôi đoạt giáp ở giữa sân thể-thao, được mấy kẻ là có tư-cách lỗi-lạc như vậy ? Còn những kẻ kia thì tương-lai đến thế nào ?

Cái ngày người tập thể-thao muốn chọn một chuyên-môn nào để có ý trở tài ra một cách đặc-biệt, thời có ai can-thiệp để khuyên-bảo cho họ những điều tầm-thường đó không ? Như tôi đã nói, họ chỉ theo cái lòng hiếu-thắng của họ, còn thời bằng ở lời khuyên-bảo của bạn-bè mà thôi. Nhưng có một người chẳng ai hỏi đến ý-kiến bao giờ, là ông thầy thuốc. Ai không hiểu

sulté? On ne songera à lui que le jour où il y aura quelque chose de détraqué qu'il conviendra de réparer.

Il y a longtemps que l'on a réclamé des «médecins de sport» et il est quelques hommes de l'art qui se sont voués à cette tâche spéciale. Il est aussi des groupements sportifs qui font appel à une compétence de ce genre pour se renseigner sur les possibilités physiques de tel apprenti champion. Est-ce suffisant? Evidemment non. Cette coutume devrait être généralisée et, pour bien faire, c'est avant de commencer à faire du sport que l'individu devrait être soumis à un examen médical minutieux.

Par la suite, lorsqu'il s'adonne à un exercice tant soit peu violent, quand il se soumet à un entraînement intensif, il devrait être suivi de près afin que l'on pût l'avertir du danger qui menace, mettre un frein à une ardeur nuisible. Il faudrait que de temps en temps, avant et après les épreuves auxquelles ils s'adonne avec passion, on se rendit compte de la façon dont ses fonctions résistent à la fatigue et s'y adaptent. Ce n'est qu'à ces conditions que l'on pourra prévoir ce que, plus tard, on ne pourrait plus empêcher.

..

Prenons, si l'on veut, un exemple concret, celui de la fonction cardiaque. C'est celle qui subit, à n'en pas douter, les modifications les plus nettes au cours de l'entraînement et des épreuves. Ne pense-t-on pas qu'il serait indispensable de savoir ce qu'elle peut supporter avant qu'on ne lui inflige des secousses comme celles qu'on lui prépare?

Le cœur sait parfaitement s'adapter à l'effort lorsque celui-ci est proportionné à ses possibilités. Il le fait en accroissant son débit, en le précipitant, mais cette adaptation se fait dans certaines limites. Si on les dépasse, on aboutit à la dilatation de l'organe et, plus tard, à son hypertrophie et à son épuisement. La pression artérielle monte au début de l'épreuve; elle diminue par la suite et, si la durée de l'épreuve est trop longue, elle peut tomber assez bas pour

ràng chính ông thầy thuốc là đáng phải hỏi ý trước nhất cả? Ngày nào có hư-hỏng gì cần phải chữa lại, bấy giờ mới nghĩ đến ông thầy thuốc.

Đã lâu nay vẫn có người yêu-cầu nên có một hạng «thầy thuốc thể-thao», và hiện đã có một vài vị chuyên về việc đó. Lại cũng có những hội thể-thao nhờ đến một tay chuyên-môn như vậy để cho biết một người nào muốn tập làm chiến-tướng có đủ tư-cách không. Thế đã đủ chưa? Quyết rằng chưa. Lệ đó đáng phải thông-dụng ra mới được, và muốn cho có ích thì ngay trước khi bắt đầu tập thể-thao, phải đem cho thầy thuốc xét kỹ đã.

Về sau mỗi lần tập hơi kịch-liệt một chút, hay là đoàn-luyện có khó-nhọc thì phải xem xét kỹ, để có thể báo trước cho biết lúc nào là nguy-hiêm, ngăn-ngừa cho khỏi hăng-hải quá đến hại thân. Lại thời thường trước khi hay sau khi ham mê tập, nên xét xem các cơ-quan chống-đối và thích-hợp với sự khó-nhọc thế nào. Chỉ có cách đó là mới dự-phòng được những điều mà sau này không thể ngăn-ngừa được.

..

Nay thí-dụ ngay một điều hiển-nhiên, là nói về quả tim hành-động. Quả tim hành-động là trong khi tập hay trong khi luyện nó thay-đổi rõ-ràng lắm. Trước khi bắt quả tim phải kích-thích mạnh, há lại không cần phải xét xem cái sức nó có thể chịu được đến thế nào dự?

Quả tim hễ mà việc khó-nhọc vừa với sức nó thì nó vẫn thích-hợp mà đương được. Khi ấy thời máu chảy nhiều hơn, mạnh hơn, nhưng mà sự thích-hợp đó cũng có hạn mà thôi. Nếu mà quá thời con tim nó phồng to ra, sau này đến trương ra mà kiệt sức đi. Lúc mới tập thời mạch cương lên, rồi sau xuống dần, nếu tập lâu quá

provoquer des accidents brusques. Soumis à de telles modifications, l'appareil cardiaque résiste dans la mesure de sa propre vigueur. Si l'effort persiste, quand celle-ci est atteinte, on risque soit l'accident aigu dont je viens de parler, soit les lésions que j'ai évoquées. Le « cœur forcé » dont parlaient des auteurs de jadis existe bien, quoi qu'on ait dit, c'est un cœur fatigué à fond et de façon parfois irréparable. La plupart du temps le mal n'est peut-être pas aussi grand, mais c'est à la condition que l'effort cesse, que le repos soit observé et c'est l'abandon à peu près absolu de toute dépense physique. Ceci d'autant plus qu'il est des cas où il s'est déjà produit des lésions sérieuses, comme l'insuffisance des valvules qui régulent le cours du sang dans le cœur lui-même. On a vu pis encore, puisque l'on a constaté des morts subites au cours des épreuves, sur le terrain.

Les médecins sont unanimes sur la menace constante de ces accidents, petits ou grands, chez des enfants et des adolescents qui ont abusé d'un appareil que personne n'avait été appelé à apprécier au début.

Le système circulatoire n'est pas le seul, au demeurant, à se ressentir de ces inadaptations de l'individu au sport et à son entraînement intensif. Le système nerveux prend à ces troubles une part importante. On peut s'en apercevoir à la fièvre qui accompagne parfois une pareille suite d'efforts, aux changements d'humeur qui s'accroissent chez l'individu fatigué, à la diminution de résistance générale.

L'ensemble de ces troubles provoqués par l'abus est justement le contraire, bien entendu, de ce que l'on attendait, c'est-à-dire une croissance se faisant moins bien que chez les autres enfants, une santé moins robuste, une fragilité plus grande, alors que l'on espérait une vigueur pour laquelle on pensait avoir si bien travaillé. La statistique du commandant Charlent, publiée en 1925, et basée sur les résultats des conseils de revision, ne nous dit-elle pas que parmi

thời hoặc có thể trầm hẳn xuống mà hốt-nhiên xảy ra sự bất-kỳ. Bị thay đổi như vậy, quả tim nó cũng hết sức chống-đối lại. Nếu làm quá sức nó thời xảy ra sự kịch-liệt bất-kỳ như vừa nói, hoặc thành ra tổn-thương như đã nói ở trên. Các nhà làm sách ngày xưa có nói « quả tim bị miễn-cưỡng », thật có thể, tức là quả tim nó nhọc-mệt quá, có khi không chữa được nữa. Thường-thường thời có lẽ cũng không đến nỗi hại lắm, nhưng cốt là phải thôi đi ngay, phải tĩnh-dưỡng và hầu như phải bỏ cả mọi sự khó-nhọc đến thân-thể. Càng phải cẩn-thận lắm, là vì có khi quả tim đã bị tổn-hư nhiều rồi, như những cái nắp trong ống máu nó yếu đi không đủ điều-độ cho máu chảy nữa. Lại còn tệ hơn nữa, là có khi đương tập-luyện mà chết thảng ngay ở giữa sân tập vậy.

Các thầy thuốc đều đồng-thanh nói rằng những con trẻ cùng thanh-niên lúc đầu không khám xét quả tim cho kỹ, sau lạm-dụng quá, thời thường thường có cái nguy-hiểm những sự bất-kỳ hoặc nặng hoặc nhẹ như vậy.

Vả cũng không phải chỉ có một bộ máy tuần-hoàn là tập thể-thao quá mà sinh ra hư-hại đâu. Bộ thần-kinh cũng bị vào đó một phần to. Xem như khi gắng sức luôn một hồi, thấy trong người nóng-nảy lên, khi mệt-nhọc thời tinh-khí thay-đổi đi, trong người thấy kém mất cái sức đề-kháng đi vậy.

Lạm-dụng thể-thao sinh ra những sự tổn-hại như vậy, thật là trái hẳn với cái mục-dịch của thể-thao, nghĩa là trẻ con thì lớn không được đều như trẻ con khác, không được mạnh-mẽ, hay phải yếu-đuối, chứ không mong nhờ thể-thao mà được cường-tráng vậy. Quan tư CHARLENT năm 1925 có kê một cái biểu thống-kê theo sự kinh-nghiệm của các hội-đồng tuyển lính, nói rằng trong những thanh-niên 20 tuổi, đến

les jeunes gens de vingt ans la moitié sont des inaptés au service armé? Est-ce cela que l'on voulait obtenir?

Écoutons, d'ailleurs, les paroles d'un praticien exercé, membre de l'Académie de médecine: « Il m'a suffi, dit le docteur. Le Gendre, d'avoir observé dans ma clientèle et mon entourage familial des dizaines de faits précis de troubles cardiaques, nerveux, digestifs, causés par des efforts physiques excessifs, fournis en un laps de temps très court, faute d'un entraînement suffisant, chez des enfants et des jeunes gens stimulés par l'amour-propre et non examinés médicalement avant la course à pied ou à bicyclette, pour me confirmer dans l'opinion que le sport peut devenir un danger. » Un autre médecin rapporte avoir examiné un sportif surentraîné et avoir découvert chez lui des troubles cardiaques latents. Celui-là l'a échappé belle. J'ai, pour ma part, constaté jadis des souffles du cœur chez un jeune homme qui s'adonnait à la course de vitesse et qui, je dois l'avouer, a continué malgré mes avis. J'aime autant ne pas savoir ce qu'il est devenu.

La conclusion de ce court aperçu ne sera pas hostile à l'exercice, ni même au sport (dont une longue pratique m'a fait apprécier personnellement les vertus), à la condition qu'il soit raisonné, qu'il vise, sauf exceptions, une éducation logique et naturelle du corps, qu'il ne soit pas régi par l'amour-propre et la vaine gloriole. Par exceptions, j'entends ces êtres particulièrement bien doués dont j'ai parlé, qui peuvent sans péril, transgresser un peu les lois que les autres doivent respecter. Le sport, pour réaliser ses visées, doit tenir compte des possibilités et des nécessités de chacun.

Il serait donc prudent de faire appel au médecin avant de laisser l'adolescent s'engager dans la voie sportive. Certes, la plupart du temps, il sera déclaré apte à y progres-

ser, mais il n'est pas sûr que la moitié des jeunes gens de vingt ans la moitié sont des inaptés au service armé? Est-ce cela que l'on voulait obtenir?

Lại thử nghe lời một bậc danh-y, có chân viện Y-khoa-học-sĩ, là bác-sĩ LE GENDRE nói rằng: « Tôi nghiệm thấy trong các khách của tôi và ngay trong người nhà tôi, kể có hàng chục kẻ mắc bệnh về tim, về thần-kinh, về tiêu-hóa, vì tập thể-thao nhiều quá, trong một thời-hạn ngắn quá và trước khi đoàn-luyện được đủ sức, toàn là những con trẻ cùng thanh-niên bị cái tính hiếu-thắng nó kích-thích và trước khi tập chạy hay tập xe đạp không đem cho thầy thuốc xét, tôi nghiệm thấy vậy mà đủ hiểu rằng thể-thao có thể thành ra nguy-hiểm được ». Một ông thầy thuốc khác thuật lại rằng có xét một người luyện thể-thao hăng-hái thấy quả tim đã ngậm có tồn-hại. Người ấy may mà thoát nạn. Về phần tôi trước kia cũng xét một người thanh-niên tập chạy thi, thấy thở hồn-hèn, tôi khuyên thôi đi, y không nghe. Chẳng biết sau ra thế nào, tôi cũng không muốn biết tới nữa.

Kết-luận bài lược-thuật này không phải phản-đối sự tập - luyện, cũng không phải phản-đối sự thể-thao (chính tôi tập đã lâu, biết rằng thể-thao vẫn có ích), miễn là tập cho có điều-dộ phải chăng, trừ một hạng người đặc-biệt, còn cốt là để luyện cho thân-thể được điều-hòa, chứ không nên lấy hiệu-danh hiệu-thắng làm chủ. Hạng đặc-biệt là những người có tư-cách tốt như đã nói trên kia, có thể làm trái một chút những luật thường mà mọi kẻ khác đều phải theo. Muốn cho đạt mục-dịch thì thể-thao phải chăm-chức theo cái sức-lực cùng sự cần-dùng của mỗi người.

Vậy thời trước khi cho một kẻ thanh-niên theo đuổi về đường thể-thao, phải nên hỏi thầy thuốc đã. Vẫn biết rằng thường thường thời thầy thuốc

ser, s'il consent à y mettre quelque retenue, mais il en est quelques-uns que l'on détournera. pour leur bien, de ce chemin trop plein de tentations.

Il en est d'autres pour qui on devra exiger; avant l'initiation, une préparation indispensable et notamment une éducation de la respiration qui empêchera cette fonction de faire, sans mise au point préalable, les frais des fatigues auxquelles elle sera astreinte et auxquelles le cœur, par son intermédiaire, sera appelé à prendre sa part.

Mais, une fois prononcé le *Le dignus est intrare*, il est non moins nécessaire de savoir quels sont les sports auxquels peut se livrer un sujet donné et quels sont ceux qui ne lui seraient pas profitables. Il est possible que, pour beaucoup, le médecin, en sage qu'il est, conseille surtout les jeux de plein air, aussi favorables au développement, sinon plus, que les sports proprement dits. Encore faudra-t-il apporter dans quelques-uns d'entre eux une modération que l'on n'observe pas toujours. Il se pourrait même qu'il préconisât comme particulièrement propice à l'éducation du corps cette méthode naturelle en faveur de quoi a tant prêché cet apôtre de la culture physique qu'est le lieutenant Hébert et qui, en effet, est peut-être ce qui existe de plus complet et de plus efficace. En tout cas, il sera là pour empêcher ceux qui ne sont pas dès l'abord marqués du sceau des natures physiquement supérieures de se livrer aux compétitions dangereuses qui peuvent mener à des déboires et même à des catastrophes.

Et puis, dans les milieux sportifs même, il conviendrait que le médecin pût analyser les réactions de tel ou tel, se rendre compte de la façon dont il répond à la fatigue et la répare, donner des conseils d'entraînement afin d'arrêter les imprudents sur la voie du surmenage.

Si l'on ne veut pas accepter cette discipline indispensable, on aboutira à faire un péril individuel, peut être même social, de ce qui devrait et pourrait être un bienfait.

Docteur HENRI BOUQUET

cũng cho là có thể theo đuổi mà tấn tới được, miễn là phải giữ-gìn một chút, nhưng cũng có một đôi khi sẽ vì sự lợi-ích cho họ mà can ngăn họ đừng bước vào con đường đó nó dễ cảm-dỗ mình vậy.

Còn có kẻ khác thời trước khi cho ra tập, cần phải dự-bị đã, nhất là luyện cho sự hô-hấp để đương được những cái khó-nhọc sau này, cái khó nhọc ấy là qua phôi rồi mới đến tim vậy.

Nhưng đến khi xét ra đã có tư-cách tập thể-thao rồi, thời lại phải cần biết tập được những thứ thể thao nào, và những thứ nào là tập không có lợi. Có lẽ đối với phần nhiều người thời thầy thuốc cần-thận chỉ khuyên nên tập những cách vận-dộng cỡ không-khoảng, cũng lợi cho sức khỏe hơn là các cách thể-thao chính. Vậy mà ngay trong các lối vận-dộng, cũng có lối nên phải tiết-độ, mà thường người ta không hay biết tiết-độ. Lại cũng có lẽ thầy thuốc cho cái phép thể-dục tự-nhiên của quan hai HÉBERT cỡ-động là thích-hợp hơn cả, và cứ thực ra thì phép đó quả là hoàn-toàn và có hiệu-lực hơn cả. Dù thế nào mặc lòng, thầy thuốc sẽ sẵn đó để ngăn cho những người nào không có thể-chất lỗi-lạc thời không nên theo đòi những cách ganh đua nguy-hiêm, chỉ làm cho thất-vọng và có khi đến tai-hại nữa.

Lại ngay trong các giới thể-thao cũng nên có thầy thuốc để nghiệm xét cái cách phản-động của người này hay người kia thế nào, cái cách họ đối-phó với sự nhọc mệt và bồi-bổ lại sức-lực thế nào, khuyên bảo cho người ta trong khi đoàn-luyện để ngăn cho kẻ nào bất-cần khởi đến nổi lao quỵện quá.

Nếu không chịu theo cái kỷ-luật cần-thiết đó, thời thể-thao là một sự rất hay rất tốt sẽ thành một cái nguy-hiêm cho cá-nhân và cho cả xã-hội vậy.

HỒNG-NHÂN dịch

TUÔNG HÁT

TRUNG-HIỆU THẦN-TIÊN (1)

(Truyện Hưng-đạo-vương 興道王傳)

VI

HỒI THỨ XVIII

Đường Nghệ-an Quang-
Khải chẳng cho qua

Cửa Hàm-tử Toa-Đô
đà trúng kế

Các vai

Toa-Đô — Ô - Mã - Nhi — Đường
Ngột Ngại — Thượng- hoàng Nhân-
lôn — Hưng-đạo-vương — Trần Nhật-
Duật — Triệu-Trung — Trần Quốc-
Toản — Trần Quang-Khải — Phạm
Ngũ-Lão — Yết-Kiều — Dã-Tượng.

Toa-đô ra nói :

Như ta nay : Sư-trung vương tích-
mệnh ; khờn-ngoại tướng chuyên chinh
師中王錫命。闕外將專征。
Ta nhớ lại từ khi Nguyên-đình thụ mệnh,
vốn đã chia làm hai đạo đó mà : Từ quân
ta vào đánh Chiêm-thành ; còn Thái-
tử mượn đường Nam-quốc. Từ đó đến
giờ cũng đã lâu đó mà làm sao : Đường đi
lại khôn thông tin-tức ; lòng trông mong
lưỡng những tiêu hao. Hoặc vì duyên-
cớ làm sao ; âu phải thăm dò mới tỏ.

Quân ra báo rằng :

Đạ da : Ô-Mã-Nhi đại-tướng ; phụng
mệnh Trấn-nam-vương. Thuyền vượt
lối Hải-dương ; quân kéo vào Chiêm-
địa.

Toa-đô nói :

Thình nhập.

Ô-Mã-Nhi ra.

Toa-đô nói :

Chẳng hay người vào đây có việc gì mà
hay ?

Ô-Mã-Nhi nói :

Tôi xin thuật các công-việc Thái-tử cho
Tướng-quân nghe : Bởi Trần-chúa không
cho giả-đạo ; nên quân ta mới phải ra
oai. Kể từ khi quân ta lấy được ả Khả-ly
lại lấy được đồn Chi-lăng đồn Vạn-kiếp rồi
lại lấy được thành Thăng-long đó mà :
Mùng Đông-bộ đã yên bề trú-trát ; e
Chiêm-thành còn vắng nổi tiêu-hao.
Bởi vậy cho nên : Sai tiểu-tướng vận
vào ; cùng Tướng quân sách ứng. Bởi
biết thế ta là mạnh, nhưng lo độc-lực
nan-công. Tôi xin Tướng-quân phải kéo ra
Bắc-thành đề mà hội với Thái-tử mới dặng
mà : Làm sao cho lưỡng lộ tương-thông ;
ấy mới dặng vạn-toàn thủ thắng.

Toa-đô nói :

Ta thuật lại công-việc ta kéo vào Chiêm-
thành cho tướng-quân nghe : Thuyền đã
chịu bề sóng gió ; đường khôn xiết nổi
hiểm sâu. Đánh nước Chiêm, Chiêm
chẳng thấy đâu ; qua đường Việt, Việt
e không chịu ; sự cơ khôn dễ liệu ; âm-
tín thực nan-thông. Như nay Thái-tử sai
người vào đây giúp ta, ta lấy làm mừng
lắm mà : Ấu là phải hiệp-lực giao-công ;
thế mới dặng lưỡng-quá . tương-ứng.

Lại nói :

Quân : Tam-quân tu thịnh mệnh ;
vạn-lý bất từ nan. Tiên lộ giao chi

(1) Xem Nam-Phong từ số 170.

Hoành-sơn ; thượng lộ trông chừng
Hoan Ái.

Hát vãn :

Thượng lộ trông chừng Hoan Ái.
Đất Lam Hồng bao lại khi-khu.

Ba quân mệt-nhọc khôn lo,
Cũng vì đất Nghệ làm cho đa vàng.

Ô-Mã-Nhi vãn :

Đã đành cam chịu đa vàng,
Ô-Nhi sợ lại gặp chàng vua đen.

Đường Ngột-Ngai vãn :

Lại còn sợ gã Thanh-tiên,
Loài Hồng không phải loài hèn ở dẫu.

Ô-Mã-Nhi nói :

Dạ dạ dám bầm tướng-quân, đây đã đến
Nghệ-an, nhưng bị Trần Quang-Khải Phạm
Ngũ-Lão giữ ở đây, bởi vậy đi không
dặng mà : Cũng bởi nó phen này ác-
chiến ; làm cho ta nhất lộ nan-thông.
Nếu đánh mãi không xong ; chắc quân
ta thêm hại. Xin Tướng-quân phải làm thế
này mới dặng mà : Đành bỏ nơi quan ải ;
kíp theo lối bãi-trình. Còn cùng Thái-
tử hội binh ; rồi sẽ nhất phen thảo-
lặc.

Toa-đô nói :

Hào a ! Khen kẻ người đã khéo ;
dành ý mỡ xin theo. Chư-tướng : Kíp
truyền chinh-bị thuyền lâu ; hải-đạo
trông chừng bắc-địa.

(Đều vào)

Thượng-hoàng, Nhân-lớn, Hưng-đạo-
vương, Dã-Tượng, Yết-Kiều, Nhật-Duật,
Quang-Khải, Quốc-Toản, Triệu Trung,
Phạm Ngũ-Lão đều ra,

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ : Toa-Đô tông hải-đạo ; Ngột-
Ngại tác tiên-phong. Thuyền đã đến
Hải-dông ; quân chỉ miền Hàm-tử.

Nhân-lớn nói :

Lẽ này âu rất ngại ; việc ấy thiệt
khôn lo. Thoát-Hoan kia thế-lực đã to ;
Toa-Đô nọ quân gia lại mạnh. Nếu hợp
nhau mà đánh ; e khôn lẽ tương-dương.

Hưng-đạo-vương nói :

Ngài xin đừng có ngại ; tôi đã có tiên-
phong, Như nay Toa-đô kéo ra Hàm-tử
làm vậy, cũng chẳng qua là muốn hiệp-lực
với Thoát-Hoan, nhưng tôi có đề cho nó
như vậy dẫu. Quyết làm cho nhất-lộ
nan-thông ; chẳng để nó lưỡng-quân
tương tiếp. Tôi nghĩ lại phen này đi tự
Chiêm-thành qua Nghệ-an đến Hải-dông,
quân lính cực là mệt - nhọc lắm thay, bởi
vậy : Quan-sơn từng bạt-thiếp ; quân-
sĩ chắc bi-lao. Phen này sẽ dựng mưu
cao ; giặc nọ khôn hay tầu hoát. Trám
lay bộ-hạ, như phen này : Hàm-tử phải
cầm Hồ-tử trước ; Chương-dương phải
đoạt sóc về sau. Thành-công chắc cũng
không lâu ; hảo-hội sẽ mong sắp tới.
Chiêu-văn-vương giao cho đó tinh-
binh hai vạn ; ta lại cho Quốc-Toản Triệu-
Trung đi theo giúp đỡ nữa mà : lại cấp
thêm Hồ-tướng hai viện. Chỉ Hàm-tử
băng miền ; dữ Toa-Đô tương cự.

Trần Nhật-Duật, Triệu Trung, Quốc-
Toản cùng nói :

Trên đã đem lòng phó thác ; dưới
xin hết sức trì-khu. Trước là chém lấy
Toa-Đô ; sau cũng đuổi theo Ô-Mã.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta phó cho.

Trần Nhật-Duật, Triệu Trung và Quốc-
Toản đều đi.

Hưng-đạo-vương nói :

Quân tinh-binh ba vạn, quan Nguyên-
sứ coi đầu. Chương-dương trước phải
dành mau ; Long-đỗ sau liền thu lại.
Thêm cho viên tướng giỏi ; Phạm Ngũ-
Lão theo sau.

Quang-Khải, Ngũ-Lão nói :

Phó-thác đã đành vàng lệnh ; trì-
khu ắt phải hết lòng. Thề quét sạch
doàn ong ; quyết tảo thanh giặc cáo.

Hưng-đạo-vương nói :

Phó cho.

Quang-Khải Ngũ-Lão đều đi.

Hung-đạo-vương nói :

Trăm lạy bệ-hạ, như hai toán tôi đã chia thêm làm vậy, chắc là thế nào quân Thoát-Hoan cũng bỏ Thăng-long mà chạy mà :

Giặc nó chắc đã lạc-phách ; phen này ầu phải ra tay. Xin thừa-dư làm trú ở đây ; cho hạ-tướng trông chừng Vạn-kiếp.

Hát vãn :

Hạ-tướng trông chừng Vạn-kiếp,
Việc binh-cơ thu-xếp đã xong.

Nước non gánh lại cao trông,
Trời cao quét sạch bụi hồng mới thối.

Yết-Kiều Dã-Tượng vãn :

Tri-khu xin hết phận tôi,
Thù này thế chẳng đội trời với ai.

Nhân-tôn nói :

Thành-công ầu đã chắc ; hoạch-kế thiệt là kỳ. Giang-sơn tái-tạo từ đây ; xã-tắc trùng-tân nhờ đó.

Hát vãn :

Xã-tắc trùng-tân nhờ đó,
Công-nghiệp này biết thuở nào quên.

Ai ơi chớ tưởng là bèn,
Ai ơi chớ tưởng là khan hơi rồi.

HỒI THƠ XIX

**Bò Chương-dương cướp giáo
thực có tài**

**Trận Vạn-kiếp ông đồng
may chạy thoát**

Các vai :

Trần Nhật-Duyệt — Trần Quốc-Toán
— Triệu Trung — Trần Quang-Khải
— Phạm Ngũ-Lão — Hung-đạo-vương
— Dã-Tượng — Yết-Kiều — Ô-Mã-Nhi
— Đường Ngột-Ngai — Toa-Đô —
Thoát-Hoan — Lý Hằng — Lý Quán—
Quân-sĩ.

Trần Nhật-Duyệt, Quốc-Toán, Triệu
Trung ra cùng hát bắc :

Hào-kiệt đương niên, khăng bả cầm
Hồ thâu đoạt sóc ; giang-sơn thủ nhật,

trực tương Hàm-lữ đối Chương-dương
豪傑當年。肯把擒胡輸奪槩。江山
此日。直將賊子對章陽。

(Đều vào)

Trần Quang-Khải, Phạm Ngũ-Lão đều
ra, cùng hát bắc :

Đoạt sóc đương-niên, đảo-dễ anh-
hùng tu chí lực ; huy qua thủ-nhật, giao
tha Hồ-lỗ mạc thâu sinh 奪槩當年。
到底英雄須至力。揮戈此日。教
他胡虜莫偷生。

(Đều vào)

Hung-đạo-vương, Dã-Tượng, Yết-Kiều
đều ra, cùng hát bắc :

Dược mã thành công, mạc vị nguyên-
nhung kim độc hậu ; thừa long lá vận,
do lai danh-thế bất hư-sinh 翻馬成
功。莫謂元戎今獨後。乘龍佐運。
由來名世不虛。

(Đều vào)

Toa-đô, Ô-Mã-Nhi, Đường Ngột-Ngai
đều ra.

Toa-đô nói :

Biết bao công bạt-thiếp ; khôn xiết
nổi xông-pha. Thành Thăng-long trông
cũng không xa ; cửa Hàm-lữ xem
chừng đã lời.

Trần Nhật-Duyệt, Triệu Trung, Quốc-
Toán đều ra.

Nhật-Duyệt nói :

Ở Nguyên-tướng, ta bảo cho : Người
bởi đâu lại đó ? ta vẫn đợi ở đây.
Như phen này : Chim trong lồng khôn
lẽ cao bay ; thỏ vào lưới dễ đâu tâu
thoát.

Hai bên đánh nhau, sau rồi Trần-tướng
chém được Toa-đô.

Nhật-Duyệt nói :

Mới ra oai một phút ; đã chém dặng
Toa-đô. Quán ! Truyền kịp đuổi giặc
Hồ ; dặng sinh-cầm Nguyên-tướng.

Nhật-Duyệt, Triệu Trung, Quốc-Toán đều
vào.

Ô-Mã-Nhi cùng chư-tướng ra.

Ô-Mã-Nhi nói :

Như làm cơ-sự thế này : Trái biết bao mệt-nhọc ; khôn để địch anh-hùng. Thành Thăng-long tin tức nan-thông ; trận Tây-kết rụng rời khôn xiết. Như nay : Toa-Đô đã phải chết ; Nhật-Duật lại cùng thông. Thôi ! đành rằng ta phải vào Thanh-hóa, để theo đường biển về Tàu mớiặng mà. Phải phải : Thiên-trường chóng chóng dời đi ; Thanh-hóa mau mau tị-lộ.

Hát vãn :

Thanh-hóa mau mau tị-lộ,
Ấm lòng này biết thuở nào người,
Trời Nam âu cũng nhiều tài,
Một Mã-Nhi để địch hai Tiên-đồng.

Đường Ngột-Ngay hát vãn :

Nghìn xưa cũng lắm anh-hùng,
Kia bà Trưng Trắc nọ ông Đinh-hoàng.

(Đều vào)

Nhật-Duật, Quốc-Toán và Triệu
Trung đều ra.

Nhật-Duật nói :

Hỡi a ! Quân-thanh như phá trúc ;
địch-thế tự tồi khô 軍聲如破竹·敵
勢似摧枯. Như ta phen này : mùa gươm
thiên Toa-tướng rơi đầu ; giờ ngọn
giáo Ô-Nhi lạc phách. Nó lưỡng quân
lương-cách ; ta hiệp-lực tiến-công.
Như nay Ô-Mã-Nhi cũng đã chạy xa rồi đó
mà : Đã đành khôn-ngoại thành-công ;
âu tới viên-môn hiển-tiếp.

Hát vãn :

Ấu tới viên-môn hiển-tiếp,
Đành phen này báo đáp cao sáu.
Chương-dương Hàm-tử trước sau,
Cầm Hồ đoạt sáo đua nhau anh-hùng.

Triệu Trung, Quốc-Toán cùng hát vãn :

Phen này dựng lại non sông,
Còn chờ một trận nguyên-nhung sau
này.

(Đều vào)

Thoát-Hoan, Lý Hằng, Lý-Quán đều ra.

Thoát-Hoan nói :

Tự vương-sư lữ bại, bởi địch-thế
nan công, quân yếu-dau vì đất nước lạ-
lùng, tiết viêm-nhiệt gặp khí trời thay
đổi. Ta nghĩ lại từ khi Ô-Mã-Nhi vào Chiêm-
thành theo cùng Toa-đô, tướng cũng đã lâu
ngày lắm mà : Xưa Thủy-lãng chia làm
hai toán ; nay bắc nam mong họp một
đường. Bởi vậy cho nên : Lòng này
khôn xiết tư-lương, tin ấy ai còn chờ
đợi.

Quán ra báo rằng :

Tây-kết nọ Toa-Đô bại-trận ; Thanh-
hóa kia Ô-Mã lãnh mình. Chương-
dương một giáo đã hoành ; Đông-bộ
mấy đồn cũng bỏ. Giặc đã gần tới đó ;
tôi kịp báo về đây.

Thoát-Hoan nói :

Văn ngôn biến sắc ; thính thuyết
kinh hồn. Chư-tướng : Thăng-long kịp
bỏ đại-đồn ; Giang-bắc tảo đồ hậu-lộ.

Hát vãn :

Giang-bắc tảo-đồ hậu-lộ,
Đành phen này phải bỏ mới xong.
Thôi thôi ta chán cho rỗng,
Thăng-long trả lại Lạc-long mà về.

Lý Hằng, Lý Quán cùng hát vãn :

Ngô-Quyền Bộ-Lĩnh xưa kia,
Cất cờ Hoa-động cầm cờ Đãng-giang.

(Đều vào)

Trần Quang-Khải, Phạm Ngũ-Lão ra.

Quang-Khải nói :

Công tôi đâu dám tiếc ; nghiệp chúa
phải toan lo, nào kém đâu Hàm-tử cầm
Hồ ; may đã dựng Chương-dương đoạt
sóc. Như phen này : Gió bụi quét thanh
dắng cáo ; giang-sơn thu phục thành
rỗng. Phải phải : Ta từ nghênh ngự-giá
hoàn cung ; Phạm Ngũ-Lão : Người kịp
tới đại-dinh tấu-tiếp, nghe.

Hát vãn :

Kịp tới đại-dinh tấu-tiếp,
Mừng cơ-dở tấu-xếp tự nay.

Chương-dương đoạt sáo là đây,
Muôn đời non nước một tay anh-hùng.

Phạm Ngũ-Lão nói :

Nay đã vắng lệnh tướng; đánh phải
gắng công tôi. Thanh-hoa nghìn dặm
xa khơi; Long-đổ vắng lời ghi tạc.

Hát vãn :

Long-đổ vắng lời ghi tạc,
Phong-cảnh này nào khác chi xưa.
Giang-sơn dù đến bao giờ,
Chương-dương nên nhớ lấy thơ anh-
hùng.

(Đều vào)

*Thoát Hoan, Lý Hằng, Lý Quán cùng
ra.*

Thoát-Hoan nói :

Đây đã gần đến Vạn-kiếp đó mà : Thoắt
gặp cơn nguy-hiểm ; đánh chịu nổi
phong-trần. Bắc-giang kịp phải dời
châu ; Vạn-kiếp trông chừng thương-
lộ, a.

Hát vãn :

Vạn-kiếp trông chừng thương lộ,
Đánh phen này lao-khổ quân chi.
Kẻ bao xiết nỗi gian-nguy,
Cho qua Vạn-kiếp còn chi một đời.

Lý Hằng và Lý Quán hát vãn :

Kiếp này vậy kiếp sau thôi,
Có đâu đại đến muôn đời hay sao.

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Hưu kinh lâu, hưu kinh lâu ; tốc
lai hàng, tốc lai hàng. Quân ta đã phục
bên đường ; dầu gã khá rơi xuống đất.

Hai bên giao-chiến, Thoát-Hoan thua
chạy vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta còn đương đánh đó ; giặc đã
chạy đâu rồi. Chư-tướng : Cho quân kịp
phải đuổi dài ; chắc nó còn đâu sức
mạnh.

Troyên tiến-quáo.

(Đều vào)

Thoát-Hoan ra nói :

Ồi cha chả ! Quân theo tựa gió ; tên
bắn như mưa : Chư-tướng ơi ! nào ai có
mưu kế chi mà cứu dặng cho ta hay không ?
Ta đây đã đánh Vạn-tử hữu dư ; các
gã nên phải nhất-phiên hiến-kế.

Lý Quán nói :

Dạ dạ, Việc đã kịp phải lo cho kịp ;
thử không kỳ nhưng cũng là kỳ.
Trăm lạy Thái-tử, tôi đã đem cái ống đồng
đi đây : Bởi gặp vận giao-nguy ; phải chịu
bề lúng-lúng. A Thái-tử chui vào trong
này mới dặng mà : Đánh có chữ « tởnh
quân nhập úng » ; phải nhớ câu « thủ-
khẩu như bình » Nếu giặc nó tri tình ;
e mưu ta khó liệu .

Thoát-Hoan vào ống năm :

Thoát-Hoan nói :

Hào tương-lai : Đánh đã chui vào ống ;
may cũng vững như đồng. Tướng nhân-
công âu cũng thiên-công ; nên thân-
khí hóa làm sinh-khí.

Văn rằng :

Thần-khí hóa làm sinh-khí,
Khen cho ai có chí cao kỳ.
Trách chàng Mã-viện vụng suy,
Ống đồng chẳng đúc đúc chi cột đồng ?
Cột đồng đúc đã nhiều công,
Đến khi hoạn-rạn có dùng được đâu ?

Lý Quán nói :

Nay Thái-tử đã chui vào ống, quân phải dè
lên xe mà kéo, nghe.

Lý Quán Lý Hằng cùng hát vãn :

Cách khôn khéo vốn lo từ trước,
Cơn gian-nguy dặng chước là đây,
Vào lườn ra cúi cũng hay,
Ống đồng chờ để đợi tay công hầu.

(Đều vào)

*Thoát-Hoan nằm ở trong ống, có quân đi
kéo xe. Lý Hằng Lý Quán thì bị quân nhà
Trần giết chết rồi.*

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ, Từ Thái-tử đã chui vào ống ;
nên tướng-thần phải góp kéo xe. Bởi

vậy cho nên : Ta lấy gì mà đắp mề che ;
nó vẫn cứ vừa theo vừa bần. Lý-Hằng
nọ đã lăn ra giữa trần ; Lý Quán kia
cũng chết ở bên đường. Quan-gia đã
bị tử-thương ; tính-mệnh khôn hay
loàn-hoạ .

Thoát-Hoan nói :

Ồi cha ôi ! làm lấy cơ-sự thế này : Ông
đã chặt chen sao cho được ; đồng có
đầu mà đúc cho nhiều. Thương hai
chàng chịu nổi treo-leo ; xót một mỗ
khó bề trần-trở.

Văn rằng :

Một mỗ khó bề trần-trở,
Đành phen này lao-khò gian-nan.
Mai sau nếu lại đặng dân,
Gươm vàng nộp lại xin ban ống đồng.

(Vào)

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Giặc cũng đã chạy rồi đó mà, như nay :
Đất Bắc đã thanh đảng cáo ; trời Nam
lại bồng mây hồng. Chư-tướng, truyền
cho thoái-quân, nghe : Trước là phi tấu
nhưng-công ; sau đặng nghênh hồi
ngự-giá, a.

Văn rằng :

Sau đặng nghênh hồi ngự-giá,
Cửa chín lần sẽ thỏa trông mong.
Tức vì chút chữa cam lòng,
Đề ai khiêng mất ống đồng đi đâu.

Chư-tướng cùng văn rằng :

Thôi thôi xin cũng người sầu,
Ông đồng dù mất kim-âu cũng bền.

HỒI THỨ XX

Phù thừa-dư trở lại Long-thành
Ban thần-kiếm trừ loài giao-quái

Các vai :

Nhân-tôn — Hưng-đạo-vương —
Trần Nhật-Duật — Trần Quốc-Toản —
Phạm Ngũ-Lão — Hoàng-phi — Thượng-
hoàng — Yết-Kiều — Thị-nữ — Quân-
sĩ.

Nhân-tôn ra nói :

Bây đã tới Tràng-an rồi đây mà : Từ đời
chân Thanh-hóa ; tạm trú-tất Tràng-
an. Dù đã đành vương-nghiệp gian-nau ;
nhưng chắc cũng thiên-cơ thay đổi. Bởi
vậy cho nên tin ấy còn đương chờ
đợi ; lòng này lưỡng những trông mong.

Quán ra báo rằng :

Nguyên-nhung cùng chư-tướng ; đã
đuổi đặng binh Nguyên. Khải-hoàn đã
chức hiên-môn ; tấu-tiếp xin châu
nhung-tướng.

Nhân-tôn nói :

Hào a ! Thượng-hoàng hi-sự ! Hoàng-
phi hi-sự.

Thượng-hoàng cùng Hoàng-phi đều ra.

Thượng-hoàng nói :

Hà-sự mà hay ?

Nhân-tôn nói :

Dạ dạ, trăm lạy cha ; Nay sù-y-phủ hiển-
lai tam-tiếp ; Bởi vậy cho nên rước cha ra
đây : cho viên-môn bảm bạch một lời.

Thượng-hoàng nói :

Cho mời quan Nguyên-súy cùng chư-
tướng vào đây.

*Hưng-đạo-vương, Nhật-Duật, Quốc-Toản,
Ngũ-Lão đều ra.*

Thượng-hoàng nói :

Ta chào quan Nguyên-súy cùng chư-tướng,
xin mời ra ngồi.

Nhân-tôn nói :

Ta xin chào bá-phụ cùng chư-tướng.

Hoàng-phi nói :

Con xin chào cha.

Thượng-hoàng nói :

Lâu đã chịu bề vất-vả ; nay mừng
gặp hội thắng-bình. Xin chư công thuật
lại cho ta nghe : Xin bày cách dụng-bình ;
bởi cứ gì phá tặc ?

Nhật-Duật Quốc-Toản cùng nói :

Dạ dạ như chúng tôi chẳng là phụng-mệnh
đi đánh Toa-đô đó mà : Giặc nó quỵ-
bì thái-thậm ; quân ta hừ-tức đã lâu.
Bởi vậy cho nên : Cửa Hàm-quan Toa-

tướng rụng đầu; đường Thanh-hóa Ô-Nhi đời gót. Việc binh-cơ đã trọn; cho tướng-sĩ khải-hoàn.

Ngũ-Lão nói :

Dạ dạ, như chúng tôi chẳng là theo đuổi Thoát-Hoan đó mà : Quân ta thừa vô-bị ; giặc nó cũng sơ-phòng. Bởi vậy cho nên : Trước đã đoạt sáo Chương-dương; sau cũng cắt cờ Long-đổ. Nhưng thượng-tướng còn chờ ở đó ; sai tiểu-thần kịp phải về đây.

Hưng-dạo-vương nói :

Dạ dạ, như tôi chẳng là theo đuổi Thoát-Hoan đó mà : Nghe giặc nọ bỏ đất Thăng-long ; nên tôi phải phục-binh Vạn-kiếp. Bản thuốc độc dầu quân ta đã nạp ; chui ống đồng vì giặc nó đem theo. Như trận này : Nó thương-tử rất nhiều ; ta quân-gia không bại. Tôi kéo quân trở lại ; vì giặc nó chạy xa. Nay mừng vì tái-tạo sơn-hà ; thực cũng trượng-cửu-trùng-uy-đức.

Thượng-hoàng, Nhân-tôn cùng nói :

Như thế này : Trước cũng bởi Nguyên-nhung hoạch-kế ; sau lại nhờ tướng-sĩ cùng lòng. Tướng đã hết vận long-đông ; Âu cũng tới hồi nhàn-hạ.

Hưng-dạo-vương nói :

Cho chu-tướng về, để ta phù ngự-giá về Thăng-long nghe : Đạo-lộ biết bao bặt-thiếp ; non sông nay đã thành-thoi. Âu xin giá-ngự nghinh-hồi ; dao vọng Thăng-long liền-phát.

Văn rằng :

Dao vọng Thăng-long tiến-phát,
Cảnh thái-bình ngợi hát từ đây.

Xoay văn lễ ấy là hay,
Hết cơn vất-vả đến ngày phong-lưu.

Thượng-hoàng hát văn :

Ai về nhẩn với người thù,
Gió nam bắc cách mã ngưu mấy lần.

Nhân-tôn văn rằng :

Lễ nào kẻ Việt người Tần,
Bên gầy bên béo không cần sao đành.

Hoàng-phi hát văn :

Thiên-thư vốn đã rành-rành,
Nước Nam Âu cũng để dành vua Nam.

(*Đều vào*)

Đại-giao ra bạch rằng :

Tam thiên lục bách ngã vi hùng,
Sinh-trưởng do lai thủy tộc trung ;
Tha-nhật văn biên trình ngũ sắc,
Thiên trì nhất được tiện thành long.

三	千	六	百	我	爲	雄
生	長	由	來	水	族	中
他	日	雲	邊	呈	五	色
天	池	一	躍	便	成	龍

Lại nói :

Như ta nay : Quản các loài thủy-tộc ; ở một chôn thâm-cung. Dù thiên-dịa chưa hóa về thần-long ; nhưng thủy-quốc đã làm đầu lân-giới. Ta nghĩ lại như ta ở đây chẳng là buồn bã lắm thay ! Thẹn rất những đầu cua tai nhái ; nào có đầu má phấn môi son. Bởi vậy cho nên : Lòng này lưỡng những thêm buồn ; cơ ấy hãy còn chờ đợi. Hảo a ! Nghe thừa chu sắp tới ; có vưu-vật đưa theo. Phải phải : Trước dâng thư đành phải xin liều ; sau ra dữ đề cho mắng gió. Quân : Mặc áo linh đề mà che mặt ; dâng châu vàng đưa đến rửa tay. Cho đòi chử-thần lại đây. Truyền Hà-bá kéo mây ; sai Dương-hầu nổi sóng.

Nồi cơn sóng gió thì trong thuyền vua thấy một người linh dâng một cái trệu rồi biển mất.

Nhân-tôn nói :

Lạ cha chả là lạ ! Trời nổi cơn gió bão ; nước dấy trận ba đào. Như thế này : chưa hiểu rằng cơ ấy làm sao ; phút đã thấy thư đầu đưa lại. Việc đã đành rất ngại ; thư Âu phải xem qua.

Thư rằng :

« Xin cứu-trùng ngự-lâm ; dâng một bức thư phong.

« Hồ-nguyên từ đấy việc binh-nhưng ; thủy-loại cũng lách lòng kháng-khái.

« Chém Toa-tướng nổi cơn giông
Hàm-tử; đuổi Thoát-Hoan giời trận
sóng Lục-dầu.

« Gây non sóng công ấy bởi đâu;
giữ vàng đá lòng này vốn tạc.

« Xót vì ở những nơi suốt bạc; ước
sao cho có gái má đào.

« Lòng lưỡng những ước ao, duyên
may sao gặp gỡ.

« Cam chịu nổi ra oai sấm dữ; mong
ra ân rộng lượng bề xuân.

« Chẳng thiếu chi đồ áo nâng khăn;
may được chút chia loan rẽ thúy.

« Nếu nổi lòng hi-ký; đánh đội đức
cao sâu.

« Vội vàng thư tá vài câu; ao ước
hoa thom một chút.

« Thủy-phủ đại-dô-đốc thần Đại-
giao, cần lấu ».

Nhân-tôn nói :

Giận cha chả là giận ! Xem thư ấy ra
chừng ghẹo gái; tướng vật này lâu cũng
thành yên. Việc này âu cũng hiềm
ngòe; Bá-phụ như hà trừ hoạch ?

Hưng-dạo-vương nói :

Xin bệ-hạ cứ an tâm, đừng có sợ chi
mà, Yết-Kiều : người tu ra sức quý;
ta có cái gương thần. Ban cho người
dùng để hộ-thân; nhảy xuống nước
đánh nhau với nó

Yết-Kiều nói :

Tôi hay lặn nhờ về lông trắng; ngài
lại cho ban lấy gương vàng. Như tôi phen
này : Quyết là bắt lấy thủy-vương; sẽ
dặng dặng cho chúa-thượng.

Nhân-tôn nói :

Ta phó cho.

(Hều vào)

Đại-giao ra, quân của nó những ba-ba,
cá, cua, chài, tôm đều ra.

Yết-Kiều cầm thần-kiếm đi vừa gặp.

Đại-giao nói :

Ở Yết-Kiều ta bảo cho :

Sao đã dâng thư lên đó, mà không
đưa gái lại đây ? Mày dù khoe lặn lội
là hay; ta cũng sẽ đưa bơi cho giỏi.

Yết-Kiều nói :

Ở Đại-giao ta bảo cho :

Hai trâu trắng còn khôn địch lại;
một thần giao âu dễ dám đương. Như
phen này : Ta đành dụng lấy gương
vàng; mày sẽ chôn theo suốt bạc

Hai bên đánh nhau. Đại-giao đồ hào-
quang ra đánh một hồi, rồi thua chạy,
ba-ba, tôm, cá, cua, chài chết nổi mặt
nước nhiều lắm.

Đại-giao nói :

Oi cha ôi ! Thuật yêu âu đã giỏi;
thần-kiếm dễ tương-dương. Thôi đành
là lui thụt vào hang; không nữa sợ
phơi khô bán chợ.

*Thượng-hoàng, Nhân-tôn, Hưng-dạo-
vương cùng phi-tần và quân-sĩ đều ra.*

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Trông thấy thiên tình nhật
tê ; quả-nhiên lãng thiếp ba bình.
Tướng khí trời một dải trong xanh;
sao mặt nước đầy sóng máu đỏ ? Gia
tướng sao không thấy đó ; dư tâm còn
hãy ngờ đây ?

Yết-Kiều nổi lên mặt nước.

Nhân-tôn nói :

Người xuống dưới ấy công việc làm ra
thế nào, kể lại cho ta nghe cùng ?

Yết-Kiều nói :

Dạ dạ, trảm lạy bệ-hạ : Tôi đã đánh
có kiếm; nó không dám tranh phong.
Như phen này : Ba quân đã chết nổi
đầy sông; một tướng cũng chui vào
hang kín. Ngán gương âu khó đến; dài
giáo mới là xong. Xin bệ-hạ cho tôi cái
giáo để tôi xuống lặn nữa mà : Xin cho
đuôi đến kỳ-cùng; để dặng về sau khỏi
hại.

Nhân-tôn nói :

Hảo a ! Khen công này đáng thưởng;
bởi yêu nó đã trừ. Thao qua tày Chu

Xứ đời xưa, bặt kiếm vì Kỳ Hân thuở nọ.
Thối tướng-quân, không cần chi mà giết
mãi nó nữa mà : Hãy tạm dung cho nó ;
sợ lại nhọc đến người. Mau mau Thiên-
mạc kíp đời ; chóng chóng Thăng-long
tiến-phát .

Văn rằng :

Chóng chóng Thăng-long tiến-phát,
Sát giảo cùng sát Thát khác chi .

Khen ai hết sức phù nguy,
Đại-Nguyên chẳng sợ sợ gì đại-giao .

Thượng-hoàng văn rằng :

Mới hay tiên-tử tài cao,
Nhân-gian thiên-thượng tranh trao
gươm vàng .

Hoàng-phi văn rằng :

Nhớ lời Vương-mẫu rõ ràng,
Gươm thiêng trừ giống bất-tướng từ
đây .

Hưng-dạo-vương văn rằng :

Gươm thiêng còn lắm điều hay,
Trước đây đã nghiệm sau này khó sai .

Lại nói :

Đây đã đến Thăng-long rồi mà, quân
truyền hồi thành .

HỒI THỨ XXI

Cắt giai-tế mẹ cha đã hợp ý

Thành tân-hôn phu-phụ
cũng hài duyên

Các vai :

Nguyên quận-chúa — Thụy-ngọc
phu-nhân — Thị-nữ — Cao Mang —
Đại-Hành — Phạm Ngũ-Lão — Hưng-
dạo-vương — Trần Nhật-Duyệt — Quân-
sĩ — Nguyễn Bá-Linh .

Thị-Nguyên ra, ngâm :

Một mối tơ tình luống nghĩ xa,
Như nay mẹ tôi đã vậy, chưa biết ý
cha tôi ra thế nào !

Nên chẳng nào đã định lời cha.
Chờ cho hết trận phong-trần ấy .

Thế thời chẳng lâu lắm mà !

Chàng Lão thối thối thiếp cũng già !

Lại nói :

Tôi nghĩ lại như thân phận tôi : Dù đã
dành lòng mẹ ; nhưng chưa quyết lời
cha . Mà tới nay vương-phụ tôi phải đi xa-
xôi làm vậy : Đường quan-sơn muốn
dặm bao xa ; cảnh sao vật nhiều phen
dời đổi . Như vậy tôi biết tính làm sao bây
giờ : Đành cam chịu năm chờ tháng
đợi ; biết bao giờ phận đẹp duyên ua .
Lòng này luống những ngằn-ngờ ;
phải phải, ta vào châu vương-mẫu mới
đặng mà : tin ấy sẽ mong thăm hỏi .

(Vào)

*Thụy-ngọc phu-nhân, Cao Mang, Đại-
Hành cùng thị-nữ đều ra .*

Nguyên quận-chúa lại ra .

Phu-nhân nói :

Con ngồi . Mẹ nghĩ lại từ khi phu-
quân ta đi việc vương-sự, tướng cũng
đã lâu đó mà : Chàng từ xa muốn
dặm ; thiếp luống những năm canh .
Đã vàng một dạ đình-ninh ; nhận cá
mấy phen vắng - vẻ . Như ta bây giờ :
Duyên phối-hợp đã đành phận trẻ ;
gánh gian-nan ai đỡ cho chồng ! Bởi
vậy cho nên : Lòng luống những trông
mong ; tin hãy còn chờ đợi .

Cao-Mang Đại-Hành cùng nói :

Trăm lay phu-nhân, anh em chúng
tôi có nghe một vài tin-tức, xin bẩm
lại cho phu-nhân hay mà :

Phu-nhân nói :

Chẳng hay tin lành hay là tin dữ ?

Cao Mang Đại-Hành cùng nói :

Bẩm tin lành .

Phu-nhân nói :

Chẳng hay tướng-tà ta có ai chết
không ?

Cao Mang Đại-Hành nói :

Bẩm không .

Lại nói :

Dù tin nhà chưa có ; nhưng miệng thế đã đồn. Quân ta thắng trận luôn luôn ; giặc nó phải thua mãi mãi. Trước cầm Hồ Hàm-tải ; sau đoạt sóc Chương-duơng. Thượng-tướng đã thu-phục thành Vàng ; Nguyên-nhung lại đón đường Kiếp-bạc. Nếu như vậy : Chắc sẽ sai về đón rước ; nay mai tướng cũng không lâu.

Thị-nữ ra báo rằng :

Có Ngũ-Lão đem quân ra rước ; xin phu-nhân cho gã vào hầu.

Phu-nhân nói :

Cho vào.

Ngũ-Lão ra, nói :

Dạ dạ, như nay quan Nguyên-soái sai tôi về đây cũng là vì : Hồ-tặc đã xa đời quan-ái ; Nguyên-nhung đương trú-trát Long-thành. Bởi vậy cho nên : Sai tiểu-tướng hồi trình ; rước phu-nhân thượng-lộ.

Phu-nhân nói :

Hào a ! Như thế này : Tích niên oanh biệt mộng ; nhất đán hỉ giai-âm 積年榮別夢。一旦喜佳音。 Con ơi mẹ cũng mừng cho con đó mà, cũng bởi vì : Cha đã thù hồ-thỉ sơ-tâm ; con sẽ phỉ sắt cầm túc-nguyện. Truyền cho gia-tướng cùng thị-nữ sắm-sửa đề lên Thăng-long thành.

Lúc Ngũ-Lão vào, Nguyên-quận-chúa có ý thẹn rồi bưng mắt lại, thị-nữ cùng gia-tướng đều cười, bởi thế khi phu-nhân cùng quận-chúa đều vào thì Ngũ-Lão kéo áo Cao-Mang Đại-Hành lại mà hỏi riêng.

Phạm Ngũ-Lão nói :

Tôi cùng hai anh cùng là bày tôi trong một nhà, có việc gì thì xin hai anh bảo thực cho tôi biết mà, như hồi nầy tôi vào hầu phu-nhân cũng lấy làm lạ lắm đó mà : Người vốn là hữu-ý ; ta đây thực vô-tình. Như tin ấy chẳng là mừng lắm thay : Sao đương khi mở mặt vui

mừng ; mà lại thấy bưng mồm khúc-khích. Bởi vậy cho nên : Nếu tôi có điều gì chềch-lệch ; xin anh em cứ thực báo ban.

Cao Mang Đại-hành cùng nói :

Sở là anh chưa rõ : Bấy lâu nay Nguyên-quận-chúa tương-tư anh đã mê đi đó mà : Lâu nay biết bao nhiêu là khóc ; mới đây khôn xiết nổi là mừng. Nhưng thế ma : gái làm bộ ngạp-ngừng ; giai đương còn bỡ-ngỡ. Như anh em chúng tôi là : Bởi giai chưa biết ai là vợ ; nhưng gái thời chắc đó là chồng. Thời anh em tôi cũng mừng cho anh đó mà : Nghe phu-nhân cũng đã thuận lòng ; đợi vương-phụ sẽ cho định-phối. Thời chúng ta đi vào đề mà sắm-sửa rước phu-nhân hồi thành, a

(Đều vào)

Phu-nhân, Thị-Nguyên, Thị-nữ, chutướng đều ra.

Phu-nhân nói :

Loan-xa đành sắm-sửa ; phượng giá phải sẵn-sàng. Mau mau từ-giã Thiên-tràng ; chóng chóng trông chừng Long-đổ.

Văn rằng :

Chóng chóng trông chừng Long-đổ, Mừng giang-sơn phong khở như xưa.

Từ nay phận đẹp duyên ưa,
Đã qua dặm liễu lại vừa độ mai.

Thị-Nguyên văn rằng :

Bệnh tương-tư cũng nực cười,
Bởi ta chưa khỏi mà người đã lấy.

Ngũ-Lão văn :

Thế-gian truyền-nhiễm đã dày,
Bởi say chữ sắc khôn khuấy chữ tình.

Cao-Mang Đại-hành cùng văn :

Cũng là một bạn áo xanh,
Khen ai có phúc ché mình vô-duyên
(Đều vào)

Hưng-đạo-vương ra, nói :

Như ta nay : Cơn phong-ba đã trái ;
lòng vàng đá không sai. Ta nhớ lại thuở

trước, cha ta có dặn ta rằng ngày sau lo lấy mà làm vua, nhưng thế mà ta nghĩ đi nghĩ lại: Trăm năm thù oán dành người; hai chữ hiếu-trung cho trọn. Ta một đôi khi vào châu cầm cái gậy có mũi nhọn cũng còn lấy làm ngại đó mà: Nếu gậy nọ hãy còn bít nhọn; e lòng này hoặc có dấu dao. Ấu là bỏ cái mũi nhọn cho xong; cầm gậy không mới thực là cao; cho miệng thế không còn ché đặng.

Lại nói:

Ta nhớ lại: Từ đã sai Ngũ-Lão; cho đón rước phu-nhân. Xa-xôi đã trái dậm phần; mong-mỏi còn chờ ngõ hạnh.

Quán ra báo rằng:

Phu-nhân nay đã đến; tiều-tốt dám thừa qua.

Phu-nhân cùng thị-nữ đều ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Hảo a! Lâu đã cách mặt; nay dặng gian tay. Ấu trở lại hiển tày: sẽ cùng nhau đàm-đạo.

Phu-nhân nói:

Trăm lạy phu-quân, như nay: Đành đã yên việc nước, ấu phải liệu đạo nhà. Như con ta là Thị-Nguyên cũng đã khôn lớn đó mà: Quả mai đương gặp hội bầy ba; sắc liễu cũng vừa chùng đôi-tám Đợi chi ai điện-nhạn; lựa lấy kẻ thừa-long. Tôi xem gia-tướng nhà ta như Phạm Ngũ-Lão chẳng là giỏi lắm thay. Ngũ-Lão kia thực đứng anh-hùng; Thị-Nguyên nọ cũng trang thực-nữ. Bởi vậy cho nên: Dám hỏi ý như hiệp ý; đành cho duyên sẽ bén duyên.

Hưng-đạo-vương nói:

Hảo a! Phu-nhân phân các lời ấy: Nghe qua ấu cũng phải; nghĩ lại thực là nên. Ai chứ như Ngũ-Lão mà rằng: Theo cùng ta đã giúp vận truân-chiến; gả cho đó lại thiết đường ân-nghĩa. Sắt cầm đã hợp ý; vàng đá chẳng sai lời. Đợi ít nữa nghĩ-ngợi; sẽ định ngày phối-hợp.

(Đều vào)

Phạm Ngũ-Lão ra, nói:

Ta nghĩ lại như Nguyên quận-chúa, đẹp cha ch à là đẹp: Xưa đã đề thơ hồng-diệp; nay mừng tỏ vẻ quế-hoa. Tường tình-trung ấu cũng mận-mà, nhưng ngoài mặt hãy còn e lệ.

Quán ra báo rằng:

Nay vắng lời Nguyên-súy; lại cấp-tỉnh tướng-quân.

Ngũ-Lão nói:

Nghe lời như mở ruột; thấy nói cũng vui lòng. Chắc vì việc ấy đã xong; nên mới đòi ra sẽ hỏi.

(Vào)

Hưng-đạo-vương, Trần Nhật-Duật ra.

Phạm Ngũ-Lão đứng hầu.

Hưng-đạo-vương nói:

Quân, pha chè, chẳng mấy khi Đại-vương đến chơi với tôi, hai anh em ta cùng nhắc chuyện cũ lại nói một vài câu cho vui đó mà, như anh em ta: Trẻ chung nghề bút nghiên; cả lớn theo cung tên. Như Đại-vương đánh trận Hàm-tử, tướng chẳng là có danh-tiếng lắm đó mà: Mừng giang-sơn đã dựng một phen; tướng công-nghiệp cũng ghi muôn thuở.

Nhật-Duật nói:

Dám thừa vương-huynh, vương-huynh dạy làm vậy, chẳng là quá lắm mà. Dù là công-tì-tướng; cũng bởi kẻ Nguyên-nhung, khoe-khoang đầu dám kẻ công; báo hiệu mong cho hết dạ.

Hưng-đạo-vương nói:

Dám thừa Đại-vương, tên này là Phạm Ngũ-Lão, là gia-tướng của tôi đó mà.

Nhật-Duật nói:

Người này có giúp quan Thượng-tướng đánh trận Chương-dương đó mà: Khen Đại-vương gia-tướng; tuân cái-thế anh-hùng.

Hưng-đạo-vương nói:

Như Đại-vương dạy làm vậy: Dấu giúp công đoạt sóc là cao; cũng nhờ trận cầm Hồ từ trước.

Nhật-Duyệt nói :

Dám chào vương-huyah, tôi xin lui.

Nhật-Duyệt vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Cho Phạm-tướng về.

(Đều vào)

Phạm Ngũ-Lão ra, nói :

Tôi nghĩ lại cũng lấy làm chán lắm mà :
Còn gì mà hớn-hở ; nghĩ lại lưỡng
buồn rầu. Tôi nhớ lại lúc tôi vào hầu đó :
chuyện đã xưa còn kể việc dàu dàu ;
khách mới đến đã ra về chóng chóng
Bởi vậy tôi nghĩ duyên-phận của tôi :
Lửa đốt gan đã nóng ; kim thích da
thêm đau. Bệnh tương-tư truyền-nhiễm
thực mau ; giấy kể-túc vấn-vương khó
gỡ. Như tôi bây giờ : Quẻ bốc-sĩ động
hào thiếu-nữ ; thuốc được-sur gia vị tiên-
kiều. Như thế có lẽ ta nắm dây mà chịu
hay sao : Có lẽ nào sinh-tử chịu liều ;
âu đến đó sự-cơ sẽ liệu.

(Vào)

Hưng-đạo-vương cùng Thị-Nguyên ra.

Hưng-đạo-vương nằm ngủ.

*Ngũ-Lão ra. Thấy Thị-Nguyên đi vào
khí-sắc buồn-bã, một chốc Hưng-đạo-vương
thức dậy.*

Hưng-đạo-vương nói :

Trời hãy còn đương sớm ; chàng sao
đã đến đây. Cho người về, hôm nay còn
bận đây mà : Ta đời lại hiên tấy ; dặng
thăm cùng nội-tướng.

(Đều vào)

Ngũ-Lão ra, nói :

Thiên-cơ ứng mạc trắc ; nhân sự
thần đa quai 天機應莫測。人事嘆
多乖. Như duyên phận tôi còn có trông
mong chi nữa đâu : Bởi Đại-vương
không thấy ngỏ lời ; mà quận-chúa
đường như khác ý Cũng bởi vì : Người
chẳng thiếu những nơi quyền-qui ; ta
đành cam chịu phận tôi-đời. Thôi thôi :
Lo toan dạ phải nên người ; ao-ước
làm chi cho mệt. Ngâm thành tứ-tuyệt ;

liêu tả thốn hoài 吟成四絕聊寫寸懷
a :

Đáy sâu e nổi đó không sâu,

Thiếu-nữ thương gì Ngũ-Lão đau !

Đành xếp chữ duyên lo chữ phận,

Thú thế âu phải đợi phong hầu.

Quân ra báo rằng :

Nay vâng lời Nguyên-súy ; lại cấp
thỉnh tướng-quân.

Ngũ-Lão nói :

Nhân-duyên dàu dàu chắc ; đòi hỏi
phải nên vâng. Đành là thông-thả đời
chân ; kéo lại trôn-trờ hồ mặt.

Vào.

Hưng-đạo-vương cùng phu-nhân ra.

Phạm Ngũ-Lão ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Con ngồi.

Hưng-đạo-vương và phu-nhân cùng nói :

Mới đây ta lựa rề ; xem cháu cũng
như con. Muốn cho buộc lấy giấy son ;
hỏi đã đề thơ lá thắm ?

Ngũ-Lão nói :

Dạ dạ, như tôi : Trẻ theo nghề nghiên-
bút ; lớn phỉ trí tang-bồng. Bởi vậy cho
nên : Mộng chưa hiệp với thừa-long ;
quẻ hãy còn chờ chiêm-phượng.

Hưng-đạo-vương nói :

Thị-nữ, cho đòi Nguyên quận-chúa ra
đây.

Quận-chúa ra. Hưng-đạo nói :

Nay cha đã lựa rề ; hỏi con có bằng
lòng

Quận-chúa nói :

Dạ dạ như con : Phận liễu bồ phải giữ ;
lòng vàng đá khôn sai. Rủi-may âu cũng
cơ trời ; kinh-giới xin theo phận gái.

Hưng-đạo-vương và phu-nhân cùng nói :

Con ơi : Nết kiem-cần phải giữ ; lời
giáo-hối đừng quên. Đành cho gái Thị-
Nguyên ; sánh cùng chàng Ngũ-Lão.
Nghe ta dặn : Trai giúp nước ra điều
hoành-sóc ; gái tề-gia giữ đạo thái-lần.

Trước là lo kháng-lệ tương-thân ; sau phải nghĩ công-danh liễu-trái.

Ngũ-Lão và quân-chúa cùng nói :

Sắt cầm đà phỉ nguyện ; tơ tóc lại hại duyên. Cúi đầu từ giã hoa duyên ; nổi gót theo về cầm-trường.

Cùng hát vãn :

Nổi gót theo về cầm-trường,
Đành phen này loan phượng hòa thanh.
Nhớ câu muội-dân kê-minh,
Trai không hoành-sóc gái đành thoát-trâm.

Hưng-dạo-vương và phu-nhân cùng vãn rằng :

Ấu là thực sắc tại phải lứa,
Mừng từ đây hương lửa bén duyên.

Giang-sơn hoành-sóc hai phen,
Đông-sàng đành để giúp nền Đông-a.

(Đều vào)

Nguyễn Bá-Linh ra, nói :

Như ta : vốn quê hương Bắc-quốc ; nhưng sinh trưởng Nam-bang. Từ khi ta về Tàu đến giờ, cũng đã nổi tiếng đó mà : Danh-sơn đà cao tiếng văn-chương ; phũ-thủy lại tinh nghề thuật-pháp. Như ta học phép phũ-thủy ấy : Bởi liếc mắt mê vì gái đẹp ; nên cao tay mượn lấy thần-thông. Phải phải : Ấu vào châu chực đèn rồng ; may dặng ghẹo trêu gái phượng.

(Còn nữa)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ ngày mồng 1 đến ngày 15 tháng 7 năm 1932) (1)

Mồng 1 tháng 7. — Tổng-trưởng bộ Dự-toán nước Pháp đệ-trình Nghị-viện mấy bản dự-án tài-chính của Chính-phủ, xin Nghị-viện tối-khẩn quyết-nghị (*Vote d'extrême urgence*). Dự-án dự tính-giảm các khoản chi-phi là 2.650 triệu và sửa đổi lại các thuế là 1.470 triệu.

— Hội Vạn-quốc họp đại-hội-dồng phi-thường, bàn mời nước Thổ vào Hội và xét về việc Nhật-Hoa xung-đột.

— Ông BUTLER (người Anh) là phó-cục-trưởng Quốc-tế Lao-dộng-cục được

cử thay chân chánh-cục-trưởng là ông ALBERT-THOMAS (người Pháp) mới tạ-thế.

Mồng 2. — Ban Tài-chính Hạ-nghị-viện Pháp xét dự-án tài-chính của Chính-phủ, bác nhiều khoản lắm. Định mời thủ-tướng HERRIOT đến để thuyết-minh

— Ở Lausanne nước Pháp và nước Anh thỏa-hiệp với nhau định số tiền khoản của Đức phải trả Đồng-minh là 4 ngàn triệu mã-khắc vàng. Đức xem ý không ưng-nhận số đó.

— Nội-các nước Yougoslavie từ chức. Nội-các mới thành-lập, thủ-tướng là ông SRCHKITCH nguyên Tổng-trưởng bộ Nội-vụ trong Nội-các trước. Tổng-

(1) Mục « Thế-giới đại-sự-ký » này là thuật theo các báo-chí ở bên Pháp sang. Kỳ này N.-P. cố in cho ra sớm được mấy bữa, nên khi soạn Thời-dàm, các báo-chí ở Tây sang chưa đủ được cả tháng 7 tây, vậy phải thuật việc trong một nửa tháng thôi.

trưởng bộ Ngoại-vụ là ông BOCHKO JEF-TICH.

— Hội-nghị đảng dân-chủ nước Mĩ họp ở *Chicago* cử ông FRANKLIN ROOSEVELT thay mặt đảng ấy ra ứng-cử Tổng-thống sau này.

— Phế-vương MANOËL nước *Portugal* tạ-thế.

Mồng 3. — Ông BRIAND đã làm lễ quốc-táng quan tạm ở nghĩa-địa *Passy* tại *Paris*, hôm nay đem về yên-táng hẳn tại ấp ông ở *Cocherel*. Thủ-tướng HERRIOT tự *Lausanne* về, đề dự lễ và có đọc diếu-văn.

— Tại *Spa* (nước Tĩ), là nơi Đồng-minh với Đức ký ước đình-chiến năm 1918, khánh-thành một bức tượng toàn-thân của Thống-chế FOCH. Ông CROKAERT, Tổng-trưởng bộ Quốc-phòng nước Tĩ, và ông GEORGES LEYGNES, tổng-trưởng bộ Hải-quân nước Pháp, thay mặt hai Chính-phủ, tán-dương công-nghiệp của Thống-chế.

Mồng 4 — Ban Tài-chính ở Hạ-Nghị-viện không đồng-ý với Chính-phủ về dự-án cải-định tài-chính, thủ-tướng HERRIOT phải hết sức điều-định để khỏi sự xung-đột.

— Ban quân-vụ ở Thượng-Nghị-viện duyệt-y các khoản tinh-giảm về quân-phí của Chính-phủ đệ-trình, cử tướng BOURGEOIS có chân Nghị-viện làm chánh-ủy-viên để xét về việc đó.

— Chính-phủ Anh báo-thù lại nước *Irlande* về việc bãi lệ tuyên-thệ trung-thành với Anh-hoàng và bãi các khoản nợ thực-diện từ trước, đánh tăng lên 100% thuế thương-chính và các hàng-hóa *Irlande* đem vào Anh.

— Nước *Pologne* và nước Nga Sô-viét định ký ước bất-tương-xâm trong hai nước, nhưng vì nước *Roumanie* yêu-cầu nên việc này lại đình lại.

Mồng 5. — Ở trường Đại-học *Sorbonne* khai hội-nghị quốc-tế về điện-

học, quan Giám-quốc làm chủ-tịch, quan Học-bộ đọc diếu-thuyết.

— Theo lời yêu-cầu của thủ-tướng, Nghị-viện định đến ngày thứ hai 11 mở cuộc thảo-luận về dự-án cải-định tài-chính.

— Ông CANDACE, thủ-trưởng bộ Thuộc-địa khai hội-nghị kinh-tế về Pháp Phi-châu (*Conférence économique de l'Afrique française*).

— Ở *Lausanne*, phái-bộ Đức trình một bản phản-dự-thảo về vấn-đề bồi-khoản, tựu-trung có nhiều điều-kiện về chính-trị, nhất là điều-kiện muốn thủ-tiêu trách-nhiệm của Đức trong việc chiến-tranh năm nọ. Phái bộ Pháp nhất-định không chịu.

Mồng 6. — Tổng-trưởng bộ Học nước Pháp khai kỳ hội-đồng « Học-vụ Cao-dẳng Hội-nghị » (*Conseil supérieur de l'Instruction publique*).

— Kỳ hội-đồng ở Hội-nghị *Lausanne* hôm nay có vẻ kịch-liệt. Đại-biêu nước Đức nhất-định không chịu các điều-kiện của nước Pháp; đại-biêu Pháp cũng khăng-khăng giữ cái số khoán đã định và không để cho đặt thêm các điều-kiện chính-trị vào một cái hiệp-ước thuận thuộc về tài-chính. Ông MAC DONALD cố điều-đinh cho hai bên có chỗ thương-thuyết.

— Hội Vạn-quốc công-phiền quyết-nghị mời nước Thổ-nhĩ-kỳ gia-nhập Hội Vạn-quốc.

— Đảng HITLER vận-động phản-đối hòa-ước. *Versailles*, mở một cuộc biểu-tình lớn ở *Dantzig*.

Mồng 7. — Ban Tài-chính lại xét lại dự-án cải-định tài-chính của Chính-phủ Pháp. Xem ra có cơ chầm-chước được.

— Thượng-Nghị-viện Pháp đầu-phiếu 253 phiếu ưng đối với 40 phiếu không ưng hoãn cuộc thảo-luận về quyền bầu-cử của dân-bà.

— Hội-Nghị-viện kết cuộc thảo-luận về vấn-đề thất-nghiệp, quyết-nghị 485 phiếu ưng đối với 13 phiếu không ưng tổ tin-nhiệm Chính-phủ.

— Chiếc tàu ngầm của Pháp hiện *Prométhée*, đương khi diễn-tập, bị đắm ở ngoài khơi, trước cửa *Cherbourg*.

Mồng 8. — Chiếc tàu ngầm *Prométhée* chìm xuống sâu 75 thước, chết đắm mất 62 người thuyền-viên, vừa võ-quan, vừa thủy-thủ. Bộ Hải-quân đương nghĩ cách vớt tàu lên.

— Cuộc thương-thuyết ở *Lausanne* đã có kết-quả. Thủ-tướng Đức VON PAPEN tuyên-bổ nhận số tiền khoán về bồi-thường là 3 ngàn triệu mã-khắc vàng, không có điều-kiện gì về chính-trị cả. Sự kết-quả đó lập-tức thông-cáo cho phái-bộ của liệt-cường ở *Lausanne*.

Mồng 9. — Quan Giám-quốc LEBRUN nước Pháp hôm nay đi công-du là lần đầu, trước đi đến *Lisieux*, ở đây mới khởi-công dựng một sở đại-giáo-đường thờ bà thánh *Thérèse*, rồi đi *Caen* dự lễ khánh-thành đệ-ngũ-bách-chu-niên trường Đại-học trú-danh ở thành ấy.

— Bộ Hải-quân cho « tiếm thủy-phu » (*scappandrier*) xuống mò chỗ đắm tàu *Prométhée*, nhưng xem chừng sâu quá, không thể vớt lên được.

— Hội-nghị *Lausanne* hôm nay họp đại-hội-đồng, đại-biêu các nước cùng ký hiệp-ước với nước Đức về bồi-khoản chiến-tranh. Đồng-thời chủ-tịch Hội-nghị là ông MAC DONALD thông-cáo cho thủ-tướng Đức VON PAPEN viết bản « thân-thiện hiệp-ước » (*gentlemen's agreement*) của liệt-cường cùng nhau ký về cái khoản nợ chiến-tranh, nợ này có giải-quyết xong thì hiệp-ước về bồi-khoản trên kia mới có giá-trị. Nhất-diện thời Pháp với Anh lại thương-thuyết riêng để đình-định lại bản hiệp-ước CAILLAUX CHURCHILL về khoản nợ của Pháp đối với Anh cho thích-hợp với hiệp-ước *Lausanne* mới này. Thế

là Hội-nghị *Lausanne* xong, ông HERRIOT về Pháp, ông MAC DONALD về Anh.

Mồng 10. — Quốc-hội nước Thổ công-nhiên nhận lời của Hội Vạn-quốc mời nước ấy tham-dự vào Hội.

Ngày 11. — Nghị-viện Pháp thảo-luận cả ngày cả đêm về dự-án cải-định tài-chính của Chính-phủ Tổng-trưởng bộ Dự-toán thuyết-minh về toàn-thể dự-án, rồi đến ông LAMOUREUX, tổng-ủy-viên ban Tài-chính bày tỏ ý-kiến của ban ấy, rồi đến ông LASTEYRIE đứng lên bài-bác về toàn-thể; đoạn xét đến từng điều-khoản một. Sau đến ông RENAUDÉL, thay mặt đảng xã-hội xin bỏ thời-kỳ trừ-bị cho quân-lính (*périodes de réserve*), trong sổ dự-toán của bộ Lục-quân. Ông JEAN FABRY, chánh ban lục-vụ cực-lực phản-đối lời xin đó, thủ-tướng HERRIOT cũng vậy. Sau thủ-tướng phải đề-khỏi vấn-đề tin-nhiệm (*poser la question de confiance*), khi đầu-phiếu thời được 360 phiếu tin-nhiệm, đối với 179 phiếu phản-đối.

— Cuộc vận-động truyền-cử Nghị-viện ở Đức sinh ra nhiều cuộc xung-đột đảng HITLER với đảng Cộng-sản.

Ngày 12. — Dự-án cải-định tài-chính của Chính-phủ đem ra thảo-luận ở Nghị-viện, hôm nay đầu-phiếu quyết-nghị, được 308 phiếu ưng đối với 174 phiếu không ưng và 124 người không bỏ phiếu. Phần đa-số ưng là gồm những người thuộc về đảng cấp-tiến-xã-hội, đảng cộng-hòa-xã-hội, đảng cấp-tiến-tả-đảng và cộng-hòa-tả-đảng. Phần thiểu-số không ưng thì có 8 người thuộc đảng Cộng-sản, 131 người đảng xã-hội, 11 người « Công-nhân-duy-nhất » (*Unité ouvrière*), 9 người độc-lập, 8 người về trung-ương độc-lập, 7 người về Cộng-hòa liên-đảng. Những người không đầu-phiếu thời phần nhiều thuộc về đảng đa-số Nghị-viện trước.

— Ở Hội-nghị Tài-linh, chiều lời thỉnh-cầu của đại-biêu nước Roumanie là ông BENES, đại-biêu các nước Pháp, Anh, Ý, Mỹ họp lại để thương-thuyết về một bản dự-quyết về vấn-đề tài-binh.

— Ông MAC-DONALD thuyết-minh ở Nghị-viện Anh về các hiệp-ước mới ký ở Lausanne.

— Ở Brésil có phong-trào cách-mệnh, khởi ở bang Son Paulo, khuynh-đảo Chính-phủ địa-phương, rồi lan ra năm bang khác nữa, có quân-đội và cảnh-binh âm-trợ.

— THOMAS BATA, người nước Chiết-khắc (Tchécoslovaquie, có tên là « ông vua giày » (roi de la chaussure), chúa nghề đóng giày, bị nạn tàu bay chết.

Ngày 13.— Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa là ông ALBERT SARRAUT trình bày trước ủy-ban Algérie về tình-hình kinh-tế khủng-hoảng ở thuộc-địa cùng các kế-hoạch dự-định để bổ-cứu.

— Hội-nghị tài-binh định hoãn đến ngày 18 để đợi thủ-tướng HERRIOT cùng Lục-quân tổng-trưởng PAUL BONCOUR nước Pháp đến dự.

Ngày 14.— Ngày hội Chính-trung nước Pháp. Nhân vì vừa có nạn tàu ngầm Prométhée, Chính-phủ định giảm các cuộc vui, chỉ có duyệt-binh các quân đóng ở trại Paris, trước mặt quan Giám-quốc mà thôi.

— Bộ Ngoại-vụ Pháp tuyên-bố bản «thân-thiện hiệp-ước» về các khoản nợ chiến-tranh, và bản Pháp-Anh hiệp-ước sửa-đổi lại bản hiệp-ước GAILLAUX-CHURCHILL về khoản nợ của Pháp với Anh. Bản Pháp-Anh hiệp-ước xem ra Đức và Mỹ không bean-nghênh. Tổng-thống Mĩ HOOVER tỏ ý đờ là việc điều-đinh riêng của hai nước Pháp Anh mà thôi, không có ảnh-hưởng gì đến nước Mĩ cả. Trái lại, nước Tỉ và nước Ý thời lại tỏ ý hoan-nghênh.

— Nhân có đại-biêu đảng lao-động Irlande làm môi-giới, thủ-tướng Anh MAC-DONALD nhận tiếp-kiến với thủ-tướng VALER nước Irlande.

Ngày 15.— Thượng-Nghị-viện duyệt-y bản dự-án cải-định tài-chính của Hạ-Nghị-viện đã quyết-nghị rồi.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc họp hội-đồng bất-thường để định cách thi-hành các kế-hoạch đã quyết-nghị ở Lausanne về việc triệu-tập một Hội-nghị quốc-tế kinh-tế sau này.

— Chính-phủ Đức tỏ ý bất-mãn về «thân-thiện hiệp-ước» của liệt-cường mới ký ở Lausanne.

— Cuộc hội-đàm của hai ông MAC-DONALD và VALERA không có kết-quả gì.

Hội-nghị bồi-thường ở Lausanne và Hội-nghị tài-binh ở Genève.

— Hai hội-nghị này tuy mục-dịch khác nhau và độc-lập hẳn nhau, nhưng không phải là không có liên-can với nhau.

Ở Lausanne thời ngày 17 tháng 6, năm nước chủ nợ nước Đức cùng nhau tuyên-bố rằng bằng lòng cho nước Đức đình việc trả nợ trong khi hội-nghị đương họp, để cho việc điều-đinh thương-thuyết được dễ-dàng. Hội-nghị bắt đầu làm việc đó, rồi đến ngày 20 ông HERRIOT ở Paris đến, thủ-tướng các nước mới liên-tiếp hội-kiến nhau và trao các thông-điệp bày tỏ ý-kiến của mỗi nước.

Trong hội-nghị có hai cái thuyết tương-phản nhau. Một cái thuyết là thủ-tiêu cả các khoản bồi-thường, nghĩa là sù-y-sóa hết, tức nói bóng là cái thuyết «bảng đá lau sạch» (ardoise nette). Thuyết ấy cố-nhiên là thuyết của nước Đức, nhưng nước Anh và nước Ý cũng ưng. Còn một thuyết thời cố giữ lấy cái nguyên-tắc bồi-thường và cố đòi phải trả nợ ít nhiều cho

Xong, tức gọi là cái thuyết «trang-trái cho sạch» (*solde net*). Đó là thuyết của nước Pháp, và nước Bỉ cùng các nước nhỏ ở Âu-lục cũng chủ-trương như thế.

Nếu mà thủ-tiêu cả các bồi-khoản thì thiệt cho nước Pháp quá, vì theo như chương-trình *Young* nước Pháp trong 37 năm nữa còn được lĩnh mỗi năm trung-bình là 360 triệu mã-khắc, mà nước Anh thời được 66,9 triệu, nước Ý 37,2, nước Bỉ 68,2, nước *Roumanie* 5, nước *Yougoslavie* 68,9, nước *Grèce* 3, nước *Portugal* 5,9 và nước Nhật 12,5. Lại nếu tha cho Đức được trắng nợ cả, thì thành ra Đức được lợi quá. Chỉ nói một khoản xe lửa mà thôi, nếu Đức không phải trả bồi-khoản nữa thì tổng-phí của xe-lửa Đức sẽ sụt xuống 10 ngàn triệu phật-lãng, mà tổng-phí của xe lửa Pháp vẫn phải đến 65 ngàn triệu, mà xe-lửa Anh 100 ngàn triệu. Như vậy thời các công-ti xe-lửa Đức có thể giảm tiền cước vận-tải hàng-hóa được nhiều, thành ra lợi cho hàng xuất-cảng của Đức, tức là hại cho hàng xuất-cảng các nước khác. Hiện nay thì tình-hình tài-chính của nước Đức quẩn-bách thật, lại thêm kinh-tế khủng-hoảng càng quẩn-bách hơn, không thể nào trả được các khoản bồi-thường theo như chương-trình *Young* nữa. Liệt-cường cũng biết cái tình-thế như vậy, nên thuận châm-chước với Đức như sau này: khi nào tài-chính nước Đức khá hơn lên, sẽ định lại một cái số khoán (*forfait*) là bao nhiêu, để trả hết thì được trắng nợ cả. Số khoán đó chắc là phải kém cái số trong chương-trình *Young* nhiều, sẽ chia ra làm mấy năm, trong một thời-hạn ngắn-ngắn, — như mười năm — phải nộp vào nhà Quốc-tế Thanh-trái Ngân-hàng, để chia ra ba phần, hai phần nộp cho nước Mỹ, còn một phần chia chung cho cả các chủ nợ nước Đức, theo như suất-số đã định ở hội-nghị *Spa* trước.

Hội-nghị ưng thuận theo cái thuyết sau đó mà điều-định châm-chước. Trước hai nước Pháp Anh thương-thuyết, rồi đến hai người Pháp Đức, dài-dặng mãi không định được một cái số cho thỏa-hiệp. Nước Pháp thì đòi 7 ngàn triệu mã-khắc vàng, sau đồng-ý với liệt-cường chịu rút xuống 4 ngàn triệu, nhưng Đức nhất-định không chịu, cò-kè bót một thêm hai, rồi ngã giá ra là 3 ngàn triệu. Nhưng trong hiệp-ước ký nhận số đó, Đức còn muốn thêm mấy điều-kiện chính-trị (*clauses politiques*) nữa, như muốn nói rằng thế là liễu-kết cuộc chiến-tranh năm nọ, sau này có thể xin thủ-tiêu cả hòa-ước *Versaille* được. Cái đó thì Pháp nhất-định không chịu.

Đồng-thời với hiệp-ước bồi-thường đó, liệt-cường lại ký một cái ước nữa, gọi là « thân-thiện hiệp-ước » (*gentlemen's agreement*) để liên-lạc vấn-đề nợ chiến-tranh với vấn-đề bồi-thường Đức, nghĩa là lấy khoản bồi nợ đập vào khoản nợ kia, rồi suy-sóa hết.

Hội-nghị *Lausanne* này, nước Mỹ không chịu tham-dự vào, cho nên đối với hiệp-ước mới ký đó, Mỹ tỏ ý không hoan-ngênh.

Đương khi ở *Lausanne* họp hội-nghị bồi-thường, thì ở *Genève* vẫn họp hội-nghị tài-bình. Hội-nghị này cũng dài-dặng không có kết-quả gì, chợt ngày 22 tháng 6 có tờ thông-diệp của Tổng-thống Hoover nước Mỹ bàn nên giảm cả các quân-bị (lục-quân, hải-quân, không-quân) nhất-luật là một phần ba 1/3, mỗi nước chỉ nên giữ đủ số cảnh-bình để dùng việc tuần-phòng trong nước mà thôi, còn những khí độc, đại-bác, xe « tăng », đều bỏ hết.

Lời thông-diệp đó bàn một cách đường-dột như vậy, làm cho cả hội-nghị đều sửng-sốt. Đại-biêu nước Pháp là ông PAUL BONCOUR đứng lên phản-đối, nói rằng việc tài-bình phải tùy sự cần phòng-bị của mỗi nước, không thể

nhất-luật định một cái suất-số chung là $\frac{1}{3}$ như vậy được.

Thiên-hạ nói Tổng-thống Mĩ xướng lên lời bàn đó là có cái dã-tâm như sau này : một là lấy tiếng trong nước mình đề mưu sự vận-động tái-bầu tổng-thống cuối năm nay, hai là làm một cách đàn-áp để bắt bí các nước Âu-châu có nợ Mĩ, nếu các nước ấy không thuận lời bàn của Mĩ về tài-bình thì Mĩ cũng không nhận hiệp-ước của các nước ấy về trái-khoản vậy.

Đầu đuôi việc Thổ-nhĩ-kỳ gia-nhập hội Quốc-liên. — Đạo trước đây Hội Quốc-tế liên-minh (tức ta gọi quen là Hội Vạn-quốc) quyết-nghị mời nước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*) gia-nhập làm hội-viên, thế-giới người ta cho là một sự-kiện rất trọng-yếu giữa Quốc-tế.

Vả chẳng hội Quốc-liên vì sao mà phải trọng-thị nước Thổ, ân-cần mời thỉnh nước Thổ vào hội cho được, là có ý gì? Vậy xin giới-thiệu những lời người ta bàn thuật khái-quát về tình-hình nước Thổ ra đây cho độc-giả đồng-lãm.

Nước Thổ hồi xưa, đất-đại vẫn là rộng lớn, nhưng sau hồi Âu-chiến, thì bản-đồ của họ thu hẹp lại rất nhiều; như các nước *Syrie, Arable, Moravie, Palestine*, v.v., nước thì đổi thành độc-lập, nước thì cắt giao cho nước khác quản-lý, so với hồi chưa có giặc, chỉ còn có một phần ba; còn dân-số so với trước cũng giảm đi hết tám triệu (nhưng số giảm ấy không phải thuần giống dân Thổ).

Cứ bề ngoài mà xem, đất hẹp lại, dân ít đi, đáng lẽ là họ không làm gì nên nổi; nhưng thật ra một nước mạnh hay yếu, không phải tại nơi đất rộng hay hẹp, dân đông hay ít, mà qui-hồ tại sự trị-lý cho có người cho hợp-thế.

Từ ngày MUSTAPHA-KÉMAL đứng ra chủ-trì việc nước đến nay, một mặt lo huấn-

luyện dân-chúng, làm cho trình-độ dân-chúng thêm cao, một mặt lo cải-cách quân-chánh, làm cho lực-lượng quân-bị thêm mạnh. Ngày trước nhân-dân Thổ-nhĩ-kỳ trong một trăm người, chỉ có chín người biết chữ, mà bây giờ thì tính ra mỗi một trăm dân-số thì được tám-mươi bảy người đã chịu sự giáo-dục tương-đương, cho chí đàn bà con gái cũng nhờ sự học mà mở-mang trí-thức, đều có thể tự-lập mưu-sinh. Còn ngạch binh trong nước tuy so với hồi trước thấy giảm bớt đi nhiều, nhưng mà cách-thức lựa lính thì kỹ, phép-tắc tập lính thì nghiêm, và những binh-khí trọng-yếu thì cũng tự trong nước họ chế-lạo ra được, cho nên số binh thì ít mà binh-lực thì mạnh thập-bội hơn xưa. Ngoài ra các nông-nghiệp công-nghiệp, mỗi mỗi có tiến-bộ.

Duy có một điều khuyết lằm là tài-chính eo hẹp, thuế-khóa không khỏi nặng-nề; song vì lẽ chánh-trị khai-minh, trên dưới một lòng chung lo việc nước, cho nên nhân-dân đều rán sức mà chịu lấy gánh nặng, chớ không thấy có ảnh-hưởng gì. Đó là tình-hình tiến-bộ của nước Thổ từ mười năm lại đây, cho nên nhờ vậy mà họ đứng vững trong cái trào-lưu nhiều-nhương của thế-giới, không hề lay-động một mảy nào cả.

Xem thế thì thấy nước Thổ-nhĩ-kỳ đã tự có chỗ "không ai khinh được" rồi, cho nên họ nhất-cử nhất-động, liệt-cường không thể bỏ qua mà không đề ý đến. Hồi tháng mười năm ngoài đột-nhiên có tin nói Thổ kết mật-ước với Nga, khi đó nước Anh ở phương-diện đất Ba-tur (*Perse*), đương lo tiến-hành kế-hoạch thiết-lộ, thoạt nghe tin ấy, e cho cuộc Thổ-Nga đồng-minh nó làm trở-ngại chính-sách của mình, dò hơi liệu thế, mất bộn công-phu, sau biết ra trình-độ cuộc Thổ-Nga liên-lạc tuy có chỗ tương-đương, nhưng chưa

lấy gì làm mật-thiết cho lắm, và cũng không có ý gì là phản-đối quyền-lợi Anh ở Ba-tư, Anh bèn bớt điều nghi-lự đi.

Nhưng từ đó sắp sau, sự quan-hệ giữa Nga và Thổ càng ngày càng thấy bước tới cụ-thể-hóa (vì có cái tin gia-nhập cuộc tổ-chức Á-tế-á đồng-minh với các nước *Afghanisan*), việc hiệp-tác về công-nghệ đã thành ra sự thực; còn gần đây nhà ngoại-giao lãnh-tụ của Nga Sô-viết lại có cuộc phông-kiến ba nước Thổ, Ý và Hy-lạp, thế thì càng sâu càng chặt, mà hình-thế lại càng khấn thêm.

Vả sự Thổ Nga liên-hiệp là một điều lo ngại cho đế-quốc Anh, mà cũng chẳng phải vui gì cho Pháp. Nếu tới một bước nữa, đem ba nước theo chính-thể đặc-thù, là vì sự quan-hệ theo địa-thế thêm vào nước Hy-lạp nữa, kết thành cuộc liên-hiệp Nga Thổ Ý Hy thì là một điều lo cho Pháp, mà Anh thì lại càng thêm ngại-ngại không an. Hai nước Anh Pháp đã chung mối nghi-lự, thế phải hiệp nhau lo tiêu-trừ họa-cơ trước đi. Cái thuật tiêu-trừ vẫn không phải một cách, nhưng mà sự mời Thổ vào hội Quốc-liên, tỏ ý thân-hậu, khiến cho nước Thổ tiếp-nạp, đó chính là một nước cò tiên-nhập-thủ rất hay vậy.

Còn đầu đuôi câu chuyện mời Thổ vào hội, cũng có chỗ nên ghi nữa. Đại-ước do chỗ đồng-ý của các nước có chân trị-sự, trước bày ra cuộc dò hỏi không phải chính-thức; nghe ra ban đầu nước Thổ yêu-cầu hơi quá cao một chút, là có ý mong được một chân khuyết trong bàn trị-sự vĩnh-viễn của hội Quốc-liên, vì vậy mà viên Bí-thư-trưởng của hội là ông DRUMOND biểu-thị ra cách tiêu-cực. Song việc ấy dễ sinh điều rắc-rối, nước Thổ cũng tự biết nó là vô-ích, nên không cố-chấp làm gì. Vì vậy cho nên cuộc thương-lượng trôi trong hai tuần, tuy những tiêu-

tiết còn có chỗ lưu-nan, nhưng mà sự vào hội thì đã rành-rành, không còn nghi-ngờ gì cả. Thế nào rồi đây trong chân trị-sự phổ-thông, hội Quốc-liên tất phải vì Thổ-nhĩ-kỳ mà dọn thêm một ghế.

Vả lại việc mời Thổ vào hội trước do nước Tây-ban-nha đề-nghị ra, vì Tây-ban-nha là nước bậc trung, mà đối với các nước Anh, Pháp, Ý, chỗ quan-hệ không-khít mà cũng không rời, đề cho Tây-ban-nha đứng ra đề-nghị, thì không thấy có cái dấu-vết thiên-trọng của bên nào, cái chỗ dụng-công chăm-chước, tưởng liệt-cường họ cũng đã hao hết bộn tâm-tư lắm vậy.

Cái chước mầu «dời củi nơi lò bếp» (khúc-đột tử tân) của liệt-cường vẫn như lời trên đã thuật; còn chỉ ngay vào bản-thân của hội Quốc-liên mà nói, đương cơn uy-tin suy lặn như bây giờ, mà được một đội sinh-lực quân gia-nhập, đó cũng là một phượng-vãn-hồi suy thế rất may mà rất hay. hèn gì mà không-khi nghị-trường của hội bày ra một độ vui reo cũng là phải lắm.

Ăn nói hay, áo quần tốt, nhà cửa đùng, giao-thiệp khôn, đám giỗ đám tiệc nào thiên-hạ cũng cầu cũng thỉnh.

Cá-nhân vậy, quốc-gia lại khác nào!

T. H. L. thuật

(Báo Trung-lập)

Nhật và Mãn-châu.— *Bài diễn-văn của Nội-diễn Khang-tai.*— Nghị-viện Nhật họp hôm 26 Aout vừa rồi, quan Ngoại-giao tổng-trưởng là bá-tước Nội-diễn Khang-tai (Uchida) có đọc một bài diễn-văn rất quan-trọng tỏ rõ cái thái-độ của Nhật đối với Mãn-châu-quốc. Bài diễn-văn ấy tóm-tắt như sau này:

« Trong kỳ hội-đồng của Nghị-viện tháng Juin trước, quan tổng-trưởng trước tôi đã có dịp trình bày và bàn-

bạc cùng các ngài về vấn-đề giao-thiệp với Mãn-châu-quốc. Từ đó thường xảy ra nhiều việc rất quan-trọng, nên hôm nay tôi phải xét qua các việc ở Mãn-châu và ở Tàu, cùng là bày tỏ rõ cái chính-sách của Chính-phủ Nhật ta.

Chúng ta thực vẫn vui lòng thấy nước mới ấy đã quả-quyết bước theo con đường tiến-bộ. Chính-phủ Nhật nghĩ rằng chỉ có một cách thừa-nhận nước mới ấy là mới giữ vững-bền được cuộc hòa-bình ở Viễn-đông này. Vì việc nay mai Nhật thừa-nhận Mãn-châu, mà chúng ta đã dự-bị mọi phương-lược sâu-sàng để thi-hành chương-trình của ta.

Tuy vậy, ở ngoại-quốc vẫn còn người không hiểu rõ cái thái-độ Nhật đối với Tàu, cho việc thừa-nhận Mãn-châu là trái. Vậy tôi muốn bày tỏ rõ-ràng cái thái-độ của Nhật cũng là các lẽ phải thừa-nhận Mãn-châu thì mới giải-quyết xong được vấn-đề Mãn-châu.»

Nội-diễn Khang-tai tả rõ qua cái tình-thế «rối beng» của nước Tàu, rồi tiếp:

« Trong ngoại 20 năm nay, Nhật vẫn tỏ ra rất tĩnh-tâm, ôn-hòa, hi-vọng rằng một ngày kia Trung-quốc được yên sẽ lo-lắng công-việc tạo tác trong xứ, cùng là trọn được cái phận-sự của Tàu để giữ cho Viễn-đông được thái-bình. Nhưng nước Tàu chẳng hề có ý thành-thực biết cái lòng thực muốn cộng-tác của Nhật, lại thường luôn luôn lên mặt kiêu-căng không chịu được ».

Nội-diễn thuật cho viện nghe rằng Nhật vẫn luôn luôn cảnh-cáo cho Tàu biết những cái nguy-hiểm của cái thái-độ ấy, nhưng Tàu chẳng chịu nghe theo, mà gây thành việc ngày 18 Septembre 1930, Mãn-châu-quốc thành-lập. Nhật thừa-nhận nước ấy chẳng có phạm vào hiệp-ước 9 nước, lời hứa tại Hội Vạn-quốc như nhiều người vẫn

nói. Quan tổng-trưởng lại cho rằng thừa-nhận Mãn-châu, duy chỉ có cách ấy mới giải-quyết xong vấn-đề này mà thôi. Nhật chú-trọng vào hai điều quan-hệ này :

1^o Cố sức làm cho dân Mãn được toại lòng nguyện-vọng, ngăn giữ phong-trào bài-ngoại, gây cho Mãn-châu thành một đất mà người Mãn và ngoại-quốc được ở yên ;

2^o Muốn tới được cách giải-quyết ấy thì phải bỏ cả những điều vị tinh, phải xem xét ngay đến cái tình-thế hiện-thời.

Nội-diễn lại nói rõ-ràng không nên để cho Mãn-châu thuộc quyền Trung-quốc nữa :

« Hình như nhiều nơi người ta đang nghiên-cứu một chương-trình khác, dùng cách «giật gấu vá vai» nghĩa là dù theo chính-thể nào, cái chủ-quyền của Trung-quốc cũng lại thấy đề lên mặt Mãn-châu, đặt lại cái chính-thể trước ngày 18 Septembre 1932.

Dân-tộc Nhật không thể chịu nhận được cách giải-quyết ấy. Đặt Mãn-châu dưới quyền nước Tàu, dù theo hình-thể nào mặc lòng, cũng là trái hẳn với lời tuyên-cáo của nước mới ấy. Dân Mãn khi nào có chịu cái chương-trình kia.

Bắt Mãn-châu phải chịu cái dân Mãn không muốn, như thế là bất-công. Một chương-trình cho Tàu lại có quyền cai-trị Mãn, thì không bao giờ trọn được mục-đích lớn, tức là tìm cách làm cho Mãn-châu thành một nước mạnh, cho dân bản-xứ lẫn người ngoại-quốc được hưởng thái-bình. Cách đó chẳng phải là làm cho Mãn-châu được vững-vàng và gây cho Viễn-đông được cuộc hòa-bình vĩnh-viễn.

Mãn-châu-quốc đã tuyên-bố một cái chương-trình rất chân-thành thực-thà, nói quyết rằng sẽ theo cái chính-sách công-bằng hòa-thuận và thân-ái với

các cường-quốc khác, xin giữ các điều-ước với cường-quốc, theo đúng lệ-luật quốc-tế, kinh-trọng quyền-lợi người ngoại-quốc đã có trong đất Mãn; bảo hộ tài-sản và sinh mệnh họ, theo chính sách « mở cửa », chấn-chỉnh thương-mại quốc-tế, và trợ-lực vào việc chấn-chỉnh nền kinh-tế của hoàn-cầu.»

Nội-diễn lại một lần nữa nói đến cái nội-tình rối-loạn của Tàu, mà kết-luận :

«Tôi rất mong rằng, chỉ nay mai, nước Nhật, nước Mãn và nước Âu, do cái giây rất thân-ái của dân một giống, cùng theo một văn-hóa nối chặt với nhau, sẽ cùng nhau hợp-lực làm cho Viễn-đông này được thái-bình, được tiến-bộ, tức là giúp cho cả cuộc thái-bình thế-giới và văn-minh của cả nhân-loại vậy ».

Người Tàu chẳng công-nhận bài diễn văn ấy là phải. — Quách Thái-Kỳ, đại-sứ ở Luân-đôn tuyên-cáo thế nào cũng phản-kháng lại bài diễn-văn kia. Quách nói: Viên Ngoại-giao đại-thần Nhật chọn chính ngày mà phái-bộ *Lytton* thảo xong tờ phúc-bẩm, tuyên-bố đệ-trình Hội Vạn-quốc mà đọc bài diễn-văn kia. Cả bài diễn-văn của Nội-diễn chỉ là bài cãi lỗi mình. Những lời tuyên-cáo ấy, thực hình như có ý khinh-miệt cả hoàn-cầu. Có lẽ họ cho rằng từ Septembre 1930, tất cả thế-giới đối với việc Mãn-châu đều mất tinh-thần xét đoán, nói thế nào cũng để lọt tai được hay sao?»

Quách kết-luận :

«Quyết-định việc Mãn-châu là ở Genève chứ không ở Đông-kinh được. Vì cả Tàu lẫn Nhật đều phải có trách-nhiệm trước Tòa-án ấy ».

(Báo Trung-Bắc)

Sau cuộc đảo-chính ngày 24 Juin mấy nhân-vật nước Xiêm mới.—

Trong báo *Opinion* ở Sài-gòn ra ngày 23 và 24 Aout, có đăng mấy bài nói về những nhân-vật của nước Xiêm mới, đã thay đổi được chính-thể nước Xiêm một cách rất dễ-dàng. Các nhân-vật đó họp thành « Dân-dảng » ngay hôm đảo-chính họp một Thượng-nghị-viện 60 vị đứng quyền lập-pháp. Thượng-nghị-viện giao quyền Hành-chính cho một viện 15 vị. Chính Hội-đồng 15 vị này giữ quyền độc-đoán ở nước Xiêm, thay mặt vua mà tuyên-bố các đạo luật, các sắc-lệnh. Vua không còn có quyền bác các luật của Hội-đồng ấy tuyên-bố, Hội-đồng chỉ hỏi qua ý-kiến vua mà thôi.

Nhưng bản Hiến-pháp đó chỉ dùng tạm-thời thôi, trong 6 tháng nữa, sẽ có cuộc bầu-cử tăng số nghị-viên Thượng-nghị-viện gấp đôi bây giờ. Hiện trong viện ngày nay không có vị hoàng-thân nào, toàn những viên-chức công sở, các vị lục-thủy quân-nhân, các ông thầy kiện, thầy thuốc, nhà báo, nhà buôn. Đại-đa-số là bọn thanh-niên dưới 40 tuổi cả.

Ban Hành-chính bây giờ do Phya Mano-Nakorn chủ-tịch. Ông này trước đây làm chánh tòa Thượng-thẩm ở Xiêm các tước Chao, Phya, Phra, Luang, Khun (cũng như công hầu bá tử nam ta), ông này rất khuynh-hướng về việc cải-cách, hôm 25 Juin chính ông đứng giới-thiệu Thượng-nghị-viện cho các quân-đội ở Vọng-các.

Thư đến Phya Bamon thống-tướng quân-lục Xiêm, chính là vị quân-nhân độc-tài nước Xiêm bây giờ. Trước kia Phya Bamon du-học trường quân-bị Đức thành-tài, lĩnh chức đại-tá pháo-binh và thanh-tra pháo-binh tại bộ Chiến-tranh, Chính đại-tá Phya Bamon, đồng mưu với hai viên đại-tá nữa mà làm nổi dậy đạo quân đóng trong kinh-

thành hôm 24 Juin. Phya Bahon người to lớn, lực-lượng nom rất oai-nghiêm.

Phya Srivisan, hiện lĩnh chức ngoại giao đại-thần. Trước đây đã làm thứ-trưởng bộ ấy. Quan đại-thần mới này tốt-nghiệp trường Đại-học Anh, rất thông-minh, tài khéo về khoa ngoại-giao. Nhiều lần đi *Vientiane* dự ủy-ban sông Cửu-long. Năm 1931, Hội-nghị quốc-tế nha-phiến họp ở Vọng-các, Phya Srivisan chủ-tịch. Các tay ngoại-giao ngoại-quốc thấy cái tài của ông chủ-tịch đều lấy làm ngạc-nhiên.

Luang Pradit, tuổi chưa tới 30, là người thảo ra bản Hiến-pháp tạm-thời đang thi-hành. Luang Pradit học tại *Paris*, đỗ Tiến-sĩ văn-chương, có bằng Đại-học và chính-trị, trước kia làm thầy diễn-thuyết ở trường luật Vọng-các. Luang Pradit rất thông-minh, người ta đặt tên hiệu ông là « *Sieyès* » của Dân-dảng (giáo-sĩ *Sieyès* là người Pháp có tiếng hồi năm 1789).

Tại Nghị-viện nên kể đến ông Nghị-trưởng Chao Phya Bharma Sakti trước kia lĩnh chức Học-bộ đại-thần. Ngay từ đầu ông vẫn phản-kháng cái chính-sách đề hoàng-phái nắm quyền.

Ông phó-viện-trưởng Phya Indra-vigít, trước lĩnh chức lữ-trưởng, tổng-chỉ - huy quân-đội Vọng-các. Ông nguyên tốt-nghiệp trường vũ-bị Đức. Năm 1922 vì bị tiếng đồn có óc đảo-chính nên bị vua huyền-chức.

Đó là những nhân-vật trọng-yếu trong việc đảo-chính ngày 24 Juin. Lại chẳng nên quên những ông nghị sau này: Phya Devidune, chánh tòa Tối-cao, đứng môi-giới cho Dân-dảng với các bang Trung-hoa. Thực là cái chức-trách rất khó-khăn vậy.

Phra Riêm tiến-sĩ văn-chương trường Đại-học Grenoble, giáo-sư trường Trung-học Naial, là một tay văn-sĩ có danh.

Ông Manít chủ-nhiệm báo « *Sri kroarny* » tờ báo đầu tiên viết bằng chữ

Xiêm, ông Cheronu luật-sư có tài. Ông này hồi 1911 đã chực cách-mệnh, nhưng bị thất-bại. Hồi đó ông đóng trung-ủy kỵ-binh. Vì vậy mà bị mất chức, và bị 12 năm tù.

N. L. thuật
(Báo Trung-Bắc)

Thời-cục nước Tàu.— Tình-hình Chính-phủ Nam-kinh.— Đương lúc ngoại xâm nội loạn, trăm chiều rắc-rối chưa yên, ngờ đâu trong chính-đảng nước Tàu lại mới xảy ra việc chính-biến, là việc Ông Tinh-Vệ từ chức. Sáng ngày 6 Aoút Ông Tinh-Vệ cùng các tùy-lùng đi xe riêng từ Nam-kinh đến Thượng-hải, không ai biết cả. Sau khi đến Thượng-hải, triệu tập cuộc hội nghị, liền quyết từ chức, ngay trưa hôm ấy đánh năm bức điện từ-chức. Cái cơ Ông từ-chức là từ sau khi ở Bắc-bình trở về Nam-kinh, lúc Ông cùng La Văn-Cán lên miền bắc để tiếp đoàn điều-tra, có bàn với Trương Học-Lương hai ba lần về vấn-đề thu-phục những đất đã mất ở miền đông-bắc, thấy Trương vẫn không tỏ ý chịu trách-nhiệm, Ông bấy giờ đã không bằng lòng, sau khi về kinh đem cái thái-độ của Trương báo-cáo hội trung-ương chính-trị, các yếu-nhân trung-ương vì thấy Trương hèn-nhát như thế, bèn quyết định cách xử-trí Trương và giao cho Ông Tinh-Vệ, Tướng Giời-Thạch chịu trách-nhiệm chấp-hành, nhưng Tướng không tỏ ý thế nào, nên việc ấy tạm gác lại. Sau khi xảy ra việc biến ở Nhiệt-hà, Trương không những vẫn xu tay ngồi nhìn, và xin chính-phủ phải cấp lương quân cho, Ông bèn nhận lỗi xin từ-chức, và điện cho Trương bảo cũng nên từ-chức để tạ người nước. Bức điện của Ông gửi cho Trương như sau này:

« ... Năm ngoài ngó-huyh bỏ mất Thâm-dương, lại để mất Cẩm-châu, đề

cho ba nghìn vạn nhân-dân, vài mươi vạn dặm thổ-địa, hăm vào tay quân địch, quân địch càng kiêu, lan đến Tùng-hồ, nhờ có đạo quân 19, đạo quân thứ 5 liều chết chống đánh, vì dân-tộc ta tranh sống còn, vì nước nhà ta tranh nhân-cách. Đó là việc phi-thường không phải mong ở ngô-huynh, nhưng cũng mong ngô-huynh phát-hiện thiên-lương, làm điều gì cho người nước cùng thấy. Vậy ngô-huynh cứ dần-dà mãi, chưa thấy làm việc gì, được thể quân địch càng hăng, tiến phạm Nhiệt-hà, quân đội trung-ương đang phải liều cộng, giới vực khô mà phải đánh nhau, trải bao gian khổ, nhưng vì lo yên-định nội-địa, giữ vững hậu-phòng, không sao từ chối được.

Ngoài ra chỉ có ngô-huynh trong tay có nhiều quân, quân-dung rất thịnh, mà quân địch quấy rối lại chính là đất phòng giữ của ngô-huynh, cho nên nói về thực-lực, nói về chức-trách, nói về địa-lý tiện-lợi, việc đề-kháng quân địch, ngô-huynh còn tại chức một ngày, quyết-không phải người khác có thể thay quyền được.

Nên biết Trung-quốc là Trung-quốc của người Trung-quốc, phàm người cùng tộc-loại đều có cái nghĩa-vụ cầm can-qua để bảo-vệ xã-tắc, vừa rồi đạo quân 19, đạo quân thứ 5 đánh nhau với quân Nhật ở Tùng-Hồ, thực theo đúng nghĩa ấy, có phải cần điều gì khác đâu. Kịp khi chiến-sự đã dờn đến đất Hồ, chính-phủ trung-ương thì cố bòn mót để cung lương cho quân lính ở mặt trận, còn nhân-dân thì đều bớt lương ăn quyền làm lương quân, để cho quân lính được thêm hăng-hái, chỉ có ngô-huynh chưa nghe phá; một tên quân, bỏ một mũi tên, lại muốn nhờ cái tiếng đề-kháng góp nhặt làm của riêng, từ khi tờ tuyên ngôn hãn-ngự ngoại-vũ đến giờ, xin bộ tài-chính trừ ngay cho 500 vạn đồng, ít nhất cũng giao trước cho 200 vạn đồng, lại xin bộ thiết-đạo

trừ ngay chớ 300 vạn đồng. Vừa rồi lại xin viện hành-chính mỗi tháng trừ giúp Nhiệt-hà 300 vạn đồng. Đang lúc dân cùng của hết này, chính phủ Trung-ương trừ liệu rất khó khăn, ngô-huynh cũng có tai mắt, khi nào lại không biết, vậy mà lại đem điều khó khăn đó để nài ép, thực không hiểu ngô-huynh ra thế nào. Không kể chính-phủ Trung-ương không có cái tài-lực ấy, cho dù có nữa, trước khi đại-huynh chưa thực-hành việc đề-kháng, liêu-đệ cũng quyết không thể hút máu mỡ dân để thỏa lòng dục riêng của ngô-huynh. Đề cho ngô-huynh phải thất-vọng vì liêu-đệ, chỉ có cách nhận lỗi từ-chức để tạ ngô-huynh. Mong ngô-huynh cũng từ-chức để tạ bốn vạn đồng-bào, chớ để cho Nhiệt-hà, Bắc-bình, Thiên-tân cũng phải chịu một số phận như Đông-bắc và Cẩm-châu, thì phần Trung-quốc ở trong Sơn-hải-quan này may lắm, điều đó xin ngô-huynh sớm liệu cho ».

Ông Tinh-Vệ từ hôm ra Thượng-hải nhất định không tiếp các quan tổng-trưởng tới để khuyên Ông đừng từ-chức. Theo các tờ thông-cáo Tàu thì tất cả các quan Tổng-trưởng đều đệ đơn lên Lâm Xâm xin từ-chức. Người ta đang phân vân chưa biết thái-độ Tưởng Giới-Thạch rồi ra sao.

Còn Trương Học-Lương bị Ông Tinh-Vệ bắt ép và lại thấy tình-thế chính-trị rất khó-khăn, nên Trương Học-Lương muốn từ chức.

Trương đã thông tư đi khắp trong nước báo tin mình sắp từ-chức.

Trung-ương hành - chính viện đã nhận cho Trương Học-Lương được từ-chức Ông Tinh-Vệ sẽ đi Nam-kinh và Cổ-linh hội-nghị cùng Lâm-Xâm và Tưởng Giới-Thạch.

Ông có nói đề Sái Nguyên-Bồi nhận chức viện-trưởng thay mình.

Theo ý Tưởng Giới-Thạch thì Trương Học-Lương vẫn tạm giữ chức cũ, ở

Bắc-bình cho đến khi cử xong một ủy-ban quân-vụ để đi tiêu giặc ở miền bắc. Hàn Phục-Cừ từ chối chức Trưởng-ban ủy-ban này, Trương sẽ cử một tướng khác đứng đầu ủy-ban. Còn tướng Trương Trấn sẽ đứng đầu ủy-ban chính-vụ ở Bắc-bình. Vậy thì dù Ông Tinh-Vệ về Nam-kinh hay không, chính-sách của Tướng Giới-Thạch ở miền bắc vẫn không thay đổi.

Tướng Giới-Thạch có yêu cầu Trương Học-Lương hãy tạm-thời chủ tọa ủy-ban quân-vụ giữ việc binh-trị miền bắc.

Tướng Giới-Thạch lại điện cho Trương Học-Lương chớ xuất-dương và chớ dời Bắc-bình, Trương chờ sau khi hội Trung-ương toàn-thể lần thứ ba khai hội rồi sẽ lên miền bắc hội-kiến.

Sau cuộc hội-nghị của Ông Tinh-Vệ và Tướng Giới-Thạch ở Cỗ-lĩnh, tình-hình vẫn rối beng, chưa rõ-rệt ra sao. Tuy đã có lời tuyên-cáo trước mà hình như Ông Tinh-Vệ thuận để viên phó-viện-trưởng viện hành-chính là Tống Tử-Văn, quyền chức viện-trưởng cho đến kỳ đại hội-nghị của Quốc-dân-đảng tháng Septembre sau này, hội-đồng sẽ cử viên viện-trưởng thực-thụ. Người ta chắc Tống Tử-Văn chủ-tịch viện hành-chính sẽ theo ý kiến Tướng Giới-Thạch. Còn Ông Tinh-Vệ thì vẫn trọng-trách trong Quốc-dân-đảng.

Các tướng-linh đông-bắc về đảng Trương lại muốn lưu Trương mà cử Ông, gần đây có 57 người do Tống Triết-Nguyên đứng đầu phát-biểu bức thông-điện giữ Trương Học-Lương ở lại, tỏ ý cùng Trương cùng tiến thoái. Bức thông-điện ấy phát ra giữa vào ngày Ông Tinh-Vệ trở về Nam-kinh có ý cử không cho Ông phục-chức nữa.

Sau có tin Bắc-bình rằng: Hiện đã có một ủy-ban quân-bị gồm 18 tướng-linh miền Bắc, do Tướng Giới-Thạch chủ-tịch, thay hẳn Trương Học-Lương ở Bắc-bình.

Cuộc chính-biến ngày nay xảy ra ở nước Tàu là do Trương và Ông bất-đồng ý-kiến mà ra. Ông thì phấu-đổi Trương, mà Trương thì binh - vực Trương.

Tuy vậy, rồi đây Ông Tinh-Vệ phục chức hay không, Trương Học-Lương đi hay ở, đều còn phải trông vào kế-hoạch của họ Trương thế nào mà đoán định. Vì hiện Trương Giới-Thạch thật là quan-hệ với chỗ trọng-yếu của thời-cục nước Tàu vậy.

Tình-hình Mãn-châu.— Chính-phủ Nhật quyết-nghị đặt chức toàn-quyền đại-sứ ở Mãn-châu kiêm Quan-đông tư-lệnh và Quan-đông trưởng-quan. Chính-phủ Nam-kinh cho rằng đó là cái bước đầu chính-phủ Nhật thừa nhận nước Mãn-châu và thôn-tính miền đông bắc không khác gì việc nước Nhật khi diệt Triều-tiên đặt ra chức Triều-tiên thống-giám. Nghe đâu bộ ngoại-giao Nam-kinh đã kháng-nghị chính-phủ Nhật về việc ấy.

Tư-lệnh Võ - Bằng (Muto) được chính-phủ Nhật cử sang Mãn-châu làm đại-sứ bất-thường và toàn-quyền Quan-đông đã từ Đông-kinh khởi-hành sang Mãn.

Có tin rằng tờ hiệp-ước giữa hai nước Nhật-bản và Mãn-châu đã thảo xong. Trong hiệp-ước ấy có mấy khoản sau này:

1) Chính-phủ Mãn-châu nhìn nhận những quyền lợi của Nhật-bản ở Mãn-châu đã sẵn có từ lúc còn chính-phủ cũ;
2) Chính-phủ Mãn-châu nhận lĩnh những quyền lợi, những công việc trước thuộc về chính-phủ Trung-hoa;
3) Các đường hỏa-xa Trung-hoa ở Mãn-châu sẽ thuộc về quyền sở hỏa-xa Nam-mãn.

4) Chính-phủ Mãn-châu bảo nhận đặc-quyền đặt tư-bản của Nhật-bản;

5) Việc kiểm-soát cảnh-sát, giữ trật-tự trong nước Mãn-châu, và bảo-hộ

Mãn-châu đối với bên ngoài chỉ giao cho Nhật-bản ;

6) Chinh-phủ Mãn-châu phải đảm-nhiệm tinh-mệnh, tài-sản cùng địa-vị của các quan viên Nhật giúp việc cho mình.

Xem như hiệp-ước trên thì Mãn-châu đã ở vào dưới quyền bảo-hộ của nước Nhật vậy.

Thanh-thế quân nghĩa-dũng. — Gần đây quân nghĩa-dũng đã phân ra đội-ngũ, chia ra các đạo tiến quân, thanh-thế rất là hùng dũng, nào là vây bọc Cầm-châu, tiến đánh Thâm-dương, vừa chiếm được Hồ-lô-đảo, lại chực đánh Liêu-ninh, trận nào cũng có phần ưu-thắng. Quân nghĩa-dũng ở Sơn-hải-quan vẫn ra sức khồ chiến, tại Thông-liêu, núi Hả-hồ, ga Hưng-long, sông Cự-lưu đều có trận huyết-chiến dữ dội.

Quân Nhật muốn dùng binh-lực một lữ-đoàn, định dẹp yên các toán quân nghĩa-dũng ở Thông-liêu, Khai-lỗ, để làm cái bước đầu uy-hiệp phía bắc Nhiệt-hà, đôi bên đã đánh nhau kịch-liệt. Máy bay Nhật luôn mấy ngày bay đến Nhiệt-hà rắc truyền đơn, có ý nhân lúc quân nghĩa-dũng ở đường Nam-Mãn tạm lui và lợi-dụng phong trào chính-trị nước Tàu đương rắc rối, lại định lấn Nhiệt-hà. Các đường Dả-thông, An-phụng, Phụng-sơn đều vì đánh nhau dữ dội mà bị nghẽn cả. Quân nghĩa-dũng lại đánh úp cầu Đại-thạch ở Hải-thành, đường Nam-Mãn cũng bị ngăn trở.

Việc kháng Nhật ở Cát-lâm lại nổi, quân tự-vệ thuộc bộ Phụng Chiếm-Hải, Cung Trường-Hải hơn chín nghìn người họp cả ở một giải Du-thụ kéo cả xuống phía Nam. Quân cứu-quốc thuộc bộ Vương Đức-Lâm hơn bảy nghìn người thì đánh chiếm Diêu cát ; ngày 16 tiến Triều-dương xuyên thuộc đường Cát-hội chặn bắt được cả ba chuyến xe, bắt hết hành-khách Nhật, Triều-tiên và các hiến-binh Nhật ở trên xe. Hiện một giải

chùa Đồng-phật vẫn đánh nhau dữ dội.

Quân nghĩa-dũng thuộc 6 bộ Lý, Vương, Mã, Từ, Đổ, cộng hơn vạn người họp đánh Cầm-châu, đánh nhau dữ dội không dứt. Đường điện báo, điện-thoại từ Cầm-châu đến Thâm-dương đều bị cắt đứt cả.

Lại có tin Bắc-bình : đạo thứ 7 quân Cứu-quốc ở Liêu-nam đánh lấy lại được Nam-dài, Hải-thành, tiến vây Thang-cương-tử. Đạo thứ 3 quân ấy giữ các đường sắt ở khoảng Yên-dài, Liêu-dương, hiện đang cùng đại-đội quân Nhật đánh nhau dữ dội. Đạo thứ 6 đang tiến về Yên-sơn, đạo thứ 7 tiến đến Hải-thành giúp sức, đạo thứ nhất đã tiến đến Nghiệm-quán-bảo, đạo thứ 4 đang cùng quân viên Nhật đánh nhau dữ dội ở Doanh-khẩu, đạo thứ 5 đi lại quãng đường Doanh-khẩu, Đại-thạch, xông đánh các nơi. Địch quân ở đường Nam-Mãn đến cả: Đại-thạch bị chặn đứt làm bốn đoạn. Các xe đều dừng, Quân-bộ Quan-đông lo sợ, vội điện cho viên tổng-đốc Triều-liên mau mau cho viện-binh đến.

Còn các đạo quân nghĩa-dũng ở Liêu-ninh gần đây rất hoạt-động, đạo thứ hai chiếm Thái-an, đạo thứ ba chiếm Liêu-trung, đạo thứ nhất ở Hải-thành, đạo thứ tư ở Bàn-sơn, đạo thứ năm ở khoảng Doanh-khẩu Ngưu-trang, đạo thứ sáu thứ bảy ở hai bờ Liêu-hà. Hiện một khu-vực lớn phía nam từ đường sắt Nam-Mãn, phía tây đường sắt Doanh-câu, lấy Liêu-hà làm trung-lâm dền vào hết tay quân nghĩa-dũng. Bảy đạo quân nghĩa-dũng ấy cùng liên-hợp, đặt Liêu-nam cứu-quốc-quân tổng-bộ ở một nơi gần Hải-thành, sau khi đoàn-kết, cơ-sở vững vàng, quân Nhật mấy lần đánh Liêu-trung, Thái-an đều thất-bại cả.

Mã Chiếm-Sơn gần đây có mang quân bộ-hạ hơn hai vạn người đến Hải-lân. Quân Nhật đã phái mấy kỵ-đội đi ngăn cản không cho quân Mã tiến lên.

Mã Chiếm-Sơn điện đến Bắc-bình nói rằng: Trận địa ở phía đông Hắc-long-giang theo mạch núi Tiêu-hung-yên và sông Tùng-hoa rất là bền vững. Quân Nhật tiến đánh mấy lần đều phải thua lui, nên người Nhật mới bịa ra tin Mã tử-trận, là vì gần đây quân nghĩa-dũng các nơi càng hăng-hái, thành Thâm-dương hai lần bị đánh úp, cho nên bịa tin ấy để làm nản sĩ-khi và dân-khi mà thôi.

Nga với Mãn-châu. — Hiện nay Nga đương dự-bị binh-mã rất chỉnh-tề ở

biên-giới Mãn-châu và Tây-bá-lợi-á. Quân Nga kể cả hải-lục không-quân đã tới ba mươi vạn. Những chỗ biên-ải nào mà Nga Sô-viết nghi quân Nhật có thể tràn lấn qua được thì đóng binh ở đó hãn-hoi, nhất là chỗ giáp-giới với Cao-ly và Nhật. Ở đó Nga có đặt sở máy bay đến gần 200 chiếc. Người ta nghi rằng Mãn-châu-quốc và Nga sắp giao-chiến với nhau. Nguyên-nhân là hai bên có lời thối ở biên-ải, mà tình-hình Mãn-châu-ly càng ngày càng nguy-hiêm.

Việc trong nước

(từ mồng 1 đến 31 tháng 8 năm 1932)

Đề-phòng ngày mồng 1 tháng 8. — Ngày mồng 1 tháng 8 là ngày kỷ-niệm của cộng-sản, cho nên các kinh-thành và các tỉnh-ly, đều có lính mật-thám linh cảnh-sát đề ý canh-phòng cẩn-mật từ mấy hôm trước, lính khố xanh và khố đỏ phải ở trong trại, cắt lượt nhau đi tuần các cửa ô và các phố. Khắp các xứ đều bình-tĩnh vô-sự cả.

Gắn kim-tiền cho một cây cờ ở Huế. — Tại Kinh-thành Huế, bên kia bờ sông Hương, có dòng dù các quan Tây Nam đều dự, quan Khâm-sứ CHATEL làm lễ gắn một cái kim-tiền hạng nhất cho cây cờ hiệu (fanion) của đội binh cảnh-vệ (lính khố xanh) ở tòa Khâm, đề tỏ ý thưởng-tưởng công-cán của những viên quan võ và lính trong đội ấy đã khó-nhọc trong hai năm trước đây.

Bem nha phó Thương-chính ở Hải-phòng lên Hà-nội. — Ngày mồng 1 tháng 8 đây, nha phó Thương-chính ở Hải-phòng đã dọn lên Hà-nội. Việc này vừa vì lẽ tài-chính và vừa nha Thương-chính muốn sắp đặt cho được tiện việc hơn. Phạm các chức-vụ thuộc về tòa nhất nha Thương-chính Hải-phòng thì từ nay sẽ giao cho một quan

thanh-tra Thương-chính ở luôn thành-phố ấy. Quan Chánh nha Thương-chính Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ từ nay không phải trông nom về các vấn-đề quan-thuế nữa. Phạm các giấy-má về việc quan-thuế và các việc thường, từ nay cứ giao-thiệp thẳng với viên thanh-tra Hải-phòng. Đối với việc thương-mại ở Hải-phòng, không có gì thay đổi cả.

Khánh-thành một chiếc máy bay. — Quan Toàn-quyền PASQUIER mới làm phép khánh-thành một chiếc máy bay kiểu « Potez » mới của trường học hàng-không « Touring Club Aérien » ở Sài-gòn. Ngài theo lệ thường xem xét cái máy bay ấy xong thì đập một chai rượu sâm-banh vào giữa cánh quạt. Dự lễ này có quan phó Toàn-quyền PAGÈS quan Nguyên-soái VALLIER và mấy vị quan Tây nữa.

Quan Toàn-quyền thăm tàu Dumont d'Urville. — Mồng 6, quan Toàn-quyền PASQUIER đi cùng một viên quan hầu xuống thăm tiêu-tuần-dương-hạm Dumont d'Urville, ngài thăm các phòng sửa-soạn sẵn để đức Bảo-đại sẽ ngự đến Cap-Saint-Jacques.

Rồi quan Toàn-quyền cùng quan WALTER Tổng-thanh-tra Bru-điện đến

làm lễ khánh-thành tòa Bu-điện mới. Dự lễ có quan PAGÈS phó Toàn-quyền, quan SYLVESTRE Khâm-sứ Cao-miên, quan EUTROPE Thống-đốc Nam-kỳ và quan DIETHELM Tài-chính Tổng-trưởng. Xong đây quan Toàn-quyền đi Tân-phủ thăm đài Vô-tuyến-diện *Centre Radio*.

Hội-đồng Chính-phủ. — Ban Thường-trực Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại Sài-gòn sáng ngày mồng 5, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa

Chính-phủ Pháp dâng đức Bảo-đại Bắc-đầu bội-tinh. — Ở Paris ngày mồng 6 tháng 8, theo lời đề-nghị quan Tổng-trưởng Thuộc-địa và hội-nghị tòa Nội-các Pháp, quan Giám-quốc ALBERT LEBRUN đã làm lễ dâng đức Bảo-đại đệ-nhất đẳng Bắc-đầu bội-tinh. Đến dự lễ có quan ALBERT SAURRAUT Tổng-trưởng Thuộc-địa và quan CHARLES hàm Toàn-quyền. Quan Giám-quốc có nói mấy lời chúc mừng sau này :

« Trong lúc Hoàng-thượng sắp từ-giã nước Pháp mà hội-loan, Chính-phủ Dân-quốc tôi xin dâng ngài tấm đệ-nhất bội-tinh này. Như vậy tức là Chính-phủ Dân-quốc tỏ lòng kính mến Ngài, mà mong rằng Ngài trị-vì đồng-y-kiến với các quan chức Bảo-hộ thì nước Nam sẽ được hưởng nhiều ân-huệ. Nước Pháp xin chúc nước Nam được hưởng nhiều hạnh-phúc, mà Ngài trị-vì sẽ được kết-quả mỹ-mãn hoàn-toàn. »

Đức Bảo-đại đáp lại rằng :

« Quả-nhân rất lấy làm cảm-động về cái danh-dự lớn nước Pháp tặng cho. Quả-nhân biết rằng cái danh-dự ấy là tặng cho tể-quốc cùng nhân-dân của tể-quốc, nên lại càng lấy làm quý lắm. Quả-nhân xin Ngài yên trí rằng quả-nhân sẽ chẳng phụ cái thịnh-tình ấy, xin lúc nào cũng là một người bạn rất thành-thực và trung-lín của nước Pháp là nơi mà quả-nhân đã trải qua mấy năm rất sung-sướng. »

Chính-phủ thái bết người tòng-sự các công-sở. — Quan Toàn-quyền PASQUIER mới gửi cho các công-sở một đạo thông-tư rằng :

« Vì muốn tiết-kiệm cho sò công-nhu, nên không những đình-chỉ việc tuyển nhân-viên vào các công-sở Đông-dương, mà còn phải dần dần giảm bớt một phần lớn trong số nhân-viên hiện đương tòng-sự nữa. Vậy thì các nhân-viên nào đến tuổi hồi-hưu, lập-tức phải cho về ngay, và bao nhiêu viên-chức phụ-biện hoặc công-nhật sẽ lần-lượt thái hồi hết. Vì số tiền dự-định hằng năm về các công-sở xưa kia vẫn trên dưới 300.000\$, nay hạ xuống chỉ còn 120.000\$, hay 130.000\$ thôi, nghĩa là xuống quá 50%.

« Các quan Chánh các sở sẽ phải đệ trình một bản danh-sách kê những nhân-viên không cần dùng đến nữa. »

Nước sông Hồng-hà lên to. — Ngày mồng 9, ở Hà-nội nước sông Hồng-hà lên tới 11^m 85, không kém gì hồi vỡ đê năm 1926. Nhưng năm nay các đê đã gia cao và bồi-trục ra nhiều, vả lại canh-phòng cẩn-mật, cho nên tuy nước to như vậy mà không sạt đâu cả.

Duy ngày mồng 7, đoạn đê thuộc làng Phan-xá (Thái-bình) bị sạt, dân ở gần đấy hết sức hộ giữ không được, hồi 12 giờ trưa hôm ấy đê vỡ, nước chảy vào ngập bầy làng gần đấy là : Thái-phú, Khánh-tường, Phan-xá, Tương-dòng, Tân-phong, Chi-phong và Kinh-đào.

Các bà chúa tổ-chức cuộc hát đê giúp dân bị bão lụt — Ở Kinh-dô Huế, các bà Mỹ-lương công-chúa, Ngọc-lâm công-chúa, Tân-phong công-chúa và bà Hoàng-nhũ An-lang có tổ-chức một cuộc hát tuồng đê lấy tiền cứu giúp những nạn-dân bị bão lụt ở miền nam Trung-kỳ. Các vai đóng tuồng thì toàn là các bà các cô công-nương và ngoại-thích tập-luyện đã thuộc, đêm hôm

mùng 8 và đêm 11 đã khai-diễn ở nhà Hội-dồng Nhân-dân đại-biểu hai lần tuồng *Lý-phụng-đình* và *Trầm-hương-đình*. Có quan CHATEL, Khâm-sứ Trung-kỳ, các quan Tây Nam và công-chúng đến xem đông, kết-quả được mỹ-mãn và công-chúng khen ngợi. Số tiền vào cửa công được 677\$50, đã đệ giao quan Công-sứ Thừa-thiên để gửi vào giúp cho nạn-dân. Số phi-tồn hết độ một trăm đồng thì do các bà tổ-chức chịu lấy.

Đức Bảo-dại hồi-loan. — Trước khi đức Bảo-dại hồi-loan, quan Thủ-tướng HERRIOT, quan Tổng-trưởng Thuộc-địa ALBERT SARRAUT cùng các vị yếu-nhân trong chính-giới, trong thuộc-địa-giới, có thiết tiệc tại lầu *Armenouville* thết đức Bảo-dại, có đông các quan Tổng-trưởng các bộ đến dự và quan Thượng-thư THÁI VĂN-TOẢN, hoàng-thân VĨNH-SAN, các quan cựu Tổng-trưởng Thuộc-địa, các quan cựu Toàn-quyền Đông-dương KLOBUKOWSKI, ROUME, CHARLES, BLANCHARD DE LA BROUSSE, MONGUILLOT, BOURCIER, SAINT CHAFFRAY, ông nghị OUTREY.

Khi tiệc nước, đức Bảo-dại đọc mấy lời sau này chúc quan Thủ-tướng HERRIOT :

« Quan lớn nhớ tới đức Hoàng-phụ tôi khi trước qua *Lyon* đã được quan lớn tiếp-dãi một cách rất thân-thiết và quan lớn có hứa rằng sẽ trông nom săn-sóc cho, tôi nay sắp về nước trị vì, được quan lớn lại đem lời thân-ái hùng-hồn phủ-dụ, khiến cho tôi vững dạ được rằng Chính-phủ sẽ sẵn lòng giúp tôi trong khi lĩnh trọng-trách, tôi thật lấy làm dốc lòng cảm tạ quan lớn lắm ».

Đoạn, đức Bảo-dại lại tỏ cùng quan Tổng-trưởng Thuộc-địa ALBERT SARRAUT mấy lời sau này :

« Thừa quan Tổng-trưởng Thuộc-địa, quan lớn thật là một vị Toàn-quyền có đại-danh đối với các đồng-bào chúng tôi. Quan lớn có cái tư tưởng khoan-

hông-quảng-dại, thật là một vị chúa-tể đã khéo đem lời lẽ nói cho ai nấy đều phải thấm-thía đến tận tâm-can mà lại biểu rõ được lẽ phải trái nữa.

« Riêng về phần tôi, xin quan lớn đề cho tôi tỏ cùng Ngài biết rằng tôi thật lấy làm mừng-rỡ hôm nay đây được họp mặt cùng ông bạn chí thân, là người đã tiếp đón tôi khi mới bước chân tới đất Pháp hồi năm 1922. Tình-cờ may-mắn xui nên, khiến cho khi tôi đến được chính ông bạn ấy tỏ lời mừng đón; khi tôi về cũng lại được chính ông bạn ấy tỏ lời tiễn biệt. »

Cuối cùng đức Bảo-dại lại tỏ cùng tất cả các quan khách mấy lời rất cảm-dộng sau này :

« Thừa các Ngài, lúc này tôi lại được dịp hồi-cố lại mười năm tôi đã qua ở qui-quốc, lòng tôi thật lấy làm cảm-dộng bồi-hồi.

« Khi tôi tới đất qui-quốc, hãy còn thơ-ấu, mới bập-bẹ được một vài tiếng nói của quý-quốc thôi. Thế mà nước Pháp đã tiếp-dãi tôi một cách rất êm-ái thân-mật, khiến cho tôi không khi nào còn tưởng mình là một người ngoại-quốc nữa. Nước Pháp đối với tôi thật như đối với một người con cưng vậy. Chính ở đất Pháp này mà trí-tuệ tôi mở-mang ra, tâm-hồn tôi bắt đầu biết cảm-giác cái tốt, cái đẹp ở đất Ba-lê có chứa-chan cái vui-thú kỳ-đị. Tôi sinh-trưởng đất Pháp, thành ra tôi biết yêu nước Pháp. Nay tôi biệt nước Pháp mà về thật tôi còn để lại ở nước Pháp một cái gia-dình thứ hai của tôi vậy : Nay các vị thầy học đáng tôn đáng quý của tôi, này các bạn chí-thân của tôi ! Thế thì, lạ là tôi còn phải nói thêm rằng nước Pháp bao giờ cũng có thể tin cậy ở sự đồng-lao cộng-tác rất trung-thành của tôi nữa ?

« Tôi quyết rằng đó chính là cái nguyện-vọng của Dân tôi. Nước Việt-Nam dốc lòng tin cậy ở nước Pháp, hiểu biết những công-osa của nước

Pháp, vậy chỉ dốc một lòng trông một đạo nhờ nước Pháp dắt-diu cho thôi.

« Vậy tôi xin nâng cốc rượu kính chúc quan Giám quốc Pháp, kính chúc quan Thủ-tướng HERRIOT đây và xin kính chúc nước Pháp, nước Nam mà tôi đều có cái tình-ái ngang nhau nữa ».

Đức Bảo-dại nói xong, cử-tọa đều vỗ tay hồi lâu.

Ngày thứ sáu 12 Aout, đức Bảo-dại biệt Paris xuống Marseille, các quan hộ-giá có quan Toàn-quyền CHARLES và phu-nhân, Hoàng-thân VINH-SAN, quan Phụ-đạo LÊ NHỮ-LÂM, quan Thượng-thư THÁI VĂN-TOÀN, quan Tuần-vũ NGUYỄN HY cùng các quan NGUYỄN VĂN-CẮP, NGUYỄN GIỀ, NGUYỄN CANH, ĐẶNG KHUÊ, LÊ Đ. NH-ĐÌNH, LÊ PHANG và LÊ NHƠN.

Những người đi tiễn ngài thì có vị đại-biểu quan Giám-quốc LEBRUN, quan phó Thủ-tướng RENOULT, PERRIER và đông các quan-chức khác đi tiễn xuống tận tàu.

Khi xuống đến Marseille có quan Tổng-trưởng Thuộc-dịa ALBERT SARRAUT, quan quận-trưởng, quan xã-trưởng cùng các thân-hào thành Marseille, nghênh-tiếp; phòng Thương-mại đặt cuộc tiễn-hành rất trọng-thề mà dâng đức Bảo-dại một tấm bội-linh của phòng Thương-mại Marseille; Hội Liên-hiệp các báo-quân thuộc-dịa ở đây cũng đặt tiệc tiễn-hành. Cuộc tiễn-tiếp chúc đáp đều tỏ ý rất kính-mến luyến-ái. Đoạn rồi đức Bảo-dại xuống tàu « d'Artaignan » vượt bể.

Chương-trình nghênh-tiếp đức Bảo-dại hồi-loan. — Sự nghênh-tiếp ngự-giá hồi-loan, lược đăng chương-trình như sau này;

Ngày 8 Septembre 1932

8 giờ : giá Ngự đến Đà-nẵng (Touraine) bằng thủy-trình, do chiến-hạm Dumont d'Urville. Hoàng-thượng ngự-giá cùng các quan-viên tùy-tùng.

Tại tòa Đốc-ly Đà-nẵng, Hoàng-thượng sẽ tiếp lễ yết-kiến của các quan lại và đại-biểu Tây Nam các quan Thủ-hiến các công-sở cùng các nhà đồn-diên.

11 giờ rưỡi : Hoàng-thượng ngự yến tại tòa Đốc-ly Đà-nẵng.

14 giờ : Hoàng-thượng ngự giá ra Huế bằng chuyến xe-hỏa riêng.

17 giờ : Ngự-giá đến ga Huế, quan Khâm-sứ, quan Phụ-chánh thân-thần cùng liệt-hiến văn võ bá-quan Tây Nam tại Huế đến nghênh-tiếp. Giá ngự sẽ từ ga Huế về Đại-nội, quan Khâm-sứ đưa ngự-giá vào đến Đại-cung-môn rồi trở về. Khi nghênh-tiếp ngự-giá tại ga Huế thì bá-quan Tây Nam mặc lễ-phục và thịnh-phục.

20 giờ : Dự yến.

Ngày 9 Septembre 1932

9 giờ : Quan Toàn-quyền sẽ đến ga Huế. Các quan-lại Tây Nam nghênh-tiếp ngài thấy là liệt-vị đại-hiến của hai Chính-phủ, tức là văn võ bá-quan Tây Nam như thường khi rước ngài, thấy mặc lễ-phục và thịnh-phục. Ngài về đình-trú tại phủ Khâm-sứ.

12 giờ : Dự yến.

15 giờ : Đức Bảo-dại cùng Nam-triều đến chào quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ, thấy mặc lễ-phục và thịnh-phục.

17 giờ : Quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ đáp thăm Hoàng-thượng tại điện Cần-chánh (lễ-phục và thịnh-phục).

20 giờ : Dự yến.

Ngày 10 Septembre 1932

6 giờ : Hoàng-thượng thiết-triều tại điện Thái-hòa, văn võ bá-quan lễ bái, cung hạ Hoàng-thượng, có mời quan-lại Chính-phủ Bảo-hộ dự lễ khánh-hạ ấy (lễ-phục, thịnh-phục và nhang-phục) 6 giờ đóng cấm cửa.

12 giờ : Dự yến.

Buổi chiều.

Hoàng-thượng sẽ ngự tại điện Quang-minh cho văn võ bá-quan đến yết-kiến.

1' 15 giờ : Hoàng-thượng tiếp lễ yết-kiến các đại-biểu viên Nhân-dân đại-biểu Trung-kỳ và hội-đồng kinh-lễ Tây ở Trung-kỳ.

2' 15 giờ rưỡi : Tiếp lễ yết-kiến các nhà báo-quán Tây Nam.

3' 16 giờ : Tiếp lễ yết-kiến của các viên đại-diện của các trường học.

20 giờ : Dự tiệc đại-yến tại phủ Khâm-sứ (mặc lễ-phục và thịnh-phục).

22 giờ : Tại phủ Khâm-sứ sẽ mở một cuộc đại-yến mừng ngự-giá hồi-loan. Trong tiệc ấy sẽ có cuộc ca-vũ (cát-phục).

Ngày 11 Septembre 1932

7 giờ : Duyệt binh tại trước cửa Ngọ-môn, có mời các quý-quan dự xem. Hoàng-thượng sẽ ban thưởng các hạng huy-chương cho quan-lại trong khi duyệt binh ấy, (Lễ-phục hoặc nhung-phục). 7 giờ đúng cấm cửa.

10 giờ : Dự yến.

20 giờ : Thiết tiệc đại-yến tại trong Đại-nội (lễ-phục và thịnh-phục).

22 giờ : Mở tiệc đại-yến và ca-vũ, có mời các quan-lại Tây Nam dự yến.

Ngày 12 Septembre 1932

Buổi mai sớm quan Toàn-quyền sẽ từ-giã Kinh-đô ra Hà-nội.

Phái-bộ Bắc-kỳ vào yết-kiến đức Bảo-đại. — Nhân đức Bảo-đại đã sắp ngự về Kinh-đô Huế, nên Chính-phủ cử các quan-chức và các nhà đại-biểu sau này vào Huế yết-kiến đức Bảo-đại :

Quan Thống-sứ THOLANCE đại-biểu cho Chính-phủ Bảo-hộ ; quan Tổng-đốc HOÀNG TRỌNG-PHÚ đại-biểu cho các Nam quan tại-chức ; quan Tổng-đốc NGUYỄN NĂNG-QUỐC đại-biểu cho các hưu-quan ; ông PHẠM HUY-LỤC Nghị-trưởng Bắc-kỳ đại-biểu cho Nhân-dân

Đại-biểu-viện ; ông PHẠM QUỲNH chủ-nhiệm báo *Nam-Phong* đại-biểu cho các báo-quán An-Nam. Đến mồng 6 tháng 9 này phái-bộ sẽ khởi-hành vào Huế.

Khánh-thành đường thuộc-địa số 20. — Ngày 18, quan Toàn-quyền PASQUIER đã làm lễ khánh-thành con đường thuộc-địa số 20 từ Djiring đến Sài-gòn.

Thi-hành tờ thương-ước Đông-dương với Nhật-bản. — Chính-phủ Pháp và đại-sứ Nhật đã ký tờ thương-ước Đông-dương với Nhật-bản từ ngày 13 Mai 1932, đến 26 Aoút này mới thi-hành tạm-thời tờ thương-ước ấy cho đến khi tờ ấy được Nghị-viện chuẩn-y.

Tờ thương-ước này cho Nhật-bản đem những hàng-hóa sau này vào Đông-dương được hưởng thứ thuế rất hạ hoặc được giảm : Các thứ đồ ăn, cá khô, bột, hoa quả, chè, thuốc-lá, thịt xấy, v.v.. Mỡ được giảm 40 0/0 ; sữa được giảm 20 0/0 ; rượu «bia» đóng chai giảm 50 0/0, đóng thùng giảm 20 0/0. Về loại kim-khí, hóa-học và khoáng-chất, thì than đá, các chất phân có đạm-chất được hưởng thuế cực hạ ; còn sắt, thép, kẽm được giảm 50 0/0. Các hóa-vật làm trong nhà máy ra như gương soi được giảm 20 0/0 ; đường giảm 30 0/0 ; đèn điện giảm 30 0/0. Đồ dệt và sợi được giảm 40 0/0 ; đồ tơ lụa của Á-châu, và hàng tơ nhân-tạo được hưởng thuế cực hạ. Các đồ bằng cao-xu được giảm 15 0/0 hoặc được hưởng thuế cực hạ tùy theo là đồ-vật gì.

Những thứ hàng hóa của Đông-dương kể sau đây đem sang Nhật-bản cũng được hưởng thứ thuế cực hạ : Ngô, cao-xu sống, nhựa, sơn, bông, vân-vân.

Những viên-chức Công-sở Nam-kỳ không được nghỉ chiều thứ bảy nữa. — Quan EUTROPE Thống-đốc Nam-kỳ đã thông-tu cho các quan đầu sở và các

quan dầu tình đều bãi lệ nghỉ chiều thứ bảy của các viên-chức.

Người chết đói ruộng bỏ hoang. — Huyện Thanh-chương thuộc tỉnh Nghệ-an Trung-kỳ mấy năm nay bị mất mùa đói kém, gia-dĩ binh-hỏa loạn-ly, nhân-dân bị đói chết nhiều lắm, thậm-chí có làng người ở rất ít, ruộng nương bỏ rờm, như hai làng An-lạc-thượng và An-lạc-hạ thuộc tổng Xuân-lâm huyện này, trước kia dân-cư đông-đức, nay chỉ còn có 20 dân-đình, ruộng đất bỏ rờm, rao giá bán mỗi mẫu 10 đồng, 5 đồng bạc cũng không có ai mua. Quan trên phải trích tiền công-quĩ ra 400 đồng để cho dân làng khác mua trâu bò đến ở hai làng ấy mà làm ruộng.

Người Việt-Nam ở bên Ai-lao. — Người Việt-Nam ta sang thực-dân bên Ai-lao ở xứ *Thakhek*, từ mười năm trước đây, trước ít sau dần dần nhiều thêm, những sự cần-dùng hằng ngày của từng người phần nhiều thiếu-thốn, bởi thế những người có kiến-thức mới đề-xương các người đồng-bang lập thành hội-đảng, đề cùng liên-lạc giúp đỡ nhau.

Hội đã thành-lập từ năm 1926, gọi là Hội Việt-Nam ái-hữu, năm 1927 đã dựng được Hội-quán và đền Hùng-vương. Câu đối ở Hội-quán rằng :

*Bách-Việt tử tôn, bản nhất bào sinh
dai huyết-thống ;*

百粵子孫本一胞生皆血統.

*Nhị-Lao sơn thủy, dữ đồng bang xứ tức
gia-hương.*

二牢山水與同邦處卽家鄉.

Nghĩa là :

Nòi Bách-Việt ta, huyết-thống sinh ra nguyên một giống ;
Đất Nhị-Lao đó, đồng-bang cùng ở tức là nhà.

Ở chốn trời tây, phảng-phất bóng Hồng-Lạc, khiến khách tha-phương khuây được đôi phần cố-quốc.

Hội đã làm được mấy việc : Dựng hội-quán, mở nghĩa-trang, dựng thư-viện và nhà câu-lạc-bộ (*cercle*).

Anh em Việt-Nam bên *Thakhek* ở vào giữa dãy phố tối mò, nay đã có đèn điện sáng choang, những khi việc rỗi đêm nhàn, nào chuyện-trò vui-vẻ, nào đọc sách xem báo ở nhà hội « *Cam-mon Việt-Nam Ái-hữu* ». Những người tuổi cùng số tận, không đến nỗi gửi nấp xương vô-chủ ở chốn rừng hoang.

Gạo ta xuất-cảng. — Trung-tuần tháng 8 này, tại bến Sài-gòn xuất-cảng gạo và tấm tới 5.721 tấn.

Than Đông-dương bán sang Hoa-kỳ — Đông-dương ta đương thương-lượng đề bán cho Hoa-kỳ 30 vạn tấn than. Người Hoa-kỳ mua để dùng cho các pháo-dài đặt dọc miền duyên-hải. Hoa-kỳ mua than của Đông-dương lần này là lần đầu.

Việc buôn-bán ở Đông-dương với Hương-cảng. — Trong tháng 7 vừa rồi, số hàng-hóa của Đông-dương bán vào Hương-cảng được là 3.423.000 *dollars*, so với tháng 7 năm 1931 thì kém mất 977 000 *dollars*.

Số hàng-hóa của Hương-cảng bán vào Đông-dương được là 3.395.000 *dollars*, so với tháng 7 năm 1931 thì hơn được 1.124.000 *dollars*.

Trường Cao-đẳng sư-phạm. — Một đạo nghị-định quan Toàn-quyền ký tại Sài-gòn ngày 24 Juillet 1932 có định lại quốc-xác trường Cao-đẳng Sư-phạm Hà-nội. Trường ấy có hai ban : ban văn-chương và ban khoa-học. Học-trò vào trường ấy như sau này :

Vào ban văn-chương phải có bằng tú-tài bản-xứ hay là bằng tú-tài tây (đỗ ban triết-học); vào ban khoa-học thì phải có bằng tú-tài bản-xứ hay là

bằng tú-tài tây (đỗ ban toán-học). Mỗi năm học-trò lấy vào trường bao nhiêu đã do quan Toàn-quyền định, chiếu tờ tư của quan học-chính.

Nếu nhiều người xin quá thì sẽ mở kỳ thi thuyên vào.

Thề-lệ mới về các trường học tư. — Quan Toàn-quyền vừa ký nghị-định sửa lại mấy điều trong thề-lệ các trường tư-thực ở Đông-dương như sau này :

1^o Các viên đốc-học người Pháp mở các trường tư dạy về bậc trung-học thì dạy về trung-học Pháp ít ra phải có một bằng *licence de l'enseignement secondaire*, mà dạy về bậc trung-học Pháp-Việt thì ít ra phải có một cái bằng *licence de l'enseignement secondaire* hay là bằng *certificat d'aptitudes au professorat* ở các trường Sur-phạm hay Cao-dẳng tiểu-học Pháp-Việt.

2^o Các viên đốc-học người bản-xứ muốn mở trường dạy về bậc trung-học thì dạy về bậc trung-học Pháp ít ra phải có một cái bằng *licence de l'enseignement secondaire* và dạy về bậc trung-học Pháp-Việt thì ít ra phải có một bằng *licence de l'enseignement secondaire* hay là bằng *certificat d'aptitudes au professorat* ở các trường Sur-phạm hay Cao-dẳng tiểu-học Pháp-Việt.

Trong lúc thay đổi, thì các viên đốc-học Tây và bản-xứ các trường tư dạy bậc trung-học Pháp hay Pháp-Việt, đã được phép từ trước tới khi có nghị-định mới này vẫn cứ được khai-giảng như thường, không bắt-buộc phải có các văn-bằng như nói trong nghị-định mới.

Cấm sách « Triệu Quang-Phục ». — Có lệnh cấm trong địa-hạt Bắc-kỳ không được lưu-hành, không được phát-mại, không được tàng-trữ cuốn sách quốc-ngữ nhan đề là « Triệu

Quang-Phục » do nhà in Long-quang xuất-bản.

Thề-lệ mới về việc cất rượu ở xứ Bắc-kỳ. — Phủ Thống-sứ vừa tư cho tòa Trị-sự viện Dân-biểu Bắc-kỳ biết các thề-lệ nấu rượu tại Bắc-kỳ từ tháng bảy tây năm 1933 là thế nào, tưởng nên công-bố để quốc-dân đều biết.

1. — Những người có ý xin phép mở lò cất rượu hình như bản-khoản nhất về cái thời-hạn được nấu là bao nhiêu, muốn biết cho đích-xác. Vậy nên nói rõ cho những nhà có ý mở lò nấu rượu biết rằng cái thời-hạn ấy là một năm và cứ mỗi năm đến ngày 31 tháng chạp thì lại được thêm hạn một năm nữa. Muốn xin thêm hạn ấy thì một tháng trước khi hết hạn, người chủ lò chỉ việc làm đơn xin là đủ.

Vậy thì cái giấy phép cho nấu rượu là giấy cho thường-trực, chỉ khi nào phạm tội gian-lậu theo như thề-thức đã định rõ trong nghị-định ngày 18 Octobre 1921 thì mới phải bãi thôi.

Nhưng nếu lò rượu đóng cửa trong một hạn quá sáu tháng, hoặc là cái số rượu cất trong sáu tháng không được bằng một phần mười ($\frac{1}{10}$) cái số đã khai trong đơn xin mở lò và sở Thương-chính đã công-nhận trước, thì người chủ lò lại phải xin phép mở lò một lần nữa.

2. — Còn như đối với sự kiểm-soát của sở Thương-chính thì người chủ lò phải lo nhà ở cho viên thương-chính ủy đến trông nom, lại phải nộp cho sở Thương-chính một khoản tiền thuế về việc trông nom ấy, phỏng chừng ngang với số lượng tính bằng bạc của một viên chánh-quản hạng ba ngạch Tây (*brigadier de 3^e classe*) và tăng thêm 30% nữa, với số lương của hai viên giám-thị hạng nhất ngạch An-Nam (*surveillant de 1^{ère} classe*) cũng tính bằng bạc và lại tăng thêm 10% nữa. Các khoản tiền ấy hiện nay cộng là 6.058\$ một năm.

3.— Tiền thuế tiêu-thụ, cứ ở lò đem ra thì rượu phải nộp mỗi *litre* nguyên chất là 0 \$ 45 theo nghị-định ngày 5 juillet 1931. Nếu giá thóc gạo không lên thì cái thuế trên ấy có lẽ giảm đi.

4.— Sau nữa các tổng-lệ đặt cho các lò rượu phải tuân theo thì đã dự-định ở trong nghị-định ngày 18 octobre 1921. Nghị-định ấy sẽ sửa đổi lại một vài chỗ, mục-đích là định rõ lại một vài điều lặt-vặt, hiện đã đệ-trình ban Thường-trực. Đại-hội-nghị từ mấy tháng nay và chỉ nay mai thì y.

Các tổng-lệ ấy có thể tóm lại như sau này :

A. Trước khi dựng lò

Người nào muốn xin phép dựng lò cất rượu thì trước hết phải :

1^o) gửi cho quan Giám-đốc Thương-chính (*Directeur des Douanes et Régies*) một cái đơn làm bằng tin-chỉ khai rõ muốn dựng lò ở đâu, cách-thức cất rượu thế nào và dùng những vật-liệu gì để cất, mỗi ngày có thể cất được bao nhiêu, rượu cất thuộc về hạng nào, cùng là phải cam-đoan sẽ tuân theo hết các thể-lệ hiện-hành về việc xây dựng và việc hành-động các lò rượu ;

2^o) đính vào đơn xin ấy một cái bản-đồ kê - khai mọi phần trong lò rượu (những nhà chứa các vật-liệu và mọi hóa-vật khác, tường bao bọc lò rượu, quãng bỏ không để chứa từ các nhà cho đến tường bao bọc đường đi tuần ở ngoài, vắn vắn) và một cái bản-đồ nhà ở của viên thương-chính kiểm-soát lò rượu ít ra phải có bốn phòng và các nha dưới).

Đơn ấy sẽ do Chính-phủ xét và phải đợi quan Giám-đốc thương-chính cho phép thì mới được bắt đầu dựng lò.

Ngoài thể-lệ ấy người chủ lò lại phải xin phép quan Thống-sứ nữa (thể-lệ về các xưởng hay các nhà máy có hại).

B. Lò rượu khi đã dựng rồi

Lò rượu khi đã dựng xong thì có một hội-đồng khám xét, nếu làm đúng như bản-đồ thì quan Giám-đốc Thương-chính hoặc quan đại-biểu sẽ cấp cho chủ lò một cái môn-bài cất rượu (không mất tiền) và nếu có cần thì cấp cho một cái môn-bài chứa rượu (giá 10 \$), một cái môn-bài đại-ti (giá 3 \$) hay là một cái môn-bài tiêu-bài (không mất tiền).

C. Khi lò rượu đã hành-động

Về việc hành-động các lò rượu thì phải theo các thể-lệ sau này :

1^o Các lọ đựng, ống-rắn, nồi nấu cùng các thứ đồ dựng đem dùng trong lò rượu thì người chủ lò phải khai. Phàm thay đổi gì đến các vật chứa ấy và đèn bì các vật ấy thì phải khai trước và mỗi lần thay đổi các vật ấy lại phải làm biên-bản.

2^o Người chủ lò phải có một cái cân, những quả cân Tây và thước đo rượu (*alcoolemètre*) và phải có người sẵn dùng vào việc cân đo các vật-liệu hay các hóa-vật khác.

3^o Người chủ lò phải làm giấy khai cho viên thương-chính kiểm-soát biết mọi điều về việc cất rượu trong lò, để viên ấy có thể trông coi những vật đem vào và trông coi việc cất, cùng là xét nghiệm công-việc làm thế nào.

4^o Cái cổng chính của lò rượu phải đóng luôn, phàm thợ ra vào, các vật-liệu hoặc là than củi đem vào cùng là người làm ở trong lò đi ra, và đem các bã rượu và hóa-vật đã làm xong thì phải cho ra vào đúng giờ nhất-định và ở trước mặt viên thương-chính kiểm-soát.

Ấy cái chế-độ nấu rượu ở Bắc-kỳ từ tháng bảy tây sang năm trở đi, đại-đề là thế. Ai muốn biết rõ những điều lặt-vặt thế nào thì có thể đến hỏi quan Thanh-tra Selsis ở nha Thương-chính.

Còn như men nấu rượu thì các chủ lò có thể làm lấy, hoặc là mua của những nhà được phép làm men theo như thể-lệ đã định trong nghị-định ngày 22 juillet 1932.

Ông Nguyễn Hữu-Thu tạ thế. —

Ông Bạch Thái-Bưởi vừa mất được một tháng, nay lại đến ông Nguyễn Hữu-Thu. Ông Bưởi ông Thu, hai ông là hai nhà thực-nghiệp trứ-danh ở Bắc-kỳ trong khoảng hai ba mươi năm nay, công-nghiệp doanh-thương cũng là gần suýt-soát nhau, ai đến đất Hải-phòng cũng là nghe đến tên lừng-lẫy của hai ông. Ông Thu không những là một nhà thực-nghiệp, cũng làm thầu-khoán cũng làm chủ tàu như ông Bưởi, ngoại-giả lại còn làm chính-trị nữa, trong mười mấy năm làm nghị-trưởng viện Dân-biểu Bắc-kỳ. Ông Bạch và ông Thu mất là bẽ-mạc một thời-kỳ trong lịch-sử khai-hóa đất Bắc này, là thời-kỳ tân-tạo, toàn những người tay trắng làm nên, xuất thân hàn-vi mà gây được cơ-nghiệp đồ-sộ.

Ông Nguyễn Hữu-Thu mất ở Hải-phòng ngày 25 tháng 8, thọ 63 tuổi, ngày chủ nhật 28, 4 giờ chiều an-táng tại nghĩa-địa tây của thành-phố. Khi hạ-huyệt, quan Thiếu-bảo Hoàng Trọng-Phu, hội-trưởng hội Khai-trí Tiến-đức thay mặt hội đọc bài diếu văn như sau này :

« Thừa các ngài,

« Mới tháng trước đây chúng ta đi đưa đám ông Bạch Thái-Bưởi. Nay lại đến đưa đám ông Nguyễn Hữu-Thu. Có trong khoảng không đầy một tháng trời mà thành-phố Hải-phòng thiệt mất hai bậc tai mắt, hai tay đại-thương, hội Khai-trí Tiến-đức chúng tôi mất hai vị phó hội-trưởng rất có công với Hội từ khi sáng-lập đến giờ.

« Tạo-hóa ghen chi nhân-tài đất Bắc, mà khiến cho mấy tuần lễ sau khi ông Bạch tạ-thế, ông Nguyễn cũng nổi gót

theo liền, cùng nhau phứt chốc thành người thiên-cổ, để thương để nhớ cho kẻ thân-bằng cố-hữu.

« Họ Bạch họ Nguyễn bấy lâu nay đã tri danh trong nước, từ Nam chí Bắc ai là không biết tiếng biết tên. Trong khoảng ba mươi năm trở lại đây, hai ông đã chiếm một cái địa-vị đặc-biệt trong lịch-sử khai-hóa, lịch-sử thương-nghiệp nước Nam ta. Người Nam bắt đầu ra ăn chơi với đời theo lối mới, mà đến thành-công nổi tiếng là tự hai ông trước. Hai ông thật đã có cái công hướng-đạo cho quốc-dân trên con đường thực-nghiệp.

« Nhưng ông Nguyễn không những là một nhà thực-nghiệp, lại là một nhà chính-trị nữa. Tự khi Chính-phủ đặt ra viện Tư-vấn, rồi sau đổi làm viện Dân-biểu, trong bao nhiêu năm ông giữ chức viện-trưởng, nghiêm-nhiên làm người tiêu-biểu cho cả xứ Bắc-kỳ, « quan trên ngó xuống, người ta trông vào », có danh-giá mà cũng rất xứng-dáng.

« Như vậy thời ông vừa là người tiên-phong trên trường thực-nghiệp, lại vừa là người tiên phong trên trường chính-trị nữa.

« Nhưng ngoài việc doanh-thương, việc quốc-chính, ông lại nhiệt-thành săn-sóc đến việc xã-hội. Phạm những công cuộc khai-hóa, công việc từ-thiện ông đều có dự phần cả.

« Ông là một tay sáng-lập ra hội Khai-trí Tiến-đức. Ngay tự năm đầu ông đã được anh em trong hội bầu làm chức phó-hội-trưởng, mãi cho đến gần đây, vì bận công-việc ông mới xin từ-chức, đồng-nhân đều lấy làm tiếc lắm.

« Đối với quốc-gia, đối với xã-hội, ông là người có công khai đường mở lối như vậy, rồi sau nhà làm sách chép cận-sử nước Nam trong khoảng hai ba mươi năm nay không thể không nhắc đến tên ông vậy.

« Còn ông làm người thời thành-thực trung-hậu, hay diu-dắt cho đàn em, tác-thành cho kẻ khác. Ông tin văn-minh của Thái-tây có thể cải-tạo được giống-nòi, nên trong cách xử-sự ở đời, trong cách dạy-dỗ các con, trong cách khuyê-t-rấn kẻ hậu-tiến, ông đều muốn lấy cái

văn-minh ấy làm khuôn-mẫu.

« Ông thật là một người đàn anh trong phái tân-tiến nước Nam vậy.

« Tôi xin thay mặt hội Khai-trí cúi đầu kính viếng trước linh-cữu ông, và trân-trọng chia buồn cùng quý-quyển ».

DU-LUẬN TRONG NƯỚC

Nhân cuộc hồi-loan của vua Bảo-đại hai chữ cải-cách lại thấy lời ra.
—Sau khi quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa Pháp là ông P. REYNAUD sang kinh-lý xứ Đông-dương, dư-luận xứ này đã một lần xôn-xao bàn đến vấn-đề cải-cách.

Ít lâu rồi thấy im đi. Bây giờ đến phiên vua Bảo-đại về nước, hai chữ « cải-cách » lại thấy bà con ta nhắc-nhôm đến nó. Chắc nó cũng có duyên-nợ với xứ này trong buổi này sao đây...

Hôm rày trong Nam ngoài Bắc, thấy các báo đăng tin vua ta đi du-học sắp về, rồi đây ngài sẽ làm-chánh. Ai ai cũng chú-ý mà kỳ-vọng coi ngài ở hai chữ « cải-cách ». Tùy chỗ lập-trường mà phát-biểu ý-kiến, nhà dân-biểu bàn về vấn-đề cải-cách nghị-viện, nhà địa-lý bàn về vấn-đề cải-cách quốc-đô, nhà viết báo muốn được ngôn-luận tự-do, không nói rõ ra, chứ thật cũng muốn nhân cơ-hội này mà cải-cách chế-độ kiểm-duyet. Trừ ra nhà lập-hiến Phạm Quỳnh, vấn-đề cải-cách, quan-trưởng Trung, Bắc, người vẫn theo mãi bấy lâu nay, chứ không phải đến bây giờ mới phát-biểu; song đã có công đeo đuổi, mà lại gặp cơ-hội này, thì nhà lập-hiến ta lại càng thêm mạnh miệng hơn nữa.

Cải-cách! Cải cách! anh nhờ có cuộc hồi-loan của nhà vua, mà được người ta kêu gọi đến anh, chúng tôi với anh vẫn có chút tình dan-điu, nếu khư-khư giữ riết cái thái-độ quá-ư-trung-lập, chẳng hóa ra vô-tình với anh lắm sao?...

Vậy hôm nay chúng tôi xin đem ý-kiến mà dãi bày ra đây, dầu thích-hợp cũng chẳng, cũng gọi là một tiếng đề chào vị tân-quân về nước.

Vả xưa nay cách dạy vua của nước ta, lúc ở đông-cung thì đặt quan Phụ-đạo, lúc lên làm vua thì đặt quan Thị-giảng, sự học của vua chỉ chung quanh trong vòng cung-điện, chớ chưa hề một bước bước ra ngoài, nay vua Bảo-đại cất mình qua Pháp cầu học, mà lại học chung với con nhà bách-tinh một trường, xem nội sự học của nhà vua, đã thấy là một điều cải-cách rất mới ở xứ ta rồi vậy. Bây giờ tuổi lớn học đầy, hồi-trào làm-chánh, lẽ nào lại không đem điều đã thấu-thái ở Âu-tây mà thi-thố cho đất nước này. Thế thì bà con ta đạo này mà hô-hào cải-cách, tất có ảnh-hưởng hơn hồi năm ngoài nhiều lắm; vì năm ngoài quan Thượng REYNAUD qua đây chỉ một tháng rồi về Pháp, chẳng bao lâu ngài lại ra khỏi bộ thuộc-địa, chớ vua Bảo-đại về đây, nước ta vua ta, thì tình-thế lại khác với quan Thượng, đó là một sự có thể chắc do điều so-sánh về phương-diện khách quan vậy.

Còn về mặt chủ-quan, thì chúng ta chưa thấy nhà vua biểu-thị ra sao, và chúng ta cũng không phải là hạng người từng gần gũi với ngài, thì làm sao mà biết rõ ý-hướng của ngài chú-trọng về việc nào trước. Vả lại trong khi làm-chánh, ngoài có Chính-phủ Bảo-hộ, trong có các thân-vương, đại-

thần, thì công việc liễn-hành, không phải một mình nhà vua đoán-quyết mà được.

Chúng tôi không dám đem ý-kiến riêng, và dựa vào chỗ lập-trường riêng của mình mà bàn về vấn-đề cải-cách đối với vị tân-quân bằng cách ức-đặc, chúng tôi cứ do chỗ quan-sát đã qua mà suy-đoán thôi.

Vì chúng tôi thấy khi vua tiếp đãi các anh em quân-vọt ta trong cuộc đấu-xảo thuộc-địa bên Pháp, ngài không tưởng mình là bậc vua chúa mà không chơi với kẻ thường-dân; trong đó tuy có linh-cách hăm-mộ thể-thao, nhưng ta đọc bức thư ngài gửi cho nhà vô-dịch Chim độ nọ thì càng rõ biết cái sự học của ngài nó đã biểu-lộ trên câu văn ra sao rồi vậy.

Nói thế chắc có người cho chúng tôi cũng bất-quá đứng về lập-trường của phương-diện binh-dân mà lập-luận. Nhưng xét kỹ ra nhà vua ta ngàn dặm bằng sương, mười năm đèn sách, há lại chẳng rõ trên thế-giới này chẳng thiếu gì nước không có vua mà nước vẫn đứng, chớ đâu có nước nào là nước không có dân?...

Do theo quan-niệm nhân-sinh của nhà vua, và cứ theo tình-hình dân-sinh trong nước, chúng tôi thiết - tưởng đương hồi quốc-dân ta chịu chung nạn kinh-lẽ khủng-hoảng với thiên-hạ, cái cấp-vụ cải-cách ngày nay, không gì cần hơn là vấn-đề thực-nghiệp...

Trào lưu thế-giới cứ theo công-lệ thiên-diễn mà tấn-tới, nhất - thiết mọi phương diện trong xã-hội không cách cũng cải, không cải thì cách, cải với cách là sự tất-yếu của đời người, của quốc-gia xã-hội. Thuận với trào-lưu thì còn thì tới, bằng nghịch hẳn thì mất thì lùi, ngày nay chẳng còn ai mà không nhìa nhận lẽ ấy nữa. Hôm nay chúng tôi mà nói chuyện cải-cách, là nhân cuộc hồi-loan của vua Bảo-đại mà ứng-họa với bà con cho có tiếng, và luôn tiện xin chúc ngài đi đường với cụ Hộ Thái Văn-Toản được bình-an vô-sự là hay hơn.

Còn việc cải-cách ra sao, đợi đến khi ngài lâm-chánh, chúng tôi sẽ bàn theo việc.

LÊ DƯƠNG
(Bảo Trung-lập)

Một cái tục-lệ rất có phương hại đến nhân-cách

Cái lạy.— Lễ là gì? Theo lời tiên-nho đã giải-thích thì lễ tức là nhân theo nhân-tình mà làm ra tiết-văn (有人情而為之節文); mà đức Khổng-tử cũng nói rằng: « Sự dùng của lễ, hòa làm qui 禮之用和為貴 ». Nói rằng tiết-văn, nói rằng hòa, tất là trong lúc thái-bình vô-sự, nhân-dân an-lạc, sinh-kế dồi-dào, mới đặt ra những chuyện văn-sức nghi-tiết, theo nhân-tình mà làm ra, nên người xưa lại có câu: « Lễ thuận nhân-tình 禮順人情 ». Đã rằng lễ thuận nhân-tình, thì cái gì trái với nhân-tình thì không gọi là lễ.

Ở phương đông ta mà nói đến lễ, rất là phiền-phức, ở về cái đời người xưa đất rộng, làm ăn dễ-dàng, người xưa ngồi không đất ra làm trò nghi-tiết, các nhà đế vương mỗi đời mỗi vun bồi lên để giữ cái tôn-qui của mình, các nhà hủ-nho lại theo mà phụ-họa tô vẽ thêm nữa. Bởi vậy nên nói đến lễ thì trong trí người đời ai cũng hiểu ngầm là một sự tổn tiền mất công phi thì-giờ, tựu-trung có một cái lễ xưa truyền lại thành cái tục quen mà rất có phương-hại cho nhân-cách, tức là cái « lạy 拜 ».

Cái « lạy » ở xứ ta, là một cái lễ-tục thông-hành đã lâu, không phải là thuận theo nhân-tình mà đã thành một cái pháp-luật bó-buộc. Trừ cúng lễ lễ-liên thần-thánh ra, nhất là đối với vua quan, nhất-định phải dâng cái vật « thổ sản không vốn » ấy. Từ người Pháp sang bảo-hộ nước ta, đem cái lễ-pháp văn-minh giản-tiện sang, trong trường giao-lễ, bao nhiêu những điều phiền-phức vô-ích đã trừ bỏ dần-dần, nên trước 30 năm, đã có lệnh bỏ lạy. Từ đó về sau, tuy người Nam còn nhiều

kẻ giữ theo thói hủ, làm cách qui lạy đó, song đối với người Tây thì không ai thích bao giờ. Hiện trong xứ ta ngày nay một người lính vào yết kiến quan Toàn-quyền, một người dân vào hầu quan Khâm-sứ, có việc gì thì bầm thưa việc ấy, không buộc ai phải lạy, mà có cái gì gọi là thất-kính hay là giảm mất cái vẻ tôn-nghiêm kia đâu. Mà trong quan-trưởng lâu nay, những người thức-thời cũng đã bỏ cái thói hủ ấy.

Gần đây nhân dịp đức Bảo-đại về nước, quan-trưởng đương trừ nghi-liết nghênh-yết, nhân có vấn-đề « mấy ông dân-biểu có phải lạy không? » Nghe đâu trong đám dân-biểu có nhiều ông không chịu theo tục-lệ ấy (chính ông nghị-trưởng Nguyễn Trác, cùng ông thư-ký Trần Bá-Vinh cũng tỏ ý không thuận), lấy lẽ rằng:

1) Dân-biểu là một cơ-quan nghị-pháp, ấu-trĩ mặc dầu, không đứng chung với hàng quan-lại là bộ-phận thừa-hành.

2) Cái tục qui lạy, bắt người ta cúi đầu sát đất là cách đãi người mất cả nhân-cách.

3) Hức vua du-học trên 10 năm nay đã hấp thụ không-khí văn-minh tự-do bên nước Pháp, nay về nước tất không buộc thân-dân làm cái tục hủ ấy, huống-chỉ là đối với việc dân-biểu?

Hiện chuyện này còn đương thương-xác, và một vài tờ báo trong Nam ngoài Bắc cũng đã bàn qua, chưa rõ giải-quyết thế nào.

Đối với vấn-đề « lạy » này, về phái tây-học nhất là các nhà mặc Âu-trang thì toàn là phản-đối, điều ấy cố-nhiên. Ký-giả là một nhà Hán-học, vẫn nửa đời người sống trong cái lễ-giáo phiền-phức kia, không say Âu-hóa như ai, song đối với vấn-đề « lạy » thì cũng nhận là không thích với thời-thế. Nhân có một điều kiến-giải, xin đem thuyết cõ mà hiến cùng độc-giả:

Cứ theo cái lối « lạy » thông-hành ở xứ ta (chống tay cúi đầu sát đất mà ngóc lên gục xuống), giống như theo

thuyết các nhà nho thêu dệt sau mà không phải thánh-hiền bày ra như thế. (Kính lễ toàn là lời Hán-nho).

Chữ « bái » (拜 lạy) thấy trong sách vở kinh Thư là đầu tiên. Ở đời Nghiêu Thuấn (trước Gia-tố 2000 năm) mà có câu: « Bái thủ kê thủ 拜手稽首 », thì « bái thủ » có lẽ như ta xấp tay, chứ không phải cúi đầu sát đất như tục ta thường làm. Nếu như bái mà cúi đầu sát đất thì chữ « kê thủ稽首 » kia dư ra, nên Tuân-tử cũng giải-nghĩa rằng: « Bái bình hoành giả 拜平衡也 » (lạy là đứng mình cho cân). Xem đó thì xấp tay đứng cân, tỏ ý kính-trọng là đủ. Ấy là nói qua nghĩa chữ bái 拜, như có nghi-tiết « năm qui ba khấu 五跪三叩 » cùng phủ-phục, hưng, bái 俯伏興拜 chằng nữa, trong lúc tế thần lễ thánh, có thiết vị trái chiếu sạch sẽ hân-hoi kia.

Không những thế thôi, theo trong kinh Lễ xưa dạy cũng có mấy điều miễn lạy.

1) Ông già. — Người già không lạy gán sức làm lễ (老者不以筋力爲禮). Lớn nhỏ có thứ-tự (長幼有序) là một cái luân trong ngũ luân, nay bắt kẻ già lạy người trẻ, ấy là trái với luân-thường nên trong lễ được miễn.

2) Quân-nhân. — Kẻ sĩ mang đồ võ-trang, không lạy (介冑之士不拜). Ở đời dân-tộc cạnh-tranh này, ngày nào cũng phấn-đấu với sự sống, không khác chi là quân-nhân, như đồ Âu-trang có khác gì giới-trụ đời xưa đâu, vậy theo lễ cũng miễn lạy.

3) Hạng thứ-nhân. — Lễ không buộc kẻ thường - dân (禮不下庶人). Ở trong xã-hội giai-cấp dân là hạng mạt, thánh-hiền xưa không trách lễ nghĩa đến hạng đó. Xem như nói: « Ăn mặc đủ mà sau mới có lễ-nghĩa » cùng « cứu sống không rồi, có rảnh đâu mà sửa-sang lễ-nghĩa 衣食足而後禮義興。救死不暇何暇治禮義 » thì rõ cái lễ lạy không buộc đến dân.

Không cần dẫn các lối văn-minh mới, chỉ viện theo lễ xưa: ông già

không lay, quân-nhân không lay và binh-dân không lay, như trên đã kể, thì viện Dân-biểu há lại không đứng vào một hạng trong cái lễ « miến lay » kia sao? Huống là ở vào thời-đại nhân-quyền thịnh-hành cùng dưới chính thể Bảo-hộ văn-minh và đối với một vị vua hấp-thụ không-khí tự do trên 10 năm nay, tất là không nhận cái tục lễ « lay » ấy làm quan-trọng.

NGU-SƠN
(Báo Tiếng-dân)

Một vấn-đề trái mùa: vấn-đề đời đô. — Đức Bảo đại đương còn ở bên Paris; r-ời có tin hồi-loan đầu tháng Septembre tới đây. Trên thi chánh-phủ đương bàn-định công-việc chánh-trị sau lúc đức Vua mới thân-chánh, dưới thi nhân-dân đương ngóng trông đức-chính mới do cái học văn-minh của nhà vua mang về mà sắp đặt công-việc quan-hệ là dường nào! Mà hốt-nhiên trong khoảng không-khí êm-dềm ấm-thấm, bỗng thoát ra một cái chiều gió quái gở, làm cho ai nấy gặp thoảng qua cũng lấy làm lạ thường, là cái vấn-đề thiên-đô mà đề-khởi trong lúc này.

Trong tờ báo Dépêche Coloniale, ông HERBERT WILD có nói :

« Đức Vua trẻ tuổi đã quen theo lối Âu-tây; đã học thành-tại; đã lui tới với xã-hội Âu-tây; dường như đã hoàn-toàn thích-hợp với cái lối sinh-hoạt của người Âu-tây. Thế mà hốt-nhiên phải bỏ lối sinh-hoạt ấy để về sống theo lối xưa, giữa Triều-đình Huế cổ kia, thì không phải là một điều khỗ-tâm cho đức Vua trẻ tuổi sao ? »

(Le jeune Empereur a vécu la vie d'Occident. Il a fait ses études complètes. Il a fréquenté le monde occidental. Il s'est adapté entièrement, semble-t-il, à notre vie. Ne songe-t-on pas qu'il est peut-être cruel pour ce jeune homme, d'abandonner soudain cette existence et d'aller vivre à la manière antique dans la vieille Cour de Hué ?)

Vì lời đề khởi trên, rồi có người bàn nên dời đô ra Hà-nội, lấy lẽ rằng Hà-

nội là một thành-phố tây, cách sinh-hoạt hoa-mỹ khác với Triều Huế. Lại có kẻ nói nên dời đô ra Thanh-hóa, vì Thanh-hóa là trung-tâm-điểm nước Nam (?) đẹp-đẽ rộng-rãi nhất, lại là cái ấp thang-mộc; còn kinh-thành Huế như một cạnh rừng ở giữa bãi sa mạc (une oasis dans un désert) nên giữ làm một nơi về việc tế-lễ mà thôi...

Ôi! Cái vấn-đề lạ lùng thay! Muốn bàn giải vấn-đề dời đô này, trước xin đặt 3 câu hỏi :

1) Đức Vua đi du-học hấp-thụ văn-minh Âu-hóa, mục-đích vì tiền-đồ quốc-gia xã-hội hay là vì cá-nhân?

2) Dời đô là một việc quan-hệ đến vận-mạng nước nhà và thần-dân, nên theo công-ý đa-số công-chúng hay là theo ý riêng một số ít?

3) Đương khoảng quốc-thị phân-ván, nhân-lâm hoàng-hoặc và kinh-tế khủng-hoảng này, có nên đề-khởi vấn-đề phi-thường như chuyện thiên-đô kia, có thể khiến cho lòng người sinh chiều linh-hải và lay-động không?

Về điều thứ 1, như vì cá-nhân mà đi du-học, thì theo lối văn-minh của một người « thích lấy », dầu ở Hà-nội, Thanh-hóa, hoặc là Paris nữa, cốt thế nào cho hoàn-cảnh hợp với sở-thích của một người là đủ, cần gì phải dời cả đó? Còn nói vì quốc-gia và thần-dân thì kinh-đô Huế là một nơi căn-bản Triều đình đã mấy đời nay, như có què mùa hủ bại thì vua đem cái học văn-minh mà sửa-sang sắp đặt cho thành ra một cái thành Paris con, trước là chấn-khởi oai-tin mấy triều, sau để cho thần dân thỏa lòng ước-vọng. Hương-cảng là một bãi rừng hoang mà người Anh làm thành một thị-trường lớn; Sài-gòn ngày xưa cũng sơ-sài nhân-khoảng mà người Pháp làm nên một nơi đô-hội to; có chí kinh-doanh, có tài kiến-thiết thì đô-thành Huế ở vào cái đời bốn mặt giao-thông này há không làm được nơi thủ-phủ rực-rỡ văn-minh hay sao? Việc gì mà phải dời?

Về điều thứ 2, bất-kỳ nước nào, đô-thành là nơi căn-bản làm nguồn-gốc cho toàn cả cơ-quan chánh-trị. Một lần đời đô tất phải xem xét ý-hướng của thần-dân; hướng Trung-kỳ là vùng đất chân chính theo điều-ước bảo-hộ, trung-tâm-diêm tức là đô-thành Huế (Hà-nội là đô-thành, nhưng cũng như nhượng-địa, còn Thanh-hóa thiên về phía Bắc, chứ không phải trung-tâm-diêm), dầu có muốn đời, mà nếu như đại-đa-số thần-dân không ai tán-thành, thì vấn-đề to-tát ấy có thực-hiện được không?

Hai điều kể trên còn cho là chưa quan-hệ lắm, đến như điều thứ 3 này thì không sao không đề ý được. Trên 3, 4 chục năm nay, ngoại-giới nội-tinh trong xứ, thường hay xảy ra những điều rắc-rối không ngờ, mà nhất là khi có cái dịp gì kích-thích tại chỗ: mỗi người một cách mới lạ. Vẫn biết nước mình ở dưới quyền Bảo-hộ nước Pháp, công-cuộc phòng-vệ trị-an, cái lưng đã vững chắc nhiều, song một lần có sự biến gì thì chánh-phủ đã nhọc công tổn của, nhân-dân cũng bị ngăn-trở về đường sinh-nhai, thiệt-hại không phải là nhỏ. Nay đương giữa khoảng cuộc biến vừa yên, giấc-mộng kinh-hoàng của nhân-dân còn đương mơ-vẩn, con đường kinh-tế gặp chiều quân-bức phi-thường, mà bỗng nghe cái tin đời đô, trong vòng không khi yên lặng kia không khỏi có chút xao-xuyến.

Trên 3 điều đó là tựu chỗ hoàn-cảnh hiện-thời mà nói, bằng nói đến lịch-sử thiên-đô, về các triều-đại bên Á-đông ta, lại nhiều cái gương không tốt kia. Riêng về triều Nguyễn, từ nước ta định đô ở đất Phú-xuân này, núi Ngự sông Hương đã có cái lịch-sử lâu dài, không phải là một mai một chiều. Ông Trình Bình-Khiêm, đã có câu: « Hoành-sơn nhất đại, vạn đại dung thân ». Nay một mai mà thay thành đổi quách, chưa nói đến xã-hội nhân-quần, chỉ nói riêng

về một bộ lịch-sử Hoàng-thất, tưởng cũng là một điều quan-hệ không nhỏ.

Kỳ-giả nói thế, không phải theo lối mê-tin, hoặc theo thuyết lớn-quân thủ-cự mà phản-đối cái vấn-đề đời đô kia, cho là toàn không có cái giá-trị đáng bàn đến đâu. Duy đương lúc này, thì vấn-đề ấy xuất-hiện không thích-hợp đấy thôi. Vậy sau đức Bảo-đại về.... làm cho nền chánh-trị mới cơ-quan sắp đặt được hẳn-hoi, nhân-tâm đã có chiều tin-phục, trăm việc được mở-mang thịnh-vượng; khi ấy để-khởi vấn-đề đời đô đưa ra giữa quốc-hội bàn-bạc, được đại-đa-số tán-thành, thì có đời đô cũng chưa muộn, mà có chiều thích-hợp hơn. Bằng hiện ngày nay thì vấn-đề ấy không dẫn nhập vào đâu cả.

THỮ-LY

Một người dân Trung-kỳ
Báo Tiếng-Dân

Nam-Phong tùng-thư

(Bản ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲN soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.